

NHỮNG
NHÀ THƠ
CÔNG GIÁO
VIỆT NAM
HIỆN NAY

KHAI TRIỆU

NHỮNG NHÀ THƠ CÔNG GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY

- XUÂN LY BĂNG • BÙI ĐỨC DUNG
- DZUY SƠN TUYỀN • HÀN LỆ THU • HUAN DUNG
- HƯƠNG QUÊ • MẠC TƯỜNG • NGỌC TỰ
- NGUYỄN QUỐC THÁI • NGUYỄN TÂM THƯỜNG
- NGUYỄN THANH SANG • NGUYỄN VĂN THÀNH
- NGUYỄN VĂN THỨC • PETRUS DƯƠNG KIM QUỚI
- PHẠM THỊ THÁI QUÝ • THANH CHƯỜNG
- THIÊN DUY • TRĂNG THẬP TỰ • TRẦN MỘNG TÚ
- TRẦN VẠN GIÃ • VĨNH AN
- VŨ THẠCH NHIÊN • VŨ THỦY

LỜI MỞ

Viết quyển sách này, tôi lại nhớ đến hai lần trong đời cầm bút của tôi, năm 1974 và năm 2000, tôi đã tham dự vào những buổi họp để thành lập một hội nhà văn Công giáo Việt Nam. Nhưng lần đầu, 1974, người khởi xướng việc này là Linh mục Nicolas Huỳnh Văn Nghi, Chính xứ Tân Định, Q.I Sài-Gòn, sau là Giám mục Giáo phận Phan Thiết. Chúng tôi đã tổ chức được một buổi họp, trong buổi họp này bầu ra một Ban vận động tiến tới bầu Ban Chấp hành để hoạt động. Song, vì thời cuộc nên việc phải dừng lại. Còn lần sau, hưởng ứng lời kêu gọi của Đức TGM Francesco Marchisano, Chủ tịch Ủy ban Nghệ thuật của Tòa thánh, từ tháng 10 năm 1999, đã gửi thư ngỏ, mời tất cả các văn nghệ sĩ Công giáo trên toàn thế giới cùng đến Roma trong ngày 18-2-2000, là ngày kính nhớ Chân phúc Họa sĩ Fra Angelico (1400-1455), Giáo hội chọn làm ngày dành cho giới văn nghệ sĩ, thì chính TGM Phạm Minh Mẫn, TGP Sài-Gòn, tổ chức một cuộc họp tại hội trường Nhà thờ Chính tòa Sài-Gòn, ngày 19-2-

2000, có mặt một số văn nghệ sĩ Công giáo sống tại Sài-Gòn. Nhưng ít lâu sau, một linh mục cũng có mặt buổi đầu ấy nói rằng “sẽ không có một cuộc họp thứ hai nữa”, vì có phức tạp về nhiều mặt, từ vị chủ chăn, một vài linh mục và giáo dân ngày ấy, cho đến xã hội và bản thân những người cầm bút Công giáo đã trải qua một thời kỳ đầy những xáo trộn và khó khăn của miền Nam. Họ có quá nhiều trăn trở và mâu thuẫn nhau. Cho nên đã không có thêm một cuộc họp mặt nào khác. Và như thế là không có một “nhóm” hay một Câu Lạc Bộ Các Văn nghệ sĩ Công giáo Sài Gòn nào được thành lập. Những người cầm bút, cầm cây cọ hay cầm chiếc máy ảnh nghệ thuật có mặt trong buổi họp tại hội trường nhà thờ Chính tòa Sài Gòn ngày đó, đều là những người đã trưởng thành trước năm 1975. Hiện nay, Sài Gòn, Qui Nhơn, Xuân Lộc và một vài Giáo phận khác tại miền Bắc, đã hình thành Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ, bao gồm những thành phần sinh vào khoảng năm 1970 trở lại. Chỉ có vài người lớn tuổi hơn, ở vị trí sáng lập các Câu Lạc Bộ này, họ tiếp tục ở lại để xây dựng và hoàn chỉnh, bên cạnh một linh mục ở vai trò linh hướng.

Nhắc lại hai việc này, tôi chỉ muốn nói đến sự quan tâm của các vị chủ chăn trong Giáo hội về sứ mạng loan báo Lời Chúa của những người cầm bút hay cây cọ trong Giáo hội Công giáo Việt Nam hôm nay. Tiếng nói của các ngài là khẩn thiết. Bởi vì, đạo đức đã mất ngôi trong xã hội, khởi đi từ trong chính con người. Còn tôn giáo thì chính người có đạo cũng sống với trạng thái hời hợt, chuộng hình thức. Kinh tế lên thì đạo đức

xuống, phải chăng là một quy luật!

Từ cung điện của giáo triều, Đức thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đã viết một thư gửi các nghệ sĩ vào ngày Chúa Nhật Phục Sinh, 4 tháng 4 năm 1999. Ngài nhận định:

“Phải nhìn nhận rằng trong kỷ nguyên hiện đại này, bên cạnh chủ nghĩa nhân bản của Kitô giáo đã không ngừng sản sinh ra những tác phẩm văn hóa và nghệ thuật quan trọng, còn có một thứ chủ nghĩa nhân bản khác đang dần dần khẳng định được vị trí của mình; chủ nghĩa này có đặc điểm là không đề cập đến Thiên Chúa hay nhiều khi chống đối lại Thiên Chúa. Tình hình này đôi khi đưa tới hiện tượng : chia rẽ thế giới văn hóa với thế giới đức tin, ít là ở chỗ nhiều nhà nghệ sĩ hiện nay đã bớt quan tâm tới các đề tài tôn giáo”. (Đoạn 10)

(Lm Phêrô Đ.X.T chuyển dịch)

Ở một đoạn khác trong thư gửi các nghệ sĩ, Đức thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II viết:

“Với lá thư này, tôi xin hứa với các anh chị em nghệ sĩ trên toàn thế giới là mình vẫn luôn luôn quý trọng và sẵn sàng giúp đỡ, củng cố sự cộng tác tích cực hơn giữa nghệ thuật và Giáo Hội. Tôi mời gọi anh chị em hãy khám phá lại chiều sâu tâm linh và tôn giáo, vốn là nét điển hình của nghệ thuật từ xưa tới nay dưới những hình thức

cao quý nhất. Nghĩ như thế, nên tôi kêu gọi anh chị em nghệ sĩ: nghệ sĩ của chữ viết và lời nói, của sân khấu và âm nhạc của tạo hình và thông tin theo các kỹ thuật tiên tiến nhất. Còn các nghệ sĩ Kitô giáo, tôi cũng xin có lời hiệu triệu đặc biệt đối với các bạn: tôi muốn nhắc anh chị em nhớ rằng, ngoài những suy nghĩ nặng tính chức năng trên đây, ta còn thấy có một sự liên minh chặt chẽ và luôn luôn giữa Tin Mừng và nghệ thuật, nghĩa là các bạn được mời sử dụng trực giác sáng tạo của mình để đi sâu vào mầu nhiệm Thiên Chúa Nhập Thể và đồng thời, đi sâu vào mầu nhiệm con người (Đoạn 14)

(Nguồn: Nhà thờ Chính tòa GP. TPHCM)

Đến lượt ĐTC Phanxico, Ngài mời gọi các nghệ sĩ dùng nghệ thuật khơi dậy lòng khao khát Thiên Chúa.

Sáng thứ Năm 17/2/2022, Đức Thánh Cha đã tiếp các nghệ sĩ thành viên của Hiệp hội Phục vụ Vẻ đẹp nhân kỷ niệm 10 năm thành lập của tổ chức. Đức Thánh Cha đã khuyến khích các nghệ sĩ dùng nghệ thuật diễn đạt vẻ đẹp của Thiên Chúa để khơi dậy trong người khác lòng khao khát Thiên Chúa.

Được thành lập vào năm 2012 để thúc đẩy sự trao đổi giữa các nghệ sĩ và Giáo hội, Hiệp hội Phục vụ Vẻ đẹp cung cấp giáo dục, cầu nguyện,

hỗ trợ tinh thần và kinh tế cho các thành viên, là các nhạc sĩ, thi sĩ, ca sĩ, họa sĩ, kiến trúc sư, nhà điêu khắc, diễn viên và vũ công.

Đức Thánh Cha nhắc lại rằng Kinh Thánh nói nhiều về vẻ đẹp của vũ trụ, điều phản ánh vẻ đẹp của Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa. Ngài nói: “Theo một nghĩa nào đó, việc sáng tạo nghệ thuật hoàn thiện vẻ đẹp của Công trình sáng tạo, và khi được truyền cảm hứng bởi đức tin, nó sẽ cho con người thấy rõ ràng hơn về tình yêu của Thiên Chúa, nguồn gốc của nó”.

Đức Thánh Cha ca ngợi 10 năm hoạt động của Hiệp hội và “tình yêu và niềm đam mê” của các thành viên khi chia sẻ tài năng Chúa ban cho những người khác để truyền bá thông điệp đức tin và truyền giáo. Ngài nói thêm rằng nghệ thuật đích thực có thể nói một cách hùng hồn về vẻ đẹp và sự tốt lành của Thiên Chúa.

Đức Thánh Cha tiếp tục thúc giục các nghệ sĩ tiếp cận với những người nam nữ trong thời đại chúng ta theo cách mà người khác hiểu được các nghệ sĩ, thay vì tạo ra một phong cách nghệ thuật “không thể hiểu được và bị niêm phong”. “Hôm nay, Giáo hội dựa vào các bạn để giúp các anh chị em chúng ta có một trái tim nhạy cảm và từ bi, một cái nhìn yêu thương đổi mới đối với thế giới và tha nhân”.

Theo Đức Thánh Cha, nỗi buồn và sự xa cách dường như đang chiếm ưu thế trong xã hội hiện nay. Do đó, nhiệm vụ của các nghệ sĩ là giúp thế

giới khám phá lại vẻ đẹp mà Thiên Chúa chia sẻ với nhân loại. (*Theo Hồng Thủy - Vatican News/ CSR-582-2022*).

Còn những nhà phê bình hay người giới thiệu những nhà thơ này, như chúng tôi đang làm, cũng không thể nói hết được những tinh túy của những nhà thơ mà chúng tôi giới thiệu họ với độc giả. Chúng tôi xin quý vị bỏ qua những thiếu sót, những bất cập như những hạt sạn trong một bình chứa đầy những trân châu và ngọc quý. Chúng tôi viết quyển sách này chỉ với một lòng quý mến các nhà thơ có tên trong sách. Họ là một số nhà thơ rất khiêm nhường, viết được một số bài rồi tự in ra vài chục cuốn tặng bạn bè, thân hữu, họ ý thức vai trò truyền giáo của mình trong một thế giới ngày càng tục hóa, vô thần và đạo đức sa sút nghiêm trọng. Điều thứ hai là một ước nguyện: giới thiệu những nhà thơ này với độc giả. Chúng tôi chỉ là người giới thiệu, không làm công việc bình hay nhận định. Nếu điều này có ở một vài nhà thơ hay ở một số bài, thì đó là cảm xúc, là một bất ngờ nơi chúng tôi trong một phút giây ngẫu hứng. Thật tình, chúng tôi muốn giới thiệu nhiều hơn hiện có, chỉ tiếc thiếu tác phẩm, nên đành dừng lại ở con số 23 tác giả.

Sài Gòn 30.9.2022

KHAI TRIỀU

XUÂN LY BĂNG

Tập thơ:
Xuân và Thời Gian

Nhà thơ Xuân Ly Băng, tên thật là Lê Xuân Hoa, sinh ngày 23.04.1926, tại giáo họ Hiệu Lân, giáo xứ Xuân Phong, giáo phận Vinh (Phù Trung, Cao Xá, Diên Châu (nay là xã Diên Thành) Nghệ An.

Năm 1943: học tại Chung viện Xã Đoài huyện Nghi Lộc, Nghệ An.

Năm 1953: học tại Đại Chung viện Xuân Bích, Hà Nội

1954: học tại Đại Chung viện Xuân Bích, Vĩnh Long

1955: học tại Đại Chung viện Vinh, Sài Gòn

1956: học tại Học Viện Lê Bảo Tịnh, Gia Định

19.7.1959: thụ phong Linh mục tại Gia Định

1964-1965: giáo sư Tiểu Chung viện Sao Biển, Nha Trang

25.01.1998: được Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II phong tặng Giám chức Danh dự (Đức Ông)

1986-2011: Tổng Đại diện Giáo phận Phan Thiết

Từ 2011 đến 2017: Đức Ông nghỉ hưu tại Nhà Hưu dưỡng giáo phận Phan Thiết

19.7.2017: Đức Ông qua đời sau 91 năm trên đường dương thế, trong đó 58 năm Linh mục.

(theo web Tin Mừng cho người nghèo, ngày 19.7.2017 - NV rút ngắn).

Trong số hơn 20 tập thơ của Xuân Ly Băng, có lẽ tập *Xuân và Thời gian* là tập phổ biến sau cùng, năm 2004, Nhà xuất bản Tôn giáo. Bởi vì, tập *Xuân và Thời gian* có 86 bài thì có 65 bài, tác giả ghi ở dưới mỗi đề tài là trích ở các tập thơ, như: *Thơ Kinh, Hương Kinh, Trầm Tư, Nỗi Niềm, Kinh Sầu, Tình cõi mưa trắng, Từ Chuối Ngọc, Hoa vùng sa mạc, Xin những mảng chiều, Một vùng châu lệ, Kinh trong thời gian, Khúc hát ân tình*. Có tập, tác giả trích 4, 5 bài. Vì vậy, chúng tôi dùng tập *Xuân và Thời gian* để giới thiệu với độc giả, dấu biết như thế là thiếu sót, xin tạ lỗi cùng Đức Ông và Quý vị.

Mùa xuân là mùa tươi thắm, tượng trưng cho người đàn bà, con gái đang độ “xuân thì” và cho người thanh niên trai tráng “đương độ”, như Quang Trung Nguyễn Huệ cưỡi voi, áo bào nhuộm khói súng, cát bụi sa trường dẫn đoàn quân áo vải uy dũng vào Thăng Long, tướng Tàu phải vội vã trốn chạy. Thiên hạ nói thế. Lịch sử nói thế. Cũng đúng. Khi trời đất chuyển sang mùa xuân, thì cây cối đổi thay. Lá trên cành trở sinh màu xanh tươi dịu dàng, mơn mớn. Rồi hoa nở. Có những bông hoa đẹp rực rỡ khiến khách ngỡ ngàng, mà cũng có những hoa đẹp dịu dàng, e ấp như cô thôn nữ. Mùa xuân là mùa của hy vọng, mùa của tình yêu trong trắng, mùa của những ý tưởng cao cả, nhân ái, nhân bản. Đối với người Việt

Nam, mùa xuân bắt đầu cũng là dịp đón một cái tết mới, một tuổi mới; nó còn là mùa của gặp gỡ giữa người sống và người đã khuất. Ngày “Ông Táo”, 23 tháng Chạp, là ngày bắt đầu cho những ngày sau đó, người ta đi viếng các phần mộ người thân, làm cỏ và làm sạch sẽ chung quanh mộ, thắp nhang, cúng vái, tùy theo tín ngưỡng của người ta. Ngày Đầu Mùa Xuân cũng là dịp đoàn tụ, sum họp giữa ông bà, cha mẹ và con cháu, đặc biệt giữa những người “ở nhà” với người đi xa học tập hay làm ăn trở về. Còn một điểm nữa là, ngày xuân còn là dịp của thăm viếng giữa những người trong cùng một dòng họ hay giữa bằng hữu với nhau. Đây cũng là dịp người ta chào hỏi, chúc tuổi, chúc năm mới cho nhau; làm ăn phát đạt, thăng quan tiến chức; con gái chưa chồng thì kiếm được chồng sang, giàu có; con trai chưa vợ thì kiếm được vợ hiền, con nhà gia giáo, ngoan hiền. Mấy ngày đầu năm, người ta rất hiếm nhìn thấy một khuôn mặt nào nhăn nhó, khó chịu. Nếu muốn nói một vài lời khó nghe đối với ai trong nhà, thì cũng cố mà chịu đựng. Vì, như vậy là “xui lắm”! Những ngày đầu xuân “đẹp” như thế, nên trong nhà vợ chồng, anh em không hề xảy ra chuyện cãi vã nhau; hàng xóm hay ngoài ngõ cũng không xảy ra đánh lộn chửi thề, văng tục.

Còn thời gian! Có khởi đầu thì cũng có chung cuộc, Alpha và Omêga, ngoài ra còn có Vĩnh Cửu! Tôi chọn thời gian nào để sống? Sáng, chiều, đêm tối cũng là thời gian. Nhà thơ Xuân Ly Băng chọn Xuân và thời gian để đặt tên cho một thi phẩm của mình, hẳn là ông có chủ ý. Cái chủ ý này vượt ra ngoài những ý niệm về Xuân và Thời gian thường tình. Ông đã suy niệm rất

triệt để ý niệm thời gian, ông đi từ một ngày bắt đầu mặt trời mọc cho đến chiều với những hình ảnh của một buổi chiều, như gió, mây, lá rụng, hoàng hôn; như tiếng chuông chiều và sự truyền tải của tiếng chuông nơi thánh đường; rồi đêm tối và những hình ảnh ma quái. Cho nên, tác giả cầu nguyện. Thơ của Xuân Ly Băng là cầu nguyện với mọi sự kiện, mọi biến cố, mọi lời giáo huấn trong Kinh thánh. Trong tất cả, tôi nhìn thấy hình ảnh một linh mục suy tưởng, quằn quại vì nỗi đau nhân thế, tôi cũng thấy hình ảnh con người, nếu không biết tìm về chân lý vĩnh cửu thì thật khốn cùng. Cho nên, tôi gặp được ở nhà thơ Xuân Ly Băng một hình ảnh thi nhân lý tưởng của các nhà thơ Công giáo hôm nay và tương lai, cho dẫu thời thế biến đổi, lịch sử nhân loại biến đổi, thì chân lý vĩnh cửu cũng không thay đổi, họ phải gánh lấy vai trò, sứ mệnh của một thi nhân mang hình hài Giê-su Kitô, đó là một vinh dự nhưng cũng không thiếu ray rứt, trăn trở, đau thương đến phải rỉ máu và nước mắt để hoàn thành sứ mệnh. Đây là Ông Gọi. Đức thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II và Đức Phanxicô đương triều đã kêu gọi giới văn nghệ sĩ Công giáo hoàn vũ hãy dẫn bước trên con đường truyền giáo theo gương Chúa Giê-su, kín múc ơn gọi tại nguồn suối Tình yêu vô biên là Giê-su cũng như nguồn lịch sử Kitô giáo là các ngôn sứ, các thánh Tông đồ, các Giáo phụ, các văn kiện của Công đồng chung Vatican II...

Trong thi phẩm *Xuân và Thời gian*, tác giả đã rất rạch ròi đề cập đến những phạm trù của thời gian, như thể ông phân chia theo chu kỳ đã được Thiên Chúa ấn định

từ khả nguyên.

Trước hết, nhà thơ nói đến thời gian bắt đầu, với muôn loài muôn vẻ, con người cũng xuất hiện từ đây:

CHÀO MẶT TRỜI

*Con cúi chào Mặt Trời Công Chính
Đã bừng lên trong ánh bình minh
Quét màn u ám tội tình
Ban nguồn ánh sáng quang vinh cứu đời.*

*Quyền năng Chúa tuyệt vời cao cả
Thần trí Ngài vượt quá không trung
Và lòng thương Chúa vô cùng
Muôn loài khâm phục nói không hết lời*

*Chúa tạo thành đất trời hùng vĩ
Điểm xuyên bằng nghìn vẻ tốt xinh:
Trăng sao lấp lánh hữu tình,
Sông dài biển rộng bao quanh núi đồi.*

*Chúa phân chia tứ thời bát tiết:
Xuân Hạ rồi Thu hết Đông sang
Nắng mưa tươi tốt mùa màng
Xanh tươi nội cỏ đẹp ngàn đôi cây*

*Chúa nuôi sống chim bầy cá lũ
Bao gia súc và thú rừng hoang
Mỗi loài mỗi vẻ đẹp sang
Sắc hình kỳ diệu huy hoàng mê ly*

*Còn loài người ai suy cho biết?
Lòng Chúa thương thấm thiết dường bao!
Ban ơn cứu độ dồi dào:
Được làm con Chúa, được vào Thiên cung.*

*Lạy Ba Ngôi, ngàn trùng thánh thiện!
Đoái nhận niềm cảm mến đoàn con
Phụng thờ tín thác sắt son,
Tung hô cảm tạ tâm hồn lâng lâng.*

Đây là thời gian của tạo thành, theo dòng Kinh thánh.
Còn thời gian nào của thi sĩ?

THỜI GIAN

*Thời gian vĩnh cửu gặp nhau
Hết còn nghe điệu kinh sầu em ơi!
Hết còn ngả bóng mặt trời
Hết trắng dịu ngọt như lời mẹ ru
Hết còn đêm tối âm u
Hết còn lá rụng mùa thu cuối vườn
Hết còn buồn cảnh hoàng hôn
Hết còn giông bão kinh hồn đêm đêm
Vỗ tay mà hát đi em!*

Vĩnh cửu, là khao khát của những tay độc tài nắm trong tay sinh mệnh của đồng bào họ đang thống trị. Họ đi tìm thầy cung ứng cho họ thứ thuốc gì làm cho họ trẻ mãi, sống mãi trong quyền uy bất tử. Nhưng thế giới này chưa thấy có ai qua khỏi cửa sinh tử. Néron, Hêrôđê,

Tần Thủy Hoàng... Ngày nay, cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, tức thiên niên kỷ thứ 3, có lẽ vẫn còn những tay “anh hùng” vẫn ôm mộng “bất tử”! Đây là những hoang tưởng của những kẻ đi bên ngoài thời gian lịch sử.

Còn nhà thơ Xuân Ly Băng? Thi sĩ của chúng ta nghĩ gì về thời gian hữu hạn, thời gian của kiếp người trong cõi nhân sinh? Tác giả cũng nuối tiếc những hình ảnh, đã từng gợi cảm hứng cho ông khi ông còn trong thời gian, khi ông là một mục tử, một thi sĩ! Nhưng khi suy nghĩ về thời gian vĩnh cửu thì những hình ảnh rất trù mển ấy, sẽ không còn. Tác giả không nói về thời gian vĩnh cửu sẽ như thế nào, bởi vì con người chưa được mặc khải về điều này. Tuy nhiên, việc Chúa Giêsu chịu khổ nạn rồi Phục sinh, việc Đức Maria được đưa về trời cả Hồn-Xác, là dấu chỉ về thời gian vĩnh cửu ấy như thế nào, chắc chắn sẽ được mọi kẻ tin khao khát, chờ mong mình cũng sẽ được sống trong Vĩnh cửu ấy, thế thì còn tiếc chi hoàng hôn, mưa bay và lá rụng trên đường. Nhưng con người phải trải qua dòng thời gian hữu hạn là cõi nhân sinh và phải nhận ra đây là ân sủng. Vậy hãy nhận lấy và cảm tạ bao lâu còn ở trong thời gian này.

Nhưng thời gian hữu hạn đâu chỉ có những hình ảnh làm mê mẩn tâm hồn thi nhân. Thời gian ấy còn ghi dấu những biến cố, những sự kiện như chiến tranh và hòa bình, và còn biết bao nhiêu những hình ảnh, nào hoa nở, mây bay, gặp gỡ, chia tay; nào gom góp rồi nát tan. Nhà thơ nhập vào lịch sử, nhìn thấu những biến dịch của thời gian. Nhưng, từ nguồn suối Kinh thánh, nhà thơ Xuân Ly Băng còn nói với chúng ta thời gian của Chúa:

THỜI GIAN TRONG THƠ XUÂN LY BĂNG

THỜI GIAN VÀ MÙA XUÂN

*Thời gian làm lịch sử
Chiến tranh và hòa bình
Thời gian sẽ xét xử
Tập thể và cá nhân.*

*Thời gian đưa vĩnh cửu
Vĩnh cửu đang tiến về
Đố ai người níu kéo
Bước của thời gian đi.*

*Cúi lạy Chúa thời gian
Chủ nhân ông vũ trụ
Cho muôn nước muôn dân
Đi về nguồn bất tử.*

*Lại sắp hết một năm
Bốc đi tờ lịch cuối
Thốn thụt ruột con tằm
Thời gian, thời gian hồi.*

*Thời gian làm hoa nở
Thời gian cho mây bay
Thời gian dành gập gờ
Thời gian bắt chia tay*

*Thời gian để gom góp
Công đức của tháng ngày
Thời gian nhìn xa xót
Phá tan bao bàn tay.*

Và, nhà thơ mô tả thời gian của một ngày mới “rợp bóng ân tình Gia-vê”:

NGÀY VỀ

*Nàng ngồi thơm phức kiêu hoa
Núi đồi bạt xuống lũng đầ nâng lên
Nàng đi giữa cảnh thần tiên
Vinh quang Thiên Chúa phủ liền mây xanh
Rừng trâm núi quế rữ cành
Không gian rợp bóng ân tình Gia-vê
Đẹp thay quang cảnh ngày về.*

Với Xuân và thời gian, ta thấy nhà thơ có những biểu hiện bi quan, bóng tối và ma quái bao phủ đó đây, cuộc đời ở “ngoài kia” hãi hùng. Đời người thì vắn vỏi, nhưng đó là thực tế, bi quan hay lạc quan thì vẫn “có Chúa đời đời vĩnh cửu” và “tình thương Chúa trung kiên thánh ngày”. Tác giả cầu nguyện nhiều, phó thác vào tình yêu của Chúa nhiều và cũng vì thế, ông viết thơ để giáo huấn, thể hiện vai trò mục tử. Điều này có lẽ nào không thuộc vai trò của thi sĩ, vì giáo huấn ít nhiều cũng giảm trừ tính chất ngôn ngữ thi ca.

LẠI NỮA MỘT NGÀY

*Ngày vừa sáng, trời mưa tầm tã
Không gian buồn, hoa lá buồn lây
Chúa ơi, lại nữa một ngày
Dù mưa gió, cũng ơn dày Chúa ban.*

Đời người ví hoa tàn cỏ úa,
Cuộc trăm năm mưa gió phũ phàng
Lạnh như chớp, vắng tựa gang
Công danh phú quý như vàng lá rơi...

Chỉ có Chúa đời đời vĩnh cửu,
Thần trí Ngài hằng hữu vô biên
Thánh ngôn Chúa mãi vững bền
Và tình thương Chúa trung kiên thánh ngày.

Dù Chúa biết thân này cát bụi
Chúa đoái thương đã thổi hơi vào
Cho con được sống dồi dào
Giống hình ảnh Chúa xiết bao lạ lùng.

Chúa cứu con khỏi vùng hắc ám
Đem con vào ánh sáng huyền linh
Nhờ Người con được phục sinh
Sống đời sống mới ân tình thỏa thuê.

Xin cho con tràn trề mến Chúa
Đáp tình thương Chúa đã yêu con
Dù cho mưa gió dập dồn
Dù cho sông cạn núi mòn, Chúa ơi!

Con dâng Chúa, muôn lời cảm tạ
Trong gió mưa tầm tã hôm nay
Chúa ơi, lại nữa một ngày,
Dù mưa gió, cũng ơn dày Chúa ban.

Chiều là một khoảng thời gian rất đáng nói đến và cũng rất đáng yêu và tha thiết của các nhà thơ. Vì chiều thường thường gợi nhớ đến những cơn gió nhẹ, gọi theo lá vàng rơi trên đường vắng. Những nhạc phẩm viết về chiều thường là rất buồn. Chiều, còn được hiểu là tuổi già của con người, như nói: tuổi về chiều, dòng đời trôi đã về chiều (lời trong nhạc phẩm *Gửi gió cho mây ngàn bay*, của Đoàn Chuẩn - Từ Linh). Nhà thơ Xuân Ly Băng viết nhiều bài thơ về chiều, đượm tính chất buồn... phẳng phất hình bóng ma quái, như: *Chiều về, Chuông chiều, Kinh chiều, Nghĩ chiều đời, Tiếng chuông chiều*. Tuy nhiên, ở khía cạnh nào thì tác giả vẫn đặt trọn niềm tin vào Chúa.

NGÀY TÀN

*Tiếng chuông báo hiệu ngày tàn
Âm thanh như tiếng thở than của ngày:
Không còn nữa, kể từ đây
Khi hành tinh đã lặn xoay nửa vòng.
Mặt trời già biệt bang khuâng
Gió hoàng hôn thổi nhạc dâng trầm buồn*

....

Và thường là sau khi đã phác họa hình bóng của thời gian, nhà thơ Xuân Ly Băng đã lại cầu nguyện, có lúc ông cho chen vào đó lời giáo huấn.

*Chúa ơi, lạy Chúa trăm muôn!
Dâng Ngài trọn vẹn xác hồn tâm tư*

*Đời con như áo mòn hư
Thân con hoa cỏ mỗi giờ biến thiên
Nhưng Ngài tiền hậu y nguyên
Chỉ Ngài bất biến trung kiên vĩnh tồn
Trong Ngài nhật nguyệt, tinh thần
Bao la vũ trụ dự phần quang vinh
Thân con dù kiếp phù sinh
Nhờ Ngài sự sống Thiên Đình mạnh nha...
Chuông nào vắng tiếng xa xa...*

TIẾNG CHUÔNG CHIỀU

*“Con người chưa được Vô biên,
Là còn thốn thức ưu phiền tháng năm”
(St. Augustin, Confessions)*

*Chiều lẳng phủ không gian buồn ý chết
Mây thê lương chở lệ về phương mô?
Gió lạnh lòng run rẩy lá cành khô
Chìm từng chiếc qua sương chiều lặng lẽ...
Chảy trong lòng người viễn khách cô đơn
Nhớ nhung chi khi trời xuống hoàng hôn
Để buồn ngấm ướt hồn, ai nút nở...*

*Người bâng khuâng khi trời chiều tắt thờ
Bỗng chuông vàng trong xóm giáo ngân nga
Tiếng êm êm dịu dịu nhẹ lan ra
Qua gió chiều lên hương buồn ly biệt!
Tiếng tôn giáo cùng người, ôi tha thiết!*

*Viễn khách ơi!
Viễn khách ơi!
Chiều nay cảm thấy lạnh rồi phải không?
Ý đời rét buốt mênh mông
Đường đời cô quạnh trong không gian buồn!
Tình đời đen bạc mười phương
Men đời không dậy trong sương gió đời!*

*Viễn khách ơi!
Viễn khách ơi!
Giờ đây cảm thấy lạnh rồi phải không?
Này nghe tiếng nhạc chuông trong
Lời ai vĩnh viễn nói cùng thời gian:
Tìm chi hoa nội trắng ngàn
Tìm chi hạnh phúc dương gian mà tìm?
Con người chưa được Vô biên
Là còn thối thức ưu phiền tháng năm!
Này người viễn khách băng khuâng
Đường lên Ánh sáng đã gần không xa!*

Bài thơ *Tiếng chuông chiều* cũng không nằm ngoài ý thơ của tác giả, nghĩa là sau khi phác họa thời gian về chiều rất buồn, lặng lẽ bóng hình viễn khách, (tượng trưng cho con người đi tìm chân lý), được lặp lại hai lần, sau mỗi lần, tác giả tự vấn: “*Giờ đây cảm thấy lạnh rồi phải không?*”, tác giả chuyển ý thơ sang giáo huấn: “*tìm chi...*”.

Ngôn ngữ bài thơ nhẹ nhàng, giản dị, ý thơ buồn, cảm động. Cõi nhân gian là thế, một khi chưa tìm được ý nghĩa vĩnh cửu cho cuộc sống ngắn ngủi.

Đã có ngày, buổi chiều và đêm. Nhà thơ Xuân Ly Băng cảm hứng từ Kinh thánh, Cựu ước và Tân ước về những đêm huyền diệu: từ hỗn mang tới Phục sinh và niềm tin về ngày cánh chung cho toàn nhân loại:

ĐÊM

*Đêm nguyên sơ chẳng có gì
Ngoài Tình yêu sáng tạo
Đất trời xuất hiện đẹp lưỡng nghi
Có núi có rừng có đại dương hải đảo
Để một ngày kia Ngài đến, Chúa ôi!
Rồi một đêm trăng sao ứa lệ
Ôm hài nhi nhỏ bé
Đặt vào nôi lịch sử loài người:
Chúa-ở-cùng-chúng-tôi!
Rồi một đêm trăng luông vàng vọt
Thi thể ai lạnh cứng trên đồi?
Ôm vào lòng, nước mắt Mẹ tuôn rơi
Sự sống chết, là nguồn ban sinh lực...
Rồi đêm sau, Ngài rạng rỡ phục sinh
Thần thánh reo mừng, ma quỷ khiếp kinh
Mặt trời mọc lên từ lòng đất
Soi sáng bốn phương
Ôn cứu độ như mưa như sương...
Rồi từ đó đêm đêm
Hát từ mộ địa khắp thế giới
Khúc hát vang rền
Của đoàn người được cứu
Nhờ Máu Con Chiên...*

Kinh thánh là nguồn cảm hứng tuyệt vời cho những ai khao khát đi tìm chân lý cho cuộc đời, với mình và tha nhân. Nhà thơ Xuân Ly Băng tiếp tục đối diện với những đêm tuyệt diệu. Tác giả như say sưa, như chìm sâu vào huyền bí, mầu nhiệm.

Bài thơ “*Đêm nghe tiếng gió*”, tác giả sử dụng thể thơ 4 chữ, chuyển vần và chuyển ý cách nhẹ nhàng, thanh thoát, đôi câu khó hiểu. Nhưng tựu trung có nhiều ý về Kinh thánh.

ĐÊM NGHE TIẾNG GIÓ

*Gió hú trong đêm
Gió quật ngoài thêm
Gió xô cửa sổ
Gió tung chăn mền...*

*Đêm nghe tiếng gió
Nhớ Chúa ngày xưa
Lạnh lòng nước nở
Trong hang chiên lừa.*

*Nghe gió hú đêm
Thương ba lỗ khách
Đường xa lau lách
Quê người bơ vơ...*

*Nhớ gió vườn Dầu
Gió khóc gió sầu*

*Gió bao bọc Chúa
Con người ở đâu?*

*Gió đêm ướp lạnh
Thi thể đêm khuya
Gió hôn xác Thánh
Vết máu đầm đìa...*

*Nhớ gió Ngũ Tuần
Mang theo ánh lửa
Bốn phương xa gần
Vang reo lời Chúa.*

MÙA XUÂN TRONG THƠ XUÂN LY BĂNG

Mẹ Maria trong một số nhạc sĩ và nhà thơ Công giáo, đặc biệt với Hàn Mặc Tử, Mẹ được suy tôn như một biểu tượng của Mùa Xuân không úa, hay Mùa Xuân Như ý, Mẹ là Xuân lý tưởng ngàn thu! Trong thi phẩm *Xuân và thời gian*, nhà thơ Xuân Ly Băng cũng có những lời thơ rất yêu kiều về Mẹ, thế nhưng trong đó tác giả cũng biểu lộ một cảm thức về “lưu đày”, thân phận của kẻ ly hương. “Cái tôi” của một thi nhân linh mục trong bài cho biết thi nhân còn có một tâm sự biệt ly cố hương, thế sự chia cắt hai bờ đất nước cũng đưa tác giả đến những tâm trạng đau buồn, sự đau buồn của từng con người và nỗi khốn cùng của lịch sử trong thời cận đại. Tác giả rất tha thiết trong tâm sự này. Thi sĩ Xuân Ly Băng cũng rất lãng mạn. Ở điều trắc ẩn này, chắc hẳn có nhiều người chia sẻ và đồng cảm với tác giả.

*Thánh Maria! Một mùa Xuân Như Ý,
Con quỳ đây dâng Mẹ lệ kinh thơ
Nguồn thiên hương bao tỏa khắp bàn thờ
Xin ướp cánh hoa lòng còn phai lãng.*

...

*Thánh Maria, Mẹ đầy ơn phúc
Thơ mùa Xuân khóc mãi ý “lưu đày”
Kinh mùa Xuân như biển lệ sâu cay,
Nhạc mùa Xuân rên muôn cung sầu thảm!*

*Mẹ ơi, Mẹ! Tràn lòng con hứng cảm
Xuân tha hương biết vui về nỗi gì?
Nghe Xuân về ớn lạnh lệ tràn mi,
Xuân thổn thức trong lòng con thổn thức!*

*Có ai về, Mẹ ơi, ngoài tuyến Bắc,
Con nhắn lời đẫm lệ gửi qua sông
Rằng: bên này có một kẻ sầu thương
Buồn Xuân đến khóc hận lòng không nín!*

...

(Trích bài: Ngày Xuân cầu nguyện)

Bài thơ trên tác giả cầu nguyện với Mẹ Maria về cảnh ly hương của mình. Mùa xuân là biểu tượng của những gì là tươi sáng, xanh tươi, hy vọng. Nhưng nhà thơ Xuân Ly Băng qua bài: “Ngày xuân cầu nguyện”, những cảnh đẹp của mùa Xuân đã không còn, đến “Thơ mùa Xuân”, “Kinh mùa Xuân”, “Nhạc mùa Xuân” cũng vương vấn lệ lưu đày, và rên lên “cung nhạc sầu thảm”. Có lẽ nhà thơ đã để lại ở quê nhà những kỷ niệm, những lưu luyến

đẹp nhất của đời mình.

Quả thực, thi hào Nguyễn Du đã thấu cảm cảnh này cả trăm năm trước: *“Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”*.

Còn bài *“Tháng hoa cầu Mẹ”* dưới đây, tác giả cảm hứng từ bối cảnh rộng lớn hơn:

Từ *“giữa ngàn hoa tươi”*, *“muôn cây bạch lạp sáng ngời”* và từ *“muôn lời kính nguyện tử tế”*, *“trăm cung nhạc thánh đồn về môi xinh”* ..., đến *“Nhạc kinh lên giữa đau buồn”*, *“Ngày đêm, Mẹ ạ, sầu thương vô vàn!”*, tác giả lồng vào, thấu nhập vào, ẩn dấu và bộc lộ cõi lòng của con dân giữa muôn hoa, muôn lòng qua những *“môi xinh”* dịu dàng ngất ngây trong giờ kinh chiều dâng lên Mẹ. Có tác giả nào cảm nhận được điều mà thi sĩ Xuân Ly Băng đã cảm nghiệm:

*“Hai con mắt Mẹ dịu dàng
Mẹ ơi! mắt Mẹ, thiên đàng mắt con...
Chiều tà nhạt sắc hoàng hôn
Mẹ nhìn âu yếm giọt buồn phiêu pha!”*

Phải chăng, nhà thơ đã khóc lúc thấy *“mắt Mẹ, thiên đàng mắt con”*? Tuyệt vời và rất cảm động. Thi sĩ đã yêu, đã chìm sâu vào *“mắt Mẹ!”*.

Ngôn ngữ trong bài này bình dị, gần gũi, diễn tả những tình cảm của con người, những ẩn dấu của tâm linh và lòng tôn kính Mẹ Maria. Đây là lòng con thảo của con dân nước Việt, mến mộ và nguyện cầu với Mẹ trong suốt cả cuộc đời có hân hoan, có đắng cay. Đoạn cuối bài thơ, tác giả bày tỏ ước nguyện của người tín

hữu sùng kính Thiên Chúa và Thánh Mẫu, cách riêng của một mục tử chân chính, đã hiến thân cho Chúa và Giáo Hội của Người: “*Muôn lòng dân Việt thật tình yêu nhau*”. Hoặc:

*“Cho tàn những cảnh khổ đau
Máu thôi đừng chảy lệ sầu
Cho thuyền viễn xứ về hôm
Tháp chuông lại đổ giọng dòn như xưa” ...*

Dưới đây là toàn bài thơ Tháng hoa cầu nguyện:

*Chiều qua một buổi chiều vàng
Con quỳ bên Mẹ giữa ngàn hoa tươi
Muôn cây bạch lạp sáng ngời
Cháy vui mừng Mẹ tuyệt vời dung nhan!*

*Hai con mắt Mẹ dịu dàng
Mẹ ơi! mắt Mẹ, thiên đàng mắt con...
Chiều tà nhạt sắc hoàng hôn
Mẹ nhìn âu yếm giọt buồn phiêu pha!*

*Con quỳ thưa trước Mẫu tòa:
Mẹ ơi! Năm Mẹ Tháng Hoa đã về
Muôn lời kính nguyện tử tế
Trăm cung nhạc thánh đồn về môi xinh.*

*Dâng lên kính Mẹ thiên đình
Giữa hương mùa mới với tình dân con
Nhạc kinh lên giữa đau buồn,
Ngày đêm, Mẹ ạ, sầu thương vô vàn!*

*Kinh đi cầu khẩn bằng an
Nhạc lên thắm thiết kêu van thanh bình
Mùa hoa nở được gió lành
Muôn lòng dân Việt thật tình yêu nhau.*

*Cho tàn những cánh khổ đau
Máu thôi đừng chảy lệ sầu đừng tuôn
Cho thuyền viễn xứ về hôm
Tháp chuông lại đổ giọng dòn như xưa.*

*Thánh đường mỗi sáng mỗi trưa
Nhạc kinh sẽ lại ngân đưa dịu lòng
Đó là tất cả cầu mong
Của muôn con Mẹ, một lòng Mẹ ơi!*

Nữ nào Mẹ chẳng nhậm lời!?

Rồi tác giả ghi: “*Kỷ niệm Năm Thánh Đức Mẹ tại Hà Nội, 1954*”

Lẽ ra bài thơ này phải có một cung giọng khác, ngôn ngữ khác và tất nhiên một câu kết khác, phù hợp với Tháng Hoa, một tháng dành riêng kính Đức Mẹ như giáo dân Việt Nam vẫn dành để tôn kính Mẹ, vì Mẹ là “Mẹ của muôn hoa” như một số nhà thơ Công giáo đã làm, mà sách này đã ghi lại, chứ không nhuộm một màu ảm đạm, bi thương.

Tại sao?

Xin tìm hiểu lịch sử của năm 1954. Năm này kết thúc chiến tranh chống Pháp qua chiến thắng trận Điện Biên Phủ, ngày 7.05.1954, Hiệp định Genève chia hai đất

nước, tạo ra cuộc di cư lớn nhất lịch sử nước nhà. Lúc đó, tác giả đang học ở Đại Chung viện Xuân Bích Hà Nội, cho nên bối cảnh ngày đó là rất phức tạp, căng thẳng, nhức nhối. Người ta mang tủ, giường, chén, bát, đồ sành đồ sứ đất tiền, bày ra đường phố, tạo nên những “chợ trời”, bán đất bán rẻ chuẩn bị cho việc bỏ thành phố, nhà cửa để vào Sài Gòn. Đức Giám mục Hà Nội là Giuse-Maria Trịnh Như Khuê đang thực hiện cuộc Hành trình mục vụ thăm tất cả các giáo xứ trong toàn địa phận Hà Nội, vì nhiều xứ, đã không có linh mục, vì các ngài đã bỏ đi vào Nam, hoặc ngài nghĩ sau này sẽ không còn dịp nào để có hành trình mục vụ như vậy nữa. Ngay lúc đó, mà “cuộc hành trình bị gián đoạn, từ 26,27 tháng 4/1954 đến 23.10.1954”

(*Theo Nguyễn Khắc Xuyên, trong quyển “Địa phận Hà Nội 1626-1954” Paris 1994.*

Bài thơ “*Tháng hoa cầu Mẹ*” đã khai sinh từ bối cảnh lịch sử ấy, chứng tỏ nhà thơ Xuân Ly Băng không đứng bên lề lịch sử. Ông cảm nhận những đau thương, chia lìa, mất mát của người khác! Ông đối diện với Mẹ Maria, qua những lo âu, những đau thương người dân đất Bắc thời bấy giờ đang phải đối phó, để dâng lên Mẹ, cầu nguyện cho tổ quốc. Nói cách khác, tác giả đến với Mẹ Maria không bằng những lời kinh hay nguyện cầu suông, trái lại bằng chính tâm tư của mình, bằng những hình ảnh xót xa, chia lìa của chính mình và quê hương. Do đấy, tác giả buông câu kết như hờn dỗi: “*Nữ nào Mẹ chẳng nhậm lời!?*”. Cách thể hiện trong bài thơ là cách phù hợp với hoàn cảnh lúc ấy của Hà Nội và phù hợp với tâm trạng của tác giả lúc ấy.

“CÁI TÔI” TRONG THƠ XUÂN LY BĂNG

Trong thơ Xuân Ly Băng có ngôn ngữ của thi ca, lãng mạn, trầm buồn, băng khuâng, lắng đọng, mênh mang, sâu sắc v.v...; tác giả đề cập đến “tiếng chuông”, “tiếng chuông chiều” và “chiều” nhiều lần một cách trù mến, tha thiết, buồn phiền. Ở điểm này, có lẽ ông là một đại biểu của những nhà thơ Công giáo, gắn bó với tiếng chuông và chiều tại quê nhà êm ả một thời. Nay không còn! Tác giả còn bày tỏ “cái tôi” cô đơn, đốn đau, lưu đày, hoài niệm cố quận... rất dễ cảm thông; còn có tâm cảnh tôn giáo, mầu nhiệm, tinh tuyền, hướng lên trời cao, hướng về cõi sống Vĩnh Hằng; sau nữa, còn có giáo huấn của một mục tử. Quá nhiều vấn đề. Nhà thơ cũng không quên những vấn đề của con người, tội lỗi, đau thương và cần ơn Cứu chuộc.

NGHE LẠI TIẾNG CHUÔNG

*Bao giờ nghe lại tiếng chuông,
Tháp xưa, xóm cũ giọng buồn buồn ngân!
Sơn hà tự buổi qua phân,
Thuyền trôi bến lạ một thân chống chèo !
Hải hồ nhạc mới vàng reo
Trăng Đà thành với gió chiều Nha Trang
Thanh bình nếp sống miền Nam
Mà người viễn khách còn bàng hoàng chi?
Không! Không! Tôi chẳng nhớ gì
Chỉ còn tiếc chút ngày đi phủ phàng,
Không mang được tiếng chuông vàng*

*Chiều buông trên ngọn tháp làng quê tôi
Cho nên tôi cứ bồi hồi
Mỗi lần nghe tiếng quê người chuông buông...
Bao giờ nghe lại chuông thôn
Họa chăng tôi mới thấy hồn tôi vui...*

Quả thực là rất hiếm thấy có ai buổi rời xa quê hương, mà lòng lại muốn đem theo cả “tiếng chuông” quê nhà như Xuân Ly Băng:

*Chỉ còn tiếc chút ngày đi phũ phàng
Không mang được tiếng chuông vàng
Chiều buông trên ngọn tháp làng quê tôi
Cho nên tôi cứ bồi hồi
Mỗi lần nghe tiếng quê người chuông buông...*

Ngôn ngữ trong thơ bình dị như tiếng nói hằng ngày và bao đời tại thôn quê Việt Nam. Tha thiết làm sao mà cũng da diết, u mặc làm sao tiếng thơ của Xuân Ly Băng!

THẾ GIỚI CỦA TÔI

*Thế giới của tôi: đây miền trầm lặng
Nơi im lìm thanh vắng với cô liêu
Gió đều hiu nhè nhẹ trong lòng chiều
Nhạc trầm u khóc đêm dài bí mật
Tiếng mưa rơi bên mái nhà nã nuột,
Sương lạnh lũng vượt xác lá vàng khô...
Tiếng oan hồn trên bãi cỏ hoang vu,*

*Suối thỏn thức u hoài và bi thiết!
Gió hú lên tiễn đưa mặt trời chết!
Mang rợn rùng khắp nẻo vắng hoàng hôn,
Núi rùng đêr uất ức nhạc cãm hờn
Gieo kinh hoàng khắp trời khuya bi thảm!*

Câu thơ hay và lạ nhất trong đoạn này là: Sương lạnh lòng vuốt xác lá vàng khô. Nói “sương lạnh lòng” khác nào đặt vào những giọt sương ấy một tính cách con người có cử chỉ “vuốt”, yêu ghét, sốt mển hay lạnh lùng! Một chút sợ hãi cái bóng đêr “trầm lặng”.

*Thế giới của tôi: màn chiều ảm đạr
Cây cỏ khóc thẳm, mây lạc hướng bơ vơ
Chim trên trời vẽ những nét tiêu sơ
Run lẩy bẩy như một giờ địa chấn...
Cánh đờng hoang sương phủ màn tang trắng
Trôi bồng bênh như gió lạnh ðều hiu...
Thế giới của tôi ý nhạc tiêu ðiều
Bay chơi vơi như tờ trắng phiếu ðiểu,
Bóng tà huy mơ màng trên ngàn liễu...
Muôn âm thanh, ôi quá mực bi huyền!
Của không gian trong giờ phút thần tiên
Khi hoa lá tan ra thành hương sắc...*

Đoạn thơ này nhuộm phần bi quan, ngôn từ chở toàn cảnh vật ảm đạr, tiêu sơ, màu tang trắng, ðều hiu, tiêu ðiều, trong khi đó tác giả nói ðến âm thanh và không gian thì huyền bí và thần tiên...có vẻ như mâu thuẫn. Hay đó là thực tiễn giữa cảnh vật và mâu nhiệm của

không gian về chiều theo cách tác giả quan chiêm ?

*Thế giới của tôi: bầu trời xanh ngát
Cao muôn cao và rộng đến vô biên
Làm rợn rùng và ớn lạnh triền miên
Nguồn cảm hứng của muôn đời nghệ sĩ...
Vàng kim ô lắc lư và ngạo nghệ
Đến muôn đời say máu mãi không thôi
Thơ rất thơ là thơ của mặt trời
Khi xuất hiện là trầm hùng vô kể!
Đây nàng nguyệt qua thánng ngày diễm lệ
Cười giao duyên nơi mặt biển đầu non
Nàng tỏa ra ánh sáng đấm say hồn
Thơm mang mang và phiêu diêu ngoạo mục
Lúc rụng đầu cầu, khi treo cành trúc
Trăng ôi! Trăng là thế giới thi nhân
Trăng đoàn viên hay tống biệt bẽ bàng
Trăng rên siết hay nghẹn ngào hoan hỉ
Ai cần trăng cho trăng là âm ỹ
Trong lòng ta mỗi độ chín mùa thơ?
Tôi lắng nghe trong u huyền vũ trụ
Muôn âm thanh nhờ siêu giác của Nàng*

Đến đoạn thơ này, tác giả mô tả cảnh sắc không gian của một ngày mới “Cao muôn cao và rộng đến vô biên”, để chuẩn bị cho những câu kết bài: “Ôi bao giờ hiểu được ý bao la!”

Những thế giới của Xuân Ly Băng là thế giới của thực tại và siêu hình. Cái thực tại vừa là hữu hạn, đau thương. Còn cái thế gian một cung đàn, một ý niệm siêu thực thì

tác gia phải dừng lại, vì tác giả còn trong cảnh giới tự nhiên.

*Thế giới của tôi là một cung đàn
Huyền diệu quá như nhiệm mầu vạn thuở
Hay khóc than và kêu gào nứt nở
Trong đáy lòng như mong nhớ Trời xa...
Ôi bao giờ hiểu được ý bao la!
Cho tan vỡ muôn thanh âm sâu thẳm!*

Cũng không thể bỏ qua một khía cạnh thần bí, một hiện tượng mà chính tác giả diễn tả trong bài thơ “không còn biết thời gian”. “Cái tôi” của nhà thơ Xuân Ly Băng trong bài này là một “cái tôi” thần hóa. Tôi tin rằng, viết thế này, tôi không phóng nhiệm, không thần hóa con người tác giả một cách vô thường! Tôi tin như thế, bởi trong đạo chúng ta, đã có những vị hiển thánh đã sống như thế, đã “chạm” vào mầu nhiệm của Đức Kitô, đã “bay lên” đã “biến đổi”. Phải chăng, từ thế giới thực tại trong mấy bài thơ trên đây, tác giả đã đi tới một giây phút thần bí?

KHÔNG CÒN BIẾT THỜI GIAN (*Tình côi muta trắng*)

*Con ngòi im lặng mãi
Không còn biết thời gian
Đi vào vùng bóng tối
Đội ơn Chúa Thánh Thần
Bỗng gió bật tung cửa*

*Ánh sáng Chúa lùa vào
Con thấy một bầu lửa
Của trăm triệu vì sao...
Con chao đảo ngợp thở
Giữa cảnh vực thần linh
Con thấy gió là gió
Bão tố khắp thân mình
Rồi gió yên biển lặng
Không còn biết thời gian
Không chút chi lo lắng
Con thư thái an nhàn.*

MẤY DÒNG THƠ ĐẠO KHÁC

Trong thân phận con người, Chúa Giêsu gánh lấy tội trần gian, tội của nhân thế, như Kinh thánh truyền lại mà Tiên tri Isaia (sinh vào khoảng 765 TCN), đã loan báo trước. Nhà thơ Xuân Ly Băng đã “nhập vai” người chứng với một tinh thần triệt để, một tâm can xúc động mãnh liệt khi tác giả tường thuật về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, qua bài “Trường ca máu đỏ” Ngài mô tả từng chi tiết qua từng giọt máu, hơi thở và sự co thắt hay căng giãn ra khi hai tay hai chân của Chúa bị đóng đinh vào thập giá. Một khổ hình thứ nhất trong lịch sử toàn nhân loại:

TRƯỜNG CA MÁU ĐỎ

*Máu đỏ nói vạn lời
Nghĩa Yêu Thương của một chiều Tình Sử*

Máu trào dâng đầy ứ
Khấp châu thân Ngọc Thế Tình Yêu
Trong sâu thẳm một chiều
Giữa đất trời cô lạnh...

Tôi thấy máu! Ai không thấy máu?
Đỏ làm sao! Ôi thắm đỏ làm sao!
Tự chân gai máu ứa rịn dạt dào
Chảy quanh co trên tím bầm mặt Thánh,
Máu hòa lệ, hòa mồ hôi lấp lánh
Chảy từng dòng tự mặt mũi miệng tai
Hai bàn tay dính đống máu cuộn sôi
Chảy rờn rờn... Ôi thắm ngời máu đỏ!
Hai bàn chân căng dài trên mặt gỗ,
Theo dấu dính máu trào vọt chứa chan...
Toàn thân Người là một vết tử thương
Máu lênh láng thịt da phơi trăm mảnh,
Đầu nghiêng nghiêng tóc rũ dài buồn lạnh
Tỏa ngang vai sây sứt những lần roi,
Ngực giương cao theo tiếng thở ngậm ngùi
Từng chiếc sườn nổi đường vân vá máu
Theo nhịp thở máu tuôn trào không đậu
Nơi vết thương chưa khép miệng còn nguyên,
Hai gối đỏ lòm, gân cốt run run
Toàn mình chuyển đốn đau giờ hấp hối!
Tình Yêu nhìn, mắt thất thần mờ tối
Qua không gian buồn hiu quạnh mệnh mỏng!
Rồi khép mắt, lời trao phó linh hồn

*Nghे thì thâm trên cặp môi khô nám
Đoạn gục đầu về một bên thảm đạm
Trút linh hồn giữa trời đất âm u.*

(Trích bài: *Trường ca máu đỏ*,
từ câu số 1 đến câu 32)

Bài thơ có tất cả 89 câu, từ câu 33 trở đi, nhà thơ Xuân
Ly Băng ngâm ngùi:

*Tôi thấy đây trong một buổi chiều mù
Trang Tình Sử viết toàn bằng máu đỏ
Máu lênh láng trên ngọn đồi hoen ố
Ngập hồn tôi dòng bửu huyết u linh!*

Rồi nhà thơ nhớ tiên tri Isaia đã phác họa hình ảnh ấy
từ ngàn xưa và hôm nay, cái bây giờ, ông “ngắm xem
thực tế (vẫn) diễn ra” (câu 40). Tác giả, một linh mục,
trung thành trong sứ vụ của mình, ông suy niệm về Giáo
Hội, “*giây phút Nhiệm Thể ra đời*” (câu 52) và “*những
thực tại siêu nhiên*” (câu 61)

Tác giả kết thúc bài thơ *Trường ca máu đỏ*:

*Tôi thấy máu, máu trào sôi nóng nảy
Giữa một triều u uất mãi không thôi
Máu Tình Yêu nhỏ vạn giọt trên đồi
Để tái sinh con người trong huyết hải
Để canh tân con người đến vạn đại
Đã hư hèn vì nguyên tội A-dong
Cho tham dự vào vinh quang Thiên Chúa...*

*Xin cho tôi muôn vàn hòn than lửa,
Rửa miệng tôi cho sạch vết tội nơ
Để tôi hát cao giọng một bài thơ
Say sưa lắm trong lòng tôi vạn thuở...*

Tâm hồn thi sĩ đấu với sứ vụ mục tử, nhà thơ Xuân Ly Băng vẫn không quên mình là một nhà thơ! Ông yêu thơ đến thế. Ông cũng tha thiết với sứ vụ mục tử của mình.

BÙI ĐỨC DUNG

Tập thơ: *Cơn Đau Lên Xanh*

Nhà thơ Bùi Đức Dung sinh năm 1942 tại Tri Lai, Thái Bình. Ông qua đời tại Sài Gòn, năm 2021. Thọ 79 tuổi.

Bút hiệu: Bùi Kim Phượng, Bùi Thụy.

Thơ đã đăng một số trong nước và ngoài nước. In chung với Nguyễn Tiêu Giang tập *Mưa trong sương* - 1972. Ngoài thơ, ông còn viết nhạc, khoảng 50 bài.

Tập thơ *Cơn đau lên xanh* của Bùi Đức Dung do Nhà xuất bản Hội Nhà Văn phát hành, tháng 8/2015. Tại bìa sau, tác giả in 8 câu thơ, như một lời ngỏ:

*Khi cơn đau lên xanh
Đêm đêm bao kỷ niệm lại về
Hồn như lệ úa
Ta ôm đàn hát cho khuây
Nào ngờ lại khước thêm niềm nhớ
Tiếng đàn rung lên cùng hơi thở
Dù biết có hát nhiều lần bài hát cũ
Cũng không thể tìm lại được tình xưa...*

Tác giả cũng mở đầu tập thơ của mình bằng một bài thơ, tựa đề là *MỞ*:

*Thơ tôi ngày mới ra đời
Đã lặn lóc bởi những lời thị phi
Có người bảo bỏ thơ đi
Làm thơ nào có ích gì cho ai?
Còn thơ thì còn khổ hoài
Xét trong thi sử có ai là giàu
Nghèo xơ đẽ nhất hoàn cầu
Nhà thơ Sông Vị đứng đầu đó thôi
Tôi nghe mà muốn bật cười
Buồn thay mấy kẻ lạc loài không đâu
Tôi nào mơ ước sang giàu
Chỉ đem thơ gởi nỗi sầu cuộc vui
Mai kia dù có xa đời
Thơ tôi cũng đủ để người bâng khuâng*

Qua hai đoạn thơ này, nhà thơ Bùi Đức Dung đã tự giới thiệu thơ của mình: Ông không chỉ làm thơ tình yêu mà thơ của ông còn có những điều để cho người đọc ông bâng khuâng.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào vườn thơ của Bùi Đức Dung và giống như khi vào một vườn hoa, nhìn chung có rất nhiều hoa đẹp và sắc hương, nhưng chúng ta cũng không thể đi đến tận cùng để thưởng thức hết mọi loại hoa trong vườn. Với thơ của Bùi Đức Dung cũng thế, chúng ta chỉ có thể thưởng thức từ ngôn ngữ đến ý tưởng trong một số bài của ông mà thôi. Tác giả tuy là người Công giáo, song qua tập thơ *Cơn đau lên xanh*, ông chỉ

đưa vào sách có ít bài gọi là có tính chất tôn giáo. Tuy nhiên, đây không phải là một điều cần hay duy nhất để tìm hiểu một người Công giáo làm thơ, họ đã để lại trong lòng người đọc những cảm nghiệm gì về đạo mà họ đi theo. Quan điểm và lập trường này là khép kín và bất công, đó không phải là chúng tôi.

Trong lúc còn sinh thời, nhà thơ Bùi Đức Dung từng nói với bạn hữu trong giới văn nghệ ở Sài Gòn: *“làm thơ mà chính trị là hỏng, tôi chỉ làm thơ tình yêu”*. Nhưng, tình yêu của ông là gì? Chính trị theo tác giả hiểu là gì? Có phải ông chỉ khép kín vào tình yêu trai gái? Chắc là không. Ông không đơn giản và ích kỷ như vậy. Ông cởi mở hơn, lan tỏa lên nhiều lãnh vực trong cuộc đời làm người. Còn chính trị, có lẽ ông hiểu theo nghĩa đen, làm chính trị theo đảng phái, theo một chủ thuyết này chống lại một chủ thuyết kia.

Thí dụ: Bài thơ *Cô Út ngày ấy* dưới đây, tác giả mô tả thời kỳ tổ tiên “tiến về phương Nam” mở cõi, hình ảnh cô Út theo chồng chỉ là một tượng trưng để chia ly với đất cũ và nổi hiểm nguy nơi đất mới.

CÔ ÚT NGÀY ẤY

*Ngày xưa cô Út về rừng
Nơi cô sắp tới chưa từng đi qua
Cô vào lạy tạ mẹ cha
Buồn vui luẩn quẩn gấp ba ngày thường
Cô đi bỏ lạnh chiếu giường
Từng con ngõ nhỏ cũng buồn trông theo
Cô về miền đất cheo leo*

*Khỉ ho cò gáy cạp beo muỗi mòng
Cô đi mở đất cùng chồng
Cùng dăm người bạn gánh gồng lên ghe
Biết bao khổ cực nặng nề
Làm nên ruộng rẫy tiến về phương Nam
Phương Nam ngày ấy bạt ngàn
Đất chưa khai phá ngập tràn cỏ hoang
Thời gian thành rẫy thành hàng
Nhờ ai ta có xóm làng hôm nay?
Mỗi khi qua đến xứ này
Tôi thường ngả nón nhớ người xa xưa*

Vùng đất Phương Nam mà vợ chồng cô Út cùng dăm người bạn đi mở cõi, thì ngày nay sau cuộc nội chiến (1955-1975), đã không còn mục đồng, ruộng nương bỏ hoang...

*Mục tử mục tử đâu rồi nhỉ?
Ngựa trâu không ai cưỡi
Ruộng rẫy không ai cày
Hỏi ra mới biết
Để đổi đời
Người ta đã bán sạch
Mua đầu máy
Ti vi
Honda phóng chơi
Bây giờ nơi ấy
Mọc lên những căn nhà vô trật tự
.....
Mồ mả cha ông di tích được dời đi*

*Chẳng còn nơi nào an bình
Mục tử mục tử đâu rồi nhỉ?
Hỏi ra mới biết
Chúng nó theo bọn gái nhỏ
Ra Sài Gòn mất tiêu*

(Trích bài: *Hỏi ra mới biết*)

Như thế, rõ ràng nhà thơ Bùi Đức Dung đã có một xu hướng chính trị theo số đông. Ông thấy tình trạng nông nghiệp trong thời mới mà ông mô tả, là một điều xấu cho nhà nông và cho cả xã hội. Đây là một phản ứng hoàn toàn theo tình cảm, cái tình cảm của một nhà thơ, một văn nghệ sĩ chân chính.

Nhưng có lẽ rõ ràng hơn cả là bài: *Để trả lời một câu hỏi*:

*Có người hỏi tôi
Đủ điều kiện sao không xuất ngoại
Ô! Sao phải như thế nhỉ?
Nước mình mình sống
Nhà mình mình ở
Đường mình mình đi
Cớ chi qua ăn nhờ ở đậu xứ người?
Đất nước tôi
Bốn nghìn năm lịch sử
Cũng như đời người
Có lúc buồn lúc vui
Lúc khóc lúc cười
Lúc trôi nổi
Vẫn là nước có chủ quyền*

*Dù ông có lên bà có xuống
Đâu ảnh hưởng gì
Đất nước là của mọi người
Chẳng ai có thể tách rời ép buộc
Tôi vẫn ở đây
Tự do như tổ tiên tôi
Chẳng có gì thay đổi*

Bài thơ *Để trả lời một câu hỏi* đã là một quan điểm chính trị rõ ràng.

Còn tình yêu trong thơ Bùi Đức Dung? Tác giả quan niệm: ngả về tâm lý và chiều sâu:

*Khi tình yêu vẫy gọi
Con tim reo vui
Đường như có điều gì thay đổi trong đôi mắt người
Tia nhìn dịu dàng hơn
Trời xanh hơn
Đời vui hơn
Có tiếng hát từ lòng người
Xanh lên niềm hy vọng không nguôi
Khi tình yêu vẫy gọi
Chẳng sợi dây nào cột được đôi chân em
Chẳng khóa nào khóa được trái tim em
Bởi tình yêu là tự do
Cho nhau nhiều hơn trói buộc
Khi tình yêu vẫy gọi
Hãy đi theo người*

(Bài: *Tình yêu*)

Khi nhà thơ yêu, ông tặng cho người yêu cái gì? Nhà thơ Bùi Đức Dung bày tỏ:

*Tặng em con ngựa đã già
Chiếc xe đã cũ cái nhà đã xiêu
Tặng em một côi hồn chiều
Tháng năm tóc đã ít nhiều khói sương
Tặng em một chút đời thường
Tháng lương ba cọc chiếu giường nệm chăn
Tặng em một gánh nợ nần
Một cây thánh giá mỗi lần cầu kinh
Tặng em ngày tới an bình
Trái tim rục lửa thấp tình trăm năm*

(Bài: Bài thơ tặng em).

Nhà thơ tặng người yêu toàn những cái của người nghèo, chẳng có gì bảo đảm cho hạnh phúc lâu dài. Ở vị trí tôn giáo, tác giả không cầu xin gì, mà lại tặng cho người yêu một cây thánh giá. Nhưng cái giá trị nhất, căn bản nhất trong đời sống tình yêu là một cuộc sống an bình và một trái tim rục lửa trăm năm, thì ở cuối bài thơ, tác giả tặng cho người mình yêu, như một lời tuyên hứa trang trọng. Đây là một bài thơ hay về ý tưởng, tác giả không đặt giá trị tình yêu ở vật chất, giàu sang nhưng là ở cuộc sống bình yên và một cõi lòng yêu thương nồng nàn.

Nhà thơ Bùi Đức Dung đâu không có nhiều thơ đạo, nhưng ý tưởng về đạo qua câu thơ trong bài trên đây, vốn vẹn chỉ tặng cho người yêu “cây thánh giá mỗi lần cầu kinh”

cũng đã cho thấy niềm tin của tác giả ở đạo, căn bản là “cây thánh giá”. Người tín hữu nào luôn luôn mang thánh giá bên mình, đấy là một người tín hữu trung tín và nhiệt thành theo Chúa. Theo Chúa mà không từ chối vác thánh giá trong cuộc đời thì đó là trọn hảo, đẹp lòng Chúa.

Tình yêu với Bùi Đức Dung được ví như con tàu và biển cả: cả hai như định mệnh cột vào nhau, không thể rời xa nhau, cho dù, nếu có một ngày con tàu nằm sâu trong lòng biển, như anh đắm chìm trong mắt em:

*Đừng tưởng con tàu già kia khi trở về đất liền
Là sẽ chẳng bao giờ còn ra biển nữa
Bởi với người thủy thủ
Đại dương vẫn là giấc mơ lạ lùng
Khi ngày huy hoàng chưa tắt
Ai nghĩ đến trở về?
Tình yêu cũng vậy
Nó quyến rũ như biển cả
Rồi sẽ có một ngày
Anh đắm chìm trong đôi mắt em
Như con tàu nằm sâu trong lòng biển
Thà như thế
Hơn là khi đời chẳng còn giấc mơ nào
Trong đôi cánh vỗ và bầy hải âu
Tàu lại ra khơi
Dù biết mai không còn trở lại
Nhưng biết phải làm thế nào
Khi định mệnh vĩnh viễn cột vào nhau?
Anh cũng vậy chẳng thể nào xa em*

(Bài: Con tàu và định mệnh)

Bài thơ đẹp cả về ý tưởng và ngôn ngữ, như một dòng chảy tình yêu từ con tim đến con tim, gắn bó không rời xa nhau như thể con tàu và biển cả.

Mấy bài thơ đạo khác của Bùi Đức Dung:

TRỞ VỀ XỨ ĐẠO CŨ

*Nửa thế kỷ đã trôi qua
Mẹ vẫn đứng nơi núi đá đỏ
Đứng với những cành huệ trắng
Tỏa hương thơm ngào ngạt
Cùng với những người khác
Ai biết ngày đó tôi xin những gì?
Nửa thế kỷ đã trôi qua
Mẹ vẫn ở đó
Còn tôi như con rắn
Đi năm rùng bảy núi
Vào sinh ra tử
Qua hết cuộc chiến tranh
Mà ngày về thân thể vẫn nguyên vẹn
Hôm nay đứng dưới chân người như năm xưa
Âm thầm cầu nguyện
Ai biết được tôi sẽ xin những gì nữa?
Chỉ có người biết thôi
Năm mươi năm qua đi
Trở về xứ đạo cũ
Nơi nhà thờ Bà Chiểu
Không có nhiều thay đổi
Giáo xứ vẫn đông vui*

NHÀ THỜ BẦU

Tặng Thanh Tùng

Chiều nào cũng vậy
Tại nhà thờ BẦU
Cùng em chấp tay hát lễ
Lần hạt Mân Côi
Ôi! Vinh hạnh kẻ ngoại đạo
Để câu thơ rơi mất trên đường về
Đến cùng em hát lễ ở nhà thờ BẦU
May mà có nhà thờ BẦU
Nơi phố Hiến của em
Phố Hiến của xứ Đàng Ngoài
Một thời buôn bán với thương lái ngoại quốc
Tập nập như phố cổ Hội An Đàng Trong
Xích Đằng, tuần Vương, Vạn lai Triều, bãi Dâu
Hưng Yên nhũn vẫn ngọt từ bao đời
Núi Tản Viên cao vút
Làm ngậy ngát lòng người
Không phải ai cũng có dịp đến đó
Cám ơn em
Cám ơn tiếng vọng miền quên lãng
Đã đánh thức anh thấy lại hình ảnh
Nơi nhà thờ BẦU ngày nào
Nơi anh đã đến dự lễ châu xú
Năm mươi hai tuổi

Nhà thơ Bùi Đức Dung có một ngôn ngữ bình dị, trong sáng trong ý tưởng và trong cách diễn tả. Ông không làm dáng, không đánh bóng thơ của mình bằng

một thứ ngôn ngữ trau chuốt, kỳ cọ. Bài thơ Nhà thờ Bàu là một kỷ niệm thời còn trẻ của tác giả, đẹp và rất đáng trân trọng.

Mấy Bài Thơ Để Lòng Ta Bâng Khuâng:

THÂN TA VÀ CÂY

Tặng Nguyễn Văn Thúc

*Thân ta khác cây kia
Cây càng già càng cứng
Người càng già càng mềm
Cây già thành cổ thụ
Người già về thiên thu
Sống là chết đi mãi
Chẳng thể hồi sinh ngay được
Chỉ có sự quên lãng
Mới là điều đáng kể*

NHƯ CỔ TÍCH

*Bình minh lên
Bình minh lên nơi đâu nguồn
Rừng còn đâu mà xanh tươi
Chim còn đâu mà ca hát?
Khắp nơi chẳng thấy một bóng động vật nào
Suối đã cạn khô
Rừng chỉ còn lờ mờ những gốc cây
Đá và cỏ cháy*

Một hôm trời hỏi mây
Ai là người phá rừng này?
Mây lặng lẽ bay đi
Hỏi suối, suối khóc cạn nước mắt
Hỏi núi, núi lặng thinh
Hỏi người, người không biết
Từ đó trời nổi cơn thịnh nộ
Làm muta lớn mỗi năm
Nước tràn về ngập lụt
Nhân dân mất mùa đói khổ

Bài thơ đã nói rõ lắm về tình trạng ngập lụt hằng năm, gây đau thương cho người dân. Nhưng có lẽ điều đau xót nhất cho tình trạng này là câu:

“Hỏi người, người không biết”!

Bài thơ cũng thuộc “thơ tình yêu” theo quan niệm của tác giả, ở đây, “tình yêu” của ông được trải rộng đến cả thiên nhiên như rừng núi, sông ngòi. Riêng vấn đề “con người” là một vấn nạn tử nhục của xã hội hôm nay, chẳng có một vị trí nào trong cuộc sống sinh tồn!

THU NHỚ HÀ NỘI

Anh ở Sài Gòn em Hà Nội
Quạnh quẽ đêm ngày nhớ không vơi
Tháng tám ngòi đây anh nhớ lại
Thu về vàng mấy lối Hồ Tây

*Sương chiều chậm chậm trên Hà Thành
Mùa cốm đang về thơm lá sen
Áo ngắn chiều nay em có lạnh
Xin gìn giữ chút ấm cho anh*

*Dù xa xôi cách mấy sơn khê
Hồn đêm đêm mơ bóng tình quê
Thời gian đi năm tháng qua mau
Cửa ô xưa dẫn lối anh về*

*Mong ngày thật gần ra Hà Nội
Dạo bước thăm đền Văn Miếu xưa
Cầu Giấy - Đồng Xuân khu phố chợ
Ôn lại hào khí nước non ta*

DZUY SƠN TUYỀN

Tập thơ: *Hạt Bụi Nhỏ*, 2016

Nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền tên thật là Đinh Thế Tuyền, sinh năm 1946 tại Phú Nhai, Nam Định. Ông mất ngày 18.03.2021, thọ 76 tuổi. Ông đã sinh hoạt trong Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ Sài Gòn, tích cực hoạt động từ khi CLB thành lập, ngày 20.01.2010, cho đến khi ông qua đời. Nhà thơ để lại một thi phẩm là *Hạt Bụi Nhỏ*, phổ biến trong thân hữu năm 2016 và một bài nói chuyện về đề tài *Thi ca và Cầu nguyện*, tại Trung tâm Mục vụ TGP Sài Gòn năm 2019.

Nhà thơ quan niệm:

“Thơ là bức họa kết bằng những màu sắc chọn lọc, Thơ là bản nhạc dệt bằng những âm thanh tinh tế. Nhưng trên tất cả, Thơ là biểu lộ Cái Đẹp và Sự Thiện được phát tỏa từ nhịp rung của mỗi trái tim” ...

Ông đã có những suy nghĩ về “thơ hôm nay” và nói nó “không còn là sự sao chụp thô thiển hiện thực”. Người ta hiểu là ở đây, diễn giả không nói đến một hình thức thơ mà ông gọi là “hiện thực”, mà chủ yếu là trình bày một cảm nghiệm về thơ tôn giáo, cụ thể là Công giáo trong đời sống cầu nguyện.

Nhà thơ mở đầu bài nói chuyện của mình:

Hình ảnh trong thơ hôm nay không còn là sự sao chụp thô thiển hiện thực, đó là một sáng tạo thuần khiết của cảm hứng, vọt hiện ra từ những thế giới siêu thực. Trong quá trình hình thành bài thơ, hình ảnh bao giờ cũng là cái vọt đến trước, bỏ lại ở phía sau những “suy nghĩ” hay những “cân nhắc” duy lý. Những bài thơ giờ đây thường được viết ra trong mối liên hệ với “con người nội tâm” của nhà thơ, đầy bí ẩn, sâu lắng và bất ngờ. Sự bất ngờ lan tỏa từ những tâm tình cảm xúc nhiều hơn là từ chất trí tuệ của bài thơ.

“Như vậy, tác động Thơ rất mãnh liệt và sâu xa, có thể tạo những chuyển biến toàn diện trong tâm tư con người. Thơ ra đời vì nhu cầu của tâm linh con người muốn vươn tới Chân-Thiện-Mỹ, và vì thế Thơ còn được coi như là tiếng nói của tâm linh.

“Bởi thế, khi nhịp rung của chúng ta cảm nhận được sự hòa điệu trong Thần Khí, cả con người chúng ta sẽ bật lên những âm vang tha thiết và dịu nhẹ của cõi lòng đang chiêm ngưỡng cung bậc của Vô Biên.

“Phải, khi thật sự mở lòng ra với Vô Biên, chúng ta sẽ thấy mình quá nhỏ bé chỉ như một hạt bụi giữa mênh mông, một ngọn cỏ dại bên đường, nhưng sao ta lại được ủ ấp trong yêu thương, được bồi đắp nâng niu trong ân sủng

...

“Trái tim như thốt lên ngàn tứ thơ đầy hương thơm thanh khiết, nhịp lòng như tấu vang khúc biến tấu giọt kinh thấm ân tình. Trái tim làm thơ hay trái tim cầu

nguyện. Lúc này trái tim trở nên Thơ-Nguyện để ta không còn sống cho mình nhưng đang sống với Đấng Vô Cùng ta yêu!”...

Đến đây thì người ta mới hiểu lời phát biểu của nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền về “thơ hôm nay” và nói nó “không còn là sự sao chụp thô thiển hiện thực”, là ông muốn nói đến thơ đạo nói chung, cách riêng là thi ca Công giáo.

Trên đây là mấy đoạn trích trong bài nói chuyện của nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền diễn ra tại Trung tâm Mục vụ Tổng giáo phận Sài Gòn, sáng thứ bảy ngày 06.04.2019.

(*Nguồn*: trang Văn Thơ Công Giáo, truy cập ngày 24.08.2021)

Tập thơ *Hạt Bụi Nhỏ* gồm ba chủ đề, mang hình thức kinh thánh rõ rệt, nôm na là: Kinh thánh là chất liệu, là cảm hứng cho sáng tác, học hỏi Kinh thánh và cầu nguyện theo Kinh thánh.

Ba chủ đề trong tập thơ là: Alleluia-Magnificat-Benedictus. Tác giả chọn ba chủ đề này cho tác phẩm của mình, cũng là một cách nói lên chiều hướng sáng tác để gửi gắm tâm tư và lòng mộ mến “con đường” mình đã chọn đối với lãnh vực thi ca Công giáo. Chúng tôi sẽ chọn mỗi phần mấy bài tiêu biểu cho từng chủ đề.

Alleluia: gồm có 24 bài. Nhà thơ suy niệm về mầu nhiệm nhập thể, mầu nhiệm thập giá và mầu nhiệm phục sinh của Đức Giêsu, Đấng Cứu thế, cho tới ngày Chúa về trời và Thánh Linh hiện xuống. Điều này giúp người đọc dễ tiếp cận với tác phẩm, vì tác giả đã theo sát chương trình phụng vụ của giáo hội và thẩm

thấu được những ý cầu nguyện mà tác giả đã viết nên những bài thơ.

Alleluia [Halleluia]: Hãy chúc tụng Chúa! Vì Chúa nhân từ, đã ban Con Một của Người cho nhân loại.

Trong bài *Người dọn đường*, nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền phác họa lại chân dung và sứ vụ của Gioan Tiễn Hô:

*Trong hoang địa
Người dọn đường...Ngôn sứ
Ăn châu chấu uống mật ong, mặc da thú
Từ sa mạc nắng nóng...
Đang dọn đường cho Đấng đến sau Ông
Đấng-Đến-Sau là con Chúa toàn năng
Ông hô lớn “Hãy dọn đường cho thẳng...
Đồi núi cao:... bạt phẳng
Thung lũng sâu:...hãy lấp cho đầy
Đường quanh co:...uốn lại cho ngay...
Đón Chúa đến...”*

Sau đó là tâm tư của tác giả, sứ mệnh của nhà thơ, sống sứ điệp của Tin mừng:

*Tiếng kêu ấy...2000 năm... có lẽ
Vẫn vọng vang giữa cuộc đời nứt nẻ
Những hố sâu chia rẽ
Những đố kỵ ghét ghen
Những quanh co dối trá
Ai đã sẵn sàng...
Đón Chúa đến bằng con đường thênh thang
Bạt cho phẳng...lòng tự cao tự đại...*

Bằng hòa nhã và cuộc sống khiêm nhu...
Thung lũng sâu...hận thù...
Lấp đầy lên bằng...yêu thương tha thứ
Đường quanh co...gian dối...
Uốn cho thẳng bằng sự thật chân thành
Để Chúa đến giữa một tấm lòng thanh
Để Chúa đến giữa cung lòng tuyết trắng
Để Chúa đến giữa tâm tình con thảo

Rồi Đêm thánh vô cùng đến, Thiên-Chúa-làm-người
trong đêm đông buốt giá chốn Bê-lem. Nhà thơ nghĩ về
ngày đó và cảnh giáng sinh bấy giờ, với những hình ảnh
khác nhau và tâm trạng nhuốm vẻ u hoài, nỗi u hoài
của thi nhân giữa chốn phong trần, khi chàng băng quơ
buông câu hỏi Chúa Hài Đồng trong máng cỏ “có chút
buồn lòng”, phải không?

*Chuông vang vang, chuông vang vang
Chuông giáo đường...vẫn nhẹ nhàng chiều đông
Trong màn cỏ, Chúa Hài Đồng
Hình như có chút buồn lòng, phải không?*

*Giữa trời rực sáng hoa đăng
Ngày xưa đâu có đèn giăng giăng đầy
Ngày xưa đâu có hoa bay
Ngày xưa đâu có nhạc say rệu hồng*

*Ngày xưa chỉ có tuyết đông
Ngày xưa chỉ có hơi nồng cỏ hoang
Ngày xưa chỉ có hơi tàn*

*Bò chiêm thở với cung đàn...gió lay
Trời đông lạnh giá heo may
Chúa run trong tiếng ru say giấc nồng*

...

*Và bây giờ cũng đêm đông
Tưng bừng tiếng hát, tưng bừng nhạc vui
Tưng bừng đón Chúa nơi nơi
Ai người nghĩ đến xa vời...ngày xưa*

...

Quỳ đây dâng tấm lòng thơ

(Bài: Ngày xưa, Bây giờ)

Tính chất u hoài của bài “Ngày xưa, bây giờ” gây xao động trong lòng. Những hình ảnh tại Bê-lem xa xưa ấy và “Bê-lem” bây giờ thật “lạc lõng”. Nhà thơ giữa hai không gian khác nhau, một “không gian” trong kinh điển và một không gian trong thực tại, đã biểu lộ tâm cảm mình, rất xúc động. Lời của ông chân thật vì tâm cảm của ông như thế.

Khởi đầu cho cuộc thương khó của Chúa Giêsu là Bữa Tiệc ly rồi đến “nụ hôn” của Giuđa trong vườn Cây Dầu, nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên tiếp tục suy niệm về mẫu nhiệm này như một trình thuật chặt chẽ.

Khi suy niệm về cử chỉ của lòng sám hối mà không người tín hữu nào không làm trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh diễn ra hàng năm theo lịch phụng vụ, nhà thơ đã viết:

*Con lên hôn chân Chúa
Lòng thổn thức bồi hồi
Vì ai Chúa chịu chết
Vì tội lỗi loài người.*

*Nhưng Chúa ơi, con biết
Vì con cũng góp phần
Tiếp tay cùng quân dữ
Đóng đinh Chúa từ nhân.*

*Dám chua và mật đắng
Chúa uống hoài sớm trưa
Vì miệng con gian dối
Từng lời nói...đẩy đưa.*

*Trên đầu gai nhọn sắc
Máu Chúa đổ chan hòa
Vì con luôn toan tính
Làm những điều xấu xa.*

*Dấu đinh chân tay Chúa
Đang rút máu từng giây
Vì con hoài tìm kiếm
Dục vọng đắm mê say.*

*Lưỡi đồng đâm tim Chúa
Máu và nước tuôn trào
Vì con yêu trần thế
Bỏ Chúa Cả trời cao.*

*Hôm nay con hôn Chúa
Xin đổi mới tâm hồn
Đùng đống đình Chúa nữa
Bằng gian dối: NỤ HÔN.*

(Bài: *Nụ hôn*)

Một bài thơ hay, nối kết những vết thương trên thân thể Chúa với những hành vi bất xứng, tội lỗi của con người trong cuộc sống hàng ngày.

Magnificat: Bài ca ngợi khen và tạ ơn mà Đức Mẹ dâng lên Chúa khi viếng thăm bà Elizabeth, gồm 38 bài, thì hơn 20 bài về Đức Mẹ, những bài sau tác giả viết về thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu và thánh Cả Giuse, hai vị thánh nhà thơ rất mộ mến.

Về Đức Mẹ, tác giả cảm hứng từ một truyền thống đạo đức bình dân lâu đời trong Giáo hội. Chẳng hạn: lần hạt Mân côi; đặc biệt là trong Giáo hội Việt Nam, với Tháng Hoa hay lòng sùng kính Đức Mẹ, qua những Trung tâm Hành hương La Vang, Tà Pao ...

Tiêu biểu cho chủ đề này là bài “*Dâng Mẹ Hoa Mân Côi*”, hay “*Hoa Mân Côi Dâng Mẹ*”, thường được hiểu là “*Chuỗi Hạt Mân Côi*” hay tràng Mân Côi, gồm Mùa Vui, Mùa Thương, Mùa Mừng, Mùa Sáng. Đề tài này có hai bài dưới hai thể. Một bài viết theo thể 5 chữ, một bài viết theo thể 7 chữ. Cả hai bài này cũng là những sáng tác tiêu biểu của nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền, trong khi suy niệm về những mầu nhiệm trong đạo, ông vẫn không quên cuộc đời trần thế với những

thương đau, khổ lụy và bóng tối trong lòng con người,
để ăn năn, để được trong sáng...

Dưới đây là bài “*Hoa Mân Côi Dâng Mẹ*”, tất cả 4
mùa, thể “thất ngôn”:

MÙA VUI

*Con tiến dâng Mẹ tràng Mân Côi
Ngàn hoa thơm ngát những Niềm Vui
Trọn tình dâng Mẹ, Nguồn Thánh ái
Chuỗi hạt nguyện cầu, ánh dương soi.*

1.

*Thiên sứ truyền tin Chúa Giáng trần
Khiêm cung nhận lãnh Mẹ xin vâng
Hoài thai Thánh Tử, cung lòng Mẹ
Ngập ánh Diệu-Linh, phúc Hồng Ân.*

2.

*Sẵn sàng với Mẹ con lên đường
Mở lòng trao trọn nghĩa yêu thương
Mãi sống chan hòa trong nhân ái
Hy sinh, nồng ấm tựa Thái Dương.*

3.

*Mùa đông tuyết lạnh chốn Be-lem
Con Chúa sinh ra giữa thấp hèn
Chỉ có chiên bò hơi thở ấm
Lạnh lùng sương gió suốt thâu đêm.*

4.

*Theo Mẹ vào đền xin hiến dâng
Thánh Tử Ngôi Hai, Chúa toàn năng
Vâng lời trọn vẹn hơn của lễ
Đầu biết gươm thâu tận đáy lòng.*

5.

*Cùng Mẹ tìm Chúa khắp nơi nơi
Dù cho dâu bể, sóng biển đời
Xin cho trọn vẹn tròn hiếu nghĩa
Có Chúa an bình giữa ngàn khơi.*

MÙA THƯƠNG

*Theo Mẹ con vững bước lên đường
Lên đường Thập Giá, đường Đau Thương
Đường lên Núi Sọ, đường hiến tế
Mầu nhiệm tình yêu tỏa ngát hương.*

1.

*Con bước theo Mẹ vào vườn xưa
Cùng Chúa nguyện dâng, phút đợi chờ
Mồ hôi đầm máu, giờ hy tế
Chén đắng xin tròn Ý Chúa Cha.*

2.

*Theo Mẹ với Chúa trước án đình
Bao nỗi đớn đau Chúa lặng thinh
Thịt nát, xương tan vì nhân thế
Chuộc tội loài người kiếp điêu linh.*

3.

*Lặng thinh Chúa chịu chúng chê bai
Triều thiên chúng kết những vòng gai
Máu rướm trên đầu bao đau đớn
Nhục hình Chúa chịu, hỏi vì ai.*

4.

*Cùng Mẹ theo Chúa trên đường dài
Thập Giá đau thương nặng trên vai
Gánh tội trần gian lên Núi Sọ
Sầu thương Mẹ đứng lặng bi ai.*

5.

*Mẹ đứng lặng yên giữa đời cao
Nhìn Con yêu dấu nén đớn đau
Ngôi Hai Thánh Tử, hơi thở cuối
Thì thào trần trối Mẹ Con trao.*

MÙA MỪNG

*Đất trời vỡ òa tiếng nhạc vui
Hân hoan chúc tụng Chúa Ngôi Hai
Cùng Mẹ vinh phúc về Thiên Quốc
Mừng hát lên đi hồi muôn loài.*

1.

*Cửa mở đã mở sáng rạng ngời
Thần Thánh hân hoan tấu nhạc vui
Chiến thắng tử thần, Chúa sống lại
Cho con phần rỗi, phúc muôn đời.*

2.

*Từng mây rực sáng ánh dương soi
Đón Chúa Ngôi Hai tiến về Trời
Hồn con ao ước cùng Chư Thánh
Hưởng về Thiên Quốc hưởng niềm vui.*

3.

*Thánh Thần Thiên Chúa, Chúa Ngôi Ba
Dem xuống trần gian phúc chan hòa
Cho con lòng mến nguồn Thần Khí
Trọn đời trung tín chúc tụng ca.*

4.

*Mừng vui chúc tụng Mẹ về trời
Như ánh bình minh chiếu rạng soi
Hàng hàng Thần Thánh chào đón Mẹ
Cho con theo với nhé Mẹ ơi.*

5.

*Trước Nhan Thánh Chúa rực ánh vàng
Thưởng công Mẹ Thánh đã xin vâng
Cưu mang Con Chúa chuộc nhân thế
Cho con vinh hưởng phúc Thiên đàng.*

MÙA SÁNG

1.

*Trong dòng nước chảy sông Gio-Đan
Chúa chịu phép rửa như tội nhân
Xin trọn đời con luôn biết sống
Đẹp lòng Chúa mãi, Chúa toàn năng.*

2.

*Vui cùng chàng rể, tiệc Ca-na
Biến nước thành rượu tỏ tình Cha
Cho con kiên vững lòng tin mến
Vào Đấng Toàn năng, Chúa chúng ta.*

3.

*Chúa giảng tin vui, giảng nước trời
Thống hối ăn năn hồi con người
Xin cho con biết luôn cải sửa
Tâm hồn luôn sáng ánh gương soi.*

4.

*Trên núi Ta-bo Chúa biến hình
Sáng bừng rực rỡ, ánh bình minh
Xin cho con biết nghe lời Chúa
Giữ gìn kiên vững mãi trung trinh.*

5.

*Chúa lập Thánh Thể, phép nhiệm màu
Tình Chúa yêu con thật thắm sâu
Cho con rước Chúa luôn ngày tháng
Suốt đời cho đến mãi ngàn sau.*

Benedictus: Lời ngợi khen, lời chúc tụng Thiên Chúa, gồm 40 bài. Chủ đề này rất rộng, không gò bó mà nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên đã tự đặt ra cho mình trong hai chủ đề trước đây. Ở Benedictus, nhà thơ thoải mái trải rộng cái tâm của con người tôn giáo, con người cầu nguyện và con người thi ca lãng mạn của mình.

Chẳng hạn, với thiên nhiên, nhà thơ viết:

*Chiều rất êm và đêm về lặng lẽ
Tiếng cựa mình khe khẽ những chồi non
Ngàn lá xanh ướt đẫm giọt sương khuya
Thâm thì nói biết bao điều cuộc sống.*

*Hãy lắng nghe ngàn sao trời lấp lánh
Và vầng trăng đang tỏa sáng trên cao
Hãy lắng nghe lời ru biển ngọt ngào
Kìa lồng gió, cánh bướm căng vượt tới.*

...

*Hãy lắng nghe tiếng của NGƯỜI tất tả
Đang gọi ta từ giọt nắng xôn xao
Từ hạt sương, từ tinh tú trắng sao
Từ lời biển từ rừng cây xanh lá.*

*Từ suối ngàn, từ nhấp nhô ghềnh đá
Từ đất trời, từ cuộc sống quanh ta
Tiếng của NGƯỜI, ôi tiếng gọi thiết tha
Hãy vươn lên tới chân trời...THIÊN MỸ...*

(Bài: Âm thanh lặng,
đoạn 1,2,5,6)

Với hoa Hướng Dương, nhà thơ mượn nó để nói lên ước nguyện của mình trong cuộc đời làm con Chúa:

*Có một loài hoa quý
Vàng óng thật dễ thương*

*Mượt mà hoa Hướng Dương
Luôn hướng về phía trước.*

*Nhẹ nhàng theo từng bước
Mặt trời sáng trên cao
Chẳng nhìn lại phía sau
Dù sáng, trưa, chiều, tối.*

*Đường đời ngàn muôn lối
Hoa mãi vẫn trung thành
Cuộc sống dẫu mong manh
Vẫn theo hoài đến chết...*

*Chúa ơi cho con biết
Như là hoa Hướng Dương
Chỉ hướng về thiên đường
Chúa, Mặt Trời Công Chính.*

*Chúa ngàn đời tôn kính
Là ánh sáng đời con
Là nguồn sống tâm hồn
Cho con hằng dõi bước...*

(Bài: *Hướng Dương*)

NGỌN NẾN

*Con ước là ngọn nến
Quỳ bên cạnh nhà châu*

*Ở bên Chúa thật lâu
Hy sinh và dâng hiến*

*Con ước là ngọn nến
Nhỏ bé và đơn sơ
Lung linh trên bàn thờ
Dâng Mẹ niềm yêu mến*

*Con muốn là ngọn nến
Thắp sáng cho trẻ thơ
Yên giấc ngủ trong mơ
Vòng tay Mẹ âu yếm*

*Con muốn là ngọn nến
Đốt cháy trái tim hồng
Cho giá buốt mùa đông
Cho người thêm chút ấm*

*Chỉ thế thôi ngọn nến
Âm thầm sống hy sinh
Cho trọn vẹn đời mình
Cho đời...cho đến hết.*

HẠT BỤI NHỎ

*Tôi
Hạt bụi nhỏ mong manh
Bay đi Cuộc sống vô danh tháng ngày
Chẳng ai biết chẳng ai hay*

*Chỉ hạt bụi nhỏ bay bay
Vô chùng
Vào mênh mông cõi mênh mông
Tôi
Hạt bụi nhỏ không không giữa đời
Chẳng buồn phận bé nhỏ nhoi
Mà vui vì bởi
Ơn Người tạo nên
Tôi
Hạt bụi nhỏ không tên
Vẫn là tuyệt tác
Vượt trên muôn loài
Cám ơn NGƯỜI đã cho tôi
thăng trầm một cõi
buồn vui thánng ngày
hạt bụi nhỏ vẫn bay bay.*

CỎ DẠI

*Có phút giây bay bổng
Có khù khờ
Có mù mờ
Mới biết Cha là tất cả, Cha ơi!*

*Đời con cỏ dại Chúa ơi
Mọn hèn con sống một đời vô danh
Giữa đồng cỏ giữa rừng xanh
Con thân yếu ớt mong manh giữa đời*

*Vô tích sự nhỏ bé thôi
Mà sao Chúa đã muôn đời gọi tên
Cho con cố đại vươn lên
Cho con cuộc sống vượt trên đất cằn*

*Vượt lên sau biết bao lần
Khốc khô sỏi đá, vết hằn nắng thiêu
Vượt lên sau những tiêu điều
Cho con cuộc sống mỹ miều...cỏ xanh*

*Giọt sương mát, sáng long lanh
Cho con uống trọn ƠN LÀNH CHÚA ban
Thân con cố đại chóng tàn
Mà sao Chúa vẫn vô vàn yêu thương*

*Thân con cố đại bên đường
Có chi để Chúa bận lòng Chúa ơi
Tình Yêu Chúa quá cao vời
Thân con cố đại, trọn đời...TẠ ƠN*

BẮT CHỢT THÁNG BA

*Bắt chợt Tháng Ba
Trắng vàng mười sáu tháng Ba
Tôi mong mái tóc trắng nhòa thời gian
Thế mà đã mấy mươi năm
Từ ngày chợt gọi xa xăm cõi trần
À ơi tiếng mẹ ru ngân...
Tu-oa tiếng khóc trong ngần tuổi thơ*

*Mặc ai, ai vẫn vô tư
Bước chân chập chững đi từ cõi không
Thế rồi nắng tỏa mênh mông...
Bừng lên cuộc sống ánh hồng chên chao
Khóc đời một kiếp xanh xao
Giờ thì đôi mắt lệ trao...khô cần
Gối nghiêng, ướt mặt cũng đành
Trở về cõi mộng ngày xanh thuở nào
Nhớ chi một kiếp hanh hao
Bây chừ chỉ với lao đao một thời...
Ừ thôi một kiếp rong chơi...
Đã nư...giờ với một đời an yên...
(Bất chợt tôi viết...vô duyên...)*

Hai bài thơ *Cỏ dại* và *Bất chợt Tháng Ba*, không có trong tập *Hạt bụi nhỏ*, in năm 2016, chúng tôi dựa trên Trang Văn Thơ Công Giáo, truy cập ngày 24.8.2021. Riêng bài *Bất chợt Tháng Ba*, trang Văn Thơ Công Giáo cho biết, đây là bài thơ định mệnh của Dzuy Sơn Tuyền, viết trước hai ngày ông mất.

Khởi đầu cho bài về nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền, chúng tôi đã in lại mấy đoạn trong bài nói chuyện của ông với chủ đề Thi ca và cầu nguyện, [Thi ca trong đời sống cầu nguyện] tổ chức tại Trung tâm Mục vụ Tổng giáo phận Sài Gòn ngày 06.04.2019. Đây là quan điểm của nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền trong vấn đề sáng tác thơ với tư cách là người tín hữu Công giáo. Và ông đã thể hiện một cách vững vàng, có thể nói là nghiêm chỉnh với chính ông, qua tập *Hạt Bụi Nhỏ*, cách riêng hai chủ đề *Alleluia* và *Magnificat*. Điều này không tránh được sự gò bó hay

gượng ép trong việc dùng từ, bởi tác giả phải thể hiện được cái “đúng”, cái “chuẩn” của ngôn ngữ Kitô giáo.

Thí dụ:

*Mùa chay Thánh đến, mùa Hồng Ân
Sám hối ăn năn, sạch tội trần*

...

*Rũ bỏ thói đời bao tội lỗi
Mau mau tỉnh thức sống canh tân.*

(Alleluia, bài: Mùa chay Thánh)

Hoặc:

*A-Đam E-Và, vườn Ê-Đen
Mùa xuân sáng thế, Xuân Khai Nguyên...
Trời đất giao hòa xuân bất tận
Vô cùng hạnh phúc, cõi bình yên...
Rồi mùa đông, trái cấm Ê-Đen
Hoa ngưng khoe sắc, gió lặng im*

...

*Thế rồi bừng sáng một mùa xuân
Thiên sứ truyền tin... Mẹ “xin vâng”
Con-Chúa-Làm-Người, Xuân Hồng Phúc
Tội tổ tông truyền, tội Hồng-Ân*

(Alleluia, bài: Xuân Hồng Phúc)

Còn ở chủ đề *Magnificat*, có thể nói là đa số các nhà thơ Công giáo không một ai lại không có bài viết về Đức Maria. Hàn Mạc Tử đi vào Văn học Việt Nam

cũng từ hình ảnh của Đức Maria. Thi sĩ đã có những cảm xúc rất sâu sắc về Đức Mẹ, đặc biệt về ngôn ngữ mà thi sĩ đã dùng để diễn tả những cảm nhận của mình về Đức Mẹ, đưa người đọc cũng cảm nhận được một Mẹ Maria và nhà thơ có mối dây liên hệ như Mẹ-Con thật diệu kỳ.

Còn nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền, ông đã viết đến hơn hai mươi bài thơ về Đức Mẹ in trong tập *Hạt Bụi Nhỏ*. Ông đã cảm hứng từ một vài tước hiệu của Đức Mẹ, như Mẹ Sầu Bi, Mẹ Lên Trời, Sao Biển, Mẹ Mân Côi... Hoặc chuyển ý một bài thơ của Têrêsa Hải Đồng Giêsu và chuyển ngữ một bài thơ tiếng Latinh “*Stabat Mater*” (*Mẹ Sầu Bi*) thế kỷ thứ 14. Chúng ta thấy ở phần này, nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền thoáng hơn, ngòi bút của ông “tự do” hơn. Mặc dù thế, về ngôn ngữ Công giáo, ông vẫn muốn giữ những từ quen thuộc, để người đọc thơ ông dễ cảm nhận hơn.

Thí dụ:

*Con Thiên Chúa xuống trần ơn cứu rỗi
cho loài người tội lỗi được thứ tha
Xuân Hồng Phúc, Xuân trời đất giao hòa
Xuân Cứu Thế, đời xưa hoa xuân nở*

*Hoa Mạo Gai rướm máu hoa Thập Tự
Hoa Lưỡi Đòng đâm thấu Trái Tim yêu
Hoa Dấm Chua Mật Đắng trên đời chiều
Hoa Đinh Sắt nở hồng Xuân Hy tế*

(*Magnificat*, bài *Xuân Thập Tự*, đoạn 2,3)

Ngoài ra, với bài thơ *Mẹ Sầu Bi* qua chủ đề *Magnificat*, tác giả đã cho thấy từ Golgotha lộng gió, các môn đồ trốn chạy, đến một thế giới phản bội khổ đau, hình ảnh của Mẹ lặng im dưới Núi Sọ chịu đựng, tha thứ, nhà thơ cảm xúc:

*“Hỡi Bà...đây là con Bà”
Và từ đó con là con của Mẹ
Và từ đó trải qua bao thế hệ
Mẹ dạy con biết nghèo khó, khiêm cung
Biết xót thương và phải biết cảm thông
Biết chia sẻ và thật lòng tha thứ
...như ngày xưa trên đồi “Gol” lộng gió
Đoàn quân dữ đang gào thét dưới kia
Và Môn Đệ đã bỏ Chúa ra đi
Mẹ đón đau...nhưng Mẹ tha thứ hết
Ôm vào lòng tất cả, dù Mẹ biết
Sẽ nhiều lần con phản bội vong ân
Sẽ nhiều lần đóng đinh Chúa từ nhân
Mẹ đau đớn, Mẹ âm thầm chịu đựng
...và giờ đây...bên Mẹ con cảm nhận
Biết bao người đang gánh chịu khổ đau
Mẹ dạy con, chia sẻ nỗi u sầu
Với anh em trong khó khăn cuộc sống
Dù vất vả với bao điều cay đắng
Vẫn theo Mẹ...xin đồng hành với con
Như ngày xưa trên núi Sọ cô đơn
Mẹ đồng hành với Chúa Con... chí ái
Mẹ Sầu Bi...với cõi lòng tê tái
Dưới Thập Tự...Mẹ đứng đó lặng im...*

*Nhìn Con Yêu, đau xé cả trái tim
Vẫn chịu đựng, vẫn ân cần, tha thứ...*

(*Magnificat*, bài *Mẹ Sầu Bi*)

Tuy nhiên, ở chủ đề *Benedictus*, lời ngợi khen, chúc tụng Thiên Chúa, nhà thơ như được chấp cánh bay cao vào miền vô biên, bay lên tận miền Đâu Suất (chữ của Hàn Mặc Tử). Từ Trái cấm, bông sen, ngọn nến trên bàn thờ, cho đến hạt bụi v.v... thi sĩ của chúng ta đã biểu lộ hầu như trọn vẹn một nhân vị mà Chúa đã tạo thành để làm thơ chúc tụng, ngợi khen Chúa, dù sống giữa một thế gian bất trung, nhà thơ vẫn phó thác và ẩn náu trong Chúa.

E ẤP SEN

*Ô kìa hoa trắng giữa bùn đen
Thoang thoang thơm đưa một búp sen
E ấp trong lầy e ấp nở
Rộn ràng trên sóng rộn ràng khen
Nhị vàng trâm trọng dù bão tố
Bông trắng ân cần dấu khó hèn
Cảm tạ ơn Trời cho mãi mãi
Giữa bùn bông trắng vẫn đua chen.*

CHỈ LÀ HẠT BỤI

*Ôi lạy Chúa, con chỉ là hạt bụi
Hạt bụi nhỏ Chúa tác tạo nên*

Từ lúc sinh ra cho đến hơi thở tàn
Con mãi mãi là “Số-Không” ...tròn trịa
Giữa cuộc đời tuyệt mỹ Chúa cho con
Bao Mùa Xuân rộn rã những chờ mong...
Và nôn nao cánh phượng hồng gót nhỏ
Đón mùa hạ giữa khung trời nhưng nhớ
Kìa mùa thu trên thảm cỏ xanh êm
Bao lá vàng thanh thảo phận đời riêng...
Và mùa đông ấm nồng bên bếp lửa...
Và như thế cuộc đời con quá đủ...
Rồi có lúc tưởng đời con mất cả...
Con buồn đau, con lo lắng triền miên...
Con trách Chúa, trách Trời...đến ngã nghiêng
Mà không nghĩ con là “không không” đó...
Ôi lạy Chúa, trọn đời xin tha thứ
Con sinh ra, con chỉ là hạt bụi
Là “không không” chẳng có một chút chi
Thì bây giờ con có mất, chẳng còn gì
Cũng lẽ thường, khi trở về tay trắng...
Ôi lạy Chúa, từ nay con nguyện sống
Trọn đời mình theo Thánh Ý mà thôi
Dù bôn ba, dù trắng cả cuộc đời
Cám ơn Chúa, cho con là hạt bụi
Hạt bụi nhỏ vẫn mãi mãi bay bay...

Có thân phận tạo vật nào hèn mọn hơn hạt bụi? Thế mà nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên tự ví mình là hạt bụi nhỏ. Chúng ta bước thêm một bước theo Giáo lý của Hội thánh Công giáo: Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh Thiên Chúa. Như vậy là trong các loài thọ tạo,

con người cao quý và mầu nhiệm hơn cả. Trong nhân loại, có lẽ chẳng mấy ai nghĩ đến hạt bụi nhỏ mà Thiên Chúa đã tạo nên rải rác trên khắp nơi khắp chốn, người ta vẫn dẫm đạp lên, nhưng Thiên Chúa vẫn không loại bỏ. Nó vẫn tồn tại mặc dù con người vô tình lãng quên. Chỉ có nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên của chúng ta đã nghĩ về nó như thể ông muốn mặc lấy thân phận hạt bụi nhỏ. Chỉ riêng đề tài này, nên kể cả bài Cỏ dại, tác giả đã viết thành ba bài với cùng một ý nghĩa, song dài ngắn và nội dung vẫn tất hay phong phú hơn. Mặc dù bé nhỏ thế, ông vẫn ca tụng Thiên Chúa. Ông cảm nhận mình được tự do trong sự quan phòng của Đấng tạo thành.

Chẳng có tạo vật nào là “không-không” trước Thiên Chúa. Hạt bụi là một bài thơ tuyên xưng đức tin, tác giả tin vào sự tạo thành của Thiên Chúa, tin vào Tình Yêu diệu kỳ của Ngài. Tác giả tập thơ *Hạt Bụi Nhỏ* đã vạch ra cho mình con đường hay chính ông đã nhận ra thánh ý Chúa, đã chọn ông để tuyên xưng niềm tin vào sự quan phòng toàn năng và yêu thương của Chúa đối với mọi tạo vật, cho dù đó là tạo vật nhỏ bé nhất trong các loài thọ tạo. Đó là Hạt Bụi! Nhưng đối với nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên, hạt bụi đã trở nên một hình ảnh cụ thể và chân thực nhất đối với phận người. Con người đã làm hư chính mình khi phản bội và chối bỏ Đấng Tạo Thành nên mình.

Nhà thơ Dzuy Sơn Tuyên đã đi chọn con đường trong kiếp hạt bụi. Nhưng còn trong kiếp người trong sứ mạng Kitô hữu? Dù thế nào đi nữa, ông vẫn còn đầy với con người trần thế, giữa một thế giới mênh mông bạo tàn, ác độc. Vẫn còn đầy những Giám mục, Linh mục, Tu sĩ

nam nữ và những Tín hữu Kitô ở mọi nơi trên địa cầu này, đã bị sát hại, bị khủng bố, bị đem đi v.v...

Qua tập thơ *Hạt Bụi Nhỏ*, gồm 102 bài, chúng tôi thấy “con-người-cụ-thể” vắng mặt, cho dù trong một số bài, những gian dối, tội lỗi, hận thù, phản bội, ghen ghét, u sầu, khóc than, đoạn trường v.v... tác giả cũng đưa vào trong một số bài, nhưng đây là những bất toàn của con người thuộc mọi thành phần trong xã hội nói chung, không phải là những tiếng gào thét cụ thể của những phận người bị tra tấn, bị sát hại... trong rất nhiều trường hợp, mà chúng tôi thiên nghĩ, những người Kitô viết văn, làm thơ, những người hoạt động trong ngành truyền thông không thể bỏ qua.

“Ngày nay người ta nói nhiều về vai trò ngôn sứ của Giáo hội. Từ ngữ đó đôi khi bị lạm dụng. Nhưng đúng là Giáo hội không bao giờ được phép chạy theo thời. Giáo hội phải nói lên cái xấu và cái nguy của thời đại; phải nhắc nhở lương tâm những kẻ có quyền, cả những người trí thức, và cả những kẻ thờ ơ hẹp hòi trước những nỗi thống khổ của thời đại.”

(Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI)

HÀN LỆ THU

Chị tên thật là Clara Cécilia Nguyễn Thị Thu Cúc, sinh ngày 11.08.1940 tại thôn Thiều Quang, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Mắc bệnh phong và vào trại phong Nha Trang năm 1955, ra Huế năm 1957 rồi về trại phong Quy Hòa, Qui Nhơn năm 1959 và ở đó cho đến khi qua đời vào năm 2007. Trong thời gian này, thỉnh thoảng có vào Nha Trang, và cũng có một giai đoạn về Gò Bồi sống với gia đình.

Chị nhận Bí tích Rửa tội ngày 23.12.1966 do cha Romer Triết, thuộc Hội Thừa sai Paris. Được cảm nhận ơn Chúa, chị muốn chia sẻ cho người khác. Chị luôn mau mắn góp phần phục vụ các bệnh nhân khác trong viện dưỡng lão Quy Hòa.

Chị Hàn Lệ Thu qua đời lúc 13 giờ 20, ngày 15.01.2007 tại trại phong Quy Hòa. Hưởng thọ 68 tuổi. An táng tại Nghĩa trang bệnh viện Quy Hòa.

(*Theo*: Long Biên Trương Quang Nguyên, trong quyển: *Những bài thơ Việt Nam hay lạ xưa nay*, quyển 2, nxb Văn Nghệ, 2009, trang 48)

Đọc xong mấy dòng tiểu sử này, tôi dừng lại ít phút để cho cuộc đời của chị Hàn Lệ Thu in dấu trong tôi. Tôi tưởng tượng một người con gái, có một lúc nào đó ở cái tuổi 15, đang còn tươi trẻ, yêu đời bỗng nhận thấy trên thân thể mình xuất hiện những dấu hiệu của bệnh phong, một căn bệnh quái ác, đau đớn, tàn phá một đời người! Tôi không biết, lúc đó, chị và những người thân trong nhà sẽ phản ứng như thế nào? Nhưng theo lẽ thường tình con người, họ sẽ hoảng sợ, kinh hãi, đau đớn và bối rối! Cuối tháng 12 năm 2005, nhân lần về quê dự thánh lễ truyền chức cho 57 thầy phó tế tại nhà thờ lớn Hà Nội, do Đức Hồng y Crescencio Sepe chủ sự. Mấy ngày sau đó, tôi theo các tân linh mục Hà Nội, trong số có một người nhà, đi thăm mấy trại phong thuộc TGP Hà Nội, trong số này có trại Quả Cắm. Các linh mục cử hành một thánh lễ đồng tế ở nhà nguyện của trại cầu nguyện cho họ. Tôi không thể quên được chuyến thăm này. Ấn tượng nơi đây là rất đậm trong tôi, từ phía xa vào đến trại là khung cảnh thiên nhiên lặng lẽ, đến khoảng sân trong trại, ngôi nhà nguyện nhỏ bé và cuối cùng là mấy chục bệnh nhân hiện diện trong thánh lễ, qua khuôn mặt và những bàn tay của họ.

Bây giờ, đọc mấy dòng tiểu sử của chị Hàn Lệ Thu, tôi lại nhớ đến các bệnh nhân ở trại Quả Cắm, hình dung hình hài chị nơi bệnh viện Quy Hòa, nơi Hàn Mặc Tử cũng đã sống một thời gian, ngắn hơn rất nhiều thời gian chị Hàn Lệ Thu ở tại đây.

Người đời không biết nhiều đến thơ của Hàn Lệ Thu, hay là do tôi không có, ngoại trừ hai bài *Nhạc*

lòng và *Trắng* trong cuốn *Góp nhặt thơ Công giáo Việt Nam*, do nhà thơ Trắng Thập Tự tuyển chọn, nxb Thuận Hóa, Huế ấn hành năm 1999, trang 104, và ba bài: *Đêm nghe tiếng cú*, *Đổi ngọc* và *Mạng nhận cuộc đời*, chúng tôi dựa theo quyển *Những bài thơ Việt Nam hay lạ xưa nay*, tập 2, do Long Biên Trương Quang Nguyên biên soạn, nxb Văn Nghệ, 2009. Chúng tôi đã tạ những vị góp nhặt, sưu tầm và biên soạn để cống hiến cho những người yêu thơ những tác phẩm giá trị này.

Đọc hai bài thơ này, chúng ta cảm thông những u buồn trong lòng tác giả. Lời thơ của chị là chính con người đớn đau của chị, nên cảm xúc là dạt dào đến vô tận. Tuy nhiên, không hẳn tất cả không gian và môi trường chung quanh người bệnh là u ám, tẻ nhạt, bệnh hoạn cả đâu. Ở đó còn con người, tiêu biểu cho một giá trị tinh thần, còn niềm an ủi, còn niềm vui, như hình ảnh người mặc áo chùng trắng trong bài “*Trắng*”.

NHẠC LÒNG

*Đã lâu lắm hôm nay con cầm lại
Cây đàn xưa rung thử mấy trường canh
Cécilia! Con buông đàn tê tái
Cổ nghẹn ngào nước mắt chạy vòng quanh*

*Mười ngón tay đã từng làm mát ngọt
Bao tâm hồn khách ngưỡng mộ âm thanh
Mười ngón tay từng gieo niềm thương xót
Cho thi nhân phong phú mạch thơ lành.*

*Nhớ hồi nhỏ thường đùa thi nhạc fox
Ai nhanh hơn thầy thưởng dắt đi chơi
Marchant Anglais nhanh hơn gió lốc
Thầy mỉm cười sung sướng lệ gần rơi.*

*Mà giờ đây Cécilia ơi!
Còn đâu nữa thanh âm thời tươi trẻ
Con úp mặt lên bài ca Đức Mẹ
Nghe nhạc lòng chảy thấm mặn bờ môi.*

TRẮNG

*Bốn bức tường bệnh viện
Chút màu trắng khăn tang
Những bước chân liếng xiếng
Những cung mi lệ tàn*

*Nhưng kìa một bóng trắng
Thoăn thoắt theo nhịp thơ
Khuôn mặt tròn tươi tắn
Em nhoẻn cười “ma soeur”!*

1964

Đêm nghe tiếng cú, là một tâm trạng khác của Hàn Lê Thu, khi đối diện với một đêm lặng lẽ, nghe tiếng chim cú vọng lại, khiến nhà thơ hướng về thiên giới nguyện cầu, xin cho mình một tia sáng và tràn trên mọi thế nhân, để không còn nghe tiếng cú bi ai.

Lời nguyện cầu là một dấu hiệu của nhân bản, của tình liên đới nhân loại. Nhà thơ Hàn Lệ Thu, trong đón đau, vẫn còn biểu lộ một chân tình gửi cho con người trong một thời đại người ta vô cảm trước những thương đau khốn cùng trước mắt. Bài Nhạc lòng nói cho chúng ta biết, thi sĩ Hàn Lệ Thu còn là một nghệ sĩ dương cầm:

*Mười ngón tay đã từng làm mát ngọt
Bao tâm hồn khách ngưỡng mộ âm thanh
Mười ngón tay từng gieo niềm thương xót
Cho thi nhân phong phú mạch thơm lành.*

ĐÊM NGHE TIẾNG CÚ

*Đêm tịch mịch chìm sâu trong bóng tối
Dãy thông dài tấu khúc nhạc ai bi
Đôi mắt còn uơn ướt lệ tràn mi
Và từng tiếng thở dài theo tiếng cú*

*Vang thanh âm lên một vì tinh tú
Như cầu xin tia ánh sáng vô ngần
Rưới vào con và thấm cả thế nhân
Cho tiếng cú không còn trong đêm tối.*

*Maria! Con đang giờ hấp hối!
Thuyền lòng con vùi dập lớp phong ba
Giọng cầu xin trong nước mắt chan hòa
Mẹ ơi Mẹ! Đưa con vào ánh sáng*

*Cho con một ngày xuân quang đãng
Xóa nhòa muôn hình ảnh của đêm thâu
Đọt dừa non nắng nhuộm ướm tươi màu
Không một chiếc lá vàng rơi tiếng gió.*

Nhà thơ Hàn Lệ Thu thực thà thưa với Chúa: “*Tài sản con có gì đem đổi ngọc?*” như Dụ ngôn về ngọc quý, (Mt 13, 44-45). Nhà thơ giải bày hết ra cho Chúa: nhà cửa: không!, Ruộng nương : không! Vài con gia súc nhỏ bé, nghèo nàn nhất, chị cũng không có. Ngay đến một chút kiến thức và cái hình hài của mình cũng bị “*vi trùng nuốt mất*”. Thế thì, “*Chúa ơi! Con có gì để bán*”, “*Để mà mua được Ngọc Quý nước trời?!*”

Chúng ta tin, trước những thương đau và nhất là trước một niềm tin vào Chúa duy nhất, như nhà thơ Hàn Lệ Thu, chúng ta nghe tiếng nói từ cõi sâu, là tiếng nói tình yêu, cứu độ:

*Con có đó: bao đau thương tích tụ
Mấy chục năm thành núi đứng âm thầm...!
Những cơn sốt vết thương hành mưng mủ
Những lạnh lùng đời cách biệt tri âm!*

Đây là niềm tin của tác giả biểu hiện trong bài:

ĐỔI NGỌC

*Tài sản con có gì đem đổi ngọc?
Ruộng vườn - không! Nhà cửa - cũng không luôn!
Nuôi gia súc thì không người chăm sóc (độc thân)*

*Nên gục dần theo năm tháng u buồn!
Bất chim trời - không cung tên bẫy rập
Cá biển khơi - không một tấc lưới chài
Chút kiến thức bị vi trùng nuốt mất
Chuta đủ no, chúng nhai cả hình hài!
Vậy, Chúa ơi! Con có gì để bán
Để mà mua được Ngọc Quý nước trời?!*
*Trong thinh lặng...con nghe lời Chúa phán:
Hỡi Clara khờ dại của Cha ơi!*

*Con có đó: bao đau thương tích tụ
Mấy chục năm thành núi đứng âm thầm...!
Những cơn sốt vết thương hành mưng mủ
Những lạnh lùng đời cách biệt tri âm!*

*Con có đó: với thân hình chim sẻ
Phải trèo lên cây vả ngắm nhìn Cha
(Ôn đặc sủng dành cho con nhỏ bé
Được cùng Cha song bước dẫn về nhà)
Ôi tài sản con giàu đau thương quá!
Cha chờ con trên Đỉnh vắng hoàng hôn...
Mau đứng dậy mang hành trang tất cả
Cha đổi cho Ngọc Quý mãi trường tồn.*

Ghi chú của tác giả:

“Bài thơ bị gián đoạn mấy năm, tác giả tiếp bút từ đoạn “Con có đó...” vào lễ thánh Phanxicô - thứ sáu 04.10.2002

Hai câu thơ làm người viết ứa lệ:

*Chút kiến thức bị vi trùng nuốt mất
Chưa đủ no, chúng nhai cả hình hài!*

Chị Clara Cécilia Hàn Lệ Thu! Chị không cô đơn. Ngay trong quyển sách này, chị cũng khổng lẻ loi. Độc giả Công giáo thương nhớ chị. Chúng tôi cầu nguyện cho chị và tin rằng:

*Ôi tài sản con giàu đau thương quá!
Cha chờ con trên Đỉnh vắng hoàng hôn...
Mau đứng dậy mang hành trang tất cả
Cha đổi cho Ngọc Quý mãi trường tồn*

Những trang ở đầu sách này, chúng tôi đã gặp được một bài thơ hay của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường, tức Linh mục Nguyễn Trọng Tước SJ. Ngài viết về cái mạng nhện trong đời sống thiêng liêng:

*Cứ ngỡ lời kinh này là trầm nển hương hoa
Cứ ngỡ lời kinh này là rất đổi thiết tha
Cứ ngỡ tình yêu này mãi mãi không phai nhòa
Nhưng hôm nay thập giá
Nhện chằng kín mặt mày
Nhưng hôm nay tượng đá
Nhện phủ kín hai tay*

Nhà thơ Hàn Lệ Thu cũng viết một bài về cái mạng nhện cuộc đời. Chị ví mình như con nhện: “*Phần con*

*chẳng khác nhện gì - Dối gian giăng phủ lối đi nẻo về”,
chị khác nhà thơ Nguyễn Tầm Thường ở khía cạnh này:
“Miệt mài nhện mãi giăng tơ - Miệt mài con dệt giấc mơ
ảo huyền”.*

MẠNG NHỆN CUỘC ĐỜI

*Miệt mài nhện mãi giăng tơ
Miệt mài con dệt giấc mơ ảo huyền
Nên giờ chẳng phút bình yên
Quanh con giăng phủ muện phiền Chúa ơi!*

*Nhện kia cứ mãi một đời
Đem tơ giăng phủ khắp trời nhân gian
Dấu cho người ghét vô vàn
Nhện giăng tơ mãi chẳng màng sự chi.*

*Phần con chẳng khác nhện gì
Dối gian giăng phủ lối đi nẻo về
Để rồi khi tỉnh cơn mê
Lặng nhìn Thánh giá tái tê cõi lòng.*

*Ô kìa Chúa vẫn chờ mong
Dấu con làm Chúa buồn lòng xót xa
Đôi vòng tay vẫn mở ra
Đón con bằng cả bao la ân tình.*

*Ngẩn ngơ nhìn lại chính mình
Mối hay con quá vô tình Chúa ơi!
Con sao giống nhện một đời
Chỉ giăng tơ chẳng nghe lời Chúa ban.*

*Ôn Cha thì vẫn tuôn tràn
Phần con vẫn thế muôn vàn tội nợ
Chúa ơi! Sao Chúa mãi chờ
Dẫu khi con trở ở hờ ngoảnh đi.*

*Để giờ khi chẳng còn chi
Ngước nhìn thập giá buồn gì Chúa ơi!
Ôi mạng nhện của cuộc đời
Bao giờ con mới xa rời nó đây?*

*Giêsu ơi! Con chấp tay
Xin Người ngự xuống từng ngày bên con
Để đời con...vẫn nguyên còn
Một lòng tín thác sắt son nơi Người.*

(02/2006)

Bài *Mạng nhện cuộc đời* tiêu biểu cho tinh thần nhân bản, sâu sắc và hiếm thấy trong thi ca Công giáo Việt Nam hiện nay cũng như trước. Tác giả như trút tất cả nỗi lòng mình cho Chúa, đau thương và mệt mỏi đấy, nhưng bài thơ này cũng như mấy bài khác đã cho thấy lòng tin của chị không hề sa sút. Nhà thơ vẫn vững vàng tín thác trong tay Chúa.

HUAN DUNG

Thi tập: *Thơ Huan Dung*

Tiểu sử của nhà thơ Huan Dung (do tác giả cung cấp): Sinh ngày 31.10.1958, tại Đà Nẵng. Bút hiệu: Petrus.tran (2006 - Suy tư Lời Chúa), Huan Dung (1975 - thơ)

Suy tư Lời Chúa: Để củng cố niềm tin và để sống Lời Chúa.

Thơ: Diễn tả những nỗi đau trong cuộc sống, những nỗi buồn của tình yêu, và những hy vọng của niềm tin vào Thiên Chúa.

Đã cộng tác với: <https://gxdaminh.net>
<https://lebaotinhbmt.com>
<https://gpbanmethuot.com>

Trang cá nhân: <https://www.facebook.com/dung.huan>
<https://twitter.com/petrus.tran>

Huan Dung là một bút danh khá xa lạ đối với giới thi ca Công giáo tại Việt Nam. Bút danh này chỉ được chọn một cách ngẫu nhiên để ký dưới một bài thơ. Tác giả không bỏ dấu và thấy nó hay hay, nên dùng nó luôn khi ông làm thơ. Thật sự, trước khi viết suy niệm về Lời

Chúa hay Kinh Thánh, Trần Thanh Trung đã làm thơ, nhưng không phổ biến. Ông chuyển hẳn sang viết về suy niệm Lời Chúa, đặc biệt là Tân Ước. Một linh mục đã nhận xét về những bài này và nói về bút pháp của ông là có tính chất “bút chiến”.

NGÔN NGỮ BÚT CHIẾN TRONG THƠ HUAN DUNG

Chúng ta sẽ thấy tính chất này cũng được biểu lộ trong thơ Huan Dung. Đôi bài, từ ngữ của ông dễ đụng chạm:

VỀ ĐÂY...

*Con về đây,
Ngôi giáo đường yêu mến
Ngước nhìn lên
Thánh Mẫu Đức Giêsu
Khuôn mặt Mẹ
Thoang thoảng nét u buồn
Khiến hồn con
Không khỏi chút bấn khoăn...
Có phải chăng,
Mẹ đang vương vấn sầu.*

*Có phải chăng
Mẹ đang sầu vấn vương !
Gánh sầu thương,
Vì đàn con bội phản,
Chúng bội phản*

Thờ phượng lũ sa-tan.
Chúng bội phản,
Niềm tin mình tuyên tín.
Lời tuyên tín:
“Chỉ có một đức tin”.
Rằng chỉ có:
Chỉ có: “một phép rửa”.
Và, chỉ có:
“Một Chúa - Người là Cha”.
Ôi! Giờ đây,
Chúng thờ ma, thờ quỷ.

Con về đây,
Ngôi giáo đường yêu mến
Ngước nhìn lên,
Thánh Mẫu Đức Giêsu
Con biết rằng:
Là người “Đầy Ôn Phước”
Mẹ sẽ cất
Tiếng mời gọi “Về Đây!”
Mẹ sẽ gọi,
Này...con mau hãy về
“Về đây nấp bóng sao mai,
Về đây Mẹ sẽ ban nhiều ơn thiêng”

Hôm nay, về lại giáo đường,
Con trông lên Mẹ cất lời ngợi ca.
Thánh Maria - tình Mẹ bao la,
Mẹ ơi, con sẽ nhớ lời về đây.

Saigon 11.09.2021

NHÀ THƠ HUAN DUNG VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19

TÔI VÀO GHẾT-SÊ...

*Tôi vào vườn Ghết-sê,
Vườn Ghết-sê tôi vào...
Là một căn phòng nhỏ,
Cách ly... bị cách ly!
Với cả thế giới bên ngoài,
Với cha, với mẹ lẫn người thân yêu.
Cách ly anh, cách ly em,
Cách ly luôn cả vợ con, bạn bè...*

*Rakhen ơi! Rakhen
Anh gọi em là Rakhen,
Vì Chúa đã gọi em là Rakhen.
Rakhen ơi, em đừng lo,
Đừng lo khi biết anh vào Ghết-sê.*

*Anh vào vườn Ghết-sê,
Mệt mỏi và rã rời. Miệng ho khan,
Đầu nhức nhối.
Tai nghe đầy tiếng cười khả ố,
Tiếng nhạc bóng Chúa Trời...
Của bè lũ Satan,
Chúng ở khắp nơi trên thế giới.*

*Chúng tạo ra virus,
Chúng sản xuất vaccine.*

*Kiểm lợi nhuận trên hàng tở con người.
Mũi 1... mũi 2
Rồi dự định mũi 3.
Thế nhưng lạ chưa!
Người nhiễm hôm nay,
Nhiều hơn hôm qua.
Anh nằm trong danh sách,
Hôm qua... Rakhen ạ!*

*Rồi anh phải tự cách ly,
Trong một căn phòng nhỏ.
Nơi đây anh gặp một người,
Người ấy mệt mỏi rã rời, nhut anh.
Ngài rã rời nằm trên thập giá,
Đầu mào gai, khiến anh bấn khoăn!
Nhìn kìa! Cạnh sườn Ngài rỉ máu,
Đón đau mình, có xá chi đâu!*

*Rakhen ơi!
Người ấy tên là Giêsu.
Em biết và anh cũng biết.
Vườn Cây Dầu năm xuta,
Giêsu - Ngài đã nói:
“Lạy Cha... xin cất chén này...
Đừng như ý con... mà là ý Cha” (Lc 22, 42)*

*Hôm nay, cũng vườn cây dầu,
Rakhen em hãy nguyện cầu cùng anh:
“Lạy Cha, nếu có thể được,
Xin cất chén này xa con.”*

Saigon 20/11/2021

Trong bài thơ này, Huan Dung mượn địa danh Ghetsê (Vườn Cây Dầu) và nhân vật Rakhen trong Kinh thánh để nói về tình trạng dịch Covid-19: người bị nhiễm (FO) phải vào phòng cách ly. Nhân vật Rakhen (Rahel) tên một cô gái Do Thái, một tiên tri và là người vợ đầu tiên của Jacob. Tác giả coi nhân vật Rakhen như người thân yêu của mình để nói về việc mình bị nhiễm Covid, phải vào phòng cách ly, cô đơn và đau đớn như thế nào. Nhân đó, tác giả hồi tưởng Chúa Giêsu cũng đã vào Ghetsê, đầu đội mạo gai, cạnh sườn Người rỉ máu và cuối cùng nằm trên thập giá..., thì đớn đau của mình có là gì!

Bài thơ là một cảm xúc mạnh như một dòng chảy liên tục, mang tính nhân bản. Rất cảm động. Tác giả nói về mình hay nói về tất cả những ai nhiễm Covid-19 trong những năm dịch cúm xảy ra trên toàn cầu, cũng sẽ nhận ra mình ở trong tình trạng bi thảm ấy.

Dưới đây là hai bài thơ nữa về cơn dịch Covid-19:

HAI NĂM RỒI CHÚA ƠI!

(Một chút cảm nghiệm trước thảm cảnh do dịch bệnh Covid 19 gây ra.

Với đôi dòng cảm hứng qua thơ Nguyễn Tất Nhiên)

*Hai năm trời dịch bệnh,
Hai năm rồi Chúa ơi!
Bao con người chia cách,
Chia cách rồi chia ly...*

*Giêsu - Ngài có biết,
Covid đang “tung tăng”...*

*Khiến bao người bấn khoăn,
Bao gia đình ly tán.*

*Giêsu - Ngài có thấy,
Covid quá hung hăng,
Biết bao người vĩnh biệt,
Nhà trắng đầy khăn tang.*

*Con bây giờ như kẻ,
Chết trôi bên cuộc đời.
Con bây giờ như thế,
Hồn hóa đá vọng phu.*

*Hai năm rồi Chúa ơi!
Bao con người đang đói...
Đói cuộc sống an bình,
Đói lòng Chúa xót thương.*

*Hai năm trời vất vưởng,
Hai năm rồi Chúa ơi!
Saigon tháng chín con chờ,
Chờ ơn Chúa cứu - người người hồi sinh.*

(Saigon 15/09/2021)

SAO LÀ CON...

*Tôi bị nhiễm Covi,
Mười bốn ngày cách ly.
Ho khan và mệt mỏi,
Nhức nhối đến rã rời.*

Mười bốn ngày cô đơn,
Trong căn phòng bé nhỏ.
Không bạn bè, không vợ con,
Không cha, không mẹ... bên mình không ai.

Trong nỗi đau khôn tả,
Tôi kêu thấu trời cao.
Chúa ơi! sao là con,
Sao là con... Lạy Chúa!

Xưa có người con gái,
Ở xứ Ca-na-an.
Phải cách ly mọi người,
Bởi nàng bị quỷ ám.

Mẹ nàng vào hồi ấy,
Nghe Giêsu đi qua.
Với niềm tin mạnh mẽ,
Bà lớn tiếng van xin.

Bà van xin Giêsu:
“...Xin rủ lòng thương tôi,
Con tôi bị quỷ ám;
Khổ sở lắm... Ngài ơi!”

Nhìn thấy niềm tin bà,
Một niềm tin mạnh mẽ,
Giêsu đã phán rằng:
“Bà muốn sao được vậy.” (Mt 15, 28)

*Như cô gái Ca-na-an,
Chúa ơi! con cũng vô vàn đớn đau.
Niềm tin con không vững vàng,
Nhưng con vẫn cứ nài van xin Ngài.
Xin Ngài cứu giúp con, nha!*

Saigon 06/12/2021

Hai bài thơ: *Tôi vào Ghét-sê* và bài *Sao là con...*, tác giả đã sống cái hiện thực và kéo cái cụ thể trong Kinh Thánh lại gần nhau, xác định niềm tin của mình vào Đức Giêsu Kitô. Ngôn từ trong hai bài phản ánh tâm trạng đớn đau, nhưng cũng phân định rõ nguyên nhân. Và chính điều này là một biểu lộ của một tinh thần mang tính chiến đấu. Chiến đấu với chính bản thân đau đớn của mình.

NHÀ THƠ HUAN DUNG VỚI CHIẾN TRANH

Cũng vẫn cách suy nghĩ liên tưởng, kéo hai sự kiện ở hai nơi, hai hoàn cảnh khác nhau, sát lại nhau để tạo nên một bối cảnh rộng lớn đồng thời cũng cho thấy nỗi khốn cùng của con người ở những giai đoạn khác nhau, là sự tàn bạo của con người đóng vai tác nhân, phủ nhận sự sống của kẻ khác. Ở đây là Việt Nam, “Mùa hè đỏ lửa”, là “30.4”, là Dakto hay Kherson của Ukraine... Ngôn từ của Huan Dung biểu lộ sự thiết tha đến sự sống con người. Ông như cho thấy sự cảm xúc của mình từ trong cõi sâu tuôn trào liên lỉ, khiến người viết cũng không muốn ngắt lại một khoản nào, một

đoạn nào của bài thơ, vì như thế là làm ngưng lại dòng chảy đang rất mạnh.

BẢN KHOẢN

*Chiều hôm qua,
lên trang mạng.
tìm tin tức
nước UKRAINE.
một bản tin “breaking news”,
“Kherson... thành phố Kherson đã thất thủ”,
Đọc xong... tôi không khỏi bàng hoàng.*

*Không bàng hoàng sao được!
Khi bản tin loan tải.
Hàng ngàn hỏa tiễn hành trình,
Nã vô tội vạ lên mình người dân.*

*“Rê chuột” lên Kherson,
Thấy bao cảnh đau thương.
Trên khắp mọi nẻo đường,
“Người ta bỗng bế nhau chạy trốn” (*).*

*Nhìn Kherson di tản,
Tôi nhớ đến Dakto.
Năm một chín bảy hai,
“Mẹ (cũng) bỏ Dakto, (kể) từ khi giặc tới.
Cả giang san công nặng một lưng gùi
Mẹ bỏ lại cái buôn rừng rục lửa...” (**)*

*Nhìn Kherson thất thủ,
Tôi lại nhớ Pleiku.
Nhớ em gái má đỏ,
Nhớ em gái môi hồng...
Điù dất nhau chạy giặc,
Hồi một chín bảy lăm.
Trên tỉnh lộ số bảy.
Chết chóc và đổ nát,
Cũng bởi hỏa tiễn của Nga
Như Kherson đã và đang hứng chịu.*

*Sáng hôm nay, đến nhà thờ,
Đến trong tâm trạng cõi lòng bấn khoăn.
Bấn khoăn tôi hỏi Chúa rằng:
KYIV liệu sẽ có ngày “BA MƯƠI”? (***)*

Saigon 03/2022

-
- (*) “Hát trên những xác người” - Trịnh Công Sơn.
 - (**) Thơ Phạm Lê Phan.
 - (***) Ngày 30/04/1975 Saigon thất thủ.

Dưới đây là những lời tác giả cầu nguyện cho Mariupol.

*Như một lời cầu nguyện cho Mariupol.
Như một lời cầu nguyện cho thành phố Đức Maria
Mariuuupool... MẸ ƠI!*

Chiều hôm qua,
Tôi lại lên trang mạng.
Vào google map,
Tìm đến nước Ukraine...
rồi vào vùng chiến sự,
Vùng chiến sự Mariupol.
Chúa tôi ơi! thật kinh hoàng.
Kinh hoàng khi thấy người người thương vong.

Hàng ngàn người thương vong,
Bởi hỏa tiễn siêu thanh.
Bởi tiêm kích, cường kích,
Trang bị đầy “bom chùm”
Của Nga Sô.

Bom chùm thả bừa bãi,
Hỏa tiễn nã liên hồi,
Mười phút lại một đợt,
Bất kể ngày hay đêm...

Mariupol... Mariupol...
Thành phố ĐỨC MARIA,
Chỉ sau vài “pass” bom chùm,
Buồn ghê! giờ đã như là nghĩa trang.
Xác người nằm chết ngổn ngang,
Xác người nằm chết tràn lan bên đường.
Xác người chết trong giáo đường,
Giáo đường tên “Mẹ hồn xác lên trời” ... CHÚA ƠI!

Nhìn thảm cảnh Mariupol,
Nhớ Thánh Đường La-Vang...

Năm một chín bảy hai,
Hồi “Mùa hè đỏ lửa”
Cũng “ăn” đầy đạn pháo.
Pháo một ba mươi ly,
Đạn SA.7 tầm nhiệt...
... cũng của Nga-sô.

Lệnh khai hỏa vang lên...
La-Vang phút chốc tan hoang,
Thánh Đường đổ nát không còn mái che.
Khăn xô chút trắng đầy nhà,
Thằng em ba tuổi, trở thành mồ côi.
Có “một chiếc xe tang”
Cán “trái mìn nổ chập...”
“Người chết hai lần, thịt da nát tan”⁽¹⁾

Chiều hôm nay,
Ôm nỗi buồn lặng lẽ.
Tôi đến Vương Cung Thánh Đường,
Tôi đến để gặp “NỮ VƯƠNG HÒA BÌNH”

Bên Đức Mẹ Nữ Vương,
Nghẹn ngào tôi cất tiếng:
“Kính mừng Nữ Vương,
Nữ Vương Hòa Bình,
Nữ Vương Hòa Bình.
đây bao tâm hồn thao thức.
Dân con (Mariupol) nao nức
cất tiếng ca mừng vui,

Kính chào Nữ Vương Hòa Bình.”⁽²⁾

*Nhìn lên Đức Mẹ Nữ Vương,
Tôi đã lớn tiếng van lơn:
“Xin Mẹ xuống muôn ơn,
Cho nước (Ukraine) thoát cơn nguy nan
Cho dân (Mariupol) thấy ngày bình an”⁽³⁾*

*Tôi đã lớn tiếng van lơn:
Mariuuupoooool... MẸ ƠI!*

Saigon 23/03/2022

(1) *Ngụ Ngôn Mùa Đông* - Trịnh Công Sơn.
(2&3) *Nữ Vương Hòa Bình* - Hải Linh.

Thơ của Huan Dung có tính hiện thực, là nỗi đau khốn cùng của con người. Nhưng ông không theo một chủ nghĩa nào được bàn thảo trong văn học. Bởi nhà thơ sống như thế, nên viết như thế. Vì thế mà thơ Huan Dung thiếu ngôn ngữ chải chuốt như thường thấy ở những nhà thơ khác, kể cả những nhà thơ Công giáo. Cái thực của Huan Dung là “mạnh mẽ” từ trong tư tưởng phát sinh ngôn ngữ thơ.

Bài Thẩn thức dưới đây thuộc về thơ hiếm của Huan Dung, vì tác giả không viết về “cái tôi” của mình, một “cái tôi” cô độc, cái tôi quẩn quại, rên rỉ, nước mắt đầm đìa hay rượu say liêu xiêu... “vì tình”. Không! Huan Dung không viết về “cái tôi” như thế, “cái tôi” không

có liên đới với người khác! Nhưng ở bài *Thổn thức* thì điều này lại hiện rõ. Phải chăng đây là một trường hợp bất ngờ, không hẹn mà đến?

THỔN THỨC

*Buổi chiều bệnh viện buồn tênh,
Bỗng nhiên, em đến cho thêm u buồn!
Em có biết, vì sao không?
Vì sao biết được, khi lòng băng khuâng,*

*Em đã đến, dù chưa quen thân;
Đi bên em, anh biết thêm rằng:
Thấy anh buồn, em không nở,
Và em đã đến, bất ngờ hờ anh!*

*Hôm qua phố vắng người thưa,
Cùng em đi dưới nắng trưa Saigon.
Những câu chuyện băng quơ,
Những lời nói vu vơ...
Đôi mắt nhìn, miệng cười.*

*Cho tôi giấc ngủ đêm dài,
Cho tôi mộng thấy gót hài nhẹ bên.
Cho tôi ngỏ với sao đêm,
Rằng tôi đã thật say mê em rồi.
Sao về nhớ lấy lời tôi.*

Trường hợp bài *Mẹ tôi* lại tương phản với bài *Thổn thức*, tác giả viết về một người mẹ với mấy đứa con ở

vùng kinh tế mới, đời sống nơi đây khó khăn đủ điều.
Một ngày những đứa con không thấy mẹ về vì một quả
đạn của chiến tranh đã cướp đi mạng sống của bà.

MẸ TÔI

Mẹ đi lên những vùng đất lạ ()
Dựng cơ nghiệp cho một tương lai*

*Một mái nhà siêu vẹo
Vài luống đất rau lang
Dăm cây chuối chừa ruộng
Cùng đàn con bé nhỏ.*

*Ngày ngày vác rựa khai hoang,
Nhặt từng miếng củi đổi khoai đổi mì.*

*Đàn con nhỏ chờ mẹ,
Vào những buổi chiều hôm.
Về trên gánh củi đầy,
Hạnh phúc chỉ là thế.*

*Chiều hôm qua...
Nheo nhóc đàn con chờ,
Mẹ ơi! sao chưa về...
Chúng con buồn muốn khóc.*

*Than ôi! mẹ đã ra đi,
Vì quả tạc đạn...*

*Cuộc chiến vừa qua,
Nay còn sót lại.*

Saigon 1977

(*) Vùng kinh tế mới

Nhà thơ Huan Dung có những cảm nghiệm sâu sắc về cuộc sống. Ông nối cái đau của con người trong lịch sử vào cái đau của con người trong hiện tại. Ông yêu con người, những con người đau khổ, cái yêu ấy tha thiết.

HƯƠNG QUÊ

Tập thơ:

Trường thiên Quê Hương

Tên thật là Giuse Nguyễn Văn Quế, sinh năm 1939 tại xứ Kẻ Vôi, nay là Hà Hồi, huyện Thường Tín, Hà Nội. Năm 1954 vào Sài Gòn tự lập và tự học. Theo học Đại học Luật khoa rồi chuyển sang nghề vẽ. Trước năm 1975, mở xưởng vẽ Adam tại Quận 3, Sài Gòn. Sau năm 1975 dời về đường CMT8 Quận Tân Bình, đổi tên là Nhà vẽ Tinh Hoa. Từ năm 2010 đến nay vẽ tranh sơn dầu tại tư gia và sinh hoạt sáng tác thi ca Công giáo với Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ Sài Gòn.

Tác phẩm hội họa: Tranh tôn giáo, sơn dầu, sáng tác và sao chép.

Thơ: *Trường thiên quê hương* (2006)

Văn: *Ăn Tết quê nhà* (Ký sự vui Xuân Giáp Ngọ 2004)

Bản tiểu sử này, chúng tôi dựa theo quyển: *Có một vườn thơ đạo*, tập 5, nhà thơ Trăng Thập Tự chủ biên. NXB Hồng Đức 2015. Kỷ niệm 75 năm nhà thơ Hàn Mạc Tử qua đời.

Nhà thơ Hương Quê hiện là Chủ nhiệm Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ Sài Gòn. Ông sinh trưởng trong một gia đình hàn nho, có ba đời nội ngoại làm đồng y và là bổn đạo tại quê hương Cha Thánh Tử đạo Giuse Nguyễn Đình Nghi thuộc giáo xứ Hà Hồi, Hà Đông, nay là Hà Nội.

Về việc sáng tác thơ Công giáo, nhà thơ Hương Quê quan niệm:

“Bằng những cung giọng ca vè, kinh vãn của các mùa Vui, Thương, Mừng trong các Mầu nhiệm Mân côi Nhà Đạo và những bài hát về hạnh tích các thánh, khiến mình cảm nghiệm được nền thi ca truyền khẩu rất có tác dụng trong việc giữ đạo và rao truyền Nước Chúa.

“Với vốn liếng “gia truyền” Chúa ban, cộng với việc học hành, thu thập những kiến thức văn chương vào những thời điểm trước 1975 và cho đến nay qua những tham khảo, tìm tòi ở kho tàng văn hóa thi ca Công giáo, cộng với các yếu tố yêu mến, đam mê đã tạo nên một khát khao để đi vào nguồn thi hứng đến nỗi chỉ có vài ba người thân thiết ăn ý nhau, chúng tôi đã có tham vọng lập ra một nhóm để cùng sáng tác thi ca, lại có khát khao quy tụ những người Công giáo cầm bút nhiệt tình hãy cùng viết văn, làm thơ để ca ngợi Tình Yêu Thiên Chúa và phát huy tinh hoa ngôn ngữ dân tộc đồng thời gây sức sáng tạo nơi các tâm hồn văn nghệ sĩ trong việc rao truyền Nước Chúa với chính ngòi bút của mình tại ngay địa bàn các giáo xứ, giáo hạt, và trong giới văn nhân, thi hữu Công giáo, ngoài những vị rất khiêm nhu chỉ muốn sống ẩn dật, cũng có những vị

lại muốn được chia sẻ những áng văn thơ truyền giáo của mình với cộng đoàn...”

(Trích từ bài *Thi ca sống đạo được hun đúc “Từ câu hát ru”* do nhà thơ Hương Quê viết, in trong quyển *Có một vườn thơ đạo*, tập 5, trang 62)

Tập thơ *Trường thiên Quê hương*, có lời giới thiệu của Linh mục Nguyễn Tiến Lộc, Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn:

“Nói tiếp truyền thống văn hóa văn nghệ của làng ta, thi sĩ “cây nhà lá vườn” Hương Quê đã ghi lại bút ký bằng thơ những sinh hoạt, hình ảnh sống động của quê hương thân yêu.

Xin giới thiệu với quý đồng hương để ngâm nga với miếu duệ Hà Hồi tại Việt Nam cũng như Hải ngoại”.

Sài Gòn, cuối tháng Mân Côi 2006.

Yuse Tiến Lộc

Kể từ khi Việt Nam “ra biển lớn”, hội nhập với thế giới tư bản về kinh tế, văn hóa bất kể tốt, xấu (là những rác rưởi của tứ xứ) không được sàng lọc kỹ lưỡng). Xin hãy thực tế, thiện chí, công tâm nhìn vào các xã hội Tây Âu hiện tại để đánh giá, thẩm định tình hình xã hội Việt Nam sau hơn 30 năm “hội nhập” với họ, ngoại trừ chính trị, tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản, nói chung là đa nguyên. Ta thấy gì? - Toàn bộ nông thôn Việt Nam đã và đang bị đô thị hóa, “chất quê” đang phai nhòa dần. Đất nông nghiệp thu hẹp dần. Đã có một số nhà văn thuộc hệ thống “chính quy” than rằng, nông thôn đã mất, hãy cứu lấy nông thôn. Nhìn xa hơn, nông

thôn Việt Nam với truyền thống văn hóa lâu đời, đã tàn lụi khi phong trào Việt Minh nổi lên từ gần 80 năm nay rồi, đối với miền Bắc. Còn miền Nam thì từ sau ngày 30.04.1975. Sự thực đau lòng này chẳng ai muốn nói đến, nhưng vì nó là lịch sử của dân tộc, mỗi khi có trào lưu văn hóa mới.

Cái định hướng “vươn ra biển lớn” hay “toàn cầu hóa”, chỉ mang lợi về cho nhà tư bản hay nhóm lợi ích, qua những ông lớn trong Đảng và Nhà nước, hết lớp này đến lớp khác. Các nước đang trong thời kỳ phát triển, tuy cũng có được một vài lợi ích, nhưng mất quá nhiều. Cái mất lớn lao nhất của các nước này, trong đó có Việt Nam, là văn hóa truyền thống, là nền tảng gia đình bị tan vỡ, là phẩm giá con người bị đặt ngang hàng với hàng hóa, để trao đổi, mua bán, cách riêng với thân phận người phụ nữ bị rẻ rúng. Một số vùng nông thôn, người dân đã bao đời gắn bó với mảnh đất do tổ tiên và những người thân thuộc khác vun đắp và xây dựng, quỵen với mồ hôi và nước mắt, nay họ bị bứng đi khỏi những nơi này để đến ở trong những khu chung cư chật chội, đông người. Họ mất không gian ở thôn dã, mất cảnh trăng thanh gió mát nơi đồng nội. Thay vào đó là những nhà máy, khu công nghiệp ngày đêm xả khói bụi và nước thải ô nhiễm môi trường. Thiệt hại nhiều nhất vẫn là người dân bình thường.

Phải thay đổi theo tiến trình lịch sử của nhân loại. Thế nhưng, cuộc thay đổi này đau thương quá, cách riêng đối với những tầng lớp kém may mắn trong xã hội.

Ngày 26-4-2019, Hội Nhà Văn Việt Nam và báo *Nông Thôn Ngày Nay*, đã phát động cuộc thi viết truyện ngắn,

diễn ra tại Hà Nội, chủ đề “Làng Việt thời hội nhập”. Trong buổi phát động này, tổng biên tập báo *Nông Thôn Ngày Nay* cho biết, nông thôn hôm nay đang có sự biến đổi ghê gớm. Bên cạnh những mặt tiến bộ thì còn có rất nhiều điều nhức nhối như bi kịch của quá trình ly nông-ly hương, hệ lụy của đô thị hóa nông thôn; rất nhiều chuyện đáng phê phán như cờ bạc, ma túy, rượu chè, chủ nghĩa thực dụng; tình làng nghĩa xóm phai nhạt... Ngoài những ý kiến trên đây, còn có ý kiến của mấy nhà văn khác. Có người nói lên tiếng kêu của mình: Các sáng tác có tầm vóc về đề tài nông thôn đương đại là rất cần thiết để góp phần vào việc “cứu lấy nông thôn - nền tảng của văn hóa Việt”. Một nhà văn khác còn nói đến sự tan rã và biến mất của các làng quê hiện nay... (Báo *Tuổi Trẻ* ngày 27-4-2019 trang 15).

Trong tình cảnh ấy, chúng tôi coi những sáng tác văn, thơ của các nhà văn, nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay về tình yêu quê hương mình, xứ đạo của mình là một đề tài rất cần được các tác giả này khai thác bằng một tình cảm sâu sắc. Rất tiếc đã không có mấy tác giả viết về đề tài này. Chúng tôi nghĩ là, phải chăng các nhà văn, nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay, hầu hết đã sinh trưởng tại các thành phố văn minh, nên đã không cảm nghiệm được từ những bước chân đầu đời trên đường làng, được mẹ cầm tay dắt đến nhà thờ hay đi trường làng, cho đến khi lớn khôn đi học xa nhà, rồi băng khuâng nhớ những chiếc lá vàng bay bay khi mình đi trên đường làng hay nô đùa cùng chúng bạn nơi sân nhà thờ hay trước sân đình làng. Tiếng chuông nhà thờ nơi làng quê chắc chắn cũng thật khác xa với tiếng

chuông tại các thành phố khi mình đã rời xa trường học, lăn lộn ở trường đời!...

Trong tình cảnh văn thơ Công giáo Việt Nam hiu hắt về đề tài làng đạo, xứ đạo ít ra từ 100 năm trở lại đây, chúng tôi may mắn có trong tay tập “*Những vần thơ quê hương*”, viết về Giáo xứ Hà Hồi, thuộc Huyện Thường Tín, Tổng Giáo Phận Hà Nội. Nói gọn lại là “*Trường Thiên Hà Hồi*” (2006), của nhà thơ Hương Quê Nguyễn Văn Quế, ông sống cho nghệ thuật, làm thơ và vẽ tranh.

Tập thơ *Những vần thơ Quê hương - Trường thiên Hà Hồi* có 420 câu, tác giả ghi chép lại bằng thơ những địa danh cũ, những làng đạo xa gần với Hà Hồi, những hình ảnh và những sinh hoạt văn hóa, tôn giáo trong lịch sử và hiện tại khi sáp nhập vào Thành phố Hà Nội... Đó là những chủ đề trong tập thơ này. Chúng tôi giới thiệu mỗi chủ đề dăm ba nét tiêu biểu.

QUÊ HƯƠNG TRONG THƠ HƯƠNG QUÊ

Những địa danh cũ của Hà Hồi:

Trước hết, tác giả nhớ đến những địa danh cũ trong lịch sử mà nay đã không còn. Qua những hoài niệm này, chúng ta một phần nào có được một cái nhìn và một khái niệm về Hà Hồi, một xứ đạo cách Hà Nội khoảng 20km, đường Quốc lộ số 1 chạy qua, cũng là con đường có con tàu xuyên Việt:

Hà Hồi làng xóm quê tôi

Trải bao thay đổi những thời đã qua

*Hà Hồi xưa có đồng Hà
Đồng Ben, đồng Sở, đồng Nghệ, đồng Hồi.
Hà Hồi đồng Vua, đồng Cờ
Đồng Mồ đồng Quế, đồng Voi đồng Đường
Đồng Cung, còn nữa ... đồng Quan
Hà Hồi biến mất đồng Tè*

Tiếp theo, tác giả nhớ đến các làng đạo xung quanh xa gần mà có những tương quan về mặt thiêng liêng, như học hỏi giáo lý, kinh bản...

*Hà Hồi ranh giới các làng
Khó mà phân biệt tình càng thiết tha
Hà Hồi Phú Cốc không xa
Chỉ vài ba bước thế là sang chơi
Hà Hồi thân thiết Khê Hồi
Chỉ năm ba phút đến soi nước chè*

*Hà Hồi Phương Quế miễn xe
Bạch Liên sâm Động lũy tre đá mòn
Hà Hồi Vĩnh Lộc, Nội Thôn
Cẩm Cơ, Xâm Thụy, lối mòn nắng mưa
Hà Hồi Bằng Sở từ xưa
Lễ lộc cha thánh hai mùa phúc ân.*

*Hà Hồi ra bến Hồng Vân
Chỉ dăm cây số đến gần Hưng Yên
Hà Hồi Đức, Quýt một miền
Trên đường thiên lý nối liền chùa La*

Hà Hồi ta có đầu xa
Hòa Lương huynh đệ thật là anh em
Hà Hồi lại có Thiên Quan
Ngày xuân lễ hội trống vang rộn rành
Hà Hồi An Mỹ “Kẻ Lường”
Mười lăm cây số theo đường Phú Xuyên
Hà Hồi Xuân Bảng hữu duyên
Kết tình kết nghĩa đường lên Nước Trời
Hà Hồi Xuân Bảng tuyệt vời
Cha chung Kẻ Bảng Kẻ Vôi anh em
(Từ câu 39-64)

Văn Nội, Văn Giáp phố phường khác xưa
Hà Hồi Bằng Vọng, Cầu Dừa

Hà Hồi Sở Nghệ, Từ Châu
La Phù, Tân Độ, làng Nhàu, xứ Chuôn

Hà Hồi Đình Tổ, Mễ Sơn
Lộc Dư, Thụy Ứng mà quên nổi gì
Hà Hồi Yên Phú, Đồng Trì
Đông Phù, Đông Mỹ cứ đi tới liền
Hà Hồi châu lượt Sơn Miêng
Bình Đà, Thạch Bích, Đại Ổn, Gò Cờ
Hà Hồi Đàn Giản, Thanh Oai
Ứng Hòa, Mỹ Đức không tài nào quên
Hà Hồi Đan Phượng, Phùng Khoang
Hà Đông nguyên quán tình càng bao la
(Từ câu 209 - 224)

Những khoảng cách của mấy đoạn thơ trên đây (và những đoạn bên dưới), không ăn vắn với nhau, vì tác giả có xen vào những câu diễn tả về tình cảm của ông với quê hương, nên chúng tôi tách ra.

Về sinh hoạt văn hóa cũ, Hà Hồi có:

*Hà Hồi hò sự-xế-xang
Ngũ Đối, Lưu Thủy hội làng Bát âm
Hà Hồi có hội Đồng Văn*

*Hà Hồi nhiếp ảnh, văn thơ
Tâm hồn nghệ sĩ ước mơ đạt dào
Hà Hồi thú vị thanh tao
Nghệ nhân non bộ gốc đào, cành mai*

*Hà Hồi dáng vẻ thặng hoa
Tòa nhà Văn Hóa nhìn ra sân đình
Hà Hồi tiếp nhận văn minh*

*Hà Hồi được xếp ngang hàng
Di tích lịch sử, bút vàng lưu danh
Hà Hồi ghi nét sử xanh
Quang Trung Nguyễn Huệ phá Thanh phát cờ*

*Hà Hồi rước kiệu, múa xênh
Tháng ba mười bốn quê mình tập trung
Hà Hồi Kỳ Lão ung dung
Phẩm phục lộng lẫy sánh cùng vua quan
Hà Hồi có đội Trống Cơm
Các cháu thiếu nữ như tiên giáng trần*

*Hà Hồi Trướng Đại Cờ Thần
Lung linh Cổng Mã oai hùng biết bao*

Hà Hồi là một làng có hai tôn giáo cùng sinh tồn từ xưa, tác giả quen dùng cụm từ Lương-Giáo. Ngôi đình làng là chung của hai bên:

*Hà Hồi cửa Phật từ bi
Vong nhân xá tội phóng đi chim đàn*

*Hà Hồi vẫn có tam cương
Ngũ thường gìn giữ, Giáo Lương thuận hòa*

*Hà Hồi giấy giữ lấy lễ
Giáo Lương sinh hoạt muôn bề đẹp sinh.
Hà Hồi vẫn có ngôi đình
Nhà chung tiên tổ quê mình oai linh*

*Hà Hồi tâm trí vững vàng
Lòng son dạ sắt hiên ngang trường tồn
Hà Hồi mãi mãi vẫn còn
Giáo Lương đoàn kết thật con cháu nhà*

Những sinh hoạt tôn giáo:

*Hà Hồi in đậm trong tim
Đi đâu cũng nhớ cùng tìm đồng hương
Hà Hồi tiếng vọng tình thương
Nhớ ngôi trường cũ, Thánh đường Mân Côi
Hà Hồi Đức Mẹ Chúa Trời*

*Là Thánh Bốn Mạng từ thời sơ khai
Hà Hồi Bốn Mạng thứ hai
Cha Nghi diễm phúc bên ngai Chúa Trời
Hà Hồi hạnh phúc tuyệt vời
Hằng năm mừng lễ Mân Côi Đức Bà
Hà Hồi hạnh phúc bao la
Hằng năm mừng lễ Cha nhà Thánh Nghi
Hà Hồi kinh bốn vấn thi
Hằng năm tổ chức vào kỳ Phục Sinh
Hà Hồi phần thưởng tâm linh*

*Hà Hồi Phiên Nhất Phiên Nhì
Thay nhau phục vụ, xong thì Phiên Ba
Hà Hồi vào tháng Đức Bà
Giáo dân sốt sắng rước hoa quanh làng
Hà Hồi cờ hiệu nghiêm trang
Hậu bành, Bát bửu thiếp vàng sơn son
Hà Hồi cổ vật vẫn còn
Kỳ bài, Thánh giá, kiếm son, mâm đồng.*

Tác giả còn đề cập đến các hội, như Hội Thiếu Nhi Thánh Thể, Hội Hát, Hội Lễ Sinh, các đoàn thể Công giáo Tiến Hành mà giáo xứ nào cũng có. Điều này cho thấy nhà thơ Hương Quê rất gắn bó và trân trọng, yêu mến quê hương mình, cho dù ông đã rời xa từ biển cố chia hai đất nước từ ngày 20.7.1954.

Hà Hồi ngày nay:

*Hà Hồi trang trại mở mang
Chăn nuôi gia súc, có gan làm giàu*

*Thử ra thăm chợ quê mình xem sao
Hà Hồi như phố Hàng Đào
Bấy nhiêu ki-ốt biết bao mặt hàng
Hà Hồi như phố Hàng Ngang
Thượng vàng hạ bạc quê nàng, quê ta
Hà Hồi bóng mát cây đa
Nghĩa trang liệt sĩ ấy là ân sâu
Hà Hồi nhớ phố Vườn Dâu
Bao nhiêu nhà ngói nhà lầu mọc lên
Hà Hồi nhiều xóm thay tên*

*Hà Hồi hết lũy tre xanh
Nóc bằng thẳng tắp, mái tranh khó tìm*

Nhà thơ Hương Quê kết luận tập *Trường Thiên Hà Hồi* với mấy câu sắt son của lòng ông:

*Hà Hồi thương nhớ đầy vơi
Xa quê ai cũng khôn nguôi tìm về
Hà Hồi tình nghĩa thỏa thuê
Làng trên xóm dưới thuận bề mến thương*

*Hà Hồi ghi nét sử xanh
Quang Trung Nguyễn Huệ phá Thanh phát cờ
Hà Hồi dệt những ước mơ
Đồng hương tô thắm trang thơ diu hiền
Hà Hồi mãi mãi đi lên
Sống vui-Thăng tiến-Trường thiên Hà Hồi.*

NHỮNG BÀI THƠ ĐẠO CỦA NHÀ THƠ HƯƠNG QUÊ

Điệp Khúc Trở Về

Bài thơ “*Điệp khúc trở về*”, có 102 câu thì có 81 câu, tác giả lấy ý trong Tin Mừng về sự trở về với Chúa mà Giáo Hội dùng trong Mùa Chay, để kêu gọi người tín hữu sám hối. Đó là các đoạn Tin Mừng trình thuật về trường hợp ông Zakhê gặp được Chúa (Lc 19, 1-10); việc Phê-rô chối Chúa và trở về sám hối (Gn 18, 25-27); việc ông Saolô trên đường Damas (Cv 9 3-8). Tất cả đều được Chúa tha thứ.

Riêng các đoạn Tin Mừng trình thuật về trường hợp các kinh sư và người Pharisêu dẫn một người phụ nữ ngoại tình đến Chúa để Chúa phân xử (Ga 8, 3-11); việc người trộm lành trở về giây phút cuối đời lúc ở bên cạnh Chúa chịu đóng đinh trên đồi Golgotha (Lc 23 42-43) v.v..., chúng tôi bỏ bớt.

Nhưng trước hết là việc ý tưởng của Hương Quê về lòng thương xót Chúa, như thể đây là lời mở cho toàn bài. Ông viết:

*Trời xuân mây vẫn giăng hồng
Hoa xuân tươi thắm, hoa lòng tím tê
Mùa Chay Thánh đã lại kê
Âm vang tiếng gọi vỗ về ăn năn.*

*Về với lề luật!
Nên chăng?*

*Về với nhiệm vụ?
Không bằng chính tâm!
Tìm về cùng Đấng Chí Nhân
Đã yêu tôi trước bao lần tôi yêu
Khi chưa được biết Ngài nhiều
Mà Người đã hiểu tôi yêu thế nào*

Trường hợp ông Zakhê:

*Trở về cùng Chúa ra sao?
Kìa người thu thuế năm nào:
Gia-kêu
Một lần gặp Chúa đã yêu
Tâm tư thổ lộ ra chiều ăn năn
Một lần Chúa đến viếng thăm
Cuộc đời đổi mới, lương tâm an bình...
....*

Với Phêrô:

*Trở về như thánh Phêrô
Ba lần chối Chúa, cơ đồ tàn phai!
Nương theo ánh mắt tình Ngài
Phê-rô xúc động, một hai thương mình!
Ăn năn thảm thiết biện minh,
Trở về cùng Chúa tội tình thứ tha...
...*

Trở về như thánh Phaolô:

Bao phen bắt bớ tín đồ Chúa Con

*Trên đường Đamas
To gan!
Giơ chân mũi nhọn đã toan thử tài
Saolô đương lúc dương oai
Vó câu tuần mã hết bài hung hăng!
Lệ nhòa thống hối ăn năn
Ngước nhìn lên Chúa
Thưa rằng con đây!
Một lòng dốc quyết từ nay,
Quyền uy Thiên Chúa hăng say rao truyền
Tông đồ dân ngoại khắp miền
Đại dương, hải đảo con thuyền lên đênh...
Phong ba, bão táp gặp ghềnh
Sơn khô, lục địa mặc tình truyền rao
Ngọn cờ Thánh Giá giương cao
Hối nhân quyết đổ máu đào chứng minh
Rao truyền là phải hy sinh
Tông đồ dân ngoại đắc tình ý Cha*

Cuối cùng, nhà thơ kết luận việc trở về với Chúa, theo suy nghĩ của ông:

*Tình yêu Thiên Chúa bao la
Người đã tha trước khi mà tôi xin
Tôi cần tiếp nhận triền miên
Để gặp Chúa mãi trong niềm Tin yêu
Lòng tôi sám hối thật nhiều
Mến yêu, dòng lệ sớm chiều ăn năn
Mắt tôi nhìn Chúa đăm đăm
Tôi yêu mến Chúa! Chúa hằng yêu tôi*

*Yêu tha thiết nhất trên đời
Tôi xin phó thác mọi nơi, mọi ngày
Tương lai, hiện tại từ nay
Cũng như quá khứ:
Chấp tay dâng Ngài
Hằng ngày tôi phải miệt mài
Lo toan sám hối, không phai trí lòng*

*Làm theo ý Chúa hằng mong
Để xin phó thác phận thân yếu hèn
Tình yêu Thiên Chúa-quê hương
Lòng nhân hậu Chúa là đường soi đi
Có Chúa đâu phải lo gì!
Tin yêu vững chắc, Chúa đi đồng hành.*

Bài thơ *Hãy mua*, ý tưởng không lạ vì lấy từ nguồn thánh kinh, nhưng cách diễn tả của Hương Quê thì mới và lạ trong dòng thi ca Công giáo Việt Nam:

HÃY MUA

*Xin mời bạn hãy mua đi
Hãy mua tất cả những gì thiện chân
Hãy mua những thứ tối cần
Công bằng, bác ái, tương thân, cứu đời
Hãy mua lấy đức Yêu người
Thực thi ý Chúa gọi mời vắng vang!
Hãy đi đến đích cao quang
Mạch Nước Hằng Sống...Thiên Đàng đón ta
Hãy mua lấy sự hiếu hòa
Hạt mầm chân lý, thứ tha lỗi lầm*

*Quên mình, thức tỉnh, chuyên cần
Chén đời đón nhận, thông phần gian nan
Mua vào nhân đức khôn ngoan
Đón Lời tinh trắng chu toàn thiết tha
Trái tim mua phúc chan hòa
Trần gian-Thiên quốc, Ý Cha rạng ngời!
Hãy mua-không vốn, chỉ lời!
Hãy vào tận hưởng đầy vơi mặc tình.*

TÍN THÁC

*Tơ Ánh Sáng xin hãy tràn muôn sáng
Nhẹ thanh trời phủ bóng trái tim son
Lá long đong xoay cuộc thế mỗi mòn
Cây trơ trụ xoay vẫn đời tăm tối*

*Giữa chợ thế, muôn muôn điều giả dối!
Trong lòng người, vạn vạn nỗi khiên oan!
Thở thở than than! Niềm tin lắm nghi nan
Cậy mền kêu van! Chúa Trời ban lộc phúc
Bởi xác hèn mỗi ngày thêm vẩn đục
Mãi mê lắm càng lúc ngập miền man
Nhìn lên Cha mong chỉ lối đưa đường
Dẫu là gà trắng, tuyết tinh ngần, mát lạnh
Khôn sánh được, sao ví bằng tích hạnh*

*Đường Núi Thánh dẫu vách đá hiểm nghèo!
Bến Thiên Đàng dù cửa hẹp cheo leo...*

Lòng tín thác-Vững tay chèo

(*Ghi chú*: Ba bài thơ trên đây, dẫn theo quyển
Có Một Vườn Thơ Đạo, Tập 5-2015).

Còn bài thơ “*Người làm vườn nho*” dưới đây, chúng tôi chép ra từ một bản thảo đánh máy của tác giả. Bản thảo này, có khoảng 30 bài, gồm nhiều đề tài khác nhau, như: Về Đức Maria, với các tước hiệu: Mẹ Vô Nhiễm, Mẹ Mân Côi, Mẹ Tà Pao v.v..., các thánh như: Têrêsa Hài Đồng Giêsu, thánh Gioan Tông đồ, thánh Giuse. Ngoài ra, Hương Quê còn viết về: những bước chân truyền giáo, gặp gỡ Liên tôn, Truyền thông và viết cho Đồng Xanh Thơ mà ông là Chủ nhiệm của Câu lạc bộ này tại Tp.HCM trong nhiều năm qua. Chúng tôi dùng bài *Người làm vườn nho*, để kết thúc phần này. Đây là một đề tài ít tác giả Công giáo viết, có lẽ vấn đề đơn giản và quen thuộc. Tuy nhiên, với nhà thơ Hương Quê, ông là một người bình dị, hiền lành và dễ tính, ông không tranh cãi nhưng có tinh thần phục vụ cao. Ông thường viết những đề tài bình dị và ngôn ngữ của ông cũng thế. Nhiều bài ông viết, có thể gọi là vè. Nhưng đấy có lẽ là do di sản tinh thần mà ông đã thụ hưởng từ thân mẫu và tại chính quê hương Hà Hồi của ông, mà ông còn giữ lại được cho đến bây giờ, như ở bài Trường thiên Hà Hồi đã đề cập trên đây. Trường hợp Hương Quê là hiếm.

NGƯỜI LÀM VƯỜN NHO

*Đường đời gió bụi long đong
Tìm về bên Chúa thỏa lòng ước mơ
Vườn nho Chúa rộng vô bờ*

Tôi được diễm phúc chọn vô vườn Ngài
Một phần gợn nhỏ như ai
Chúa tôi giao phó gia tài còn con
Chúa cho một vốn thời gian
Đó là cuộc sống trần hoàn hôm nay
Hãy quên những việc riêng tây
Mà theo Thánh ý hăng say thực hành
Mến yêu công việc chân thành
Quan tâm trách nhiệm nho xanh vun trồng
Chăm lo cắt tỉa lá cành
Loại trừ sâu rệp cho ngành đơm bông
Xới vun, tưới tắm chuyên cần
Đất đai cần cỗi phải hằng bón chăm
Cho men, cho muối thêm nồng
Thắp lên ánh sáng cánh đồng nho Cha

Hiến thân, từ tốn, khoan hòa
Rắp tâm sám hối, vị tha sẵn lòng
Tinh thần yêu mến hiệp thông
Dưỡng bồi, nâng đỡ tương đồng ai, ai...
Những người cùng được Chúa sai
Tôi luôn gần gũi, miệt mài, thiết thân
Tôi luôn tỉnh thức chuyên cần
Chăm lo cầu nguyện phòng quân gian tà
Ngăn ngừa nọc độc, quỷ ma
Lăm le cạm bẫy để mà mutu toan
Nguyện xin trông cậy vững vàng
Đức tin, đức mến dẫn đường tôi đi
Ở trong vườn Chúa lo gì!
Đi đâu cũng được Chúa luôn đồng hành

*Vườn nho Chúa mãi tươi xanh
Trái nho chín ngọt thơm lành Chúa ban
Tạ ơn Thiên Chúa muôn vàn
Cho tôi điểm phúc vào làm vườn nho.*

(Ghi chú: theo bản thảo đánh máy
của tác giả, chưa phổ biến)

Bài thơ này vẽ lên chân dung rất trung thực của nhà thơ Hương Quê. Người ta nói “văn là người”, còn với Hương Quê, bài thơ “*Người làm vườn nho*” là chính tác giả. Tập thơ Trường thiên quê hương đã là hiếm ở thời điểm Việt Nam “hội nhập” bước ra khỏi mảnh đất chật hẹp với những gọng kìm. Nay với “*Người làm vườn nho*”, tác giả Hương Quê, một lần nữa cho chúng ta rõ “chân dung” của ông. Cả hai là một, hoa quả của quê hương Hà Hồi.

MẠC TƯỜNG

Tập Thơ: *Lạy Trời Muta Xuống*, 2013

Mạc Tường sinh năm 1954, thánh BỔn mạng: Martinô. Quê ở Quảng Vân, Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định. Hiện sống và làm việc tại Qui Nhơn. Anh đang cộng tác với cha Trăng Thập Tự “chấm bài cho bộ môn thơ giải thơ văn Linh mục Đặng Đức Tuấn, góp phần chăm sóc các em học sinh yêu văn thơ của Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ Qui Nhơn tại Bình Định và Quảng Ngãi, và cùng với một số anh em chọn bài cho bộ sưu tập Có Một Vườn Thơ Đạo”, kỷ niệm 75 năm Nhà thơ Hàn Mạc Tử qua đời”. Tập này ra mắt năm 2015.

NHỮNG HÌNH ẢNH TRONG THƠ MẠC TƯỜNG

Những hình ảnh trong thơ Mạc Tường về đạo, về quê hương, tình yêu, phận người v.v... đều mềm mại, gần gũi, lung linh như gần như xa và rất tha thiết. Tôi thấy man mác những sắc màu của những bức tranh, vừa hiện thực vừa tượng trưng. Nếu như nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền

đã vững vàng sống Tin Mừng ở giữa cõi trần thế này, thì nhà thơ Mạc Tường đã sống với Tin Mừng qua hình ảnh người lữ khách có nhiều trăn trở và hoài niệm về một thời đã xa:

*Nhớ nhung ngậm ngùi tuổi xế
Đôi khi chân bước ơ hờ
Có đêm lòng buồn úa lệ
Một mình ngồi khóc trong mơ*

*Chiều nay rót tràn chén rượu
Buồn vui lênh láng đời người
Tỉnh say quay cuồng cát bụi
Ngấn dài một thoáng rong chơi.*

(Bài: *Một thoáng rong chơi*,
đoạn đầu và cuối)

Dẫu là chỉ một thoáng rong chơi trên đường cát bụi, nhưng nhà thơ đã “yêu” tất cả: yêu quê nhà, yêu ca dao, núi non, sông sâu, yêu mẹ cha và cuối cùng là ông “yêu” cuộc đời, cho dù...

*Tôi yêu cuộc đời
Đôi bờ thiện ác
Tôi yêu phận người
Cười khóc cuộc chơi.*

(Bài: *Tôi yêu*, đoạn cuối)

Thơ Mạc Tường như thế, đọc anh, tôi như đang ở một không gian bé nhỏ nhưng đã xa rồi, bây giờ mới lại thấy:

*Chợt ngang qua tình tôi
Em vội vàng khách trọ
Tàu đêm qua ga nhỏ
Hồi còi dài chia phôi*

*Chợt ngang qua tình tôi
Em hồn nhiên thánh nữ
Rạng ngời đêm viễn xứ
Giọng hát buồn chơi vơi*

(Bài: *Chợt ngang qua tình tôi*,
đoạn 3, 4)

Còn đây là những hình ảnh khác, tác giả nhớ về cái buổi tình người chia ly thời hậu chiến. Thế sự quặn đau, nhà thơ như một lữ khách mang trong mình nỗi đốn đau và niềm hy vọng trăm năm: Còn gì xót xa hơn là ta như lạc mất ta, mất người yêu đã vội vã bỏ đi, như người bạn thân nửa đời rồi mà phải lưu vong, để cả “bụi tre già trăn trở...”

*Ta đi tìm trong ta
Chút dấu yêu ngày cũ
Nhập nhòa kỉ niệm xưa
Như cơn mưa mùa lũ*

*Em thả vội cánh diều
Lất lay thời hậu chiến
Hàng phượng buồn liêu xiêu
Giấc mộng lành tan biến*

*Bạn nửa đời lưu vong
Bụi tre già trần trở
Tiếng gọi đò bên sông
Người xa quê có nhớ*

*Những bóng hình xa xăm
Ùa về đêm sâu thẳm
Dưới hiên đời bụi bặm
Lặng lẽ chờ trăm năm.*

(Bài: *Dấu yêu ngày cũ*,
đoạn 1,5, 6,7)

Nhà thơ Mạc Tường có một “gia tài hoài niệm” rất phong phú, lời thơ nhẹ nhàng, êm ả như cảnh quê thanh bình thuở nào trong đời. Trong bối cảnh ấy, nhà thơ vô tư bảo mình là “chú đế mèn”, chú đế mèn ôm mộng làm vua... để rồi khi tỉnh mộng ra, chú đế mèn ấy ngỡ ngác, thơ thần, nuốt tiếc...

*Có một khoảng trời trong veo thời thơ ấu
Bè bạn tung tăng bờ ruộng nhỏ nô đùa
Chú đế mèn ôm giấc mộng làm vua
Mấy chục năm sau tỉnh ra còn ngỡ ngác*

*Có một khoảng trời rất thu vàng cánh hạc
Chút gió heo may lành lạnh tiếng dương cầm
Chú đế mèn mơ vũ trụ hòa âm
Mấy chục năm sau còn lơ ngơ thơ thần*

*Có một khoảng trời phượng bay dài vô tận
Sách vở thơm lòng hoa cỏ đại ngàn trang
Chú đế mèn nông nổi bỏ đi hoang
Mấy chục năm sau còn ngậm ngùi nuôi tiếc*

“Chú đế mèn nông nổi bỏ đi hoang” một hình ảnh rất thân thương và sự diễn tả tuyệt vời. Còn nỗi đau nào, niềm ray rứt nào xót xa hơn thế! Chẳng có nỗi mừng vui nào trong tuổi xế chiều có thể sánh được với những hạnh phúc của tuổi hồn nhiên “con đế mèn”. Tôi thấy mình cũng là “chú đế mèn bỏ đi hoang” này, và cũng có những nuôi tiếc, và “nhung nhớ” như anh Mạc Tường.

*Có một khoảng trời tâm xuân xanh biêng biếc
Một thoáng ngập ngừng con sáo vội sang sông
Chú đế mèn khờ khạo vẫn ngóng trông
Mấy chục năm sau vẫn thơ gieo hung nhớ*

*Có một khoảng trời buồn vui loanh quanh phố
Hạnh phúc ắp đầy con hẻm nhỏ lung linh
Chú đế mèn bạc tóc gãi râu kinh
Mấy chục năm sau ngồi dưới trăng tụng niệm.*

(Bài: *Có một khoảng trời*)

Còn đây là tình yêu, cũng là hoài niệm đầy hình ảnh thân thương và ý thơ, thoáng như ca dao bình dị nhưng đậm tính lãng mạn, rất hiếm ở thời buổi @ này.

*Em theo anh
suốt con đường
Anh yêu em
trọn mười phương chưa vừa
Ruột bầu
khen ngọt
ngày xưa
Thương em nhà dột
trời mưa tháng mười
Em vừa tát nước vừa cười
Đục trong
em chọn chi người như anh
Chim khôn còn biết lựa cành
Sao em khờ thế
cam đành phận em
Cũng may
chân cứng đá mềm
Cũng may
gió lặng ấm êm nếp nhà
Rùng mình
nhớ chuyện ngày qua
Lạy trời
cho được tuổi già an vui
Trăm năm
tóc bạc
da mồi
Trâm vàng anh chuộc
cuối đời tặng em.*

(Bài: Trâm vàng tặng em)

Tình yêu! Nhà thơ Mạc Tường viết về tình yêu của mình rất tuyệt, không thương đau, không quăn quại, nhưng chỉ với vài ý nhẹ nhàng, ngôn ngữ bình dị, cũng đủ nói lên một tình yêu thắm thiết. Bài thơ “Trăng lạ” dưới đây, nhà thơ bước nhẹ vào một “cõi riêng” với hình bóng một “thánh nữ”. Tôi nghĩ là anh rất hạnh phúc bởi có một tình yêu trọn đời trong tinh lặng và cầu nguyện:

*Em về lặng lẽ
Gặp nhau tình cờ
Ở hay cô bé
Áo dòng ngây thơ*

*Ngày em khẩn trợn
Thoáng buồn băng quơ
Yêu em Chúa chọn
Đành thôi ngóng chờ*

*Buồn vương sợi tóc
Bạc màu thời gian
Câu kinh em đọc
Chiều buông khẽ khàng*

*Em vàng trăng lạ
Rạng ngời nơi đây
Thân tôi cỏ lá
Về đâu cõi này.*

(Bài: Vàng trăng lạ)

Mẹ ơi, là một nhan đề viết về mẹ và sự xa cách biệt biệt. Vẫn với ngôn từ nhẹ nhàng mà lắng sâu. Hình ảnh về mẹ và nỗi u hoài của tác giả trong không thời gian, đã tạo nên giá trị của bài thơ:

*Liêu xiêu quang gánh đường xa
Nuôi con mơ giấc ngọc ngà
Mẹ ơi! Làm sao đền đáp
Bao nhiêu chẳng nữa vẫn là...*

*Ngậm ngùi mẹ tiễn con đi
Câu kinh đêm trắng thâm thì
Mẹ ơi! Chân trời góc bể
Mai về mới cánh thiên di*

*Đong đưa câu hát à ơi
Ru con, ru mãi một đời
Mẹ ơi! Sao buồn đến thế
Khẽ khàng chiếc lá thu rơi*

*Tìm đâu ngày ấy bây giờ
Đêm năm gặp mẹ trong mơ
Mẹ ơi! muôn trùng xa lắt
Trăm năm con vẫn đợi chờ.*

(Bài: *Mẹ ơi*)

Những nét họa về Hàn Mặc Tử trong bài thơ dưới đây, chỉ có 6 câu, nhưng rất thực, tinh tế, thương đau. Có cảm xúc nào tê tái và xót xa cho bằng:

*Quy Hòa vương mảnh trăng treo
Tiếng anh rao vọng cuối đèo mênh mang
Dội về buốt cõi nhân gian
Ai mua mà bán trắng vàng hời anh!
Tình duyên người dứt không đành
Thì thôi trắng mãi vướng cành liễu xưa.*

(Bài: Nhớ Hàn Mạc Tử)

“Dội về buốt cõi nhân gian”, là một câu rất tuyệt về ngôn ngữ và ý tưởng.

NHỮNG BÀI THƠ ĐẠO CỦA MẠC TƯỜNG

Trong khi nhà thơ Dzuy Sơn Tuyền viết những bài thơ trong phần Benedictus, tuy là rất thoáng và ngòi bút của ông như được tự do, nhưng vẫn ẩn chứa một tâm tư, một nội tâm đã dành riêng cho Đấng Làm Chủ toàn diện con người ông, cho nên những bài thơ này vẫn như cành Hường Dương hướng về Đấng Tạo Thành. Trong khi, với nhà thơ Mạc Tường, Thiên Chúa “Ở cùng chúng ta”, thân cận với con người trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống, từ bão lụt đến ngọn lúa giáp hạt; từ cụ già rét buốt đêm đông đến em bé gầy guộc đói ăn v.v...

*“Anh em có gì ăn không?”
Hoang tàn sau cơn bão lũ
Lúa non ngã rạp trên đồng
Rừng rưng nổi buồn giáp vụ*

*“Anh em có gì ăn không?”
Có bao giờ tôi biết hỏi
Cụ già run rẩy đêm đông
Những em bé gây guộc đói*

*“Anh em có gì ăn không?”
Công nhân phập phù thất nghiệp
Bèo trôi con nước xuôi dòng
Tháng ngày âu lo mãi miết*

*“Anh em có gì ăn không?”
Đã bao giờ tôi chia sẻ
Miếng cơm, manh áo, tấm lòng
Cùng người anh em nhỏ bé*

*“Anh em có gì ăn không?”
Biết bao giờ thôi chinh chiến
Năm châu no ấm thỏa lòng
Tình người trao nhau bốn biển.*

(Bài: *Hãy cùng nhau hỏi*)

Và bài này nữa, nhà thơ suy nghĩ từ lời Chúa: hãy yêu thương và tha thứ, khiêm nhường và chân thực...

*Chúa dạy sống yêu thương
Giữa muôn trùng thù hận
Người hơn thua ghét giận
Bao tranh chấp đời thường*

*Chúa dạy sống khiêm nhường
Hãy ngồi hàng sau rớt
Người suốt đời dai dột
Tìm chỗ nhất hội đường*

*Chúa dạy chớ giả hình
Ích gì khi xé áo
Nhà anh em thiếu gạo
Người hờ hững vô tình*

*Chúa dạy hãy thứ tha
Người nuôi thù chuốc oán
Chúa bảo đừng xét đoán
Người đồn thổi ba hoa*

*Hai ngàn năm qua mau
Lòng dân nầy chai đá
Bao giờ người sinh quả
Hay vào lửa thiên thâu.*

(Bài: Bao giờ)

Từ “*Túp lều Bêlem*” hôm nay, với “tiếng chuông ngân vang, lời thánh ca tha thiết...”, nhà thơ Mạc Tường gọi lên những hình ảnh và phận người lầm than, một tương phản xót xa:

*Chuông nhà thờ ngân vang
Lời kinh đêm thuần khiết
Bài thánh ca tha thiết
Nốt nhạc trầm mênh mang*

*Cơn gió mùa lạnh buốt
Những túp lều Bêlem
Người co ro gầy guộc
Chờ ngày giữa ban đêm*

*Đêm an bình rực rỡ
Những sắc màu trần gian
Lòng vẫn còn trần trở
Những phận người lâm than.*

(Bài: *Túp lều Bêlem*)

Sứ mạng của ngôn sứ hay nhà thơ là nói tiếng nói như “nghịch nhĩ”, chói tai “không giống ai”, nhưng thấm sâu vào lòng người thiện chí, ngay lành.

Trong bài “*Lời nguyện cầu mùa chay*”, tác giả ở vai người tín hữu ngoan đạo, thể hiện tinh thần sám hối. Đây cũng là một lời truyền giảng chân lý cho con người.

*Nóc nhà thờ vút cao cây Thánh Giá
Hồi chuông gieo từng hạt giống tung bay
Đất cần cỗi trở mình sinh hoa quả
Lời nguyện cầu tím thẫm cả mùa chay*

*Bao năm tháng con khước từ ơn Chúa
Tự đốt mình trong vực thẳm u mê
Giờ thống hối bạc mái đầu quá nửa
Lòng rưng rưng tay làm dấu vụng về*

*Con tội lỗi nay sắp mình đấm ngực
Chúa lòng lành xin lượng thứ bao dung
Cho con được dư tràn ơn thánh đức
Biết yêu người, kính Chúa, vững cậy trông.*

(Bài: Lời nguyện cầu mùa chay)

Với Mẹ Maria, nhà thơ ở đâu đó trong vị trí phận người bé nhỏ, cần có Mẹ đồng hành. Ở đây, một lần nữa, tác giả sử dụng lối văn biền ngẫu, ví von, so sánh: “Mẹ trắng rằm rạng rỡ”, con thì “ngọn đèn leo lét”, Mẹ là “tàng cổ thụ”, con thì “ngọn cỏ vô thường” v.v... Đây là một lối văn thịnh hành trong Kinh thánh và trong văn chương Việt Nam:

*Mẹ trắng rằm rạng rỡ
Con leo lét ngọn đèn
Bốn mùa chong trần trở
Giữa đôi bờ trắng-đen*

*Mẹ là tàng cổ thụ
Con ngọn cỏ vô thường
Lao xao mầu nắng cũ
Xin một lần yêu thương*

*Mẹ ngọc ngà châu báu
Con là đồng xu rơi
Dưới chân Người nung nấu
Hồn say tiếng ru hời*

Mẹ đèn đài tráng lệ
Con gạch vỡ bên đường
Nằm nghe lời dẫu bé
Mơ ngày về cố hương

Con xin dâng lên Mẹ
Buồn vui thân phận người
Đường đời bao lối rẽ
Mẹ đi cùng con thôi.

(Bài: *Xin Mẹ đi cùng con*)

Nếu bài “*Xin Mẹ đi cùng con*” trên đây là một bài thơ tiêu biểu cho thể biền ngẫu hay của Mạc Tường, với ngôn ngữ giản dị, tuy có đôi lời lạ lẫm: “*Con gạch vỡ bên đường*”, thì bài “*Đêm ấy - Bây giờ*” dưới đây là một bài tiêu biểu khác, một ý tưởng đối chiếu rất thực về con người khi đối diện với những thử thách về lòng nhân ái, hay về đức tin. Tác giả trần trở, đau đớn vì đó là sự thực hầu như nhân tiên trong cuộc sống hôm nay:

Đêm ấy - bây giờ, con mãi phân vân
Có lẽ nào con đôn hèn đến vậy
Có lẽ nào con mù lòa chẳng thấy
Giữa đời thường Chúa vẫn ở quanh con.

Đêm ấy - Bây giờ
Nếu đêm ấy con đi cùng Thầy
Chắc con cũng vội vàng bỏ trốn
Và bây giờ gặp người cùng khổn
Con tự bảo mình chẳng phải Thầy đâu

*Nếu đêm ấy trong vườn cây dầu
Chắc con cũng ngủ say mặc Thầy thao thức
Và bây giờ gặp người cùng cực
Con tự bảo mình chẳng phải chuyện ta*

*Nếu đêm ấy...con cũng đứng xa xa
Khi ai hỏi: Anh là môn đệ?
Và bây giờ gặp người túng thế
Con tự bảo mình chẳng phải người thân*

*Đêm ấy - bây giờ, con mãi phân vân
Có lẽ nào con đón hèn đến vậy
Có lẽ nào con mù lòa chẳng thấy
Giữa đời thường Chúa vẫn ở quanh con.*

Bài thơ “*Bóng đêm*”, khởi đi từ một đoạn Tin Mừng về việc Chúa Giêsu “vào khoảng canh tư”, Người đi trên mặt biển mà đến với các môn đệ. Thấy Người đi trên mặt biển, các ông hoảng hốt bảo nhau: “Ma đấy! và sợ hãi la lên” (Mt 14 25-26), nhà thơ Mạc Tường suy nghĩ về những “bóng đêm” của lòng người. Tác giả mạnh bạo nói cả đến:

*Bóng đêm trá hình ngôn sứ
Rêu rao chân lý tuyệt vời
Tay kia choàng vai quý dữ
Tay này lần hạt không ngơi*

Quả thật, nói như thế thì nhà thơ Mạc Tường khác gì một ngôn sứ tiêu biểu trong thi ca Công giáo Việt Nam

hiện nay. Chúng tôi nghĩ rằng những hình ảnh trong đoạn thơ trên đây là thực, rất thực.

BÓNG ĐÊM

*Bóng đêm che mờ đôi mắt
Đệ tử gọi thầy là ma
Nghe như chuyện đùa có thật
Bật cười mà dạ xót xa*

*Bóng đêm tiền tài danh vọng
Mây đen giăng khuất mặt trời
Không nhìn ra Thầy sống động
Đi-về-cười-khóc quanh tôi*

*Bóng đêm vô tình, ích kỷ
Nhặt nhòa ánh sáng yêu thương
Chiến tranh, hận thù, đổ kỵ
Còn xa...xa lắm thiên đường*

*Bóng đêm trá hình ngôn sứ
Rêu rao chân lý tuyệt vời
Tay kia choàng vai quỷ dữ
Tay này lẩn hạt không nơi*

*Bóng đêm vỡ òa sám hối
Danh Cha cả sáng đất trời
Rồi sẽ không còn tăm tối
Tình người thấm đượm muôn nơi.*

BÊN TRONG TẤM BÁNH

*Tấm Bánh bẻ ra: Lời kinh nhứt một
Chúa nhân từ giao ước mới không quên
Cát tiếng xin vâng, Thánh Nữ lên đền
Thần Khí xuống, Đất cùng Trời hôn phối*

*Tấm Bánh bẻ ra: Hang lừa tấm tối
Mùi thơm khô, chuồng trại, bóng mục đồng
Ngôi sao nào đêm rực sáng phương Đông
Cửa đã mở, lạc đà thên thang bước*

*Tấm Bánh bẻ ra: Dặm trường xuôi ngược
Đất khách quê người, trăng lạnh mùa sang
Tuổi ấu thơ chưa biết xóm biết làng
Đất Ai Cập chắc mùa xuân tím ngắt*

*Tấm Bánh bẻ ra: Biển Hồ lay lắt
Chim chóc, thú rừng có tổ có hang
Con Người đêm đêm sương đẫm đại ngàn
Mưa bất chợt, làm sao cho khỏi ướt?*

*Tấm Bánh bẻ ra: Rượu ngon từ nước
Bại liệt đứng lên, người xẩm ngược nhìn!
Bệnh phong cùi lành sạch bởi đức tin
Từ trong mộ, Lazarô sống lại*

*Tấm Bánh bẻ ra: Nụ hôn khờ dại
Đêm chập chùng, chén đắng cứ tràn dâng
Hỡi Giuđa! Sao chẳng chút ngại ngần
Bờ môi lạnh những đong đo trần thế*

*Tấm Bánh bẻ ra: Đòn roi máu lệ
Xao xác tiếng gà một thoáng điêu linh
Giêrusalem hãy khóc thương mình
Ngọc trong đá, người đui mù phụ rẫy*

*Tấm Bánh bẻ ra: Giữa trời nắng cháy
Thịt da trần treo lơ lửng đốt thiêu
Giọt máu tươi rục rỡ khắp đời chiều
Người lính gác buồn cúi đầu đấm ngực*

*Tấm Bánh bẻ ra: Thánh thần phủ phục
Chúa sống lại rồi! Alleluia!
Hãy vui lên tất cả hãy đàn ca
Và no thỏa, đây là Chiên Thiên Chúa.*

Bài “Ngọn nến muôn màng” tác giả phác họa một hình ảnh khác về người tín hữu: có khô khan, nguội lạnh về lòng đạo, nhưng Mẹ vẫn đợi... Thật bất ngờ với câu:

*La Vang mai này con đến
Dang tay gom hết nắng chiều
Thắp lên nòng nài ngọn nến
Muôn màng dâng Mẹ kính yêu.*

Câu hay và lạ nhất trong bài là: “Dang tay gom hết nắng chiều”. Đây là đức tin và niềm hy vọng của nhà thơ Mạc Tường trong những bài thơ ông đau đớn viết về những cách sống đạo hờ hững, tương đối và niềm tin lỏng lẻo ở Chúa của một vài thành phần tín hữu trong giáo hội, bao giờ thì ông vẫn không quên hy vọng, vẫn tin vào lòng kiên nhẫn và thứ tha của Chúa.

NGỌN NẾN MUỘN MÀNG

Lễ kính bốn mùa lạnh nhạt
Niềm tin lên thác xuống ghềnh
Tràng Mân Côi còn mấy hạt
“Kính Mừng...” đêm đọc đêm quên

Đường trần chông chênh quá đỗi
Mẹ thương, chân cứng đá mềm
Đời con một đời tội lỗi
Chong đèn Mẹ đợi từng đêm

La Vang mai này con đến
Dang tay gom hết nắng chiều
Thấp lên nòng nà ngọn nến
Muộn màng dâng Mẹ kính yêu.

NƯỚC MẶN-QUY NHƠN BI HÙNG SỬ

Ta theo em chiều nay về Nước Mặn
Đứng bên thềm, nghe kể chuyện ngày xưa
Chuyện bốn trăm năm kể mấy cho vừa
Trang giáo sử dẫm mồ hôi, dẫm máu

Đời trước - đời sau, tổ tiên - con cháu
Người nối người, đất vỡ vạc sinh sôi
Có lúc trở trời, đất chịu mồ côi
Bao bách hại, gấm mùa Thương chén đắng

Đất Quảng Nam rùng mình cơn địa chấn
Dưới nắng ngời lời nguyện gấm yêu thương
Vung nhất cuồng đao, máu nhuộm pháp trường
Mưa tức tưởi, Măng Lăng đêm bạc trắng

Nước sông Gò Bồi bỗng dưng mẫn mẫn
Biệt ly hề, nước mắt ngược vào trong
Vĩnh Thạnh đêm nao cây cỏ khóc rùng
Trăng đỏ ối, rưng rưng lòng Chiên Mệ

Tan tác đàn con, giáo đường quanh quẽ
Lũy tre xanh Gò Thị khuất xa dần
Đường khổ hình, Trùm Cả nguyện hiến thân
Giờ lâm tử ai người không kinh hãi

Đòn vọt, cùm gông, đầu rơi, máu chảy
Có lúc tưởng chừng không thể vượt qua
Cơn lũ dài, đồng ruộng đắm phù sa
Cho bông lúa ngậm dòng dòng sữa Thánh

Vàng tím chân trời, cò bay thẳng cánh
Mùa gặt về rộn rã khúc linh ca
Chuông nhà thờ quyện bến nước, cây đa
Chiêng cùng trống hòa câu kinh, ý lễ

Bốn trăm năm, muôn nghìn nhánh vạn tuế
Đã trở sinh nơi mảnh đất cõi cần
Bột đã dậy men, lúa đã thử vàng
Ôi! Nước Mạn-Quy Nhơn-bi hùng sử.

NGỌC TỰ

Tập thơ:

Những Dòng Chữ Từ Năm Tháng

Ngọc Tự họ Trần, Trần Ngọc Tự, sinh ngày 06.9.1948 tại Văn Hải, Ninh Bình. Ngoài bút danh Ngọc Tự, trước đây còn ký Ninh Văn, Trần Ninh Bình. Làm thơ, viết văn từ cuối trung học. Trong nhóm chủ biên tập san sinh viên 1966-1968: *Ý Thức* (Luật Khoa), *Đất Đứng* (Quốc Gia Hành Chánh). Trong ban biên tập tạp chí *Quần Chúng* 1967-1970 (bộ cũ & bộ mới), tờ báo do cố Chuẩn tướng Lưu Kim Cương bảo trợ sáng lập, chủ nhiệm Cao Thế Dung. Viết cho Tuần báo *Diễn Đàn Chính Đảng* 1971, Chủ nhiệm Trương Vĩnh Lễ, Chủ bút Nhị Lang.

Nhập ngũ tháng 3/1969, ngành Chiến tranh Chính trị Không Quân. Viết cho các nội san của Quân chủng Không Quân: *Lý Tưởng*, *Tập san Chính Huấn*, *Tập san Quân Huấn* (Bộ Tư Lệnh Không Quân), *Cánh Thép* (Sư đoàn 5 KQ), Thư ký Tòa soạn sau cùng của tờ *Lý Tưởng* (1974 - 4/1975)

Các tác phẩm thơ ấn hành trước năm 1975 dưới hình thức Ronéotype, phổ biến trong bạn hữu: *Quê hương tôi và em* (1968), *Điệp khúc đời* (1969), *Những mảnh tình rời* (1970), *Ở cuộc tình này* (1971). Sau ngày 30/4/1975, đi tù hai lần: tù cải tạo (6.1975 đến tháng 01.1981), án tù 4 năm (5.1984 - 5.1988), vì liên lạc và gửi bài cho *Văn bút Hải ngoại*, trong vụ án với các nhà văn, nhà báo, nhà thơ. Ngọc Tụ định cư tại Hoa Kỳ từ tháng 12/2006, hiện ở thành phố Richmond, Texas. Cộng tác với trang *T.Vấn & Bạn hữu*. Có hai tác phẩm do trang mạng này thực hiện ấn bản điện tử: *Những dòng chữ từ năm tháng - Thơ* (2016), *Những đoạn đời qua* (tạp văn), 2017. Có bài đăng rải rác trên trang mạng *Hội Quán Phi Dũng* và các Đặc san *Lý Tưởng* (Úc Châu), *Lý Tưởng* (Hoa Kỳ)

(T.Vấn ghi)

HAI THỜI KỲ TRONG THƠ NGỌC TỤ:

Có thể chia những thi phẩm của Ngọc Tụ ra làm hai thời kỳ khá rõ ràng. Thời kỳ thứ nhất, là những thi tập viết khi còn ở nhà lúc còn chiến tranh. Cuộc nội chiến diễn ra suốt 20 năm, từ 1955-1975. Nhưng từ năm 1965 khi quân đồng minh có mặt trên chiến trường miền Nam, thì phía này xuất hiện thơ phản chiến, toàn những cây bút trẻ. Có nhà thơ phản chiến đã ngã về bưng biển, còn có một số khác khoác chiếc áo lính QLVNCH. Đây là tuổi trẻ, còn nặng cảm tính. Dầu thế, không thể phủ nhận sự tuyên truyền của phía Hà Nội. Riêng Ngọc Tụ, anh viết về chiến tranh với những đau thương, mất mát. Như thế cũng có thể nói Ngọc Tụ chống chiến tranh, nhưng

không “phản chiến”. Sang đến thời kỳ thứ hai, khi anh và gia đình sang định cư ở Hoa Kỳ, thì thơ của Ngọc Tụ bộc lộ những nỗi ưu tư về cuộc đời nơi xứ người. Và anh như tha thiết với quê hương hơn, đau nỗi đau bị đồng minh bỏ. Anh như thấy mình cô đơn hơn.

Tập thơ *Những dòng chữ từ năm tháng*, gồm có 7 bài trong tập *Những mảnh tình rời* (!970), 8 bài trong tập *Ở cuộc tình này* (1971) và *Những bài thơ viết sau tháng 4/75* (31 bài). Thật tình, khi tôi có ý định viết về một số nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay, thì anh Trần Ngọc Tụ là một trong những Kitô hữu, có thơ in thành sách, tôi sẽ đọc và có thể nói với anh vài lời. Tuy nhiên trong mấy tập thơ anh viết trước năm 1975, tôi không thấy có bài thơ đạo nào cả. Hoặc giả như có mà tôi chưa được đọc chăng? Thế nhưng khi Ngọc Tụ sang sống ở Mỹ và nạn dịch Coronavirus xảy ra từ cuối năm 2019, thì Ngọc Tụ đã viết một bài thơ đượm chất đạo Kitô Giêsu. Đó là bài:

LỜI NGUYỆN CẦU ĂN NĂN SÁM HỐI

(Chút suy ngẫm riêng tư nhỏ nhoi)

*những tháng năm xưa quê hương binh đao lửa đạn
bản tin chiến sự và con số thương vong chết chóc
nhảy múa mỗi sớm mai
có phải đã từng là nỗi lo âu sợ hãi
nhắc nhớ thân phận mong manh nhỏ bé kiếp người
lúc cúi xuống và ngẩng đầu đối diện đất trời
cho đến khi qua hết thời đoạn
cần thiết phải đánh động tâm thức nghĩ suy*

và lúc tàn cơn binh lửa
vừa nhạt nhạnh sót lại được đây đó những nụ cười
đã vội quên thôi đâu còn nhận biết về điều bất buộc
vẫn vang lời nhắc nhớ quen thuộc
(thân phận mong manh nhỏ bé kiếp người)
cũng đã lại đứng đưng với sự vô tình bất chợt
trước những lần các điều chuyện
như dấu chỉ lặng thầm nối tiếp xảy ra
cơn gió thoảng và mây bay qua
nơi mỗi con người và những con người
nơi cả một tôi
giữa thế trần tiếp tục mê mải quanh cuộc sống
cuồng quay hồi hải

bỗng mùa cơn đại dịch này đây
đã ập đến và tất cả mọi thứ như phải dừng lại
thật quá đổi bất ngờ
không một dự liệu
cũng chẳng còn chỗ cho sự thờ ơ
những mát mát đổ vỡ kinh hoàng tất bật
bao nỗi đe dọa vô hình mỗi ngày thường trực
bủa vây rình rập
tưởng chừng tuyệt vọng trong run sợ bế tắc
chưa lối thoát nào khả thi
chợt nhớ ra cơ may còn kịp thức tỉnh điều gì
vẫn với lời nhắc nhớ quen thuộc
vẫn đã biết và vẫn thường luôn là quên tuốt
(thân phận mong manh nhỏ bé kiếp người)

Chúa ơi giây phút này đây

xin cho tâm hồn con biết đến thống hối ăn năn
sống lại tâm thức luôn sẵn sàng
trọn vẹn trao dâng và tín thác
trông mong được ơn cứu thoát
để mà có thể cất bước đến thẳng trước
cánh cổng thiên đàng
hay là sẽ mãi cô đơn lặng thinh ngay bậc thềm
tối tăm hỏa ngục

nơi chỗ nào đang đợi chờ
câu hỏi một lần cuối cùng khẩn thiết
cho sự lựa chọn của mỗi một con người
hãy giật mình tỉnh ngộ để kịp thời sám hối ăn năn
trước khi đã quá muộn màng
nếu vẫn chìm sâu trong cao ngạo mê cuồng thách đố
bây giờ những cái chết đã không còn có đủ
các lễ nghi và phần mộ

chừng như câu hỏi cũng đặt ra cho chính tôi
kẻ cũng đầy lòng tội lỗi
giữa mùa cơn đại dịch thống khổ này

tháng 3/2020
(Nguồn: T.Van & BanHuu)

Đây là một bài thơ bao gồm ngôn từ, cách suy nghĩ, diễn tả tâm trạng của tác giả có thể nói là rất Ngọc Tú, trong thơ và trong cả những giao tiếp đời thường. Anh triết lý và cũng như thể buông bỏ, ngay cả thiên đàng hay hỏa ngục tăm tối. Để nói về dịch Covid, anh nghĩ

đến chiến tranh, tâm trạng của con người trong lửa đạn và trong cơn dịch, sự chết bao phủ, không còn chỗ cũng như không còn các lễ nghi và phần mộ cho người chết. Thật bi đát cho phận người mong manh. Bài thơ cũng nói lên cái tâm lý chung của nhiều Kitô hữu trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, thử thách cận kề bên mình.

NGỌC TỰ VỚI CHIẾN TRANH

Đại dịch Covid-19 và chiến tranh mà nhà thơ Ngọc Tự đã trải qua, tôi không biết, với anh, cái họa nào lớn hơn, cái họa nào gây khủng khiếp cho con người hơn cái họa nào, để rồi tác động đến tác giả và anh đã bật lên tiếng nói?. Tiếng nói của một tín hữu Kitô? Hoặc do hoàn cảnh mà tác giả phải chọn lựa đất sống ở xứ người, mà đây là yếu tố chính, yếu tố của một tâm thức Việt khi xa nguồn cội? Có lẽ cả hai.

Sẽ là thiếu sót và không hiểu được nhà thơ Ngọc Tự khi chúng ta đọc thơ của anh cách vội vã, như thể “cuối ngựa xem hoa”, hay đi thăm rừng chỉ thấy rừng mà không thấy cây, không thấy được sự sống nơi các thân cây non đang muốn bứt luôn cả cái vỏ khô cằn bên ngoài nó. Bài thơ “*Lời tự nguyện đầu năm*”, in ở đầu tập *Những mảnh tình rời*, tạp chí *Quần Chúng* xuất bản năm 1970. Tác giả xúc cảm quá mãnh liệt trước một hiện thực chiến tranh, lửa lọc, phản bội, điểm đàng. Thế nhưng, nhà thơ Ngọc Tự cũng vẫn còn một hy vọng: một con người mới, một mùa xuân mới, một khu rừng bình yên và loài chim di trú tìm về. Bài thơ diễn tả nỗi kinh hoàng của cõi người. Anh sợ hãi nó, anh muốn chặt đôi

tay, “đôi tay cầm súng đạn nhắm chùng có da thịt người làm bia”; chọc mù đôi mắt, “ta đã nhìn thấy chiến tranh, ta đã nhìn thấy khốn khổ ta đã nhìn thấy muôn vàn vênh váo đê tiện; “hãy đẽo cả sống mũi này cho bằng phẳng như một lần giặt mìn quốc lộ cái sống mũi thật thô bỉ chưa khi nào phập phồng hờn hở sao chỉ gửi toàn nồng nặc hơi người”...

LỜI TỰ NGUYỆN ĐẦU NĂM

*bắt đầu thêm một thời gian nữa của thượng đế
bắt đầu thêm già nua cho đời
những điều nhớ điều quên
ta đã đánh mất tuổi thơ
ôi ta đã đánh mất ta
không còn gì cho hôm nay
những gã điên khùng đã ngạo nghễ lớn tiếng
cất giọng cười tội nghiệp
xin chặt đứt dùm đôi tay này
đôi tay nâng niu tóc huyền thần thoại
đôi tay cầm súng đạn nhắm chùng
có da thịt người làm bia
đêm hay ngày bây giờ cũng là lừa lọc
xin chọc thủng cho mù lòà dùm đôi mắt
ta đã nhìn thấy chiến tranh ta đã nhìn thấy khốn khổ
ta đã nhìn thấy muôn vàn vênh váo đê tiện
xin chọc thủng luôn hai tai
không bao giờ còn phải nghe lời ngon ngọt độc dược
không bao giờ bom đạn còn làm giấc ngủ đỡ chùng
không bao giờ còn nghe khóc lóc thở than*

*hãy để cả sống mũi này cho bằng phẳng
như một lần giật mình quốc lộ
cái sống mũi thật thô bỉ chưa khi nào phập phồng hơn
hở sao chỉ gửi toàn nồng nặc hơi người
xin chặt què dùm đôi chân chớ nên nghĩ ngợi
sẽ chẳng bao giờ ta cất bước rình mò
mà rất có thể không chừng đạp hằm chông hay
một quả lựu đạn ghi làm lần thắng cuộc
khóa cứng ngắc luôn cho cái mồm không khi nào còn
cổ võ hoan hô không khi nào còn cất lời nguyện rửa
không khi nào còn đọc được tuyên ngôn diển văn
không khi nào còn uống nhằm mật đắng
không khi nào còn chân thật tỏ tình giữa
muôn phản bội điểm đàng
xin bửa đôi dùm trí óc ngu muội thật ngọt
sẽ chẳng bao giờ suy nghĩ như một kẻ già nua
thôi hãy làm khô đặc trái tim
cho thân xác này hóa thành cây cỏ
khu rừng vô cùng bình yên
hoa bắt đầu nở nụ cây lá cúi chào
và loài chim di trú cũng lũ lượt bay về
đấy là một mùa xuân
có ai nghe thấy không
thượng đế có nghe được không
ngỏ lời chào năm vừa vội vã đi qua.*

“CÁI TÔI” TRONG THƠ NGỌC TỰ

Cho dù nhà thơ Ngọc Tự đã đi qua hết cuộc chiến hãi hùng, đã vào cửa ngục tù của thân “chiến bại” và

lần nữa với thân phận của một trí thức trẻ cầm bút, anh vẫn hết mực quyến luyến khi biết sẽ phải rời xa “xóm nhỏ” thân yêu bao năm gắn bó, đi về, ngày nắng hay mưa...

MAI XA XÓM NHỎ

“bỗng sao quạnh vắng cảnh nhà
Quanh vuông chiếu cũ trải ra thiếu người”
Ngọc Tự

*mai tôi xa xóm nhỏ
mà bỗng nghe buồn rưng
buổi đi chân chửa bước
sao đã thấy ngập ngừng*

*mai tôi xa xóm nhỏ
chào căn nhà thân quen
bao tuổi tôi nơi đó
buồn vui và êm đềm*

*mai tôi xa xóm nhỏ
nhìn bầu cháu trẻ thơ
lòng già thêm trĩu nặng
giọt nước mắt thần thờ*

*mai tôi xa xóm nhỏ
chia tay bạn hữu ơi
bồi hồi xao xuyên quá
những tâm giao một thời*

*mai tôi xa xóm nhỏ
bỏ quên chuyện sông hồ
thây kệ quanh biển lớn
khua triển sóng nhấp nhô*

*mai tôi xa xóm nhỏ
xin nhận chút bình yên
lời ân cần đưa tiễn
đi qua những muện phiên*

*mai tôi xa xóm nhỏ
nào phải đâu biệt tung
khi vẫy tay già biệt
là nhắc buổi ngộ trùng.*

Tháng 10/06
(Ký tên Ngọc Tụ và đóng dấu đỏ)
(những ngày của cuộc đi)

Bài “*Mai xa xóm nhỏ*” là bản viết tay của tác giả gửi cho tôi ngày 08/11/06, cuối bài có chữ ký và dấu đỏ của Ngọc Tụ, bên dưới viết một hàng chữ để trong ngoặc đơn: (những ngày của cuộc đi)

Ngoài bài thơ *Mai xa xóm nhỏ*, nhà thơ Ngọc Tụ còn gửi cho tôi mấy bài nữa, cũng viết tay, ký tên và đóng dấu đỏ và hàng chữ trong ngoặc đơn: (những ngày của cuộc đi). Những bài thơ đó là: *Tra vấn*, *Khi rời bến cũ*, *Khi xa quê nhắn gửi*, *Khúc quân ca mới* (cuối bài tác giả ghi là trại Phong Quang, Bảo Thắng, Lao Cai, 1978), *Ngày bạn đi* (viết về nhà thơ Phan Lạc Giang Đông khi

Đông qua đời tại Mỹ, ngày 09.11.2001).

Bài *Mai xa xóm nhỏ*, là nỗi lòng của nhà thơ Ngọc Tụ đối với mái nhà và những người thân yêu của mình còn ở lại. Còn bài *Khi rời bến cũ*, là nỗi băng khuâng của nhà thơ khi biết mình sẽ tới một bến đậu khác xa lạ, “nơi bến mới có bình yên”. Quả thật là rất xúc động khi:

*chưa đi đã nhớ bến này
xuôi giong viễn xứ tháng ngày hoài hương
băng khuâng trước buổi lên đường
mơ ngày cố quận vấn vương tay chèo*

Tháng 10/06

(Trích 04 câu cuối bài *Khi rời bến cũ*)

(Ký tên Ngọc Tụ và đóng dấu đỏ)

Thấy chưa đủ nói lên được nỗi bồi hồi, quyến luyến khi biết mình phải rời xa nơi thân yêu này, nhà thơ, khi còn chưa rời bến cũ, mà đã băng khuâng trước buổi lên đường - mơ ngày cố quận vấn vương tay chèo. Rất đậm đà tình nghĩa với xóm nhỏ và những điều lung linh mà chỉ có nhà thơ mới cảm nhận trong cuộc đời qua hai thời kỳ lịch sử của dân tộc và của chính mình, những gì có được và những gì đã mất. Trong thời kỳ được viết thành sách này, của một cây bút nhiều trăm trở, nhà thơ Ngọc Tụ bó thân trong thân phận “thua cuộc”, anh gọi đây là “*Khúc quân ca mới*”.

(Dẫn theo quyển: *Những dòng chữ từ năm tháng*,
trang 76. Ấn bản điện tử của Tủ sách
T.Van & Ban Huu, 2016)

thế rồi đất nước bỗng xa khơi
chinh chiến ta đi tiếp một đời
bài hát tự do hồn phơi phới
chẳng chút nao lòng tổ quốc ơi

những nông trường từng sớm bình minh
cũng mờ hôi nhòe mắt lung linh
còn chặng cuối này qua cho nốt
đoạn đời hay đoạn đường chiến binh

như bước vào mùa huấn nhục mới
tay cuốc dài thay khẩu súng trường
cấp hiệu nào thêm đời trai trẻ
nhớ mãi khôn nguôi những nẻo đường

ta thấy ta trong mắt đồng đội
vẫn còn chặng ánh lửa niềm tin
có chút gì băng khuâng xao xuyên
đừng vội bối rối hãy ngẩng nhìn

nụ cười vui giữa đời thương khó
vai áo tù ngở sắc chiến bào
hát nhắm quân hành mơ vào trận
mộng mãi cho đầy gối chiêm bao

(Trại tù cải tạo Vĩnh Quang,
Vĩnh Phú 1980)

Bốn câu cuối của bài thơ *Khúc quân ca mới*, “hát nhắm quân hành mơ vào trận”, diễn tả tâm trạng của

một chiến binh trẻ, bao năm trời “vai áo tù” mà ngỗ “sắc chiến bào”, nhà thơ Ngọc Tự đã thể hiện nó trong sứ mệnh cầm bút.

Những ngày sống trên đất người, mà sao người ta cứ gọi là đất “lạ”, là lưu vong hay lưu đày!? Còn người cũ ở lại nhà thì sao cứ gọi là “lạc lõng”, là “ở bên lề” v.v... Những câu nói đầy cảm tính, chủ quan và như chưa thoát được phạm trù sai biệt. Tuy nhiên, ở cá nhân người tỏ bày cái “lạ” của miền đất mình vừa ký nhận cuộc sống “chung thân” hay người cũ ở lại với chiếc chiến bào hoặc mong manh sắc áo của Socrate, nhận chén thuốc độc và thản nhiên uống trước mặt bạn hữu! Chỉ có những cá nhân ấy, những con người của lịch sử ấy, mới hiểu được cái lẽ ấy nó tồn tại và lung linh trong cõi sâu của lòng họ như thế nào. Cuộc chiến này nó khủng khiếp, đôi lúc nó cần có đặc sủng của một Thiên Chúa làm người và chịu đóng đinh trên thập giá.

Những ngày ở đất “lạ”, nhà thơ Ngọc Tự đã tiếp tục đi tiếp nẻo đường thi ca của anh mà anh đã mở ra khi còn ở nhà, một ngôi nhà đã trở nên thiêng liêng, trù mển lạ thường, đến nỗi “*buổi đi chân chưa bước - sao đã thấy ngập ngừng*”.

Cho nên từ Houston, Texas, anh viết:

KẺ XA QUÊ NHẮN GỬI

*Mai bạn về thăm lại quê cũ
Cho ta gửi theo trọn nỗi lòng
Và rồi còn thêm gì nữa nhỉ
Đường như cũng chỉ những hoài mong*

*Từ độ xa quê chiều hôm ấy
Trong ta thường khắc khoải khôn nguôi
Bao điều ngổn ngang loay hoay mãi
Lặng thầm theo mỗi buổi mây trôi*

*Ly rượu vơi đầy sao nhạt thếch
Bao giờ mới cạn sầu tha hương
Để ta rũ sạch bụi viễn khách
Đốc ngược cho khô đáy hồ trường*

*Đêm nay quê người như lạnh quá
Khẽ ép mẩu gió vào tim hoang
Không nghe chút hương thừa nồng ấm
Ta gọi ta thẳng thốt bàng hoàng*

*Bạn về thưa dùm lời khát hẹn
Rằng ta vẫn nhớ nợ quê xưa
Canh cánh bên lòng luôn thao thức
Đau đáu mãi thôi biết sao vừa*

Đêm Houston buồn tênh và xám ngắt

tháng 01/07

Bài thơ này anh đánh máy, có chữ ký và con dấu, kèm theo mấy dòng viết tay: **Gửi các bằng hữu nơi quê nhà - nhất là buổi sớm Chủ nhật.**

Hai câu cuối trong bài thơ trên, Ngọc Tụ dùng hai

trạng từ có nghĩa tương đương: canh cánh/đau đầu, để diễn tả tâm trạng của anh trong những ngày trước và sau buổi rời xa bến cũ hoặc xa xóm nhỏ, đó là những băng khuâng, trăn trở, thao thức, u uẩn mà anh chưa biết mở ra với ai, vẫn còn đó, canh cánh bên lòng, đau đầu khôn nguôi.

Một con người tình cảm như thế, thì không thể là một kẻ coi xú người là “đất hứa”! Nhà thơ Ngọc Tự đã mô tả tâm sự của mình, nói về cái tôi của mình, day dứt với những tâm tư day dứt, trăn trở với những trăn trở liên li, như không bao giờ ngưng nghỉ, lặng thinh. Vì như thế là đánh mất mình, mà Ngọc Tự thì không bao giờ chấp nhận “đánh mất mình”.

Sau đây là mấy bài thơ của Ngọc Tự trong ý hướng đó:

THOÁNG TRONG CHIỀU LUÂN LẠC

*loanh quanh cơn áo quê người
vai nghiêng bóng lệch rổi bởi hoàng hôn
thấp thỏm đi qua nỗi buồn
bước chân xiêu vẹo nghe hồn lặng thinh
chợt ra bỗng thấy thương mình
bao mùa lưu lạc ngỡ hình như thôi
cầm bằng cũng đã pha phôi
quê nhà xa lắc cuối trời mây sương
thần thờ ngồi xuống bên đường
vu vơ vẫy gọi đoạn trường băng khuâng*

tháng 04/07

SỚM MAI TÔI

*bàn thân tay nắm nhẹ tay
bỗng như vừa thấy mình gầy hơn xưa
chắc rằng bao buổi nắng mưa
đã dần phai nhạt từng mùa tóc xanh
giờ thì vẫn giữa loanh quanh
còn đâu lưng vốn cuối canh bạc đời
thật thâm tôi gọi tôi ơi
chỉ nghe vọng lại một trời quạnh hiu*

tháng 01/2010

BÀI CHO TÔI

*xòe tay nhắm đếm đại khôn
chùng như đời đã hoàng hôn bao giờ
loanh quanh giữa cõi ngẩn ngơ
riêng ta một chỗ ngu khờ nơi đâu
chập chùng vẫn đấy biển dâu
sóng xô chưa hết dải dầu tháng năm
muộn mẫn còn chút ăn năn
bờ xa cát xóa vết hằn bước chân
cũng đành thương lấy một thân
vẫn chương nửa chữ nông dân nửa cây*

Trên đây quý bạn đọc đã thấy một Ngọc Tự, nhà thơ viết về cái tôi của riêng mình, vẫy búa bởi những day dứt khi rời xa xóm cũ cũng như cái tôi của anh trên đất người. Chúng ta chưa gặp nhà thơ với những “cái tôi”

khác trong nhân thế khổ đau này. Tuy nhiên, bài thơ dưới đây, Ngọc Tự đã có một quan điểm rất khác với những cái nhìn của anh mà chúng ta đã từng thấy. Cái “rất khác” ấy là cái tinh thần gắn bó với quê hương, tổ quốc ngàn đời yêu dấu, sau khi anh “ngụ cư” ở trên đất người. Ngọc Tự là thế.

VÀI LỜI THƯA CỦA GÃ NGỤ CƯ

*xin thưa với đất nước Hoa kỳ
cho tôi được bày tỏ như một lời tạ lỗi
khi bây giờ quanh đây
rộn ràng vào mùa chuyển đổi
trong tôi vẫn một ngụi lạnh dưng dưng
không chút tha thiết bận tâm Cộng Hòa hay Dân Chủ
những phát biểu và các điều tuyên ngôn
quen thuộc dường như đã cũ
(ôi những ông chính khách và thân phận nhutorc tiểu
da vàng đất nước tôi)
có điều gì đó sao bỗng phải ngập ngừng
và nổi quặn thắt rưng rưng
Việt Nam.*

*xin thưa với đất nước Hoa kỳ
cho tôi được bày tỏ như một lời tạ lỗi
mặc bộ quần áo đẹp và bữa ăn ngon mỗi buổi
tôi hiểu về những ân cần từ tâm
và vòng tay độ lượng bao dung
mà cũng không thể nào quên
qua sự bội bạc quay lưng
thản nhiên đến lạnh lùng*

*này ai đã một thời là đồng minh bạn hữu
ơi quê hương khổ hạnh*

Việt Nam

*xin thừa với đất nước Hoa kỳ
cho tôi được bày tỏ như một lời tạ lỗi
khi long trọng giơ tay ngày tuyên thệ*

để nhận lấy điều thay đổi

*tôi nghe điệu Folksong rộn rã quanh đây
và cũng ú ớ ghen trong tim bài ca vong quốc
tôi đã ở nơi đây qua những năm tháng dài lạnh buốt
chưa bao giờ nuốt trọn nổi mẩu hot dog và bánh pizza
quên sao được vương sân nhỏ quê nhà
những bữa cơm khó nghèo qua*

suốt bao mùa binh đao lửa đạn

Việt Nam

*xin thừa với đất nước Hoa kỳ
cho tôi được bày tỏ như một lời tạ lỗi
gã ngụ cư tôi đã bạc đầu vẫn còn loay hoay mà hỏi
có thật hay không giấc mơ Mỹ*

và nổi trần trọc khôn cùng

*tổ quốc là đây hay tổ quốc đã khuất nẻo mịt trùng
mong ngóng mãi một buổi về mỗi mòn vô vọng
cay đắng đến thế sao*

*chén rượu nhỏ người ly khách
vơi đây thấp thoáng bóng cố hương
khôn khuây những chiều lặng thầm tưởng nhớ*

Việt Nam

*xin thừa với đất nước Hoa kỳ
cho tôi được bày tỏ như một lời tạ lỗi
cái lỗi lầm mà đâu thể nào sám hối*

*vậy ra tôi đã là kẻ ngụ cư tệ bạc đến vô cùng
sự tệ bạc chân thật và cần thiết
vì cội rễ này nên có một điều vẫn mãi phải tin trung
Việt Nam*

(mùa bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ
Houston 10/2012)

Thực sự những gì trong thơ Ngọc Tự chúng ta đã đọc, chỉ là những hình ảnh rời tuy đậm nét về những năm tháng nhà thơ đã trải qua: chiến tranh, ngục tù (2 lần), xóm nhỏ quê nhà v.v... Nhưng, sẽ thiếu sót khi viết về Ngọc Tự mà bỏ qua một điều nó làm cho Ngọc Tự khác với người khác. “Cái khác” ấy, Ngọc Tự đã thể hiện nơi bài Vài lời thưa của gã ngụ cư. Đó chính là cái “bao quát”. Qua bài thơ này, Ngọc Tự nói cho mình nhưng biết đâu, anh chẳng nói cho nhiều người, cả ở ngoài nước và người “ở lại”.

NGUYỄN QUỐC THÁI

Tên thật: Nguyễn Quốc Thái.

Sinh ngày: 20-10-1943 tại Hà Nội.

Quê quán: Yên Lương, Thanh Trì, Hà Đông.

Quá trình hoạt động:

Năm 1954, di cư vào Nam, học tại các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Đại học Văn Khoa, Sài Gòn.

Trước 4/1975: trong nhóm chủ trương các tạp chí *Hành Trình*, *Đất Nước*, *Trình Bầy*, *Nhà Văn* và nhật báo *Làm Dân*.

Sau 4-1975: là Thư ký tòa soạn tạp chí *Đứng Dậy*, Trưởng ban biên tập báo *Saigon News*, Tổng thư ký báo *Doanh Nghiệp*.

Tác phẩm: *Le Crépuscule de la violence* (tập thơ, truyện ngắn của nhiều tác giả, *Trình Bầy* Sài Gòn 1970). *Thân phận quê hương và tôi* - Trình Bầy, Sài Gòn 1966. *Những cánh bồ câu mơ ước* - Trình Bầy, Sài Gòn 1967.

Chúng tôi được biết, Nguyễn Quốc Thái là một trong 20 tu sĩ và giáo dân, đã viết một Tâm thư gửi Hội

đồng Giám mục Việt Nam, ký ngày 15 tháng 8 năm 1989. Đề cập đến Tâm thư này ở đây, người viết chỉ muốn “bổ túc” thêm một công việc của Nguyễn Quốc Thái vào phần tiểu sử của ông. Trong một cuốn Nhật ký của Nguyễn Ngọc Lan, ông cho biết, chính Nguyễn Quốc Thái viết bức Tâm thư này. Còn linh mục Chân Tín thì, trong cuốn “*Nói cho con người*”, 1975-2001, Thư Nhà Broadway - NSM - Australia, đã viết về cuộc gặp gỡ giữa Cha và ông Võ Viết Thanh, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ, tại Sở Công an Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 06.11.1989, theo giấy mời, để trao đổi “Về hoạt động tôn giáo trong thời gian qua”, trong đó có bức Tâm Thư của 20 tu sĩ và giáo dân gửi HĐGMVN, liên quan đến Ủy ban Đoàn kết Công giáo.

Chúng tôi không khen hay chê thái độ và cung cách của thành phần trẻ này qua thư gửi các Giám mục Việt Nam. Họ xuất hiện như vậy. Nhưng, nếu có khen thì khen những người ký tên vào lá thư là những người can đảm, đã nhìn thấy những vấn đề của Giáo hội và của xã hội vào thời kỳ từ năm 1975 đến khi họ viết lá thư là năm 1989, tức 14 năm sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Tâm thư của 20 Tu sĩ và Giáo dân là những người đồng đạo với tôi, đã bày tỏ những ưu tư của mình với các Giám mục Việt Nam, họ là những người đầu tiên đã lên tiếng về những “lỗ hổng” hay những “mất mát” trong Giáo hội Công giáo Việt Nam sau hơn mười năm dưới chế độ vô thần, không có cái nhìn thiện cảm lắm đối với các tôn giáo, cách riêng với Giáo hội Công giáo.

Lần đầu tiên tôi gặp nhà thơ Nguyễn Quốc Thái là ngày 19.02.2000 tại cuộc họp mặt một số văn nghệ sĩ

Sài Gòn do Tòa TGM Sài Gòn tổ chức tại hội trường nhà thờ Chính tòa.

Theo một thư mời tôi nhận được, là hưởng ứng lời kêu gọi của Đức TGM Francesco Marchisano, Chủ tịch Ủy ban Nghệ thuật của Tòa thánh, từ tháng 10 năm 1999, đã gửi thư ngỏ, mời tất cả các văn nghệ sĩ Công giáo trên toàn thế giới cùng đến Roma trong ngày 18-2-2000, là ngày kính nhớ Chân phúc Họa sĩ Fra Angelico (1400-1455), Giáo hội chọn làm ngày dành cho giới văn nghệ sĩ, thì tại Tổng giáo phận Sài Gòn, TGM Phạm Minh Mẫn, tổ chức một cuộc họp tại hội trường Nhà thờ Chính tòa Sài-Gòn, ngày 19-2-2000. Buổi họp mặt này được kết thúc bằng bữa ăn Agapê.

Bây giờ thì tôi đã gặp Nguyễn Quốc Thái qua thi ca của anh, trong một buổi sáng Chúa nhật. Anh trao cho tôi một số bài thơ đã đăng trên báo của người Việt ở nước ngoài, như tờ *Việt Báo*, *Khởi Hành* và trong nước là tờ *Đứng Dậy*, có cả mấy bức hình lịch sử của năm 1964. Buổi sáng Chúa nhật hôm ấy, Nguyễn Quốc Thái hẹn gặp tôi tại một quán cà phê góc đường Nguyễn Du và Đồng Khởi, nhìn thẳng vào Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, tượng Đức Mẹ đứng đó, gọi cho tôi nhiều kỷ niệm. Thật tình, tôi đã có những phân vân về nhân vật Nguyễn Quốc Thái qua thơ và cuộc đời dấn thân của anh, nhất là nhìn những tấm hình phóng viên nước ngoài chụp cuộc đụng độ giữa học sinh hai trường Bồ Đề (Phật giáo) và trường Nguyễn Bá Tòng (Công giáo) vào năm 1964. Trong số những tấm hình này có một tấm Nguyễn Quốc Thái đứng bên cạnh một nhà sư trẻ của Phật giáo, kêu gọi hai bên chấm dứt bạo động,

tôi hiểu rằng những bài thơ anh làm sau này mang tâm tư phiến muộn của anh chắc chắn không thể tách rời cuộc dấn thân của anh trong suốt cuộc đời anh. Một điều đáng lưu tâm khác là Nguyễn Quốc Thái có cảm nghiệm về Chúa Giêsu, Mẹ Maria và về thánh nữ Tê-rê-sa Hải Đồng Giêsu rất khác, rất lạ nếu đối chiếu với một số nhà thơ Công giáo Việt Nam khác, viết cùng một đề tài. Cho nên, tôi đã luôn nhớ về cuộc gặp gỡ này, vào một buổi sáng Sài Gòn rất tuyệt. Trên đường đi đến điểm hẹn, tôi đã đi qua những con đường Trần Quốc Thảo, Nguyễn Thị Minh Khai, (Hồng Thập Tự cũ), Phạm Ngọc Thạch (Duy Tân cũ) với những hàng cây cao, có bóng mát, có gió nhẹ. Khi tôi đi tới góc đường Nguyễn Thị Minh Khai với Phạm Ngọc Thạch, tôi nhìn lên những cây cao thẳng đứng trên đồi cao của Dinh Độc Lập (nay là Thống Nhất), tôi đã có những giây phút ngẩn ngui hoài niệm về một thời đã qua và những người chủ của Tòa nhà này trước kia:

*Một phút băng khuâng một tắc buồn
Cảnh đầy người đâu dạ vấn vương
Tôi nay đi giữa lòng thành phố
Buồn vui cũng chỉ một tấn tuồng.*

BỨC ẢNH CÁCH NAY 50 NĂM.

Ngày 10 tháng 9 năm 1964, Đại Đức Thích Chơn Diêu và nhà thơ Nguyễn Quốc Thái (bên trái, đeo kính, cổ mang Thánh Giá) cùng kêu gọi ngưng tàn sát lẫn nhau trong cuộc xô xát đẫm máu tại ngã tư Bùi Thị



*Đại Đức Thích Chơn Diêu
và nhà thơ Nguyễn Quốc Thái (bên trái mang kính trắng)*

Xuân (nay là Tôn Thất Tùng), Q1 Sài Gòn, sau khi trường Nguyễn Bá Tòng (nay là Bùi Thị Xuân) và Nhật báo Xây Dựng bị một số người đốt phá.

Nguồn: Paris Match tr.62, 63,64, 65
số 805 ngày 19-9-1964

Về Chủ nhiệm nhật báo *Xây Dựng* là cha Nguyễn Quang Lãm, thì ngày 22 tháng 9 năm 2022, Nguyễn Quốc Thái đã viết cho tôi qua Zalo như sau: “*Trong lúc hỗn chiến, cha Nguyễn Quang Lãm rất hoảng sợ, tôi (Nguyễn Quốc Thái) đã đỡ cha Nguyễn Quang*



Đức cha Giuse Trần Văn Thiện

Lãm đứng trên vai tôi trèo vào trường Nguyễn Bá Tông trốn thoát. Bức ảnh được một phóng viên báo Xây Dựng chụp và cha Lãm để bức ảnh trong quyển Kinh Nhật Tụng...”

Bên phía Công giáo, có một bức ảnh khác mà Nguyễn Quốc Thái trao cho chúng tôi, chụp Đức cha Giuse Trần Văn Thiện, bên cạnh ngài là một số người, đi theo để bảo vệ ngài. Ngài đến để kêu gọi hai bên chấm dứt bạo động. Một bức ảnh khác chụp một thanh niên nằm chết trên đường, bên cạnh là một số học sinh, có cả người lớn đứng chung quanh nạn nhân này, tay họ cầm hung khí như gậy gộc...

Sát hại lẫn nhau chẳng có lợi cho bên nào, trừ phía

đấu tranh cực đoan và kẻ thù lợi không ai khác ngoài phía Mặt trận thời đó.

Những tấm hình này đã 50 năm, hay hơn nữa, tính từ năm 1964 đến năm 2022, 2023... một thời máu lửa. Trong số những nhà thơ Công giáo Việt Nam sống tại Sài Gòn từ thời Đệ nhất Cộng Hòa, tức năm 1954 cho đến nay, đã 68 năm qua, Nguyễn Quốc Thái là nhà thơ gây ấn tượng khá nhiều đối với tôi, không phải vì những bài thơ của anh mà chính là sự dẫn thân của anh trong chính trị. Thú thật, khuynh hướng của anh khác hoàn toàn với tôi và có thể nói với một số nhà thơ Công giáo khác. Trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa hai bên Quốc-Cộng gần 100 năm qua, nhất là từ sau ngày 30.04.1975, có nhà thơ chủ trương chỉ làm thơ tình, và những cảm xúc về thiên nhiên, về tình cảm riêng tư với bạn hữu, gác ra ngoài sáng tác thơ đấu tranh, có người gọi là thơ chính trị. Có nhà thơ cho rằng, “làm thơ mà dính vào chính trị là thua”, hoặc cực đoan hơn thì “đã làm thơ thì đừng làm chính trị” theo phái này phái kia, đảng này đảng nọ. Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi, là vào năm 1971, đang có cuộc nói chuyện về chiến tranh Việt Nam tại Paris giữa hai bên tham chiến, thì tại Sài Gòn, lần đầu tiên trong lịch sử của các đảng phái, có một hành động lịch sử đáng ghi nhớ, là hơn mười tổ chức ngồi với nhau, bàn kế sách “giữ nước”. Họ đã thỏa thuận được với nhau rồi thành lập ra một “Ủy Ban Phối Hợp Hành Động Các Chính Đảng”, Ủy ban này bầu ra một Chủ tịch đoàn, có một Chủ tịch Chủ tịch đoàn đứng đầu. Vị Chủ tịch Chủ tịch đoàn là Cụ Trương Vĩnh Lễ. Cụ Lễ là ứng viên

Phó Tổng Thống trong Liên danh với Nguyễn Cao Kỳ, trong cuộc bầu cử năm 1971. Một cơ quan ngôn luận của Ủy ban này được xuất bản, mang tên Diễn Đàn Chính Đảng (Tuần Báo). Bản thân chúng tôi được cụ Trương Vĩnh Lễ, qua một nhân vật trung gian thời Đệ nhất Cộng Hòa, mời giúp cho tờ báo này. Khi chúng tôi bắt tay vào làm việc thì trong bạn hữu có tiếng xì xầm to nhỏ: “Ông Khải Triều đi theo đảng phái!”. Tôi “bắn tiếng” với bạn hữu rằng: “Trí thức đừng quay lưng với thời cuộc lịch sử của dân tộc. Hãy hiện diện và hãy trung thực với sứ mạng của mình”.

Trong lúc đó, Nguyễn Quốc Thái qua tấm hình trên đây, và những dòng tiểu sử ngắn của anh, cũng như những bài thơ phản chiến mà nghe đâu đã thất lạc, một số thì bị tịch thu, có thể gây đồng cảm hay bất đồng cảm giữa một số người cùng thời, kể cả người cùng đạo, trong cách nhập cuộc của anh. Và anh đã tồn tại tới ngày hôm nay. Tuy nhiên, điều cần nói ở Nguyễn Quốc Thái là anh có “đánh mất” cái căn đế của một Kitô hữu hay không. Lời đáp cho vấn đề này là ở mấy bài thơ đạo của anh cũng như ở cách xử thế của anh.

Riêng tôi, nhà thơ Nguyễn Quốc Thái gây cảm xúc cho tôi nhiều ở hai chủ đề: *Một mảnh tình riêng* và *Dòng thơ đạo*.

MỘT MẢNH TÌNH RIÊNG CỦA NGUYỄN QUỐC THÁI

Bạn đọc có thể, qua chủ đề này, liên tưởng đến bài

thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan, để giảm trừ sức nặng và u ám do hai tấm hình trên đây gây ra. Nhưng xét về lịch sử của Công giáo Việt Nam gần 100 năm qua, thì mấy tấm hình đó lại rất quý, nên chúng tôi cho in vào sách này với một nhân chứng, đó là nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một người trẻ tranh đấu của thời điểm 1964. Chính vì khía cạnh này, mà chúng tôi đặt ra một chủ đề: *Một mảnh tình riêng, trong thơ Nguyễn Quốc Thái*. Bốn câu thơ của chúng tôi ở đầu bài này, do cảm xúc lúc đi qua Dinh Độc Lập, chẳng phải nó cũng mang một “mảnh tình riêng” với nhà Ngô đó sao!

Nhưng, ý nghĩa mảnh tình riêng trong cuộc đời Nguyễn Quốc Thái qua thi ca của anh là gì, thì lại là chuyện của độc giả, chúng tôi chỉ làm người chọn lọc và giới thiệu mấy bài thơ theo cảm nhận riêng của chúng tôi.

TRÌNH BÀY

*Ngươi than lẻ bạn chiều xa xứ
Ta sầu lạc lõng giữa quê hương
Bạn bè mây trắng trôi muôn ngả
Bỏ kiếm mình ta quán góc đường*

*Ta tóc sương rồi ngươi lưu lạc
Gặp nhau sao nữa mộng tan tàn
Ửa lệ nhìn mưa nhòe phố bạn
Mất Còn Thành Bại cũng quê hương*

*Quê hương đập vỡ ly tàn cuộc
Ta làm Từ Hải hát ru con
Gối đầu tay vợ nghe sông nước
Đào dạt ngờ đâu tóc dịu hiền*

*Người đi ta ở đùa chơi cả
Đôi bờ ngơ ngác bóng trăng non
Ly cũ cà phê run giọt lạ
Quê nhà sao nhớ quá quê hương!*

*Sài Gòn yêu dấu, VIII.1989
(Khởi Hành, California, số 123&124
Tháng 1&2.2007, trang 41)*

Đoạn thứ nhất, câu 2 và 4, tác giả đã nói rõ tâm trạng của mình: *Ta sầu lạc lõng giữa quê hương và: Bể kiếm mình ta quán góc đường*. Bên cạnh đó, ta cũng thấy tác giả minh định quan điểm của mình: *Mất Còn Thành Bại cũng quê hương*. Xin lưu ý đến thời gian Nguyễn Quốc Thái làm bài thơ này: 1989, tức 14 năm sau ngày 30.04.1975. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, được thổi phồng lên quá trớn trong lúc còn chiến tranh, thì đã sớm “gác kiếm”, “cuộn cờ”. Ngoài bà Nguyễn Thị Bình ngồi lại, thì còn được mấy ai?

TỪ KHÚC

*Em yêu dấu như đường gươm oan nghiệt
Chém lòng ta trăm mảnh tả tơi bay*

*Cà phê tím ly gầy đêm ngấn gió
Giữa cuộc tình em náo nức chia tay*

*À chia tay! Ta lui về cô tịch
Làm thơ tình loạn nhịp hát nghêu ngao
Bông nguyệt quế mùa trăng xưa ai nhớ
Tóc tơ người thơm ngát cội ta đau*

*Chia tay ư? Tình sâu ta không trả
Ôm hết đời bay liệng nhớ thương em
Vết thương ấy em nô đùa hờn hở
Ta bạc đầu đau đớn vẫn chưa quen.*

(*Khởi Hành, California, số 123&124
Tháng 1&2.2007, trang 41*)

TỰ DO

*Anh đã đi nghỉ mát với vợ con - cố quên em
Anh đã uống rượu say khướt với bạn bè -
cố quên em
Anh đã vùi đầu vào công việc - cố quên em
Anh đã ngồi uống cà phê suốt buổi
nhìn hoa khế rụng - cố quên em
Anh đã đánh phé trâu đêm thua cháy túi -
cố quên em
Anh đã lang thang cùng Kiều Phong
trong Thiên Long Bát Bộ - cố quên em
Anh đã lật lọng những kỷ niệm
xúc xiểm những mơ ước - cố quên em*

*Anh đã soi mói từng vết nhăn
trên gương mặt em thơ dịu - cố quên em
Càng nhớ em hơn, càng bơ vơ hoảng hốt
Và anh biết anh yêu em xiết bao
Và lòng tan nát như cánh mơ trắng
chiều Lạng Sơn mộng gió thuở nào.*

(*Khởi Hành*, California, số 123&124
Tháng 1&2.2007, trang 41)

Hai bài thơ trên, *Từ khúc* và *Tự Do*, tác giả đã nói rõ lắm tâm trạng và vị trí của mình trong thời kỳ mới của đất nước: *À! Chia tay ta lui về cô tịch* (bài *Từ khúc*), một cuộc chia tay đau đớn, như thể “*đường gươm oan nghiệt*” (câu đầu bài *Từ khúc*). Còn bài *Tự Do* thì Nguyễn Quốc Thái cũng muốn “*cố quên*”, được tác giả lặp đi lặp lại 8/11 câu toàn bài. Anh cũng chua chát thốt lên lời: “*Anh đã đánh phé thâu đêm thua cháy túi*”.

Ngoài những câu thơ dẫn ra đây, tác giả đã sử dụng thể loại ẩn dụ để mô tả cuộc dấn thân của mình trong thời kỳ Quốc-Cộng chiến tranh, một giai đoạn đau thương của đất nước. Nhiều gia đình phân tán, kẻ bên này người bên kia. Trong tiểu thuyết *Tiến sĩ Lê Mai* của nhà văn nhà báo Thanh Thương Hoàng (nhật báo *Chính Luận*), ông kể chuyện trong một trại tù giam giữ những nhân viên và sĩ quan trong chính quyền VNCH, có trường hợp một người cán bộ quản lý trại và một tù nhân là sĩ quan QLVNCH, là hai cha con. Mẹ sĩ quan này lúc mang thai ông thì xuống tàu vào nam năm

1954, còn người cha ruột ở lại...

NGUYỄN QUỐC THÁI VỚI THÂN MẪU

TẠ LỖI MẸ

*Ngày giỗ bố con không về kịp lễ
Mẹ nhìn con mắt thăm thăm u buồn (*)
Con lay mẹ lòng con đâu dám thế
Áo cơm đời cay nghiệt trói chân con*

XII.1978

(*) Nhấn tin các anh chị: Sau tháng Tư 1975, nhớ thương các con cháu tù đầy, trôi giạt không tin tức, mẹ đã khóc đến lòa cả hai mắt.

BÀI CA CỦA NGƯỜI KHÔNG CÒN MẸ

*Con đàn đúm về khuya
Không còn mẹ trách mắng
Con sầu đời chán nản
Không còn mẹ thở dài
Con vội vã sớm mai
Không còn mẹ khép cửa
Trán con như lửa đỏ
Không còn mẹ nâng niu
Con lãng mạn nghêu ngao
Còn đâu mẹ cười khẽ*

Mẹ ơi mẹ đi đâu
Bữa cơm chiều quạnh quẽ
Tháng ngày đời chẵn lẻ
Con trôi nổi một mình
Đứng bên cầu tử sinh
Nắng chiều bay tới tả

Con bao nhiêu khôn lớn
Mất mẹ vẫn mồ côi
Vẫn bật gọi mẹ ơi
Ngày ham vui vấp ngã
Vẫn đau lời mẹ nhủ
Thuở tin người lao đao
Con tìm hỏi ai đâu
Xảy mai kia lắm lẽ
Giữa trăm nẻo lòng người
Không một nơi nương náu
Giữa khóc cười điên đảo
Loanh quanh cát bụi này.

Mùa thu nghiêng phố cũ
Mẹ ơi mây trắng bay...

17.9.1984

(Việt Báo Xuân Mậu Tý, California, 2008
trang 165)

Nguyễn Quốc Thái dùng thể thơ ngũ ngôn, có thay đổi về cấu tứ để diễn tả tâm trạng của mình khi mẹ “đi xa”. Tác giả xen kẽ giữa cảm xúc cô đơn và cuộc dẫn

thân của mình với đôi hàng ẩn dụ, như: “*Ngày ham vui vấp ngã*”... “*Thuở tin người lao đao*”, hoặc: “*Mùa thu nghiêng phố cũ - Mẹ ơi mây trắng bay*”.

Lại vẫn là mùa thu, mùa thu của đau thương, của tàn tạ, của ly biệt, tang tóc trong lịch sử của đất nước. Trong một bài khác, bài “*Xuống đường*” (in trong *Việt Báo Xuân Mậu Tý 2008*, trang 86), nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cũng đã nói đến mùa thu qua câu:

*Gió vờ vụn bay tím ngát nỗi tin vụng dại
Anh muốn quên đi những điều suốt đời
không thể quên
Anh muốn quên đi những dịu dàng giả dối
Anh muốn quên đi quên đi nhưng vô vọng
Và bài thơ gãy đôi rơi vào mùa Thu.*

(Trích đoạn cuối bài *Xuống đường*,
đề ngày 6.IV.2012)

“*bài thơ gãy đôi*” “*rơi vào mùa thu*” là gì? Ẩn dụ gì đây? Tác giả muốn nói đến cuộc chia hai đất nước vào mùa thu 1954? Đây là một “*mảnh tình riêng*” của nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, trong toàn bộ cuộc đời và tác phẩm của ông.

VỚI MẸ, TỰ DO VÀ EM

*Tôi xô tôi ngã chúi đầu vào mơ ước
Mặt xây sát những dạn dò của Mẹ*

Mỗi câu thơ khắc khoải như tiếng cười gượng
Rơi xuống em bật lên tiếng kêu rục rã
Hạnh phúc lố chỗ những vết hy vọng
Nước mắt không nói với tôi lời nào khi nhỏ xuống
Nỗi đau âm vang niềm hoài nghi đó
Sài Gòn trống trơn những hẹn hò
Và mùa mưa kéo dài vệt tường nhớ xơ xác
Những khát vọng mỗi một
đập dềnh trên thời gian đơn điệu

Tự Do bị tước đoạt thô bạo diêm dúa
Ly cà phê buổi sáng hấp hối
giữa bạn bè còn mất
Câu thơ như tiếng dương cầm gầy yếu
Nhỏ xuống chuyện của chúng ta vỡ hoang dự báo
Đã bao lần ním vú ấm hồng của Tự Do
chao lượn trong môi tôi
Như chú cá bảy màu nhỏ xinh
tìm diệt những con cung quăng vô cảm
Và con muỗi vằn Cộng Sản bị triệt sản
bởi những cú tát của yêu thương.

Quê nhà buồn thảm
với những đay nghiến châm chọc
Trong bóng tối đêm đũa những kỷ niệm
Tự Do - cảm ơn em, những vô vọng
nối tiếp nhau đã cho tôi khôn lớn
Tôi nhìn thấy tôi ngỡ ngác ngoài bìa rừng
giữa đám lá rụng
Lẻ loi một đóa muguet.

*Nụ hôn vội như cơn bão cát lùa vào thành phố
Đôi mắt cay xè ứa những giọt lệ chống đỡ yếu ớt
Những mĩa mai đay nghiến xé nát tôi*

quăng vào siêu thị

*Với lãi suất thấp đến tội nghiệp
Lạc lõng giữa muôn trùng vây.*

*Những ngày cuối năm tựa lưng vào linh hồn Mẹ
Nỗi đau khước từ người ấy đau chung với tôi.*

*Roma, tháng 5. Santa Ana tháng 11
và Sài Gòn yêu dấu tháng 12.2017*

Bài thơ *Với Mẹ, Tự Do và Em*, tiêu biểu cho dòng thơ ẩn dụ và ngôn ngữ uyển chuyển, lạ đến bất ngờ của Nguyễn Quốc Thái. Dường như ông cứ muốn quên cái tình mà ông tự xô ngã chúi đầu vào mơ ước, một hành động mãnh liệt. Nhưng rồi, “*Nỗi đau âm vang niềm hoài nghi đó*”, để “*Câu thơ như tiếng dương cầm gầy yếu - Nhỏ xuống chuyện của chúng ta vỡ hoang dự báo*”. Bài thơ viết với rất nhiều cảm xúc, như dòng chảy từ tâm tư buồn phiền ứa tràn đến tận nguồn của hy vọng, của hoài nghi và cuối cùng chỉ còn biết dựa lưng vào linh hồn Mẹ.

MẤY BÀI THƠ ĐẠO CỦA NGUYỄN QUỐC THÁI

Chúng tôi giới thiệu với độc giả, cách riêng với những nhà thơ Công giáo, bốn bài thơ của nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, về thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, về Đức

Maria và về vụ Thánh Giá trên Núi Thờ thuộc giáo xứ Đồng Chiêm, Hà Nội và bài *Giáng Sinh, món quà nhỏ thân tặng*. Bốn bài thơ này, theo cảm nhận của chúng tôi, cũng là những tiêu biểu và phong cách của Nguyễn Quốc Thái trong thi ca của ông. Xin đừng tìm ở đây những lời ca ngợi về thánh nữ Têrêsa Hàì Đồng Giêsu, về Đức Maria như trong Kinh Thánh hoặc trong các cộng đoàn tín hữu Kitô giáo vẫn truyền tụng về lòng mộ mến của họ. Còn về vụ Thánh giá ở Đồng Chiêm, xin hãy đọc trực tiếp bài thơ có tựa đề *Phục Sinh*, đọc giả sẽ nhận ra một nguồn suối về lòng tin và lòng yêu mến Thánh giá nơi tác giả.

BÔNG HỒNG CHO CUỘC ĐỜI

*Tháng Mười em lại nhớ
Chị hẹn mưa hoa hồng
Tay đón không khéo mở
Gai nhỏ để bị thương*

*Chị xa tình để lại
Thơm ngát cả vườn đời
Em đi giữa buồn vui
Yêu như điên thế giới*

*A! A! Têrêsa
Yêu người yêu cuộc đời
Nhật nguyệt đã ngỏ lời
Đính hôn trời đất mới
Ôi chị một đóa hồng
Thần linh tặng nhân loại*

*Chị thơm cả mùa hương
Tặng tình cầu thơ đại*

*Tháng Mười mùa hoa hồng
Em ca chị nghe nhé
Chị hát theo khe kẽ
Chị em không giống ai*

*Ta sống chết cùng đời
Khóc cười chung mọi người
Trái tim lửa phơi phơi
Đỏ hoài một quên thôi*

1980

Bài thơ này đã được giáo sư Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn Vũ Văn Tuynh phổ nhạc. Bóng hình Têrêsa qua bài thơ rất đối dụ hiện, dễ thương và gần gũi với nhân loại, cho dầu Têrêsa sống trong Dòng Kín suốt cuộc đời ngắn ngủi. Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cũng dụ dàng, thân cận với Têrêsa! Ngôn ngữ trong bài này, tác giả sử dụng cách tự nhiên giữa nhà thơ và Têrêsa trở nên như một và đồng cảm trong ý hướng cuộc đời.

STABAT MATER

*Mẹ khi đứng bên Thánh Giá thảm thương
Thấy con treo trên...*

*Mẹ đứng đó mặt buồn như lỗi hẹn
Như dở dang như cơm áo chợ trời*

*Như vườn đời hoa trái lỡ quên vui
Như thương nhớ bay vào mùa biển động
Mẹ đứng đó ngọt ngào chòm chín mộng
Tay chưa đưa trái đã rụng ngọn lòng
Mắt vừa gặp tha thiết đã cho không
Môi Thánh Nữ bập bùng lời nhân ái
Mẹ đứng đó trông thơ ngây quá đổi
Như người yêu áo tóc mới tung tăng
Như em thơ rục rờ đến thiên đường
Chân non dại se bùn Kinh Tế Mới
Đầu mùa ngô đã xôn xao ngóng đợi
Cắn toi bởi đắng ngọt của trần gian.
Con về đây nghiêng ngả một lòng tin
Mùa gao đất nhìn mẹ thương muốn khóc
Trán thanh xuân ưu phiền lùa xơ xác
Nhưng trái tim vẫn ửng một đóa hồng.
Và cuộc đời ôi kỳ diệu vô cùng
Và cay đắng lang thang cùng tinh tú
Và mẹ đứng nhìn con chùng nín thở
Và con đứng nhìn mẹ vui dễ sợ.*

Trước cửa nhà thờ Đức Bà
Sài Gòn yêu dấu VIII.1979.

(Việt Báo Xuân Quý Tỵ. California, 2013).

Stabat Mater là tựa đề một Thánh Thi. Trong tiếng Việt là Đức Mẹ Sầu Bi, đứng dưới chân thập giá Chúa Giêsu trong ngày Chúa chịu đóng đinh. Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái mô tả Đức Maria dưới khía cạnh nhân loại. Mẹ đau lòng nhìn những người con của Mẹ

“vượt biển” đi tìm đất mới có tự do, bất chấp giông bão trên “*biển động*” (câu 4 đoạn 1), hoặc xót xa thấy những em bé bước chân non ở vùng “*kinh tế mới*” (câu 4 đoạn 3). Những câu thơ tiếp sau đó, tác giả nhìn Mẹ đã hóa thân thành người mẹ trần gian. Nhưng tác giả cũng không quên, Mẹ “*cay đắng lang thang cùng tinh tú*”, nghĩa là Mẹ vẫn là Mẹ chốn trời cao. Điều này không mâu thuẫn với tính cách nhân loại của Mẹ, vì Mẹ về trời cả hồn lẫn xác. Mẫu nhiệm này, nhà thơ Nguyễn Quốc Thái rất khéo sử dụng ngôn ngữ trong diễn tả. Tuy nhiên, ở quan điểm bình dân, bài thơ này họa hiếm mới có người nhận ra hình ảnh của Đức Maria trong những câu thơ tượng trưng, diễn tả Mẹ như một người nữ trong nhân loại, nhưng là một người nữ rất ẩn tượng.

VỤ THÁNH GIÁ TRÊN NÚI THỜ, ĐỒNG CHIÊM

Về sự việc Thánh Giá trên Núi Thờ, thuộc Giáo xứ Đồng Chiêm, Tổng Giáo phận Hà Nội, bị thế quyền triệt phá rất thô bạo, nhà thơ Nguyễn Quốc Thái đã cảm xúc mãnh liệt, qua bài thơ *Phục Sinh*. Nhưng trước hết, chúng tôi in lại thông báo của Tòa Tổng Giám Mục Hà Nội khi sự việc xảy ra. Đồng thời cả bài giảng sau sự việc đau lòng này của linh mục chính xứ Đồng Chiêm:

Sau đây xin trích dẫn bản Thông báo của Văn Phòng Tòa TGM Hà Nội về vụ việc này do Linh mục Gioan Lê Trọng Cung, Chánh Văn phòng ký ngày 07 tháng 01 năm 2010:

“Chúng tôi vô cùng đau buồn, vì xúc phạm đến Thánh Giá là xúc phạm đến Chúa Ki-tô. Đó là một sự phạm thánh! Xúc phạm đến Thánh Giá là xúc phạm đến biểu tượng thánh thiêng nhất của đức tin Ki-tô giáo và Giáo hội. Đánh đập tàn nhẫn những người dân vô tội và vô phương tự vệ là một hành động dã man vô nhân đạo xúc phạm trầm trọng đến phẩm giá con người. Đây là hành vi thô bạo đáng bị lên án!”.

Chiều ngày 6 tháng 1, sau buổi tĩnh tâm, các cha quản hạt và các linh mục Tổng Giáo Phận Hà Nội đã về Đồng Chiêm để thăm hỏi cha xứ và giáo dân, an ủi các nạn nhân bị hành hung và dâng lễ cầu nguyện cho giáo xứ Đồng Chiêm. Linh mục Giuse Phạm Minh Triệu giảng trong thánh lễ này. Xin trích: *“Lạy Chúa! Mầu nhiệm cuộc tử nạn của con Chúa không chỉ xảy ra cách đây hơn 2000 năm. Nhưng ngày hôm nay, tại giáo xứ Đồng Chiêm, những người con của Chúa, những người tín hữu của Chúa và chính Chúa đang bị người ta chà đạp, bị người ta đập phá, bị người ta chống đối! Chỉ có một điều ngạc nhiên rằng, cái lưới của nhà nước này, mới Lễ Giáng Sinh vừa qua vào Tòa Giám Mục, và các nhà thờ bắt chân, bắt tay, tặng lẵng hoa chúc mừng, Mừng Chúa Giáng Sinh. Và rồi mấy hôm sau chưa được hơn mười ngày người ta vác búa đến, lực lượng quân đội, cảnh sát, chó nghiệp vụ đến, rồi kích tượng Thánh Giá xuống. Coi như là một sự sỉ nhục vào chính bản thân mình. Chẳng khác nào giửa mặt lên trời nhổ nước bọt?!”.*

Sau đây là nguyên văn bài thơ *Phục Sinh* của Nguyễn Quốc Thái:

*Lê Thị Thành đã bị hành hình
Tống Viết Bằng đã bị hành hình
Marchand Du đã bị hành hình
Phan Văn Minh đã bị hành hình
Năm 2010 chúng ta vẫn làm lễ Phục Sinh
Đừng sợ! Hãy sống tử tế với nhau!*

*Đừng sợ! Đừng sợ!
Gioan Phaolô II kêu gọi như thế
Đừng sợ! Đừng sợ!
Thánh Giá xi măng bị hành hình
Thánh Giá tre bị hành hình
Thánh Giá xương thịt bị hành hình
Chúng ta vẫn làm lễ Phục Sinh.
Đừng sợ! Đừng sợ!
Chúng ta vẫn làm lễ Phục Sinh
Anh thì thăm với em
Chúng ta thì thăm với Đồng Chiêm
Đồng Chiêm thì thăm với Thánh Giá vô hình
Vẫn làm lễ Phục Sinh*

*Đừng sợ! Đừng sợ!
Dù giẫm đạp, dù giật đổ, dù hành hình
Cơn gió mênh mông của lòng tin vẫn thổi
Dàn phong cầm của lòng tin vẫn gọi
Thánh Giá mẹ thì thăm Thánh Giá con
Thánh Giá anh thì thăm Thánh Giá em
Ta thì thăm trong nhau*

Sống tử tế chết tử tế

*Vẫn Phục Sinh Phục Sinh
Dù sau ngày tận thế*

7.01.2010
(*Việt Báo Xuân Canh Dần.
California, 2010, trang 8*)

Bài thơ *Phục Sinh*, ngay ở đoạn đầu, tác giả đã đi thẳng vào sự kiện trước mắt: vừa nâng ly chúc mừng Giáng Sinh, ngay sau đó cũng bàn tay ấy lại đâm thẳng vào mặt Đấng chịu treo trên Thánh giá, bàn chân chúng giẫm đạp lên: “*Chúng giết đở niềm tin, chúng chém ngang hy vọng... Máu Đức Tin đã đổ*”.

*Thánh Giá bằng xi măng bị giết đở
Thánh Giá bằng tre được dựng lên
Thánh giá bằng tre bị giết đở
Chúng ta đứng thẳng dang tay làm Thánh Giá*

Nguồn mạch Đức Tin và Tình Yêu đã được khơi nguồn, tác giả cảm xúc như thác đổ, ông liên tưởng đến Thầy Giêsu và các thánh Tử Đạo Việt Nam:

*Giêsu đã bị hành hình
Dũng Lạc đã bị hành hình
Lê Tuy đã bị hành hình
Anrê Phú Yên đã bị hành hình
...*

và những vị thánh Tử Đạo khác trong Giáo Hội Việt

Nam cũng đã bị hành hình, một sự lặp lại tôi không thấy chán, nhưng là như mình đang được uống một dòng suối ngọt ngào tinh tuyền, đồng thời đây cũng giống như một cơn cuồng phong bất cứ lúc nào cũng có thể phá tan sự kiêu ngạo của một thế quyền chỉ biết dùng đến gươm đao.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái đã dâng cho Giáo Hội một bài thơ hãn hữu, chưa thấy nhà thơ Công Giáo nào cảm xúc về sự kiện Đồng Chiêm như ông. Tác giả nhắc nhớ đến lời “*Đừng sợ!*” từ vị thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II, ngay từ lúc bước lên ngai tòa Phêrô: “*Đừng sợ! Đừng sợ!*” Rồi ông viết:

Thánh Giá xi măng bị hành hình

Thánh Giá tre bị hành hình

Thánh Giá xương thịt bị hành hình

Chúng ta vẫn làm lễ Phục Sinh.

Nguyễn Quốc Thái đã dấn thân vào môi trường truyền thông, một ngành tinh tế, mũi nhọn của chính trị hầu như trọn cuộc đời. Ông hiểu cái tinh túy, giàu âm điệu của tiếng Việt. Ông đã vận dụng tất cả những gì ông có về ngôn ngữ và đã thể hiện nó trong thi ca của mình. Chúng ta đã thấy điều này trong những bài thơ trích dẫn trên đây. Với Nguyễn Quốc Thái, mấy bài thơ đạo trong sách này, cho dầu ít ỏi, nhưng nó cũng là một đặc trưng về ý tưởng, về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong thi ca Công Giáo Việt Nam. Trong cùng ý tưởng này, chúng tôi kết thúc phần nói về Nguyễn Quốc Thái qua một bài thơ rất ấn tượng của anh, đó là bài “*Giáng Sinh, món quà nhỏ thân*”

tặng”, mô tả về hình ảnh một Giêsu, đồng hành và chia sẻ niềm vui được cùng tác giả rong ruổi ngay trong đêm Giáng sinh, Giêsu bỏ hang đá, “*ướt đẫm mồ hôi*”, đến rủ ông: “*Đi chơi*”.

Điều này thì lạ lắm quá, chưa thấy ai “bạo gan, bạo phổi” như nhà thơ Nguyễn Quốc Thái. Nhưng xin hãy kiên nhẫn đọc anh đã, đừng vội “liệng” nó vào hố thẳm hay lãng quên. Bài thơ “*Giáng Sinh, món quà nhỏ thân tặng*” không phải là một cá biệt trong nguồn thi ca Thiên Chúa giáo. Ở Cựu Ước, có Diệu ca diễn tả về Tình yêu giữa Chàng và Nàng (giữa Thiên Chúa và con người) với hình ảnh thắm thiết, trù mển. Một cuốn sách, mà theo Linh mục Nguyễn Thế Thuấn, DCCT trong lời dẫn về Diệu Ca, đã viết: “*Tập sách này đã làm nhiều người ngỡ ngàng khi, một mặt, chẳng nói một tiếng nào về Thiên Chúa, và mặt khác, lại dùng ngôn ngữ của một thứ tình yêu nóng bỏng*”. (x. Kinh Thánh, bản dịch của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn, Dòng Chúa Cứu Thế, 1976, trang 1583). Còn trong Tân Ước, Chúa Giêsu phục sinh, đã đồng hành với hai môn đệ trong dáng một mỗi đi về làng quê Emmau (Lc 24, 13-35), Giêsu đi với họ như một người bình thường. Với nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, thì Chúa Giêsu trong bài “*Giáng Sinh, món quà nhỏ thân tặng*”, là “người bạn” của anh. Không phải anh hoán đổi vị trí của Chúa đâu, mà chính Chúa đã muốn trở nên “bạn hữu” với con người. Quả thật, Tin Mừng đã chép về điều này: “*Anh em là bạn hữu của Thầy, nếu anh em thực hiện những điều Thầy truyền dạy. Thầy không*

còn gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết” (Gn 15, 14-15). Nhà thơ linh mục Nguyễn Tâm Thường, dưới đây đã nói về một hình ảnh “người khách lạ”, nghèo khổ, đói khát, chết ở ngoài đường. Rồi ông nói: đó là một Giêsu. Tác giả này còn nói đến những biệt danh khác của Đức Kitô. Trên cõi đời này, chẳng có ai có nhiều hình ảnh như Giêsu Nazareth, cũng chẳng thấy ai lên tiếng chê bai. Cho nên, nhà thơ Nguyễn Quốc Thái có được Giêsu trốn hang đá ngay trong đêm Giáng Sinh, rủ anh “đi chơi”, thì anh chỉ phác họa hình ảnh một Giêsu theo đoạn Tin Mừng của Gioan trên đây, tôi thấy tác giả không để cảm xúc của mình cuốn trôi quá đà, vượt ra ngoài thần học, có khi anh còn thể hiện một Giêsu mới thích đồng hành với giới trẻ trong thời đại này, mà nhà thơ là một người Chúa chọn đầu tiên ?!

Dưới đây là nguyên văn bài thơ:

GIÁNG SINH, MÓN QUÀ NHỎ THÂN TẶNG

*Nửa đêm, Chúa uớt đẫm mồ hôi
trốn khỏi hang đá đến rủ tôi: Đi chơi
Đi chơi, tôi kêu lên, lòng thênh thang một cánh diều
Chúng tôi nắm tay nhau reo chạy vui quá đỗi
Nghe cỏ thở dưới chân màu xanh.*

*Chúa treo trên thập giá lâu ngày
chạy không quen trông tức cười*

*Những em bé mặc áo mới bay chuyền trên hè phố
Chúng chụm đầu nhau thì thăm và bắt gọi:*

Giáng Sinh

*Giáng Sinh, Giáng Sinh, chúng rượt nhau âm trái đất
Và trái đất tíu tít cùng vũ trụ
Và tôi với Chúa nắm tay nhau chân sáo nhỏ
Và tôi với Chúa vạt nhau trên cỏ
Cỏ xanh - như những ngón tay em - vuốt ve thủ thủ*

Chúa kêu mệt quá mệt quá,

chạy chơi như vậy mệt nhưng khỏe

Ở trong nhà thờ mãi ốm yếu và nhúc nhủ

Ở trong nhà thờ mãi có cái chẳng biết gì

Ở trong nhà thờ mãi thiếu nắng gió

da dẻ tó trông xanh xao

Cậu như vậy mà sướng, thi sĩ, trái đất này

quyến rũ quá phải không

Cậu hãy bay nhảy cùng thơ và hy vọng

Hãy bay nhảy cùng mồ hôi và sáng tạo

Hãy bay nhảy cùng thương yêu cùng nhân loại

Hãy bay nhảy cùng người yêu cùng kỷ niệm

Cùng Giáng Sinh, món quà nhỏ tặng cậu.

Và tôi cất cánh bay cùng trái đất

Bay cùng Giáng Sinh hồng hào khỏe mạnh

Bay khắp vũ trụ với những ngọn nến

run như nụ hồng nhỏ.

**Đứng Dậy số 76. Sài Gòn, tháng 12.1975.*

**Việt Báo Xuân Kỷ Hợi. California, 2019.*

Điểm cuối cùng chúng tôi muốn nói đến ở đây là: cách trình thuật về việc hai môn đệ của Chúa Giêsu trở về Emmau (Lc 24, 13-35) và cách diễn tả việc Chúa “đi chơi” với tác giả trong bài thơ của Nguyễn Quốc Thái, có khác biệt. Trình thuật của Luca: Chúa đi bên cạnh hai môn đệ mà họ không nhận ra Thầy của mình. Chúa còn ẩn khuất, còn thình lạng. Trái lại, trong bài thơ Giáng sinh, món quà nhỏ thân tặng, thì ngay câu mở đầu, tác giả đã thổ lộ: Nửa đêm... Chúa đến rủ ông: Đi chơi. Đây chỉ là chuyện cảm nhận của tác giả, cũng có thể xếp bài thơ vào loại giả tưởng. Cũng là một hình ảnh khác về Giêsu, một Giêsu của tuổi trẻ năng động. Tuy nhiên, đối với chúng tôi, đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp được bài thơ mà hình ảnh Chúa Giêsu “trẻ trung”, tính cách và ngôn ngữ lạ thường, nên cũng có sự dè dặt. Bù vào điều này, nhân vật Giêsu trong bài thơ đã nhấn nhủ với tác giả hay với tất cả các văn nghệ sĩ Kitô giáo mấy điều tuyệt vời, như:

*Cậu hãy bay nhảy cùng thơ và hy vọng
Hãy bay nhảy cùng mồ hôi và sáng tạo
Hãy bay nhảy cùng thương yêu cùng nhân loại
Hãy bay nhảy cùng người yêu cùng kỷ niệm
Cùng Giáng Sinh, món quà nhỏ tặng cậu.*

Giá trị sáng tạo bài thơ chính ở điểm này.

Trong việc giới thiệu dòng thơ của Nguyễn Quốc Thái với độc giả, chúng tôi đã sắp xếp theo hai chủ

đề, nói được là rất tự nhiên. Chủ đề thứ nhất là “mảnh tình riêng”, gắn bó với thân thế nhập cuộc của anh. Chủ đề sau đó là dòng thơ đạo. Nói là “dòng” nhưng cả hai đều không nhiều, cho thấy Nguyễn Quốc Thái để trống những cảm hứng về những vấn đề khác, liên quan đến phận người trong xã hội có chiến tranh, cũng như những đề tài khác trong đạo mà các nhà thơ Công giáo thường không mấy người bỏ qua, như cầu nguyện, sống mùa chay, tĩnh lặng thánh, tiếng chuông chiều v.v. Hoặc giả Nguyễn Quốc Thái cũng viết những đề tài này cũng như về con người mà chúng tôi không được đọc chẳng. Mặc dù vậy, những bài thơ trong hai chủ đề người viết đã giới thiệu trong sách này, cũng đã nói lên một Nguyễn Quốc Thái với một quan điểm rõ ràng, chọn lọc, định hướng trong sáng tác của mình. Đây là một nét khác của anh không nên bỏ qua, đòi hỏi nhà nghiên cứu văn học Công Giáo dành nhiều thì giờ hơn để tìm hiểu tác giả này một cách sâu rộng hơn.

NGUYỄN TÂM THƯỜNG

*Tập thơ: Tình thơ thập giá
Mùa hoa trên thánh giá gỗ, 1994*

Tên thật của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường là Giuse Nguyễn Trọng Tước, Linh mục Dòng Tên. Các tác phẩm văn chương của ngài, gồm thơ, truyện, bút ký, nhật ký, suy niệm Tin Mừng, đều ghi là Nguyễn Tâm Thường, không ghi “Linh mục” ở trước bút danh. Trong cuộc phỏng vấn của Kim Thúy vào tháng 12/2017 tại Long Beach, California, phỏng viên này hỏi tại sao cha chọn cái bút danh Nguyễn Tâm Thường? Thì cha trả lời: trong những cái tên hay, ông chọn cái “tâm thường”. Tất nhiên những ai đã đọc sách của ông về nhiều thể loại, thì không ai bảo ông là tâm thường bao giờ, trái lại là khác. Người ta hiểu ông là một người “không-tâm-thường” chút nào. Sách nào ông viết cũng đều chứa một nội dung phong phú, tư tưởng mở rộng, rất phù hợp với thời đại này.

Còn về hai tập thơ: *Tình thơ thập giá* và *Mùa hoa trên Thánh Giá Gỗ*, chúng tôi tạm chia ra mấy chủ đề, mỗi chủ đề sẽ có 2, 3 bài thơ dẫn chứng. Xin quý độc giả hiểu cho, việc chia ra các chủ đề chỉ là tương đối, chúng tôi không xem việc này là “đóng kín” bài thơ ở một chủ đề nhất định. Chúng tôi chỉ là người giới thiệu, không làm công việc nhận định, bình thơ hay phê bình thơ. Việc này thuộc về độc giả.

HÌNH ẢNH NGƯỜI LINH MỤC:

Nơi Mặt Trời
Và Trái Đất

Dựa vào Kinh thánh hay đối chiếu với Chúa Giêsu, từ lúc sinh ra tại Bêlem cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng trên thập giá ở Núi Sọ, chúng tôi chỉ khóc thầm. Bởi vì sao?

Kinh thánh và cuộc đời của Chúa Giêsu tại thế 33 năm, đã nói rồi. Nay vẫn còn đấy. Chúng tôi vụng dại, có mặt ở trần thế mà như không có mặt, nên xin được kính tôn, chiêm ngưỡng Mặt Trời Công Chính không bao giờ tắt. Cho nên, khi mở trang thơ “*Tình thơ thập giá*” của cha Nguyễn Tầm Thường, chúng tôi đã ngạc nhiên về bài “*Xin được như mặt trời*”, còn trong tập *Mùa hoa trên Thánh giá gỗ*, tác giả chuyển sang đề tài khác nhưng vẫn trong ý tưởng về người linh mục, đó là bài *Xin cho con như trái đất*, cho dù trước đó chúng tôi đã đọc một số tác phẩm suy niệm, truyện, bút ký v.v... của ngài.

XIN ĐƯỢC NHƯ MẶT TRỜI

“*Xin được như mặt trời*”, là nhan đề bài thơ đầu tay, do tác giả ghi lại ở cuối bài, viết vào khoảng năm 1969-1970, những năm cuối của trung học, đã đăng trên báo *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Việt Nam*. Cái tên bài xem ra như một “hoài bão lớn”, nhưng thực tế tác giả chỉ muốn được nên như bản chất của mặt trời: rất bình thường mà cũng là một sứ mạng từ buổi khai nguyên, không dễ đạt tới. Bởi vì nó vượt khỏi khái niệm về con người với bản chất “dễ vỡ” như thủy tinh. Ý thơ lạ, mạnh mẽ, đánh động vào cõi sâu của độc giả:

*Nếu Chúa muốn là linh mục
Như mặt trời xin cho tôi được cầu kinh
Xin cho tôi biết yêu mến chân tình
...gieo rắc lời thiên đàng
xuống khắp miền nhân gian*

*Xin cho tôi được thênh thang
Xin cho tôi được mệnh mang
Như mặt trời giữa không gian
Không vướng víu vào cuộc đời
Đừng tù đầy như tình nhân nô lệ vào lẫn nhau
Như mặt trời đừng biết đến thương đau
tưởng làm mình cô đơn
Như mặt trời xin cho tôi được cầu kinh
Linh hồn này xin cho tôi được bình an
Xin cho tôi được đuốc sáng
soi dẫn đường bước tôi đi*

Để trở thành một linh mục của Chúa, tác giả đã thấy những vết thương do chính người linh mục tạo ra cho mình. Cho nên, tác giả như tha thiết với chính mình và như mọi người tín hữu hằng mong chờ nơi người linh mục:

*Xin cho tôi đừng tăm tối,
đừng ngu si
đừng biết đi
đừng biết đến
đừng biết chọn người yêu riêng
Như mặt trời xin cho tôi được cầu kinh
Đừng chê khinh miền đất đá
vùng xa lạ
đòi tìm về giữa thành phố xa hoa
Như mặt trời yêu tất cả
Xin cho tôi biết phá tan hàng kẽm gai
đang vây bọc trái tim tôi
Dù ban ngày, dù đêm tối xin cho tôi dậy
mở cửa đón người anh em tôi*

Tất cả những gì mà tác giả cầu xin để “trở nên như...” đã là một định nghĩa của hai chữ “linh mục”, đã làm tôi xúc động. Trong quyển “Từ Điển Công Giáo”, HĐGMVN, Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, Ban Từ Vựng Công Giáo, Nhà xuất bản Tôn Giáo năm 2016, đã định nghĩa hai chữ Linh Mục như sau:

“Linh: tinh thần con người; mục: người chăm sóc.

“Linh mục là người được Thiên Chúa chọn từ giữa cộng đoàn và được thánh hiến theo hình ảnh Đức Kitô -

vị Thượng Tế vĩnh cửu - nhờ Bí Tích Truyền Chức Thánh,
để phục vụ Dân Chúa

(x. GLHTCG 1564)...(Sđd, trang 535)

Còn với chúng tôi, chỉ hai chữ “linh mục”, đã đủ để mình tôn kính. “Linh” là tinh thần, thuộc về điều thiêng liêng. Mà cái gì đã thuộc về tinh thần, về thiêng liêng thì đều vượt ra ngoài suy lý, tức siêu lý; còn “mục” là phục vụ điều thiêng liêng ấy. Cao quý quá rồi! Nó vượt tầm khả năng con người! Nhưng, khi một người phục vụ điều thiêng liêng sa ngã thì thiên đàng im lặng. Nên khi họ “Trở về” thì thiên đàng mừng vui. Một Simon Phêrô, một Augustinô... đã là những con người tuyệt vời nhất. Họ không thuộc về số đông, mà không thuộc về số đông, thì tất nhiên là “đại biểu” của số đông.

Đoạn cuối bài, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường chỉ xin trở nên một người linh mục luôn mới mỗi ngày như mặt trời vẫn mọc ở phương Đông, “*cho cuộc đời linh mục không phai pha*”:

*Như mặt trời xin cho tôi được cầu kinh
Xin cho tôi được sinh ra và rửa tội mỗi một ngày
như mặt trời vẫn mọc ở phương Đông
Xin cho tôi không thù hằn, biết ăn năn
khi lỗi lầm trong cuộc sống
Như mặt trời xin cho tôi luôn soi gương
trên biển cả nước mênh mông
Như mặt trời xin cho tôi được cầu kinh
Xin cho tôi lấy thỉnh lạng gọi người
trăn trở về cùng Thượng Đế
Xin cho tôi đừng vụng về nguyên lý thuyết*

Xin cho tôi đừng biết nói
Xin cho tôi hãy biết làm
Như mặt trời mãi chiếu sáng không khoe khoang
Nếu Chúa muốn là linh mục
Xin cho tôi biết cầu kinh
Xin cho tôi được vĩnh viễn như mặt trời
cho cuộc đời linh mục không phôi pha

(Trích trong tập: *Tình thơ thập giá*)

Câu “*Xin cho tôi được cầu kinh*”, lặp lại đến 6 lần. Riêng lần cuối, nhà thơ chỉ thay một chữ: “được” thành chữ “biết”, một sự phân định rạch ròi, rõ ràng. Bài thơ dài như là tất cả hoài bão để trở nên một linh mục theo hình ảnh Đức Giêsu Kitô. Tác giả diễn tả cái ước mong của mình rất tha thiết như một dòng chảy, chảy mãi, có lúc dạt dào, mạnh mẽ, có lúc dòng chảy ấy như bị ngăn trở bởi một ánh sáng siêu hình rọi xuống cõi lòng ông. Bài thơ *Xin cho được* như mặt trời có lẽ nào không thể là một lời tâm nguyện của các Linh mục hay một Tuyên ngôn của Linh mục?

Ở tập *Mùa hoa trên thánh giá* gđ, 1994, tác giả trở lại chủ đề linh mục. Ông khởi sự ƠN gọi này từ thuở sáng thế, chưa có vườn địa đàng, chưa có Evà... thì Thiên Chúa mà ông gọi là Cha đã viết tên ông, đã chọn ông để trao gởi thập giá mai sau. Tác giả hiểu rằng đây là “*Tình yêu quá đổi bao la*”, ông được tham dự vào chương trình tình yêu của Thiên Chúa. Lời thơ trong bài *Cha gọi con* từ ngàn xưa như kể lể, khơi nguồn Kinh Thánh: tác giả không nhắc đến vị Thượng tế Melchisedech, đến Giêsu

Kitô, nhưng mạch văn đưa chúng ta đến cội nguồn của chức tư tế mà sau này chính Chúa Giêsu đã thiết lập tại bữa Tiệc Ly trước khi Chúa chịu nạn. Tác giả ngụ ý gửi gắm tình yêu vô biên của Thiên Chúa đối với người Linh mục. “Cái tôi” trong bài, nhà thơ ngụ ý nói về chính mình hay nói chung chung với những người có ơn gọi Linh mục trong lịch sử Kitô giáo. Có lẽ cả hai.

Đặt mình trước những bài thơ như thế này, tôi chỉ thình lạng, cảm tạ. Tác giả đã Yêu nhiều quá, thắm thiết quá, hy sinh nhiều quá. Nếu không có Ông Thánh Chúa, người phạm không thể ngắt trí trong các suy niệm như vậy.

*Từ khi chưa có địa đàng
Từ ngày Evà chưa biết làm dáng
Cha đã viết sẵn tên con
Dòng dõi hoàng tộc-Tư tế-Cao sang
Từ khi chưa có địa đàng
Cha đã sẵn sẵn cho con là người Cha
chọn trao gửi thập giá mai sau*

*Nhiệm mầu - Một pho kinh thánh
Hạnh phúc - Một lầu chuông gõ
Đau khổ - Một chiều thập tự
Từ khi chưa có mặt trời
Từ ngày chưa có biển khơi
Cha đã viết sẵn tên con là người Cha chọn
trao gửi tình trời đem xuống dương gian
Đồi cao - Một chiều khổ nạn
Huy hoàng - Một sáng phục sinh*

Tình yêu - Bình minh mọc trên núi sợ
Từ khi chuta có núi đồi
Từ ngày Ađam vẫn chuta lạc lối
Ân sủng ngàn đời Cha đã đưa con lên ngôi
Và rồi
Bằng lửa than hồng Cha đã thánh hóa môi con
Bằng duyên tình nồng Cha đã dạy dỗ con khôn
Nào đâu con có ngờ
Từ khi đất trời hãỵ còn hoang sơ
Ân sủng ngàn đời Cha đã đợi chờ con
đến yêu thương
Ân sủng ngàn đời Cha đã dọn đường
cho con đi tới
Từ khi biển khơi chỉ là cõi trống âm u
Từ khi thời gian chỉ là nổi vắng mịt mù
Cha đã viết sẵn tên con trong lòng vũ trụ mệnh mông
Từ thuở mù khơi tình Cha đã là biển rộng
rửa tội hồn con
Tình yêu nào quá thênh thang
Tình yêu nào quá mệnh mang
Từ thừa mù khơi
Cha đã đợi chờ con là linh mục xây lầu chuông
gõ cho đàn bò câu nương náu
Tình yêu nào quá đổi thiết tha
nên Cha đã chọn con là linh mục của Cha
ngàn đời bên cây thập giá
Từ thừa mù khơi - Ôi tình yêu nào quá đổi bao la.

(Bài: Cha gọi con từ ngàn xưa,
trong tập: Mùa hoa trên thánh giá gõ)

XIN CHO CON NHƯ TRÁI ĐẤT

Tựa đề này là tên một bài thơ trong tập Mùa hoa trên thánh giá gỗ, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường lại suy niệm về bản chất của trái đất, cái cụ thể, cái rất thật của trái đất, rồi ông cầu xin cho mình nên như trái đất trong tất cả những gì trái đất là thế.

Ngay ở đầu bài, tác giả viết:

*Như trái đất xinh xinh
Suốt đời đã chung tình
quay chung quanh mặt trời
Chúa ơi,
Nếu Chúa muốn là linh mục
Xin cho con như trái đất
Xin cho con biết thật thà, biết thiết tha
với khổ giá chung tình với nền hoa
Như trái đất mặn mà
Giang tay ôm tất cả
...*

*Nếu Chúa muốn là linh mục
Xin cho con biết hiên ngang
Xin cho con được thênh thang ôm vòng lấy
tất cả những rác rưởi buồn bã như trái đất
đã đón mời những xác chết thây ma
Xin cho con như trái đất đã mặn mà
với thập tự trên đồi Golgotha
Xin cho con như trái đất đã rộng rãi
tung hô ngày phục sinh*

Nhà thơ muốn ôm lấy tất cả trái đất vì ông yêu nó, cho dù đó là thây mà, xác chết, là cặn bã... Nghe rùng rợn với phàm nhân, nhưng vì là thi sĩ, rất lãng mạn, luôn có trong lòng nỗi khao khát trái đất có tình yêu, có hòa bình, nên ông cũng cầu xin:

*Nếu Chúa muốn là linh mục
Xin cho con như trái đất đã vun trồng
để lúa vàng trở rộ bông
Xin cho con như trái đất mặc mùa xuân
với nắng hồng bên vườn cúc nở rộ hoa
...
Không buồn bã dù một mình
trên đồi xa lá vàng úa*

Trong lòng nhà thơ có đầy tràn chất thơ và lãng mạn.
Tuyệt đẹp.

...

Tác giả kết bài:

*Xin cho con không nghi ngại
Xin cho con được mãi mãi như thập tự
trên cánh đồng chiều Do Thái
Xin cho con được mãi mãi như tình yêu
của trái đất dâng mặt trời*

*Chúa ơi,
Nếu Chúa muốn là linh mục
Xin cho con yêu câu kinh*

*Xin cho con dâng thân mình làm của lễ
như tháp chuông đã đắm mê
phổ nhạc bên giáo đường
Xin cho con lúc gió sương lúc đau thương
trên cuộc đời vẫn trung trinh trong tình yêu
rất tuyệt vời như trái đất đã chân tình
bên mặt trời cho cuộc đời linh mục
không phai pha.*

CHÚA CỦA NHÀ THƠ NGUYỄN TÂM THƯỜNG

Cho dù tác giả rất “suy tôn” và “yêu mến” thập giá, cho dù trong cả hai tập thơ của ông, hình ảnh về “thập giá” luôn luôn xuất hiện trong nhiều bài, song qua nhiều hình ảnh nhẹ nhàng, lời thơ tha thiết yêu thương, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường không “đóng đinh” Chúa ở biểu tượng này, mà ông nhấn mạnh đến căn tính của Chúa: “Chúa đến đem yêu thương”, câu này được lặp lại đến hai lần, ở cuối bài.

*Chúa không là thập giá
Đem phiền buồn triền miên*

...

*Không là thập giá gỗ
Mang đau khổ muôn phiền*

*Chúa là bông hoa tai
Làm đẹp người con gái
Không là thập giá gỗ
Ngăn duyên tình đau khổ*

...

*Chúa không là khúc gỗ
Dựng thập giá bất hạnh
Chúa là lá dâu xanh
Làm mảnh chắn tình yêu
Che gió đời hiu quạnh
Cho đôi tầm quẩn đắp*

*Lúc hạnh phúc sắp cạn
Chúa là ly rượu nồng
Không là cây thập giá
Ngăn duyên tình xót xa*

*Chúa không là thập giá
Bên nghĩa trang im lặng
Trong ly café đắng
Chúa mơ làm muông đường*

*Chúa đến đem yêu thương
Chúa không là thập giá
Buồn khô héo rũ bã*

*Chúa đến đem yêu thương
Chúa đến đem yêu thương*

(Trích bài: *Chúa không là thập giá*,
trong tập *Tình thơ thập giá*)

Một hình ảnh khác về Chúa Giêsu, trong thơ của Nguyễn Tâm Thường qua đề tài Người khách lạ. Hình

ảnh này và một số hình ảnh khác như người công nhân, phu xích lô, người hành khất v.v... thường được một số linh mục Đan sĩ hoặc các linh mục nhạc sĩ dùng:

NGƯỜI KHÁCH LẠ

*Bỗng dưng có một ngày
Nắng gian nan vất vả
Tôi thấy người khách lạ
Mót từng hạt lúa mùa
Bên lưng đôi lúa thùa
Bỗng dưng có một ngày
Hai chân ông run quá
Khách lạ ôm tường đá
Cổng in viết chữ hoa:
COI CHỪNG CÓ CHÓ DỮ
Người khách ôm tường đá
Nghe buốt giá tâm tư
Khách lạ rời tường đá
Giơ tay ôm mặt khóc.*

*Người khách lạ bơ vơ
Ra tháp chuông ngời thờ
Tôi thấy người khách lạ
Ngước nhìn cây thập giá.*

*Bầy nhặng đen đến đậu
Chân khách lạ lở máu
Bầy nhặng đen tranh nhau
Ông giơ tay làm dấu*

Ông gục đầu nghiêng rặng
Ông giơ tay làm dấu
Ông gục đầu nén đau
Chân ông vẫn lở máu
Bây nặng cứ tranh nhau

Tôi thấy người khách lạ
Chiều về đi lủi thủi
Người khách lạ làm lủi
Giơ tay lên làm dấu
Cầu xin một niềm vui

Bỗng dưng có một ngày
Nắng gian nan vất vả
Tôi đi qua nơi đó
Người khách lạ nằm chết
Tôi xuống ngựa đứng ngó
Trong túi áo vuông nhỏ
Căn cước người khách lạ
Mang tên là Yêsu

(Trích: Tình thơ thập giá)

Đề tài này còn được thấy ở những bài thơ khác của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường. Tác giả không nhìn Chúa Giê-su như những người tín hữu khác nhìn Chúa. Chẳng hạn, trong bài: “*Chúa đi bên tôi*”, tác giả viết: Chúa chỉ nói những chuyện “ngày mùa mưa nắng” hỏi chuyện “gạo có đủ ăn”, “ruộng khoai mì có đủ nộp thuế”. Rồi Chúa hỏi thẳng ông:

- Con có oán giận thập giá khi đời con gian nan?

Tôi thật thà nói:

- Gạo thóc con không đủ ăn

Con chẳng ngại lam lũ nhọc nhằn

Nhưng khi thân phận con người

túng thiếu quanh năm

Chúa ơi, lòng tham lam sẽ sinh tội lỗi

...

Rồi tác giả thắc mắc:

- Sao Cha lại chọn thập tự

Cha không chối từ hệ lụy điều linh

Cha không thích giảng điều răn kinh thánh

Cha thích nói chuyện nắng mưa, mùa màng,

gạo củi quanh năm

Sao Cha không ở đền thờ

Có lửa đèn châu - Có bình trầm hương mỗi tối

Nhìn tôi. Bồi hồi. Chúa nói:

- Cha thích nói chuyện ngô khoai vì mẹ của Cha

cũng đã mồ hôi nhễ nhãi

Cha thích hỏi thăm nhà có đủ ăn vì đời của Cha

cũng đã bữa đói bữa no

Bên bờ đê nhỏ

Trời tắt nắng

Tôi và Chúa lặng lẽ nhìn đời nhau

Có chú bé khập khễnh trên đôi nạng gỗ

Thống khổ

Lưng vác củi như vác thập giá- về từ rừng xa

*trong tu viện lặng thinh
Nhặt bờ môi anh đi tìm Chúa bằng lời kinh
Sáng sáng với sương mai rơi
trên những bài thơ thánh vịnh
Chiều chiều với hương trầm ấp ủ
là lối đi anh trông mong
Người thanh niên đi tìm thập giá
Như cô bé mơ mùa cưới giăng hoa
Anh đi tìm thập tự
Như chàng trai tương tư bờ vai nhỏ*

(Trích bài: *Con có muốn lên đường?*
trong tập: *Mùa hoa trên Thánh Giá Gỗ*)

Chỉ đi tìm Chúa như người thanh niên trong bài thơ này thì không gặp được Chúa, vì Chúa đứng đợi ở ngã ba đường kia.

Một cảm nghiệm về Chúa Giêsu trên một ngọn đồi qua hình ảnh thập giá, với những mô tả về khuôn mặt, cánh tay của Chúa vào một khoảnh khắc nào đó tác giả có mặt, đã “đánh động” đến lòng trắc ẩn của Chúa, nên Chúa đã gọi ông và ông đã nghe thấy tiếng Chúa gọi. Ông chợt nhận ra cả Chúa và ông đều rất cô đơn.

THÁNH GIÁ TRÊN ĐỒI CALI

*Trên đồi thông cali
Chúa đi về buồn bã
Trên đồi thông Cali
Nắng đi về thông thả*

Buông sầu trên thập giá
Trên đồi thông gió cao
Chúa tay gầy hiu hắt
Nghe lòng buồn nghẹn ngào
Trên đồi thông gió cao
Chúa cô đơn cúi mặt

Mơ tình duyên xôn xao
Trên đồi thông gió cao
Chúa giờ tay vượt mặt
Nghe sầu dâng lên mắt
Trong nắng đại chiều hôm

Cali ơi Cali
Thánh giá trên đỉnh đồi
Trong nỗi buồn đơn côi
Chúa gọi thầm tên tôi

Tình tôi ôi rất nhỏ
Yêu thương thập giá đó
Nhưng lòng vẫn mở ngõ
Cho một giấc mơ duyên
Nhưng lòng vẫn mở ngõ
Cho một tên gọi hiền

Thánh giá trên đồi thông
Chiều nay trời gió lộng

*Lối nào cũng mênh mông
Cali ơi Cali
Chiều nay trời gió lộng
Lối nào cũng mênh mông*

*Cali ơi Cali
Chiều nay trời gió lộng
Lối nào cũng mênh mông
Nhìn thánh giá trên đồi
Tôi gọi thăm tên tôi
Ai là người đơn côi?
Thập giá hay là tôi?*

(Trích: Tình thơ thập giá)

NHÀ THƠ NGUYỄN TÂM THƯỜNG VỚI CHIẾN TRANH

Với những bài thơ trích dẫn trên đây trong các tiểu mục: Hình ảnh người lính mục, Chúa của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường, có lẽ độc giả ít nhiều cũng đã nhìn ra được vấn đề trần thế, hay nói cách khác, quan điểm của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường về xã hội của con người, hay của chính con người. Khi nhà thơ viết sách, bút ký, truyện, suy niệm Kinh Thánh, nhật ký... là ông đã bày tỏ mục đích của mình về con người, về xã hội, nói chung về trần thế rồi. Còn với thơ, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường viết một lời nguyện ước mà ông gọi là “Tâm tư kinh”, như một thông điệp gửi cho nhân loại ngày hôm nay đầy bạo lực, hận thù chiến tranh. Lời

thơ tha thiết, trác ẩn:

TÂM TƯ KINH

*Vẫn là một - Yêsu hay thập tự
Vẫn là một - Thập giá hay Yavê
Xin đừng nhân danh thượng đế kết án Yêsu
Xin đừng nhân danh tự do xúi giục hận thù
Xin đừng nhân danh Yêsu chối bỏ thập tự*

*Như một tâm tư kinh
Hãy để sông xanh trở về biển cả
Hãy để suối ngàn hôn hờ reo ca
Xin đừng nhân danh lưu thông xây cất đập đá
Hãy để lá rừng hôn hờ đơm hoa
Hãy để núi đồi hiền hòa mãi mãi
Xin đừng nhân danh hòa bình bỏ bom bắn phá*

*Như một tâm tư kinh
Xin đừng nhân danh công bình kết án anh em
Xin đừng xưng tụng tình người
giấu mặt tham lam
Xin đừng lấy gỗ khổ giá làm song nhà tù*

*...
Thành thực như một lời kinh xót xa
Xin hãy thật thà đừng lấy vòng gai chịu nạn
bảo rằng vinh quang thập giá trao tặng dân tôi
Xin đừng gian dối điêu ngoa
Xin đừng nhân danh hòa bình buôn bán vũ khí
Xin đừng miệt thị dân tôi yếu đuối
nhân danh chiêu bài viện trợ*

yêu thương tìm đường xâm lược
Đoạn cuối bài thơ, tác giả viết:

*Như một tâm tư kinh
Như một tình yêu xin bằng nước mắt
Xin cho chiều về thắp chuông hãy còn ngân nga
Xin cho bờ cầu vồng còn hiền hòa*
đậu xuống hát kinh
*Xin cho mẹ già vẫn được thính lặng nhớ con
Xin cho tuổi trẻ hãy còn tương lai
Đừng vì nghi ngại - Cấm rào vây bọc lẫn nhau
Đau khổ nào không ray rứt
Ray rứt nào chẳng xót xa
Hãy mở cửa nhà - Mời nhau vào chơi
Hãy mở cửa lòng - Mời nhau miếng nước
Một lời nguyện ước thật thà
Một tâm tư kinh thiết tha
Dẫu sao đi nữa chúng ta vẫn là anh em*

1974

(Trích bài: *Tâm tư kinh*,
trong tập: *Mùa hoa trên thánh giá gổ*)

Nhà thơ Nguyễn Tâm Thường viết bài thơ *Tâm Tư Kinh* vào năm 1974, lúc này mặc dù Hiệp định Paris đã ký kết giữa VNCH và Hà Nội, nhưng hai bên vẫn cắn mật canh chùng nhau, vẫn còn cảnh “lấn đất giành dân”...Cuộc chiến kéo dài suốt 20 năm (từ năm 1955-1975), chỉ thực sự chấm dứt vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975. Cho nên nhà thơ viết *Tâm Tư Kinh*, đã nói rõ

lắm về những nỗi xót xa của con người. Câu thơ cuối, tác giả viết lên một nỗi đắng cay có thực của người Việt Nam qua cuộc chiến: “*Dẫu sao đi nữa chúng ta vẫn là anh em*”. Vì vậy, có thể xếp bài thơ *Tâm Tư Kinh* là thơ phản chiến của một nhà thơ Công Giáo Việt Nam ở cuối cuộc chiến. Một sự phản chiến không nhắm vào bên nào, vì bên nào cũng có người gục ngã trên chiến trường, tài sản vật chất bị tàn phá nên bên nào cũng có thương đau, nhiều thương đau, có mẹ già mất con, có thiếu phụ mang tang chồng, có trẻ thơ mất cha, tương lai mờ tối!

“CÁI TÔI” TRONG THƠ NGUYỄN TÂM THƯỜNG

Nhà thơ Nguyễn Tâm Thường cũng tự nói về thơ của mình, hay nói về chính mình, rằng: nó rất non nớt vụng dại, nó không một lần mộng mơ như bao nhiêu tâm hồn thi sĩ khác. Vâng, thơ Nguyễn Tâm Thường chỉ là thập giá, là rào kẽm gai tượng đá. Tuy nhiên, chúng ta không thể quên được những hình ảnh rất thơ, dịu dàng, đầm thắm trong thơ Nguyễn Tâm Thường. Chúng ta cũng không thể hờ hững bỏ đi khi gặp những hình ảnh xót xa mà tác giả mô tả về thập giá nơi này nơi khác, cụ thể trong bài *Tình thơ thập giá*, có những hình ảnh tượng trưng rất gần bên, tha thiết trong cuộc sống:

Nếu em đến để tìm thi ca hiện đại
Thì về đi, kia vườn nhà ai sai trái
Lời thơ tôi rất non nớt vụng dại
Vườn mở cửa mà chưa một người ghé lại hỏi thăm!

Thôi em ạ hãy về đi em nhé
Hoa nhà ai đã nhè nhẹ hương bay
Nếu em đến để tìm áng thơ say
Thì về đi, tôi chưa một ngày biết mộng mơ
Tôi nói thật em ơi đừng bỏ ngõ
Thơ của tôi là tình thơ Thập Giá
Lời thơ tôi khô khan như rào gai tượng đá
Vườn thơ tôi không có áo lụa thướt tha
Không có sân trường thương đôi guốc nhỏ mận mà
Tôi nói thật, tôi không biết làm thơ nón lá
che chở gió thu

Em có thấy những chiều mưa lá rũ
Nghĩa trang buồn Thập Giá phủ rêu phong
Em có thấy se sắt cõi lòng
Thương tượng Chúa khi chiều về nắng ngả
Nghĩa trang buồn Thập Giá gầy nhắm mắt lặng im
Em có thấy khi nắng dài đôi sim
Nghĩa trang buồn trên Thập Giá Chúa tìm tình yêu
Em có thấy những buổi chiều nắng quái
Tượng Chúa gầy như sợ hãi cô đơn
Thơ của tôi không có âu yếm giận hờn
Tôi đã hứa một lời trung kiên mãi
Viết thơ tình cho Thập Giá mà thôi

(Trích tập: *Tình thơ thập giá*, đoạn 1)

Nhà thơ Nguyễn Tầm Thường đã có những ví von giữa một cõi lòng nguội lạnh với khu vườn cũ và những dây đỗ leo tàn tạ, rất trù mến, quen thuộc, nhưng cũng gây bất ngờ ở người đọc, bởi sự ví von mạnh bạo của tác giả, một sở trường rất lạ nhưng cũng đầy thi vị trong thơ

của ông.

Xin hãy dõi theo khu “vườn lòng” của nhà thơ, cũng là của tôi hay của chúng ta trong đời sống đạo:

Mảnh vườn cũ năm nay xấu quá
Dây đỗ leo trồng mãi mà chẳng lên hoa
Nắng mùa hạ khô khan
Dây đỗ leo úa vàng.

Gió tháng năm trời hanh hanh nắng
Mảnh vườn cũ như buồn hiu quạnh.

Nhà con nghèo khi Chúa vào chơi
Muốn mời Chúa một ly chè đậu
Mà dây đỗ leo đã trồng từ lâu
Lá cứ vàng và trái rất xấu.
Mỗi buổi sáng con thăm vườn cũ
Chợt hôm qua còn dăm ba nụ
Mà sáng nay đã hằn vết cắn của sâu.

Mảnh vườn cũ và dây đỗ leo
Lá sầu héo vì thiếu những cơn mưa nhỏ
Lòng con đó là dây đỗ leo
Đã sầu héo vì thiếu những hạt mưa trong.

Chúa vào chơi giữa trời mùa hạ hanh hanh nắng
Chúa chỉ mong mời Chúa một ly chè thôi
Mà vườn con thì dây đỗ leo nghèo nàn quá đỗi.

(Trích tập: *Tình thơ thập giá*)

Chúng ta sẽ thấy những ví von, những ẩn dụ giữa tác giả với những sự vật thân thuộc chung quanh mình cũng như với người tín hữu Kitô ở nơi này nơi khác liên hệ đến những biểu tượng thuộc về lãnh vực tinh thần trong đạo. Thơ đạo như thế là tuyệt vời, dễ đọc dễ cảm nhận và nhớ lâu như chuyện kể trong cổ tích.

Trong bài “*Lầu chuông và cánh chim nhỏ*” dưới đây, nhà thơ Nguyễn Tâm Thường dùng hình ảnh “cánh chim nhỏ” để ví von mình và cả chúng ta, với “lầu chuông”, là nơi cho mình “nghỉ chân” khi trời “bão tố”. Hình ảnh “cánh chim nhỏ” cô đơn, nhỏ bé, mong manh trong vùng trời bao la, giông tố...thật hãi hùng. Chúa Giêsu đã báo trước cho các môn đệ của mình tình cảnh ấy. “*Này, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói. Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu.*” (Mt 10,16). “*Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên! Thầy đã thắng thế gian.*” (Gn 16, 33) Ở đoạn 14 trước đó, Chúa Giêsu nói: “*Thầy sẽ không để anh em mồ côi, Thầy đến cùng anh em*” (Gn 14,18). Chúng ta, những “cánh chim nhỏ” của Chúa sẽ ấm lòng biết bao khi suy niệm về những lời này của Chúa.

*Cha là lầu chuông gõ
Con là cánh chim nhỏ
Khi biển đời bão gió
Con có chỗ nghỉ chân*

...

Những chiều mưa nhạt nhòa

*Mưa làm con ướt cánh
Con biết bay về đâu
Trong khoảng trời hiu quạnh*

*Đôi cánh con mỏng manh
Những chiều buồn mưa sa
Mưa rìng cây ướt lá
Bên khu đồi lặng thinh
Con chỉ có một mình
Con chẳng sao bay nổi
Vì quá đổi đơn côi*

*Con ước mơ bao lần
Về lầu chuông xây tổ
Cho đời bớt khổ đau
Con ước mơ bao lần
Về lầu chuông ẩn náu
Cho đời nhẹ cô đơn.*

(Trích bài: *Lầu chuông và cánh chim nhỏ*,
trong tập *Tình thơ thập giá*)

Người “lữ khách” trong quán trọ cuộc đời suy niệm về thân phận con người, mỗi người một ngã, con đường thập giá diệu vợi mà “ngựa hồng” thì đã mỗi chân bon. “Lữ khách” thấy sợ!.

...

Rừng âm u quán trọ con một mình

*Con thắc mắc nhưng không lời đáp trả
Chúa như chết, chết thật trên thập giá
Chiều âm thầm trĩu nặng một niềm thương*

*Nếu tiếp tục lên đường về thượng trí
Đường thì dài mà lắm quãng hồ nghi
Lắm mưa mùa sa mù nẻo tương lai
Vó ngựa này có cuồng say mãi mãi*

*Nhưng bỏ thầy đời con biết theo ai
Con hỏi nhỏ nghe lòng hiu quạnh quá
Đường siêu bạo ôi đường về thập giá
Chúa chẳng nhìn chẳng nói chỉ lặng thinh*

*Trong cô đơn con tự hỏi lòng mình
Tình chỉ đẹp khi âm thầm đau khổ
Giang tay mãi trên gác lầu chuông gõ
Như thập giá nhện giăng phủ mặt mày*

*Quán trọ buồn con mỗi một chiều nay
Ngựa lững thững chán chường từng bước nhỏ
Thấy trước mặt một đường đời lộng gió
Con u hoài nghi ngại quá Chúa ơi.*

(Trích bài: *Chiều bên quán trọ*,
tập *Tình thơ thập giá*)

Chúng ta, những “lữ khách” trong hành trình theo Chúa, có bao giờ nhận ra mình đang ngồi cô đơn trong “quán trọ chiều mưa” như hình ảnh trong bài thơ của

người “lữ khách” Nguyễn Tầm Thường? Có lẽ đây là những giây phút không hiếm hoi trong cuộc sống hôm nay quá đỗi ồn ào và tràn ngập những tiện nghi, phủ kín mọi ngõ chiềm niệm. Bài thơ ngậm nhiều nét u hoài, như lạc mất niềm tin, nên “*Ngựa lững thững chán chường từng bước nhỏ*”. Hình ảnh con ngựa mệt mỏi đưa người đọc trở về lòng mình và tự hỏi: Trong cuộc đời làm con Chúa, có khi nào tôi nhạt nhòa niềm tin và lòng nhiệt thành yêu mến Thiên Chúa, cho dù Chúa vẫn thình lạng trong những lúc hồ nghi?!

Và trong tình yêu, ngày hôm nay, người ta nghĩ gì về những hình ảnh nổi bật trong chủ đề về hạnh phúc hôn nhân, theo nhà thơ Nguyễn Tầm Thường?

Trong quan điểm linh thao của một tu sĩ dòng Tên, “cây táo” trong thánh kinh là một hình ảnh mang biểu tượng “tội lỗi”. Tuy nhiên, tác giả không phủ nhận vấn đề nhân bản. Có thể nào nói rằng bài thơ “Cây táo cũ” là một thông điệp của một tu sĩ dòng Tên gửi đến giới trẻ?

*Đối với tôi em là cây táo cũ
Lá vẫn xanh và táo vẫn thơm ngon
Da mịn màng lưng táo vẫn mọng tròn
Táo tội lỗi ngày xưa là em đó*

*Nắng hong giải bên vườn thơm lối ngõ
Táo đến mùa má chín đỏ hây hây
Da thơm ngon như tay em tròn đầy
Lời táo ngọt vẫn là lời cám dỗ*

...

Hình tượng của táo vẫn đầy cảm dỗ, ngọt ngào như vậy, nhưng táo của Eva hôm nay dưới ngòi bút của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường đã mang một ý nghĩa tượng trưng:

*Chuyện gian nan muôn đời tôi còn nhớ
Adam buồn ngồi giờ tay vuốt mặt
Mười ngón gầy không ngăn nổi nước mắt
Ai làm lỗi cho đời chàng khổ mãi*

*Ghé thăm tôi xin em đừng mang lại
Trái táo tình đã làm tôi sợ hãi
Ghé thăm tôi xin em đừng mang lại
Chuyện lỡ dở của nghìn năm tăm tối*

*Đối với tôi em là cây táo cũ
Mà làm sao tôi vẫn thấy bồi hồi
Thích ngồi nghe em tỉ tê nói dối
Tôi vẫn yêu hương tóc em tội lỗi*

*Đối với tôi em vẫn là cây táo cũ
Mà làm sao tôi vẫn thấy bồi hồi
Khi em khóc lòng tôi vẫn bối rối
Tôi vẫn yêu dáng em khi hờn dỗi*

*Ôi tôi sợ hương táo thơm tội lỗi
Ôi tôi sợ cây táo của lòng tôi.*

(Trích bài: *Cây táo cũ*,
đoạn 1,2,5,6,8,9,10

rong tập: *Mùa hoa trên Thánh giá gổ*)

Ở bài “*Ví dụ ta yêu nhau*”, có lẽ tác giả không thể quên mình là một linh mục, nên ông đã suy nghĩ về một định hướng cho đời sống hôn nhân, nhưng qua ngòi bút của một người làm thơ, chúng ta thấy những hình ảnh trong hai bài thơ dưới đây trở nên thiêng liêng và đẹp:

*Tôi sợ hãi khổ đau
Tôi ngại ngùng giông tố
Những trái táo chín mọng
Thường có sâu cắn đố
Làm tổ ở bên trong*

*Những cặp môi thơm hồng
Cấn đời nhau khốn khó
Môi đem bão gió về
Những ngón tay đăm mê
Đưa đời nhau tằm tối
Cùng nhau lổi lời thề*

*Chẳng phải đôi môi hồng
Làm hạnh phúc trở bông
Chẳng phải tóc hương nồng
Đổ hạnh phúc nở hoa*

*Ví dụ ta tặng nhau
Có cả hình thập giá
Trên sợi dây chuyền vàng
Cũng chẳng giữ đời nhau*

*Tránh được nỗi gian nan
Ví dụ ta thương nhau
Hơi thở thật nồng nàn
Ta rót cho đời nhau
Những giọt mật ong say
Cũng chẳng giữ đời nhau
Tránh được nỗi đắng cay*

*Gió mưa sẽ nhạt nhòa
Nụ hôn sẽ phai pha
Ví dụ ta yêu nhau
Thì ta sẽ làm gì
Cho hạnh phúc mai sau?*

(Trích bài: *Ví dụ ta yêu nhau*,
trong tập *Tình thơ thập giá*)

Rồi tác giả trả lời qua bài “*Hãy là Maria*” với những câu thơ rất tình tứ, lãng mạn rất hiếm hoi trong hầu hết các nhà thơ viết về tình yêu. Chúng ta thấy ở đây tác giả cũng sử dụng ẩn dụ, và đầy hình ảnh:

*Ngày nào đó nếu em có ghé lại
Em đừng mang hương táo thơm nồng nàn
Tôi chưa quên chuyện trái táo gian nan
Táo ngọt lịm nhưng nghìn năm tăm tối*

*Nếu ngày mai có ghé lại thăm tôi
Em hãy đem cành huệ trắng ươm bông
Mảnh tim tôi là đất đang đợi trồng*

Sương cầu nguyện sẽ làm hoa rộ nở
Rồi mỗi sáng khi nắng dọi đèn thờ
Tôi đốt hương kính dâng tình thập giá
Em đem theo một giỏ đựng đầy hoa
Rải bàn thờ cho ngát hương thơm tỏa

Nếu Chúa thấy tình hoa sao đẹp quá
Hoa vẹn toàn Chúa nhận bằng hai tay
Tôi sẽ nói với Chúa như thế này
-Đất của con nhưng do nàng trồng đấy

Đó em thấy những tình thơ cao cả
Đẹp như rừng có lá nở quanh năm
Như biển xanh lấp lánh ánh trăng rằm
Tình óng ả sẽ nghìn thu sáng mãi

Ngày nào đó nếu em có ghé lại
Đừng đem theo hương tóc của evà
Đừng nũng nịu như bướm đỗ dành hoa
Chúa buồn lắm nếu hoa thành cỏ dại

Ngày nào đó nếu em có ghé lại
Bằng linh hồn thiếu nữ Maria
Hãy mỉm cười trong duyên dáng thật thà
Tôi cuộc đất còn em trồng hoa thánh.

(Bài: *Hãy là Maria*
trong tập *Tình thơ thập giá*)

Viết thơ tình yêu như thế thì nhân loại này có lẽ chẳng

có thi sĩ thứ hai như Nguyễn Tâm Thường đâu. Bài thơ đầy hương sắc, vừa nhân bản vừa tôn giáo, tế nhị, dịu dàng, lãng mạn và cảm xúc dâng trào.

Trái tim gỗ hay trái tim bằng kim loại là một thứ trái tim có thật trong cái thế giới hiện đại này. Nhà thơ Nguyễn Tâm Thường đã nói lên những “lạc lõng”, những điều như xa lạ trong thế giới con người đi bằng hai chân, biết lái máy bay và các loại ô tô của một loại người có trái tim gỗ.

TÔI KHÔNG MUỐN TRÁI TIM GỖ

*Tim bằng gỗ không bao giờ biết khổ
Không gian trá cũng chẳng biết thật thà
Muốn gần gũi mà vẫn rất xa lạ
Tim thình lạng thì đời cũng rất vắng*

*Tôi biết rõ cho dù có cay đắng
Tôi biết rõ ra khơi là bão tới
Tôi vẫn yêu những chân trời nắng đợi
Vẫn muốn ôm biển cả trong hồn tôi*

*Có yếu đuối và biết sẽ làm lỗi
Vẫn không muốn trái tim tôi là gỗ
Tôi muốn yêu và chấp nhận tất cả
Có nước mắt trong mưa chiều thập giá*

*Hễ biết mặn mà là có sa ngã
Hễ biết thương nhớ là có xót xa
Tôi biết thế, biết mình sẽ đau khổ*

*Vẫn không muốn trái tim tôi là gỗ
Tôi không muốn trái tim tôi lặng im
Và hiu quạnh như mảnh vườn cầm nín*

(Trích trong: *Mùa hoa trên thánh giá gỗ*)

Những “cái tôi” ấy của nhà thơ Nguyễn Tâm Thường, hẳn nhiên không phải là “cái tôi” của một số nhà thơ ở thời kỳ “thơ mới”, trước cuộc kháng chiến chống Pháp, có thể biết được thời gian cụ thể, như từ 1930-1945. “Cái tôi” ở giai đoạn này thường được gắn liền với tính lãng mạn: chối bỏ luật thơ cũ, chối bỏ một vài ràng buộc về luân lý gia đình cũ, đề cao cái mới của văn hóa và thơ văn của Pháp. Tôi là tôi! Cái “tôi” ấy u uất, cô đơn, lạc lõng giữa xã hội, giữa gia đình. Có thi nhân còn than: Tôi đâu thai nhảm thế kỷ, tôi lạc loài! v.v... TỰ TRUNG, “cái tôi” ấy tuyệt đối, lẻ loi. Thơ của những bậc anh tài trong giai đoạn này, chỉ biết có “tôi”, thể hiện cái “tôi” trong thi ca. Họ bỏ đi vai trò “tải đạo” của những thế kỷ vừa bị họ chối từ. Có người ca tụng “cái mới” này, song lại không thấy luân lý, đạo đức suy đồi, lỏng lẻo, vỡ vụn trong gia đình, ngoài xã hội.

Ở nhà thơ Nguyễn Tâm Thường thì không thế. Chủ đề “Cái tôi” ở đây được đặt ra với ngài chỉ muốn nói lên định hướng của ngài, “quan điểm” trong sáng tác thi ca của ngài, “khác” với phần đông các nhà thơ Công giáo Việt Nam bây giờ. Nguyễn Tâm Thường chỉ muốn vẽ lên hình ảnh một Giêsu “ở cùng chúng ta”, tác giả “truyền tải” hình ảnh Giêsu bằng nhiều cách, ngài không chối bỏ cái hình ảnh Giêsu cũ, ngài chỉ nói đừng tìm Giêsu

trên thập giá, đừng tìm Chúa ở nhà thờ với trầm hương và thánh vịnh, cũng đừng tìm Chúa ở tu viện, trong Thánh Kinh. Ngày nay, một Chúa ấy, một Giêsu ấy đã bước ra ngoài, đi tìm những chiền khác. Cái buổi sáng rất xa xưa ấy, Giêsu đã đồng hành với hai môn đệ đang trên đường về làng Emmau, thì hôm nay, Chúa cũng đang đồng hành với những ai nghèo khổ, tật nguyền, với người công nhân trong các nhà máy, với người nông phu trên cánh đồng, có lẽ đặc biệt là trên “cánh đồng truyền giáo”. Lúa đã chín đầy đồng. Chúa “đứng chờ ở ngã ba đường” .

Bởi vậy, “cái tôi” trong thơ Nguyễn Tâm Thường không phải là một “cá nhân chủ nghĩa”, đơn độc nhưng là một “cái tôi” tiêu biểu với khuynh hướng truyền tải một Chúa gắn bó với phận người. Cứ đi với Chúa, gắn chặt vào Chúa thì sẽ có bình an, thấy mình thơ thới...

Hai câu thơ cuối trên đây đây ẩn tượng:

*Tôi không muốn trái tim tôi lặng im
Và hiu quạnh như mảnh vườn câm nín*

NGƯỜI LỮ HÀNH

Con đường trước mặt của một lữ khách hay là của mọi Kitô hữu khi họ “vào đời”:

GIỜ XUỐNG NÚI

*Khi viết lại những lời thơ kinh thánh
Làm hành trang để xuống núi hôm nay
Con xin chết cho trọn lời thề hứa*

*Nhận đau thương làm hạnh phúc theo thầy
Con đã thấy những tháng ngày u ám
Nhưng tin mừng không chối bỏ gian nan
Và tình yêu chẳng chọn lựa thời gian
Thì cứ đến dù cô đơn ẩm đạm*

*Con đã thấy nẻo đường chiều thu xám
Hồi chuông thương đưa tiễn bạn bè đi
Nếu Cha nhận hy sinh làm của lễ
Thì cứ chết con không chọn lựa gì*

*Con đã thấy những cánh đồng khô nắng
Nhưng mộ bia đã trở nhánh hoa tươi
Thì cứ đến những quăng đời cay đắng
Thì cứ đến những mảnh đời hiu quạnh*

*Con đã thấy nỗi u buồn xa vắng
Ngày thứ sáu bên khung chiều hoang lạnh
Nhưng thập giá đã trở nhánh hoa tươi
Thì cứ chết con sẵn sàng chờ đợi*

*Nếu có đến những lời thơ yếu đuối
Thì xin đốt bằng ân lửa máu say
Để còn lại những bài thơ rất thánh
Làm hành trang con xuống núi hôm nay*

(Trích: *Tình thơ thập giá*)

Con người, trong khái niệm của nhà thơ Nguyễn
Tâm Thường, được ngòi bút thi ca của ông diễn tả cách

tha thiết, nhẹ nhàng, đến nỗi ông còn buông câu : “Ôi ngôn ngữ u mê”. Rất độc đáo, xít xao với dòng tâm tư đang như dòng suối hiền từ chảy về miền thượng trí... để mỗi một hình ảnh, như khóm lúa, gốc rạ, những nương dâu, những ngọn nến, trầm hương, những lời kinh diễm kiều... thiếu lửa mẩn yêu... Vì con người lỗi lời thề

...

Một bài thơ lạ, hay, tuyệt vời. Giàu chất thi ca. Tác giả, một thi sĩ trong bóng dáng người lữ hành Kitô nặng tình người, yêu thập giá, yêu Yêsu rất mực tha thiết.

NHỮNG CHIẾC MẠNG NHẬN

*Mới quét chiều hôm qua
Hôm nay kín tất cả
Ôi mạng nhận tội đời
Ôi mạng nhận đam mê
Mới quét chiều hôm qua
Hôm nay lỗi lời thề
Ôi lời hứa vụng về
Ôi ngôn ngữ u mê*

*Mới quét chiều hôm qua
Hôm nay cây thập giá
Mạng nhận chẳng khắp cả
Hôm nay cây thập giá
Như cánh hoa tàn úa
Như Chúa là khúc cây
Bên rừng thuta bụi dầy.
Hôm nay cây thập giá*

Như căn nhà bỏ hoang
Như Chúa là nghĩa trang
Trong sầu đông mưa dầy
Tường vôi vẫn còn đây
Chúa tay gầy đứng đấy
Nhưng ai dối lời thề
Để mạng nhện đam mê
Chăng kín cây thập giá
Nhưng ai đã vụng về
Để hôm nay thập giá
Như khóm lúa đổ ngã
Như Chúa là gốc rạ
Trong trưa hạ chơ vơ.
Yêsu ơi Yêsu,
Nào đâu con có ngờ
Mới quét chiều hôm qua
Hôm nay kín tất cả
Nào đâu con có ngờ
Mới quét chiều hôm qua
Hôm nay trên thập giá
Tượng Chúa đã bụi mờ.
Yêsu ơi Yêsu,
Nào đâu con có ngờ
Cứ ngỡ lời kinh này là trầm nển hương hoa
Cứ ngỡ lời kinh này là rất đổi thiết tha
Cứ ngỡ tình yêu này mãi mãi không phai nhòa
Nhưng hôm nay thập giá
Nhện chằng kín mặt mày
Nhưng hôm nay tượng đá
Nhện phủ kín hai tay

*Con ngõ lời kinh này đẹp tựa những tơ vương
Con ngõ lời kinh này đẹp như những ánh sương
Con ngõ tình yêu này là nương dâu trúng mùa
Chúa ơi,
Nào đâu con có ngờ
Những lời thơ ban sáng đã tan theo hạt nắng
Những trầm hương dâng chiều
đã thiếu lửa mến yêu
Những lời kinh diễm kiều là ngôn ngữ ngủ mê
Vì con lỗi lời thề
Nên thập giá còn đó
Không thấy dáng Chúa về
Vì con lỗi lời thề
Nên đèn châu vẫn đỏ
Nhưng Chúa đã bỏ đi
Vì Chúa đã bỏ đi
Nên tiếng chuông còn đó
mà con chẳng nghe gì ngoài cõi lòng
mệt mỗi một nỗi lòng ê chề
Vì Chúa đã bỏ đi
Nên tiếng chuông còn đó mà con
chẳng nghe gì ngoài cõi lòng nặng nề
một nỗi lòng chán chề.*

(Trích trong tập: *Tình thơ thập giá*)

Bóng tối! Bóng tối từ cõi lòng, từ lương tâm đầy gai góc, những con sâu đo “bơi lung nhùng” trong tim... là những hình ảnh ẩn tượng mang tính ẩn dụ như một lời cảnh báo sự sa đọa của con người hay tới giờ tận cùng

của nhân loại này. Đó không phải là những lời đe dọa, những lời báo động đỏ đầy tuyệt vọng đối với những người còn lòng tin. Trái lại, bài thơ *Bóng tối* và bài *Những chiếc mạng nhện*, là những thực trạng của một thế giới văn minh, đang càng ngày càng bị phủ kín thiên lương, đẩy lùi con người vào hố thẳm, trong đó vắng bóng con người. Bài *Những chiếc mạng nhện* nói lên sự yếu đuối của con người trong việc thanh lọc mình thì bài *Bóng tối* là hậu quả của tình trạng con người yếu đuối và gầy ốm. Nhà thơ Nguyễn Tầm Thường đã rất thành công trong việc gây tỉnh thức nơi những con người còn niềm tin. Họ biết cần phải đến với Chúa hơn, yêu mến Chúa Giêsu và tín thác vào Chúa nhiều hơn.

BÓNG TỐI

*Bên rừng chiều vời vợi
Mây tím buông về nhuộm kín chân trời
Từng giọt đêm rơi xuống hồn-Quạnh hiu
Từng giọt buồn nhỏ xuống lòng-Nặng trĩu
Tôi nghe đời ưu tư
Thập tự có bày quạ đen về xây tổ
Cửa linh hồn đổ gãy
Lương tâm mọc đầy đó những cụm gai nhỏ
Đam mê như những con sâu đo
Bơi lùng nhùng làm bứt đứt dòng máu tim đỏ
Hồn goánh lại thấy cụm gai
đang sung mãn reo cười
Hồn bước tới thấy dòng máu chẳng còn tươi
Tôi chấp choạng*

*Sờ mặt mình gian nan
Mở cửa tim đi tìm dấu tích địa đàng
Trong vườn hoang
Địa đàng bầm tím nhọt ung
Thở hơi thống khổ một vùng gai khô
Trên ngôi mộ vắng
Cành hạnh phúc đang héo mục
Đời về đâu lúc mặt trời gục tắt?
Đêm mịt mù ôm mặt lần mò
Tim rúc rủa rần rần loài bọ nhỏ
Mỗi vết bò là vết cắn bầm tím
Gặm nham nhỏ trái tim - Khô máu - Lặng im
Rớt xuống khỏi cành yêu thương*

(Trích trong: *Mùa hoa trên thánh giá gỗ*)

Mấy bài thơ ở đề mục “Người Lữ Hành”, cũng có thể xếp vào đề mục “Cái tôi” trong thơ Nguyễn Tầm Thường, bởi tác giả tiếp tục nói về định hướng cuộc đời mục tử của mình. Với bài “Giờ xuống núi”, rất rõ với những hành trang mang theo. Còn bài “*Những chiếc mạng nhện*” và “*Bóng tối*” là tượng trưng cho những gian nan, thử thách trong cuộc hành trình ấy.

*Tôi không muốn trái tim tôi lặng im
Và hiu quạnh như mảnh vườn câm nín*

ĐỨC KITÔ LÀ MỘT

Đức Kitô càng có nhiều tên hơn là những cái tên mà

nhà thơ Nguyễn Tầm Thường đã kể ra trong bài thơ của ông, khi con người nhận thấy họ không có Vị Lãnh Tụ Chính Trị, Văn Hóa và Tôn Giáo nào để thay cho Đức Kitô, cho dù chỉ có trong những con người nhỏ bé, trong những nhóm rất nhỏ, thì Đức Kitô cũng đã được tôn vinh. Vì Ngài không “bị đóng đinh” vào một vị trí nào nhất định. Ngài là Tất Cả, Ngài Bao La, Vô Cương! Xin đừng chiếm lấy Giêsu làm của riêng mình! Như thế là lại “đóng đinh” Ngài đấy, Chúa sẽ buồn lắm và Ngài đã khóc. Nhà thơ Nguyễn Tầm Thường ở chỗ nào đó trong những bài thơ thập giá của mình đã cảm nghiệm như thế.

TÊN ĐỨC KITÔ

*Đức Kitô là một
Tên Ngài là tình yêu
Kẻ xưng mình theo Đức Kitô thì nhiều
Có kẻ túng thiếu
Có người giàu sang
Có kẻ nhiều bạc lăm vàng
Có kẻ lang thang đầu đường xó chợ
Có kẻ đại khờ
Có em bé ngây thơ
Có kẻ sĩ
Có nông phu
Có người ngu thích nghe dua nịnh
Có nhà chính trị thích nói dối quanh
Có chó sói đội lốt chiên lành*

*Có kẻ gian manh giấu mặt trong tiếng kinh chiều
Đức Kitô là một
Tên Ngài là tình yêu
Kẻ xưng mình hiểu Đức Kitô thì nhiều
Kẻ gọi Ngài là nghệ sĩ
Kẻ kêu Ngài là phường thu thuế
 ăn nằm với gái điếm đĩ thõa
Kẻ gọi Ngài là triết gia
Kẻ kêu Ngài là nhà cách mạng
Kẻ thấy Ngài lang thang gọi Ngài
 là quân gian manh
Kẻ xưng tụng Ngài là đấng thánh*

*Đức Kitô là một
Tên Ngài là tình yêu
Nhưng mỗi người đều hiểu
 theo những gì họ nghĩ*

*Giêsu Hoa Kỳ
Là super star
Ngài chúc phúc cho America beautiful
Giêsu Phi Châu
Là nỗi đau da màu
Là thập giá da đen
Là nỗi nhục hèn kiếp thân nô lệ
Là nước mắt câm nín của kẻ một đời làm thuê
Là nỗi ê chề của từng bào thai
Giêsu Cộng sản
Là đấu tranh mãi
Là du kích, đặt mìn, chấp nhận gian nan
Là xuống đường, đấu tố, đóng danh tư bản*

*Giêsu di tản
Là thập giá da vàng
Chân mưng mủ trên quê hương buồn tênh
Đang khập khểnh gian nan vùng kinh tế mới
Là mỗi mòn trông đợi
Theo lá úa vàng rơi
Đếm ngày tháng cô đơn trong đời
Trên đôi mắt thiếu phụ đợi chồng
từ trại tập trung
Giêsu là hiện thân đau khổ khốn cùng
Là kềm gai xé nát cuộc sống
Trên xác thân người con gái bị hãm hiếp
ở Biển Đông*

*Giêsu Nam Mỹ
Là nhân quyền chống bất công đảng trị
Là nỗi nhọc nhằn của cha
Là lo âu tất tả của mẹ
Là nỗi buồn của bé
Tuổi đời chưa lớn đã vất vả long đong
Là nỗi hận lòng của nhà thần học giải phóng*

*Đức Kitô là một
Tên Ngài là tình yêu
Mà sao cuộc đời cho Ngài quá nhiều định nghĩa.*

1977
(Trích trong: Mùa hoa trên thánh giá gỗ)

Đức Kitô có nhiều tên quá. Tôi thấy hình ảnh Việt

Nam trong bài thơ này, hay đúng hơn là trong tâm tư, trong trái tim của nhà thơ, của một linh mục Dòng Tên. Đó là Nguyễn Tâm Thường. Những hình ảnh Việt Nam ngài kể ra, là *di sản*, là *vùng kinh tế mới, biển đông*... Đã xa rồi, nhưng sao tôi vẫn thấy những hình ảnh khiếp sợ này còn ray rứt trong tôi. Nó là lịch sử trong thời đại của tôi, của đất nước tôi, của các thế hệ quanh tôi.

Xin được dừng lại ở đây với Nguyễn Tâm Thường, kẻ sĩ của Giáo hội tôi.

NGUYỄN THANH SANG

Tập thơ: *Ngọn Nến Cuộc Đời*

Tên thật: Nguyễn Thanh Sang, thánh Bỏn Mang: Phêrô Maria.

Bút danh: Tình Yêu Hoa Cỏ

Sinh ngày 12.8.1956, tại TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Rửa tội và Thêm sức ngày 23.7.1980 tại nhà thờ Hạt Quảng Ngãi.

Nhà thơ Nguyễn Thanh Sang đã ghi lại ít dòng về hành trình thơ của mình và coi việc làm thơ là một sứng ân tình Chúa.

Tác giả viết:

“Vài câu thơ cầu nguyện đầu tiên được viết năm 1982, nhưng mãi đến năm 1987 tôi mới thật sự bắt đầu chia sẻ lòng mình với nàg thơ. Trong quá trình làm thơ, chỉ là để trải tâm sự mình lên giấy, để cầu nguyện với Chúa, để viết ra ánh sáng thần khí đọng lại trong hồn. Được ghi lại trong hai thi tập *Điểm Tình Cỏ Dại* (thơ đạo) và *Lá Bay Trong Hồn* (thơ đời), chưa xuất bản.

Năm 2006 bắt đầu viết trường ca *Ngọn Nến Cuộc*

Đời, xuất bản năm 2012”.

(Dẫn theo: *Có một Vườn Thơ Đạo*, tập 5,
nxb Hồng Đức, 2015, trang 198)

Trước khi bước vào sáng tác thi ca của Nguyễn Thanh Sang, chúng ta hãy thỉnh lặng ít phút để nghe tác giả trao gửi tâm sự của mình trong hành trình đến với Chúa và với thơ:

“Trên hành trình đi tìm Chúa, tuổi thanh xuân của tôi gom lại trong cái nhìn ngẩn ngơ ngắm bầu trời đêm cao rộng, thăm thĩ gọi khoảng không;

“Hỡi Thượng Đế!

Nếu Ngài có thật, xin cho con biết Ngài”.

Ý thơ tình đầu ấy vang vọng giữa trời đêm của hồn tôi, đã được lòng Trời đáp trả, khắc lên trái tim cỏ dại dấu ấn thương tích ngọt ngào của Chúa Tình Yêu. Nên đến năm 1980, tôi gấp nhỏ màu áo nâu chú sãi, xếp sâu những vết thẹo đời du đãng vào hương thầm kỷ niệm, khiêm cung cúi đầu lãnh nhập phép rửa.

Từ đó, một nỗi khát khao dần lớn lên theo thời gian, cỏ hoa trộm gieo vào thi ca hương khát vọng trong những câu thơ đầu đời:

Khắc khoải đợi chờ với trông mong

Mơ ôm vĩnh cửu vào tro bụi

Héo hắt tâm hồn Cha biết không?

Đó là ý, còn ngôn từ thơ của một người đọc viết không rành, Thánh Thần Thiên Chúa phải mất công mài giũa một thời gian khá dài mới ghép vần nên nhạc, có chút ít lãng mạn văn chương.

Biết mình sắc mọn hương hèn, Hoa Cỏ trần tình cùng mây gió:

*Tôi gá nghĩa cùng nàng thơ một mực
Duyên nợ nghèo mộng ước cũng phôi phai
Xương thơ ca thẹn vẫn gieo lối nhạc
Lắm ngưng ngưng nào dám sánh cùng ai.*

Ngộ nhỉ! Phải vậy không Chúa? Con cảm tạ ơn Người. Ngọn cỏ héo hơn nơi cánh đồng khô cháy, sắc hương gì mà được chen giữa trăm hoa...

Con tạ ơn Chúa Nghệ Thuật, Đấng đã mặc cho mỗi tình nghèo của con với nàng thơ một sắc màu ân sủng. Xin chúc tụng Thiên Chúa của thi ca, của cái đẹp, để ngôn từ hữu hạn có thể chứa đựng chân lý như hương ẩn trong hoa, tựa lá vàng khô trăn trở hình bóng một kiếp người.

*Thảm thương chiếc lá thu rơi
Vàng khô khốc nức mộng đời biếc xanh*

Thơ với riêng tôi là những hơi thở của nguyện cầu, của những giọt lệ thâm khi nỗi đau đã dâng lên tràn lấp cửa sổ tâm hồn.

.....

Thơ cất cánh cho linh hồn bay lên chìm hút trong bầu trời chiêm niệm, dìm ngất ngậy chút tình cỏ dại trong đại dương mông mênh tình yêu Thiên Chúa.

.....

Thơ là giọt sáng sủng ân thân khí nép mình trong ngôn ngữ nhân gian, trong vụng về hoang dại của tâm hồn hướng về thiên quốc. Lời thơ còn là lời thú nhận tội

lỗi của một con ngựa hoang muốn dừng bước tìm về nẻo thiện, bộc bạch một nỗi lòng sám hối mãi chưa vơi.

*Cần áo xuân lòng hoa đau từng lúc
Hồn tím xanh đậm từng vết tội tình
Trót vung tay đâm chính trái tim mình
Nơi ngực Chúa vết thương tình rỉ máu!*

Thơ vụng về, mộc mạc, mang sắc màu cỏ dại, một thứ hương đồng nội nhẹ bay trong chiều vắng...

Được gặp mặt với anh chị em trong làng thi ca Công giáo Việt Nam là một vinh dự ngoài lòng mong ước của *Tình Yêu Hoa Cỏ*. Xin cho Thiên Chúa được vinh danh nơi tất cả chúng ta.

Tình Yêu Hoa Cỏ

(Dẫn theo: *Có một vườn thơ đạo*,
Tập 5 trang 197)

Phận hoa cỏ hay phận người thì cũng đều rất mong manh, bởi có biết bao nhiêu giông tố, mưa sa, bão táp vùi dập. Hoa cỏ hay phận người có khi chỉ một cơn gió nhẹ thổi cũng xóa tan hình hài ở cõi dương gian hay nơi đồng nội. Thế nhưng, phúc cho người có niềm tin cậy vào Chúa (Tv 1, Tv 112) dù con chim sẻ kia nhỏ bé chẳng có giá trị gì, thế mà Chúa Tạo vật vẫn dưỡng nuôi chúng, hay cánh hoa ngoài đồng nội, sớm nở tối tàn, nhưng cảnh huy hoàng trong lâu đài của Vua Salomon cũng không sánh tầy.

Nhà thơ Nguyễn Thanh Sang, với hình hài hoa cỏ hay phận người, ông đã để lại nhiều hình ảnh trù mển, thân thương, cô quạnh, lạnh lẽo nhưng cũng đầy ắp vinh quang, sáng giá mà Thiên Chúa đã mặc cho hoa cỏ và con người, cho dẫu đời lắm chông gai, khổ lụy.

Tác giả cũng cho chúng ta thấy, ông có một nguồn suối chảy dạt dào trong mình, đó là Kinh thánh, từ Cựu ước như sách Sáng Thế, Diệu Ca, Thánh Vịnh, đến Tân ước, như 4 Tin Mừng và các Thư của các Tông đồ gửi cho các giáo đoàn mới thành lập. Từ đó, tác giả làm thơ, ông gọi là: Huệ thơ.

*Đôi nàng công chúa xuân, đông
Áo bay lông lộng mênh mông đất trời
Xuân đem sắc tuyết trao đời,
Trải hoa, rắc lộc diễm ngời nhân gian.⁽¹⁾
Đông ru cây cỏ úa vàng,
Tuyết gieo trắng xóa, gió càn lăm lăm,
Giận tràn đổ rét căm căm
Điêu tàn trắng cõi, lạnh băm não nùng⁽²⁾
Đông càng gieo rắc lạnh lùng
Xuân thêm diễm sắc điệp trùng lá hoa⁽³⁾
Sắc màu giai điệu câu ca
Ngân ngân thanh thoát mượt mà đưa hương.
Huệ thơ ngàn trắng vương vương,
Nở trong chuông điểm ngân trường đó đây.
Dưới trời xuân ngát chân mây,
Nước non hòa điệu tình say huy hoàng.*

(Trích từ: *Ngọn nến cuộc đời*,
Phần 1, Chương 1, từ câu số 1 đến câu 16)

(1) Sách Sáng Thế, Chương 1, từ câu 1 đến câu 13

(2) St 3, 1-24

(3) St 4, 1-13; Ga 1, 1-18; 19, 1-42; 20, 1-29; 21, 1-19

Thi phẩm *Ngọn Nến Cuộc Đời* gồm có 18.318 câu, 812 trang. Chia làm 3 phần. Phần 1, có 4 chương; Phần 2, có 7 chương, kế đó là Lời dẫn. Phần 3, có 4 chương và chương kết.

Đoạn thơ trích ở Phần 1 Chương 1 trên đây, giới thiệu với độc giả cách nhà thơ Nguyễn Thanh Sang đọc Kinh thánh và làm thơ từ những cảm hứng mà ông có. Dưới đây là một đoạn khác, cũng từ Phần 1 Chương 1, từ câu 21 đến câu 38:

*“Rêu phong, nắng trải một đời,
Héo hon vách đá, bời bời sườn non.
Chán chê sương gió mỗi mòn,
Ngẩn ngơ rơi giọt lệ son đầy hồn!
Tủi thân chân đá sóng dồn ,
Thêm buồn trơ trên nụ hôn cát ngà.
Trơ vợ, rêu phủ đá già,
Tháng năm tắm bóng ác tà quanh hiu”.⁽⁴⁾
Nhìn Non ủ dột trong chiều
Sông Xanh tư lự nổi triều mênh mang.
Đáy sâu, lòng rộng chứa chan,
Đổ về câu hát miên man ru hồn.
Hôn hoàng hiu hắt hoàng hôn
Bâng khuâng ráng tím ngắt đồn mây xa.
Biêng biếc xanh, nước la đà,
Sóng đùa lấp lánh cát ngà mơn man.
Đáy trong, gương thắm mơ màng
Soi đời muôn sắc huy hoàng, đau thương.⁽⁵⁾
Dáng Non uy lộng chiều sương
Dung in sừng sừng, hồn vương lũng sâu.
Nước xanh, mây trắng phau phau*

*Sương chiều buông cảnh đeo sầu, bơ vơ.
Xót xa mặt đá bơ phờ
Eo sèo hùng vĩ, thần thờ gan trơ!
Đau hần trăm sọc sườn ngơ,
Đá rêu chết ngắt ước mơ đá vàng⁽⁶⁾
Thiết tha bờ cát ủi an,
Trập trùng Sông bạc ca ngàn sóng ru
Mênh mang thi khúc chiều thu,
Trường ca nhịp sóng điệu ru vô thường:*

⁽⁴⁾ Rm 8, 18-22

⁽⁵⁾ St 2,6; Mt 3,13. 16-17

⁽⁶⁾ Rm 8, 20

Chúng ta thấy trong đoạn thơ này, có những từ nói về cảnh vật thiên nhiên: rêu phong, nắng trải, vách đá, sườn non, đá già, sương gió, chân đá, cát ngà, sông xanh, đáy sâu, ráng tím, sóng đùa, đáy trong. Đây là cảnh vật trong đoạn thư của thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma (8, 18-22) mà nhà thơ Nguyễn Thanh Sang cảm hứng viết ra theo cách viết và ngôn từ của mình. Chúng tôi dẫn lại nguyên bản đoạn thư này trong Tân ước để độc giả nhận ra, nhà thơ Nguyễn Thanh Sang đã cảm hứng như thế nào và cách viết của mình chẳng những trong đoạn thơ này và cả trong thi phẩm *Ngọn Nén Cuộc Đời* của ông:

“Thật vậy, tôi nghĩ rằng: những đau khổ chúng ta chịu bây giờ sánh sao được với vinh quang mà Thiên Chúa sẽ mặc khải nơi chúng ta. Muôn loài thụ tạo những ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mặc khải vinh quang

của con cái Người. Quả thế, muôn loài đã lâm vào cảnh hư ảo, không phải vì chúng muốn, nhưng là vì Thiên Chúa bắt chịu vậy; tuy nhiên, vẫn còn niềm trông cậy là có ngày cũng sẽ được giải thoát, không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát, mà được cùng với con cái Thiên Chúa chung hưởng tự do và vinh quang. Thật vậy, chúng ta biết rằng: cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở”. (Rm 8,18-22)

Quả thật, đoạn thư của thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma trên đây thật tuyệt vời, đậm chất thi ca, ngài mô tả cảnh quằn quại, đau khổ trong cái thế giới mau hư nát này, mà nhà thơ Nguyễn Thanh Sang cũng đã viết ra bằng ngôn từ thi ca, ví dụ như:

Nhìn Non ủ dột trong chiều

Sông xanh tư lự nổi triều mênh mông

hay là cả những câu thơ khác cũng mang một màu sắc đặc thù như thế. Phận con người nào có khác chi những thụ tạo!

Đoạn thơ hơn 30 câu trên đây, là phần mở đầu cho thi phẩm dài của nhà thơ Nguyễn Thanh Sang, nói cách khác, đây là sắc thái tiêu biểu của ông trong cảm hứng từ Kinh thánh.

Xin tiếp tục:

Não nùng thơ, diễm lệ cung sầu

Chim non rách tổ, biết về đâu?

Tình côi bao la, ngơ ngác nổi

Mái ấm, tình cha, ước tựa đầu! (Is 64,7)

(Phần 1-Chương 2,
từ câu 963 - 966)

Bản văn của I-sai-a: “Song bây giờ, lạy Yave, Người là Cha chúng tôi, chúng tôi là đất sét, Người là Đấng rắn ra chúng tôi, hết thảy chúng tôi là công trình Người đã làm ra”.

Xem thế, nhà thơ Nguyễn Thanh Sang khi cảm hứng đoạn văn ngắn này của I-sai-a, ông không nhằm về ngôn từ mà là tinh thần của đoạn văn. Thiên Chúa đã là Cha của chúng ta, thì cuộc đời của chúng ta ra sao, như chim non rách tổ biết về đâu và biết bao nỗi đoạn trường, khiến nhiều lúc chúng ta không biết nương tựa vào đâu. Sẽ là hạnh phúc biết bao, nếu những lúc như thế, chúng ta nhận ra chúng ta có một Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng nên mình

Về tình yêu, nhà thơ Nguyễn Thanh Sang cảm hứng từ sách Diệu Ca:

*Dạt dào sóng thơ
Vỗ trắng nước mờ,
Trong ngần hoa nở
Ngọt ngào hương thổi
Thơm ngát tình yêu
Hồng môi yêu kiều
Nụ hôn thần khí
Áp lên lý trí. (Dc 1, 2-3)*

(Phần 3-Chương 1,
từ câu 12.351 - 12.358)

Bản văn Diệu ca:

*“Ước gì miệng kẻ sát, chàng hôn ta, hôn lấy hôn để!
Vì tình yêu của chàng tốt hơn là rượu.*

*Vâng, tốt thay hương dầu thơm đã sức nơi chàng.
Tên của chàng, tươi mát mùi dầu
bởi thế, các nương tử mê mết vì chàng”.*(Dc 1, 2-3)

Về kiếp người, nhà thơ Nguyễn Thanh Sang viết:

*Trôi nổi gian truân
Cổ thân côی cút
Vòng đời thất nút
Giọt lệ tím loang
Góc vắng, đời hoang
Ước mơ nắng ấm!*

*Chát chua trái cấm
Đắng đốt phận người (Tv 51,7)
Hoa mỏng mảnh tươi.
Sắc cười quá ngắn (Tv 78, 38)
Sầu giảng đấng đấng
Uớp cọng hồn đau
Cô đơn sắc màu
Mộng đời héo hắt
Tim nồng chiu chắt!*

(Phần 3-Chương 1,
từ câu 12.406 đến 12.420)

Hai câu thơ:

*Chát chua trái cấm
Đắng đốt phận người*

Tác giả cảm hứng từ Thánh vịnh 51, câu 7:

*Này trong tà ác tôi đã sinh ra,
và đã là tội lỗi khi mới là thai bụng mẹ*

Cho nên mộng đời héo hắt, con tim chắt chiu và sâu giảng đặng đặng v.v...là những từ ngữ chỉ cảnh thương đau của đời người. Tác giả chỉ lấy ý để diễn tả bằng ngôn từ thi ca của mình. Đây là cách ông viết thơ đạo, tuy rằng có đôi bài ông cũng đề cập đến những khía cạnh riêng biệt của đạo, chẳng hạn bài Bà là ai ? dưới đây. Chỉ tiếc, lúc chúng tôi viết về ông thì tập thơ mà ông nói là “thơ đạo” chưa ra đời. Đó là tập: “Diễm Tình Cỏ Dại”. Cho nên, nhận xét ngắn của chúng tôi vừa nêu ra chỉ nên hiểu trong những bài trích dẫn ở đây.

MẤY BÀI THƠ KHÁC CỦA NGUYỄN THANH SANG

(Theo cuốn: *Có một vườn thơ đạo*, tập 5)

BÀ LÀ AI?

*Bà là ai, đỉnh tình dâng hiến lễ
Lệ đầm đìa nét tuyệt thế giai nhân
Tám gương trinh trong trắng, đẹp tuyệt trần
Sáng lộng lẫy giữa muôn ngàn thọ vật?*

*Bà là ai, đang mơ hay là thật
Đứng đỉnh đồi lặng chất ngất sâu thương,
Thay E-và lượm trái cấm còn vương
Nơi cõi tục đem cất vào biển ái?*

Bà là ai, tình hiến trao...trao mãi!
Dâng con tim-gươm thấu-hòa lệ rơi
Dối tim tôi, hạt bụi nhỏ ven đời,
Trong hôn hoàng nhân gian đầy áo não.

Bà là ai ghì tay ôm ngực áo
Tim cắn môi nước mắt chẳng ngừng rơi,
Thập giá run trước sức nặng tội đời
Ai giã giữa thờ từng hơi thoi thóp?

Bà là ai, một mình sao đứng khóc?
Trông xác con oằn xuống giữa lưng trời,
Ôi! Làm sao Bà không nói nên lời,
Nghẹn ngào tức tưởi với nỗi đau người mẹ!

Bà là ai? Gương hoa dằm dề lệ
Nén tiếng than, dầu biển thảm non sâu,
Lòng chỉ ước thay Con chịu thương đau
Bao gươm nhọn xuyên thấu tim của Mẹ!

Bà là ai, đem Thánh Tâm Từ Mẫu
Hiệp đền bù trên đỉnh Sọ vì tôi?
Viết dòng thơ lệ hối chảy mặn môi,
Ôi hạt bụi nặng nề mang trọng tội!

Bà thẳng thiên thanh bào bay phát phối
Về uy nghi rạng rỡ cả thiên đàng,
Một lệnh truyền binh hỏa ngục vỡ tan
Nghe run sợ hãi hùng lan khắp chốn.

*Xưa tắm tối, không biết Bà là Mẹ
Cả nhân loại phải phủ phục kính tôn,
Cùng đồng công Đấng Cứu Độ xác hồn
Muôn lê thứ, vạn công hầu, vương bá!*

*Quá hạnh phúc! Công trạng gì con có Mẹ?
Xưa cỡ hoang luôn tui phạm cút coi,
Nay tim run những nhịp đập bồi hồi
Ôi vĩnh phúc, ngỡ ngang con gọi “Mẹ”!*

*Mẹ! Mẹ yêu! Con tôn vinh tình Mẹ
Đóa Trinh Vương hương sắc hiến cho đời,
Mặc gương thù sự dữ chém tả tôi
Tan nát vỡ hương trái tim tình ái.*

*Tình ca con - giọt đời tan biển ái
Sáng bập bùng ngọn lửa lẽ toàn thiêu,
Tiếng ngợi khen rộn rã lệ hương chiều
Dâng hoan hiệp hoa rơi cùng hiến tế.*

Đây là một bài thơ về Đức Maria ở nhiều khía cạnh trong vai trò làm Mẹ Chúa Giêsu chịu đóng đinh, có nhiều ý tưởng lạ và hay.

Thí dụ:

Đoạn 2 ở 2 câu cuối:

*“Thay E-và lượm trái cấm còn vương,
Nơi cõi tục đem cất vào biển ái?”;*

Đoạn 4, 2 câu cuối:

*“Thập giá run trước sức nặng tội đời.
Ai giẫy giữa thờ từng hơi thổi thóp?”;*

Đoạn 5, câu 2:

“Trông xác con oằn xuống giữa lưng trời”.

Đây là những câu thơ gây cho chúng tôi nhiều cảm xúc, có lúc cũng rơi lệ bởi hình ảnh Chúa Giêsu mà tác giả mô tả, rất thực và cũng nói lên tâm tình của tác giả đối với Chúa chịu nạn. Để rồi, ông nói về mình, một *“Cổ đại”*:

“Ôi hạt bụi nặng nề mang trọng tội!”

(đoạn 7 câu cuối);

Đoạn 10, 3 câu sau:

“Xưa cỏ hoang luôn tủi phận cút côi,

Nay tim run những nhịp đập bồi hồi.

Ôi vĩnh phúc, ngỡ ngàng con gọi “Mẹ”!

Bài *“Hang đá - Một côi lòng”* dưới đây, là một tâm tư khác của nhà thơ Nguyễn Thanh Sang suy nghĩ về *“Cổ hoa”*, phận mình:

HANG ĐÁ - MỘT CÔI LÒNG

Ôm hạt nắng hôn cỏ hoa run rẩy

Vết đen lòng đang loét lở nơi tim

Đêm sương giá cánh hoa đơn rét buốt

Phận mỏng manh lá chắn biết đâu tìm!

Ôi lạy Chúa! Cuối tuần tư mùa vọng,

Mê mãi hồn con lạc ở nơi đâu?

Phút hồi tâm sao côi lòng trống vắng

Giáng sinh về lại day dứt niềm đau!

*Hang đông sâu gió vi vu, hun hút!
Tối lạnh lùng, meo mốc lẫn rêu phong,
Đêm màu nhiệm sương trời cao tuôn đổ
Bỗng chùng nghe phán xét ở trong lòng.*

*Kết án không, linh hồn bao nông nổi
Hỡi Công Minh chìm trong tối mênh mông?
Đuổi con không, hỡi vì Vua Vũ Trụ
Đấng cao sang giữa máng cỏ rơm nông?*

*Khước từ không, hỡi Tình Yêu Nhập Thế,
Một linh hồn giá lạnh tựa mùa đông...?
Hang đá nhỏ sáng bừng màu thiên nhiệm
Đây tình trời ban xuống cách nhưng không!*

*Chúa co ro, sưởi ấm giá băng lòng
Hài Nhi cười rửa trôi từng vết loét
Ôi yêu thương dịu dàng ôm trời đất
Cứu linh hồn ở dưới đáy hư không!*

GOLGOTHA CỦA TÔI

*Khói chảy phủ mờ hiên tranh lạnh
Sương rơi giăng kín xứ Vinh buồn,
Hoa gạo nở lững lờ từng cánh
Trắng mặt đồng trôi nhẹ chiều buông.*

*Xót xa mảnh tình quê tan tác
Mực đen hóa lệ cứ trào tuôn...*

*Lỡ mang nỗi hận người xa xứ
Đừng quên quê Mẹ mãi còn thương.*

Bài: “*Golgotha của tôi*” chỉ có hai đoạn, diễn tả về nỗi lòng người xa xứ, thấy “sương rơi, hoa gạo trong chiều buông” mà xót xa, để xác thân nơi tha phương còn hồn ở cố quận, viết bài thơ trong nước mắt. Vậy mà, tác giả đặt tên cho bài là “*Golgotha của tôi*”, hàm ý chỉ thế gian này, quê hương này. Đó là sự thật. Quê hương của mỗi người cũng là thế gian, hay là chốn luyện hình từ trong cõi sâu của lẽ khách, của thi nhân, của đời người.

NGUYỄN VĂN THÀNH

Tập thơ: *Tháng Năm Huyền Diệu*

Giuse Nguyễn Văn Thành sinh ngày 20 tháng 11 năm 1939 tại xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Năm 1960, sau khi học xong trung học và đang theo học ngành sư phạm thì anh bị bệnh phong cùi, anh được gửi vào điều trị tại trại phong Quỳnh Lập, Nghệ An. Từ Năm 1974 đến nay, anh được điều trị tại trại phong Xuân Mai thuộc tỉnh Hà Tây.

Hằng năm, Gia Đình Tình Thương gồm các nhà hảo tâm ở Thành phố Hồ Chí Minh, do Linh mục Nguyễn Tự Do, Dòng Chúa Cứu Thế, điều phối và hướng dẫn đi thăm các bệnh nhân phong cùi đang được điều trị tại các khu điều trị phong từ Nam ra Bắc. Mỗi lần về Hà Tây, chúng tôi lại được nghe Thành đọc thơ. Lần này, 1998, gặp lại Thành, anh đã mất đi chân trái phải tháo khớp từ đầu gối, nhưng Thành vẫn cười vui rạng rỡ, trao cho chúng tôi tập thơ mà Thành đã chép bằng bàn tay trái chẳng còn nguyên vẹn.

Cả Linh mục Nguyễn Tự Do và chúng tôi đều đại khờ trong cõi thơ, chỉ biết sắp xếp lại để gửi đến bạn đọc yêu thơ, yêu các bệnh nhân phong cùi ở Việt Nam.

Thành Phố Hồ Chí Minh
Những ngày chờ Xuân Kỷ Mão
VŨ SINH HIÊN

Những dòng tiểu sử ngắn gọn trên đây về Nhà thơ Nguyễn Văn Thành do ông Vũ Sinh Hiên, một thành viên trong Gia Đình Tình Thương viết, đã in ở trang 7 tập thơ *Tháng Năm Huyền Diệu*. Chúng tôi nhận được tập thơ từ Linh mục Rôcô Nguyễn Tự Do, Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn. Chúng tôi cũng muốn in vào trang sách này bức hình cha Nguyễn Tự Do ngồi bên cạnh nhà thơ Nguyễn Văn Thành, tại nhà nguyện của trại phong Xuân Mai, (địa chỉ: Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, Hà Nội), trong chuyến Gia Đình Tình Thương đi thăm và công tác từ thiện tại một số trại phong tại miền Bắc, trong đó có trại phong Xuân Mai. Cũng chính lần này, đầu tháng 12/1998, anh Giuse Nguyễn Văn Thành đã trao tận tay cho cha Nguyễn Tự Do và anh Vũ Sinh Hiên tập thơ *Tháng Năm Huyền Diệu* của mình, mà chúng tôi có cơ duyên được cha Tự Do trao lại và bây giờ xin được gửi đến quý độc giả.

Ghi chú hình dưới đây: cha Nguyễn Tự Do (bên trái) ngồi cạnh nhà thơ Nguyễn Văn Thành, tại nhà nguyện của Trại phong Xuân Mai vào đầu tháng 12/1998, mùa Đông đất Bắc. Bức hình cho thấy cha Tự Do có vẻ rét lắm! Ảnh do Thy Phương, một thành

viên của Gia Đình Tình Thương, chụp ngày 06-12-1998. Ngoài bức ảnh này, Thy Phương còn chụp 06 bức hình khác về ông Nguyễn Văn Thành chụp riêng một tấm, chụp chung với Cha Tự Do và ông Vũ Sinh Hiên, về một số bệnh nhân đang cầu nguyện và bức hình cha Nguyễn Tự Do dâng lễ tại nhà nguyện của trại Xuân Mai, Hà Nội.



Có lẽ ít có nhà thơ nào mà không tự sự về cuộc đời của mình, đặc biệt là những khổ hạnh, những tiếc nuối về những cái mà mình yêu quý đã mất đi. Nhà thơ Nguyễn Văn Thành cũng không là ngoại lệ. Có ngoại lệ, là cuộc đời thanh xuân của ông đã mất đi, mất cả những mộng ước trong đời mà không người thanh niên nào mà không có. Nhưng với Nguyễn Văn Thành, ông còn Chúa, còn niềm tin vào tình thương của Chúa.

*Trong thế gian chúng tôi là quả đắng
Là cung đàn vang vọng bỗng đứt dây
Là hoa tàn, trăng khuyết phủ đầy mây
Đời gaio ngán trong tháng ngày hiu quạnh!*

*Nhưng có Chúa chúng tôi không ớn lạnh
Vẫn nhịp nhàng máu nóng chảy về tim
Vẫn yêu người, kính Chúa vững niềm tin
Ngày cuối hết sẽ là ngày công phúc.*

(Bài Tự sự)

Ngoài những nỗi đau thân xác, có người phải tháo dần những chi thể vì nó đã bị hư hoại, như nhà thơ Nguyễn Văn Thành đã mất đi chân trái, phải tháo khớp từ đầu gối, trước ngày 06.12.1998, là ngày Gia đình Tình thương do Linh mục Nguyễn Tự Do, Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn điều phối đến thăm trại Xuân Mai ở Hà Tây, nơi ông Nguyễn Văn Thành điều trị, thì đã thấy như thế rồi.

Về nỗi đau tinh thần, có lẽ điều này không thể diễn tả hết được. Những bệnh nhân phong cùi đã mất đi cả cuộc đời, mất cả người thân trong nhà, đó là sự mất mát lớn lao hơn cả. Trong trạng thái tinh thần như thế, làm sao người bệnh không chao đảo, không u uẩn. Thế nhưng, ở Nguyễn Văn Thành, hình như ông đã biểu lộ một điều thực vốn có trong ông qua bài thơ “Nhớ”. Nhà thơ nhớ về những kỷ niệm xưa, ngày ông còn hòa nhịp với những bạn cùng trang lứa, dâng hoa kính tôn Mẹ mỗi khi Tháng 5 trở về:

*Hôm nay tháng Mẹ ngát hương hoa,
Nhớ tuổi hoa niên đẹp nắng hè.
Theo Mẹ hoa tung đầy mũ áo
Lung trời phượng đỏ ngợp tiếng ve.*

*Tháng Mẹ nắng vàng giát cỏ cây,
Hoa ơi! Khoe sắc tỏa hương đầy,
Dâng lên Mẹ Chúa cao vời vợi
Hương sắc hồn con nắng tỏa đầy!*

*Tháng 05-1992
(Bài Nhớ)*

Người đời có nói: “Âm nhạc có sức chữa bệnh”. Hay một câu nói nào đó tương tự như vậy, đối với một thứ bệnh thông thường thôi. Còn thứ bệnh ung thư, âm nhạc có thể giúp cho bệnh nhân thấy trạng thái tâm hồn mình nhẹ nhàng dịu nỗi đau thì cũng còn là một câu chuyện có nhiều ý kiến hoặc đây là loại chuyện cổ tích. Còn như ở đây, với nhà thơ bệnh nhân phong cùi Nguyễn Văn Thành, phải bỏ cuộc đời bên ngoài để vào trại phong cùi Quỳnh Lập ở Nghệ An từ năm 1960, lúc ở tuổi 21 (Ông Thành sinh năm 1939), rồi chuyển qua trại Xuân Mai ở Hà Tây từ năm 1974, cứ tạm cho là tới năm 1998, là năm phái đoàn Gia đình Tình thương đến thăm trại lần cuối thì Nguyễn Văn Thành cũng đã trải qua 38 năm trong trại (1960-1998). Thế mà qua bài thơ *Nhớ* trên đây, chắc chắn không một độc giả nào nghĩ rằng tác giả là một bệnh nhân phong cùi. Rõ ràng, Thi Ca Đã Cứu Chữa Căn Bệnh Phong Cùi Nơi Nhà Thơ Nguyễn Văn Thành.

Toàn bài thơ 8 câu, không một từ hay một câu thơ nào có vương vís căn bệnh mà tác giả đang mang trên thân mình ông suốt bao nhiêu thập niên nay. Phủ lên toàn bài thơ là nỗi nhớ trong sáng, thánh thiện và yêu đời của cái tuổi hoa niên, lúc chưa vương lệ thâm bởi căn bệnh tàn ác, mặc dù lúc cầm bút viết bài thơ, năm 1992, là năm ông đã 53 tuổi. Tuy nhiên, còn một yếu tố khác đã tạo nên trong tâm hồn nhà thơ này một sự thánh thiện không thể chối cãi được, đó là niềm tin vào tình yêu của Chúa và lòng mộ mến Mẹ Maria nơi ông.

Bởi không chỉ có bài “*Nhớ*”, tâm hồn Nguyễn Văn Thành mới cho chúng ta thấy sự thánh thiện, trong sáng và yêu đời của ông trong lúc ông mang một căn bệnh dần dần làm thân xác ông hao mòn. Tinh thần này, đã được nhà thơ thể hiện trong bài “*Ta lại gặp nhau*”, khi các bạn của ông đến trại thăm ông. Tình bạn của họ thật đáng khen và nhà thơ Nguyễn Văn Thành cũng đã diễn tả một cách rất tha thiết:

*Ôi Tình Ta đâu phải là chốc lát
Rồi quên nhau như hai kẻ qua đường
Ta nguyện cầu cho bạn hữu Thân Thương
Sẽ mãi mãi là Thiện nhân bằng hữu*

(Trích bài: *Ta lại gặp nhau*)

Trong tập thơ “Tháng Năm Huyền Diệu” của Nguyễn Văn Thành, ở trang 15, ông có kể về một thiếu nữ tên là Veronica, người Camơrun, Châu Phi. Chị cũng mắc bệnh phong và chị đã dâng cả cuộc đời cho tình thương yêu Chúa và nhân loại.

Nhà thơ Nguyễn Văn Thành đã chép lại một lời cầu nguyện của Veronica, nguyện văn như sau:

“...Chiều nay bởi tình yêu của con người, con xin cầu nguyện cho hết mọi người bệnh phong khắp thế giới. Nhất là con xin cầu nguyện cho những người mà chính bệnh phong tinh thần đang vật đổ họ xuống, tàn phá họ, chiến thắng họ. Chính những người đó con thương hơn cả và lặng thầm con hiến dâng mình con vì họ, bởi họ là anh chị em với con...”

Và nhà thơ Nguyễn Văn Thành đã viết bài “Ngọc Kim Cương Camơrun”:

*Veronica chị ở nơi xa,
Mà sao em thấy ruột-rà yêu thương
Chị là viên ngọc kim cương
Chói lòa ánh sáng tình thương người đời
Em xin chị ở trên Trời
Cầu bầu cho hết mọi người thế gian...*

*Đời em trắng lạng hoa tàn
Vô duyên như một chiếc đàn không dây
Đời em thân xác đọa đày
Bụi gai lửa Cháy chờ ngày quang lâm.*

*Maria! Mẹ Chúa Hài Đồng
Mẹ em, Mẹ chị Mẹ chung loài người.*

07.05.1992

Đến đây, bỗng dừng tôi ngừng nghĩ, tâm tôi chuyển sang Veronica và Nguyễn Văn Thành,

cám ơn anh Thành, cám ơn Veronica xa xăm ngàn dặm,

trong đau thương mà vẫn sáng ngời Tin Yêu Thiên Chúa và nhân loại.

Có lẽ phần đông những nhà thơ Công giáo làm thơ đạo, phát nguồn từ Kinh thánh hay từ Tin Mừng của Chúa Giêsu, họ có một điểm hội tụ để gặp nhau. Đó là lòng tôn kính Mẹ Maria và tín thác vào Tình yêu Chúa Giêsu. Tín thác vào Tình yêu Chúa Giêsu cũng có nghĩa họ tôn sùng Thánh Giá Chúa trong cuộc đời mình. Đây là khởi nguồn cho dòng thi ca đạo của họ.

Với Nguyễn Văn Thành, trong tập “Tháng Năm Huyền Diệu”, gồm 30 bài, thì có 15 bài ông dành cho Đức Mẹ, chưa kể hình ảnh Đức Mẹ còn thấy ở một số bài khác. Hiểu như thế nào về điều này? Có nhiều điều giáo hội đã ghi vào Kinh cầu Đức Bà mà người Công giáo vẫn đọc:

Đức Bà cứu kẻ liệt kẻ khốn...

Đức Bà an ủi kẻ âu lo...

Đức Bà phù hộ các giáo hữu...

Còn ở nhà thơ Nguyễn Văn Thành, ông bộc bạch với Đức Mẹ:

Con yêu Mẹ lắm Mẹ ơi!

Lòng con yêu Mẹ không rời phút giây

*Lòng con yêu Mẹ đêm ngày;
Lòng con yêu Mẹ là giây nguyện cầu.
Sớm khuya con Mẹ cùng nhau,
Giãi bày tâm sự trước sau mặn nồng
Mẹ ơi! Kia đóa hoa hồng
Tuy xinh đẹp thật nhưng lòng đầy gai.*

ông kể với Đức Mẹ là mình ông cũng “gai mọc đầy”.
Nhưng:

*Nhìn lên ảnh Mẹ nhiệm màu
Bao nhiêu đau khổ con hằng tiêu tan
Gió mưa! Rét mướt! Đêm trường!...
Đời con có Mẹ coi thường gió mưa.*

(Tích bài: *Con yêu Mẹ*. Nghệ An 10-1960)

Theo ông Vũ Sinh Hiên trong bài “*Đôi hàng để vào cõi thơ*” viết về nguyên nhân ông có tập thơ của Nguyễn Văn Thành, nhân đó ông cũng có đôi hàng tiểu sử của nhà thơ này. Theo đó thì năm 1960, ông Nguyễn Văn Thành đã mắc bệnh phong rồi và ông được đưa vào trại Quỳnh Lập ở Nghệ An. Tại đây, như ở cuối bài thơ *Con Yêu Mẹ*, có ghi, ông Thành đã viết bài thơ này vào tháng 10.1960 và tháng 05.1962, ông viết bài “*Dâng Mẹ*”. Có lẽ là hai bài đầu tiên ông viết sau khi đã vào trại phong để điều trị bệnh?

*Hôm nay cuối tháng Đức Bà
Con dâng lên Mẹ vòng hoa cuối cùng*

*Hoa dâng hương sắc trinh trong
Hoa con dâng Mẹ hoa lòng mến thương!*

(Bài *Dâng Mẹ*, Nghệ An tháng 05-1962)

Bài thơ chỉ có 4 câu, nhưng ẩn sâu trong đó một nỗi buồn không nói nên lời. Ở trong trại phong Quỳnh Lập ngày đó, người bệnh có đạo được phép tiếp tục sống đạo công khai (?) như tháng 5, là tháng hoa được dâng hoa kính Đức Mẹ. Và vì đây là lần được phép cuối cùng (?) vì sau đó bị cấm ngặt như các nơi khác tại miền Bắc, nên ông Thành đã cảm nhận được nỗi tê tái trong lòng nên đã viết 4 câu thơ với tâm trạng ấy:

Con dâng lên Mẹ vòng hoa cuối cùng

Nhưng một khi không có hoa tươi thắm, thì ông cũng còn một thứ để dâng kính Mẹ, để hứa với Đức Mẹ và cũng tự nhủ lòng mình. Đó là:

Hoa con dâng Mẹ hoa lòng mến yêu!

Điều này cho thấy, ông Nguyễn Văn Thành đã có lòng mến mộ Đức Mẹ Maria ngay từ hồi còn tuổi hoa niên tại quê nhà, đặc biệt là mỗi năm vào tháng hoa, tháng của Mẹ! Tháng của những người con sùng mộ Mẹ. Nhà thơ Nguyễn Văn Thành lúc này không được cùng đoàn con Dâng Hoa lên Mẹ tại một thánh đường trang trọng với đông đảo con cái của Mẹ, thì ông dâng lên Mẹ một trời xanh thắm, một không gian phượng đỏ của đất

trời và râm ran tiếng ve: *Tháng năm huyền diệu!*

*Tháng năm phượng đỏ ve ran,
Trời xanh mây trắng nắng vàng lung linh.
Tháng năm Kính Mẹ Thiên đình,
Dâng hoa, hát vãn lời kinh ngọt ngào
Mẹ hiền ngự chốn trời cao,
Nhìn đàn con dại nghẹn ngào xót xa.
Đời con còn lắm phong ba,
Satan rình rập, quỷ ma rập rình.*

*Mẹ ơi! Mẹ Chúa hiển linh
Thương con xin Mẹ hết tình chở che
Tháng năm phượng đỏ trưà hè,
Trời xanh, xanh thắm tiếng ve ngập ngừng.
Rợp trời phượng đỏ kính dâng
Ave lạy Mẹ, Kính mừng Maria!*

(Bài *Tháng Năm*, tháng 05.1994)

Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, thánh giá của Chúa Giêsu còn là những đề tài quen thuộc, không thể thiếu nơi các nhà thơ Công giáo mà cảm xúc của họ khởi nguồn từ Kinh thánh, từ Tin Mừng của Chúa Giêsu.

Nhà thơ Nguyễn Văn Thành đã cảm xúc về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Những câu thơ là một bức họa hiện thực, rất linh động:

*Năm dấu đanh máu chảy dòng dòng
Mạo gai tua tủa lưỡi gươm cong*

*Cha nghiêng đầu xuống như mời gọi
Đầy tớ tông đồ có đấy không?*

*Ánh nắng hoàng hôn đỏ rợn người
Tiếng chim ác gọi vọng chơi vơi
Calvê chiều xuống buồn lộng gió
Đức Mẹ sầu bi nước mắt rơi!*

(Trích bài: *Khổ nạn và phục sinh*)

nhưng nhà thơ vẫn không quên sự khước từ và thơ ở của con người:

*Chúa ơi! Sao Chúa khổ vầy
Treo trên Thập Giá mình gầy xác ve
Chân tay máu chảy đầm đìa
Một manh vải nhỏ chỉ vừa che thân.
Chúng con một lũ bất nhân
Tha thằng trộm cướp, giết con Chúa Trời
Chúa ơi! Chúa xuống làm người,
Mòn chân giảng dạy cho đời yêu thương.
Chúng con là đứa bất lương,
Tham tiền bán Chúa chí nhân hiền hòa
Cúi xin lượng Đức Chúa Cha
Xót thương trần thế giao hòa Thiên-Nhân
Con xin tìm lại chữ Tâm,
Yêu người, kính Chúa hồng ân vĩnh hằng*

(Trích bài: *Chúa ơi,*
18-06-1992)

Từ trong trại phong, nhà thơ Nguyễn Văn Thành nhìn về núi Sọ Calvê. Ông nghĩ gì? Con đường nào Chúa đã đi?...Có Mẹ của Người khóc ôm xác con...trong lúc có tiếng của một loài chim kêu trong không gian tẻ lạnh, mấy chiếc lá vàng rơi...Còn dân Chúa thì “reo hò...giết Chúa!”. Màn trong đền thờ “rách khi nào?” ...Tất cả như phủ xuống pháp trường Calvê ở một không thời gian chỉ có một không hai trên địa cầu này, từ đó đến nay, đã diễn ra vụ giết Con Thiên Chúa:

*Đỉnh núi Sọ Calvê lộng gió
Chiều thê lương hiu hắt ngang qua
Mẹ quỳ khóc ôm hôn xác Chúa
Nước mắt rơi trong nắng nhạt nhòa.*

*Vài chiếc lá vàng rơi xuống đất
Tiếng chim chiều tẻ lạnh làm sao,
Thế giới buồn tênh, ngân hà chết
Màn trong đền Thánh rách khi nào?*

*Chúa hy tế giữa miền đất hứa
Quê hương Đavít với Môsê
Dân Chúa reo hò đi giết Chúa
Vết đau lịch sử khép bao giờ?*

*Thiên niên kỷ thứ ba gần tới
Trái tim con thổn thức đau buồn
Nhân loại đó khóc cười chơi với
Có lúc nào sám hối, ăn năn?*

Còn nhà thơ, ông xin với Chúa:

*Mùa thương khó xin dâng lên Chúa
Nơi đắng cay cuộc sống gian trần
Cho con được đóng đinh cùng Chúa
Và đau buồn như các tội nhân*

Con xin quỳ trước Chúa ăn năn!

(Trích bài: *Con đường nào...?*
Mùa Chay 05.03.1998)

MẤY BÀI THƠ KHÁC CỦA NGUYỄN VĂN THÀNH:

Trong bài “*Ta Lại Gặp Nhau*” dưới đây, nhà thơ Nguyễn Văn Thành cho chúng ta thấy tình cảm của ông với những người bạn cũ vào trại thăm ông, tha thiết, đơn sơ như ông chưa hề mắc cái bệnh quái ác. Giờ chia tay, họ tay trong tay nhau, thật cảm động. Bài thơ đượm tính nhân bản, phận người gian lao, thập giá mỗi người nặng nhẹ khác nhau, nhưng “sẽ mãi mãi vẫn là Thiện nhân bằng hữu”. Ngôn ngữ bình dị, xúc cảm chan chứa. Bài thơ thật hiếm có trong tình trạng mang khổ lụy bao nhiêu năm trường.

TA LẠI GẶP NHAU

*Ta gặp lại nhau sau bao ngày xa cách
Ký ức xa xưa bỗng hiện về*

Sóng biển dạt dào, cát trắng lao xao,
Bên rặng phi lao ôm nhau cười khoái trá
Trên đầu tia nắng luồn qua kẽ lá
Giát màu vàng xuống vai áo lung linh.
Bạn ơi! Kìa xa tí một cánh chim
Đang mãi mê bay vào bờ bãi vắng
Vài cánh buồm xa chìm trong sắc nắng
Ta thả hồn trong biển rộng mênh mông.
Chúng mình nhìn nhau mỗi đứa một dấu than (!?)
Đang đập nét trong trái tim ngày ấy.
Nay ta gặp nhau đã nửa đầu sợi bạc,
Mất nhạt nhòa theo năm tháng gian lao.
Thập giá ta mang nặng nhẹ khác nhau
Nhưng trái tim ta vẫn hồng Chân lý
Vẫn yêu người cho rạng ngời thế kỷ
Nở hoa hồng ngào ngạt chút hương bay
Đời chúng ta thắm đậm Chất men say
Say lý tưởng, say ngày mai hy vọng.
Đời đẹp mãi như nằm trong giấc mộng
Có cung đàn ngọt dịu Mẹ yêu con,
Có trăng vàng, hoa nở dưới lầu son
Có lớp lớp Thiên Thần nâng cánh hát.

Ôi Tình Ta đâu phải là chốc lát
Rồi quên nhau như hai kẻ qua đường
Ta nguyện cầu cho bạn hữu Thân Thương
Sẽ mãi mãi là Thiện nhân bằng hữu
Tình ta đó không say sưa men rượu
Không vàng son lấp lánh tiệc đêm ngày
Phút ra về tay nắm chặt trong tay

*Ngày cuối hết gặp nhau trên Thiên quốc
Chúc đôi bạn hãy nhìn lên phía trước
Nâng mình lên dự Tiệc Thánh Vĩnh hằng
Cho cuộc đời mãi mãi Thanh Xuân.*

Kỷ niệm ngày gặp bạn
17-09-1994

Có một nét đặc biệt ở nhà thơ Nguyễn Văn Thành, là giữa những ý tưởng về cuộc đời bệnh tật của mình, trong số những bài thơ trong tập “*Tháng Năm Huyền Diệu*”, chúng tôi không thấy một bài nào tác giả nói đến nỗi tuyệt vọng, than thân trách phận, mất niềm tin và lòng trông cậy:

*Lúc này đây:
Trái tim con như nổi cuồng giông bão
Trong nỗi giận hờn, bệnh tật, kiếp cô liêu
Tất cả quanh con leo lét nắng chiều
Màu rực đỏ nhưng đã nhiều nhạt nhòa
Ôi! Sung sướng đời con còn có Mẹ
Mẹ của đất trời! Mẹ mến yêu ơi!*

Trái lại, ông đã cảm nhận được những nỗi đau khác lớn lao hơn nỗi đau của bản thân mình. Đó là nỗi đau của một thế gian: không còn Tâm hồn:

*Thế gian đang cuồng loạn giữa dòng đời
Say tiền bạc, dâm ô và tàn bạo
Xã hội chết mắt mở nhìn thao láo
Trẻ chào đời chết uống chẳng người thương?*

Giữa những cảnh đời vô đạo như thế, Tổ quốc Việt Nam bỗng xuất hiện trong ý tưởng ông rất lạ, ông lạc quan và hy vọng:

*Con viết dòng này hy vọng ở một ngày mai
Hoa đua nở và nắng vàng rực rỡ
Tổ quốc Việt Nam yêu thương muôn thuở
Thành Triều Thiên nạm ngọc kính dâng Người
Cả dân tộc này như một đóa hoa tươi
Dâng kính Mẹ linh hồn và thể xác
Để Muôn Năm Đất Việt mãi huy hoàng.*

(Trích bài: *Dâng kính Mẹ*. Tháng 05.1993)

Tâm hồn nhà thơ đơn sơ trong lời kính. Ông biểu hiện một nhân cách bình dân của người Công giáo Việt Nam ngoan đạo, đặc biệt người Công giáo Việt Nam bình dân nơi thôn dã, từ mấy trăm năm rồi:

THÁNG NĂM HUYỀN DIỆU

*Tháng năm huyền diệu đã về đây
Con nhớ xa xưa cũng tháng này
Hoa huệ dấu vào trong vạt áo
Dâng lên Mẹ Chúa chốn cao dày.*

*Chúng con cung kính hát dâng hoa
Đường phố đông người đứng cả ra
Dù chẳng Kitô nhưng cũng kính
Cúi đầu khi Đức Mẹ đi qua.*

*Phượng đỏ rũ cánh trên đầu Mẹ
Lung linh giọt nắng đọng vai Người
Tiếng chim gõ kiến rơi nhẹ nhẹ
Chao động lòng ta cánh bướm rơi.*

*Mẹ đứng dịu hiền dâng tràng hạt
Xin cho nhân loại sống hòa bình
Con tung hoa đẹp lòng ca hát
Dài mãi trên đường tiếng nguyện kinh.*

*Dâng Mẹ vòng hoa nguyệt quế này
Việt Nam đất nước lạ lùng thay,
Gian nan thử thách bền như đá
Lòng vẫn trung trinh sống dạ dày.*

*Trời mãi trong xanh phượng rực hồng
Ve ran kinh nguyện vút thình không
Con xin hè mãi vàng sắc nắng
Trái nhẹ trên đầu hương phấn không.*

*Mẹ ở con về Mẹ kính yêu
Hoa con dâng Mẹ vẫn thơm đều.
Tháng năm huyền diệu buồn thương nhớ
Trong tiếng chuông ngân nhạt nắng chiều...*

01.05.1995

Trên đây, chúng tôi đã giới thiệu với người yêu thơ đạo một nhà thơ với lòng sùng kính Mẹ Maria qua những bài thơ của ông, đặc biệt là tâm tình của nhà thơ đối với tháng năm, được gọi là Tháng Hoa, vì người Công giáo

dành tháng này để bày tỏ lòng tôn kính Đức Mẹ với những buổi dâng hoa rất trang trọng, rất đặc sắc và sốt mến. Hình như nhà thơ Nguyễn Văn Thành, trước ngày ông mắc bệnh, ông đã là một “Con hoa” trong cộng đồng ở giáo xứ ông. Cho nên, ông luôn hướng về tháng hoa với những mến yêu và tiếc nuối vì mình đã phải rời xa cộng đồng thân yêu này.

CUỐI THÁNG HOA

*Tháng năm sắp hết Mẹ yêu ơi!
Con chưa có hoa để kính Người
Kính nguyện sớm chiều dâng lay Mẹ
Thay cho hoa đẹp để Người vui.*

*Con biết Mẹ cần lửa mến yêu
Hơn hoa, tranh tượng lấm sắc màu
Mẹ chỉ muốn con đời trong sạch
Chẳng cần rên rĩ nguyện cầu lâu.*

.....
*Mẹ hãy cầu bầu để chúng con
Tránh xa phù phiếm bóng vàng son
Yên vui cuộc sống đời nghèo khó
Nhưng giàu nhân đức, sống vuông tròn.*

*Lạy Mẹ nhân lành cuối tháng hoa
Nhân danh kẻ khó sống hiền hòa
Con xin Mẹ Chúa dành ơn phúc
Cho thế gian này mãi tháng hoa.*

(Trích bài: *Cuối Tháng Hoa*, 30.05.1995)

Trong khung cảnh đạo đức thời gian nhà thơ Nguyễn Văn Thành ở nhà, và trong cái tâm cảnh của ông sau ngày vào trại phong, nhà thơ đã cảm nhận được “con đường Chúa Giêsu đã đi”. Ông có một đức tin kiên trung:

CON ĐƯỜNG NÀO...?

*Đỉnh núi Sọ Calvê lộng gió
Chiều thê lương hiu hắt ngang qua,
Mẹ quỳ khóc ôm hôn xác Chúa
Nước mắt rơi trong nắng nhạt nhòa.*

*Vài chiếc lá vàng rơi xuống đất
Tiếng chim chiều tẻ lạnh làm sao,
Thế giới buồn tênh, ngân hà chết
Màn trong đèn Thánh rách khi nào?*

*Chúa hy tế giữa miền đất hứa,
Quê hương Đavít với Môsê,
Dân Chúa reo hò đi giết Chúa
Vết đau lịch sử khép bao giờ?*

*Thiên niên kỷ thứ ba gần tới
Trái tim con thỏn thức đau buồn
Nhân loại đó khóc cười chơi với
Có lúc nào sám hối, ăn năn?*

*Mùa thương khó xin dâng lên Chúa
Muôn tấm lòng, triệu triệu trái tim
Xin tha thứ, khoan dung nhân thế
Giờ lâm chung được Chúa đón nhìn.*

Mùa thương khó trầm u tiếng hát
“...Con đường nào Chúa đã đi qua
Con đường nào Người ra pháp trường...”
Và nơi nào Chúa chịu đóng đinh?

Ôi Calvê! Calvê lộng gió
Quyền lực tối tăm tạm mỉm cười
Kìa trên cao chim câu tỏa sáng
Chúa Thánh Thần mặc khải muôn nơi.

Mùa thương khó xin dâng lên Chúa
Nơi đắng cay cuộc sống gian trần
Cho con được đóng đinh cùng Chúa
Và đau buồn như các tội nhân

Con xin quỳ trước Chúa ăn năn!

Mùa Chay 05.03.1998

LẶNG LẼ PHÚT CẦU KINH

Lạy Chúa!
Con lặng lẽ cầu kinh
Cho thế giới hòa bình
Cho loài người hạnh phúc
Cho em thơ không còn bị nhục
Để cuộc đời nắng ấm mãi mùa xuân

Con lặng lẽ cầu kinh
Để trẻ thơ khôn lớn tự biết mình

*Có Thiên Chúa dựng lên Trời Đất
Để phụng thờ Ngài cho xác hồn khỏi mất
Bước vào đời trắng muốt dạ lan hương.*

*Con đau đớn xót thương!
Những con người bị ung thư phần rỗi
Những con người xem thường tội lỗi
Lả lướt, vui cười hoan lạc ngày đêm
Đi về đâu? Chẳng biết chẳng cần tìm.*

*Thế gian này ảo ảnh và hư vô
Thuyền trôi dạt, bến bờ không định hướng
Nhưng có Chúa đời con luôn tin tưởng.
Thuyền đời con dù bão tố phong ba
Chúa còn đây: Kìa sóng cả, gió to,
Chúa truyền dạy và sóng yên biển lặng
Chúa nhìn con, con nhìn Người chiến thắng
Thế gian buồn cúi mặt trước Thiên Vương
Lửa quang lâm rực sáng giữa màn đêm
Loa Thiên sứ gọi hồn người cõi chết
Giờ phán xét sẽ là ngày sau hết
Công tội này được phẩm định nghiêm minh
Con cúi đầu lặng lẽ phút cầu kinh
Cho nhân loại đau thương đầy thù hận
Chúa cứu thế dang tay như căn dặn:
“Ta đóng đinh để chuộc tội loài người
Để Thiên Đàng mở cửa đón các người
Để hận thù thành tình yêu tha thứ*

*Ta xuống thế như một người cô lữ
Gót tha hương đã dày dạn phong trần...”*

Con cúi đầu lặng lẽ phút cầu kinh!

Lễ Phục Sinh 16.04.1995

Viết về nhà thơ Nguyễn Văn Thành, một bệnh nhân phong, tới đây cũng là hơn mười trang vi tính với hơn mười bài thơ được giới thiệu với độc giả, chúng tôi có một nhận xét ngắn: nhà thơ Nguyễn Văn Thành nhận biết mình đã mắc bệnh phong cùi vào năm 21 tuổi, tức năm 1960 là năm ông đang theo học ngành sư phạm. Từ đó, ông Thành được gửi vào trại phong Quỳnh Lập, Nghệ An, rồi chuyển tới trại Xuân Mai, Hà Tây để được điều trị. Cứ theo năm tháng ông Thành ghi dưới các bài thơ, thì khi vào trại Quỳnh Lập ông bắt đầu làm thơ. Có hai bài: *Con yêu Mẹ* (Nghệ An 10-1960) và bài *Dâng Mẹ* (Nghệ An tháng 05-1962). Còn tất cả các bài khác, ông chỉ ghi ngày, tháng, năm và mùa, chứ không ghi nơi điều trị. Chúng tôi không biết ngoài tập Tháng Năm Huyền Diệu mà chúng tôi giới thiệu với độc giả, ông có còn bài nào không. Vì theo ông Vũ Sinh Hiên, người đã được ông Nguyễn Văn Thành trao gửi 30 bài thơ còn ở dạng bản thảo vào lần phải đoàn của Gia Đình Tình Thương, (ông Vũ Sinh Hiên là thành viên của phái đoàn này), đến thăm trại phong Xuân Mai, Hà Tây, lần cuối cùng vào tháng 12/1998. Bởi sau đó, Linh mục điều phối công tác từ thiện này là cha Nguyễn Tự Do, bị đau bệnh nặng rồi ngài qua

đời. Công tác từ thiện của Gia đình Tình Thương dừng hoạt động từ đó.

Với những bài thơ chúng tôi đã giới thiệu và một số bài còn lại, chúng tôi không thấy ở bài nào tác giả nói đến những đau đớn về thể xác và tinh thần của ông, từ những ngày đầu ông mắc căn bệnh phong cùi cũng như suốt một thời gian dài ở trong trại Quỳnh Lập và Xuân Mai. Không một bài nào nói lên cái đau xé ruột gan, nhìn cơ thể mình cứ dần dần phải tháo ra khỏi thân thể, có vóc dáng to, cao. Ngoại trừ mấy câu, chỉ mấy câu, trong bài: Dâng kính Mẹ:

*Trái tim con như nổi cuồng giông bão
Trong nỗi giận hờn, bệnh tật, kiếp cô liêu
Tất cả quanh con leo lét nắng chiều
Màu rực đỏ nhưng đã nhiều nhạt nhòa*

Nhưng, nhà thơ đã viết ngay:

*Ôi! Sung sướng đời con còn có Mẹ
Mẹ của đất trời! Mẹ mến yêu ơi!*

Đây là cái mà nhà thơ Nguyễn Văn Thành còn để lại, bỏ ra ngoài những câu thơ, những ngôn từ có đôi chỗ vụng về. Nhưng, với Nguyễn Văn Thành, đó là bản chất chân thật. Viết về ông, thú thực, có nhiều lúc người viết xúc cảm muốn ứa lệ. Và thậm chí cảm ơn ông, một cái duyên tôi được đọc thi tập Tháng năm huyền diệu của ông và tôi cũng thấy mình có hạnh phúc được có dịp và điều kiện giới thiệu ông trong quyển sách này. Nguyễn Văn Thành là nhà thơ của Đức Mẹ, của Niềm Tin Kitô giáo. Ông đã đạt được Cái Đẹp của thơ đạo. Nhà thơ Nguyễn Văn Thành còn là người yêu Tổ quốc Việt Nam với những hoài mong tươi sáng trong Niềm Tin Kitô.

NGUYỄN VĂN THỨC

Nguyễn Văn Thức sinh ngày 15-01-1941 tại Ninh Bình.
Thường trú: Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh.

Tác phẩm in chung:

- *Ngàn Trùng* (in chung với Nguyễn Mai - NXB Đồng Nai - 1996)
 - *Trước Sân Nhà 1-2* (NXB Trẻ 1999 - 2000)
 - *Hạnh Ngộ 2* (Tủ sách Tuổi Ngọc, NXB Văn Nghệ - 2007)
 - *Hành Trình Thơ* (NXB Thanh Niên - 2008)
- Và nhiều tuyển tập khác

In riêng:

- *Những bài thơ không tên* (NXB Thanh Niên - 2000)
(tập thơ gồm có 67 bài không có tên bài, thay vào là ngày, tháng, năm, tức thời gian viết hoặc một thời điểm nào đó mà tác giả cần nhớ)
- *Đặt tên cho thơ* (NXB Thanh Niên - 2005)

- *Chờ em* (NXB Văn Nghệ - 2009)
- *Phố phố Sài Gòn* (NXB Thanh Niên - 2012)
- *Là gì, còn gì...?* (Nhà xuất bản Hội Nhà Văn - 2019)

BỐN HÌNH ẢNH TRONG THƠ NGUYỄN VĂN THỨC:

Trên cánh đồng thi ca, thi sĩ - anh đã rắc lên những bông hoa hoàn hảo. Tuy nhiên, đời thường, anh đã bao lần khổ đau, vấp ngã. Bánh xe đời vẫn quay nhanh, quên lãng. Vẫn quên lãng, có gì đâu. (Trích bài *Ghi chú 1*, trong tập: *Là gì, còn gì...?*, trang 31)

“*Ghi chú 1*” trên đây là một trong 7 ghi chú trong tập *Là gì, còn gì...?*, tác giả dùng văn xuôi để ghi lại tâm trạng của mình trong những lúc anh cho là thích hợp hơn làm thơ, hoặc lúc đó ý tưởng thơ đến “muộn”, như ghi chú 1 cho thấy, nhà thơ viết rất thật, không có ngôn từ bóng bẩy hay không dùng những từ đưa người đọc đến chỗ phải dừng lại ít phút để hiểu ra điều tác giả nói gì, mà đây là điều gần như có rải rác trong tất cả những tập thơ của Nguyễn Văn Thức.

Trong những khổ tâm khổ trí của con người từ ngàn năm trước cũng như bây giờ, triết gia hay thi nhân, có lẽ cái đau khổ của thi nhân là mệnh mông, là triền miên, là day dứt, kể cả mơ hồ, lãng mạn v.v..., nhưng cũng nhân bản nhất. Thi nhân làm thơ, sáng tác là chìm sâu cả cái tâm thân của mình, ngày cũng như đêm, vào hố thăm, vào biển rộng, rừng sâu và cao vồi, để rồi chỉ chất lọc được rất ít hay không được chấp nhận, như nhà thơ Nguyễn Văn Thức ghi lại: đau khổ, vấp ngã trong khi

bánh xe đời vẫn quay nhanh và quên lãng. Rồi tác giả buông một câu triết lý: có gì đâu.

Phải, có gì đâu. Mặc kệ đau khổ, vấp ngã, lãng quên..., thì thi nhân vẫn cứ làm thơ, như triết gia đi tìm con người, cái chân thực của con người. Nguyễn Văn Thúc viết:

*Bao nhiêu lần
triết nhân muốn hỏi cuộc đời
sao lại nhiều oái oăm khổ đau đến thế*

Rồi anh nhấn nhủ triết gia, như những gì anh đã trải qua:

*ngài cứ uống cà phê hàng trăm lần
sáng ra ngài cứ mãi nhìn vườn hoa nở
đêm ngắm trăng lên
cây cối nơi đây
cây cối ở rừng già
những núi
những đồi
mênh mông tiếp tiếp
ngài cứ bước chân đi
tàu bay
hay tàu thủy
hay vượt ra ngoài không gian trái đất
ngài muốn làm hành khất
hay lần mò vào trăm ngàn trang sách*

*Ngài tiếp xúc rất nhiều
nhưng trăm lần
ngài gặp cả trăm lần không*

Kỳ bí
hay không
ngài hỏi Chúa hỏi Phật
hỏi trời mưa lát phát
hỏi tứ thời xuân, hạ, thu, đông
ngàn lần chẳng thấy, chẳng đáp
ngài tự vẫn cũng được
nhưng ngài vẫn không hiểu gì về con người nữa hết

Hàng trăm năm
hàng triệu năm
nơi này vẫn thế
vẫn tình yêu
hoa nở
vẫn khổ đau
oái oăm
vẫn tiếp diễn không ngừng.

(Bài Tự hỏi,
trích tập Đặt tên cho thơ, 2005, trang 41)

Triết gia đốt đuốc đi tìm con người trong cõi nhân sinh, qua núi, qua đồi... hay trầm tư trong hàng ngàn trang sách, mà triết gia vẫn chưa tìm thấy con người hạnh phúc, chân thật, vẫn khổ đau, vẫn trầm luân! Còn thi nhân thì:

Đi từ đêm này qua đêm nọ
đi từ buổi sáng đến buổi chiều

*lung tung cả lên
vậy mà chưa làm được câu thơ nào*

*Chưa, thưa quý vị
những ngày tàn thu
hiu hắt có
lộng lẫy có
đầy ắp, dâng trào, nao nao
vậy mà chưa làm được câu thơ nào*

*Dâng tràn, nao nao
với trời đất
vẫn về không. Như thường.*

(Bài: *Thơ và thi sĩ*,
trong tập: *Đặt tên cho thơ*, trang 26)

Những gì có, thì:

*Ngang qua cửa hàng sách
ngó vào không dám ngó
thơ mình nằm trong đó
bày bán chẳng ai mua*

*Vội cúi đầu qua mau
thơ bây giờ rẻ quá.*

(Trích trong tập:
Những bài thơ không tên,
trang 22)

Nhà thơ Nguyễn Văn Thúc đặt vấn đề triết gia đi tìm con người và thi sĩ thì sáng tác thơ, theo quan điểm của tác giả, cả hai đã thất bại! Vấn đề ở đây là tương đối. Con người là một huyền nhiệm, nên lý trí không giải quyết được mà phải tìm đến tôn giáo, nhất là tôn giáo mặc khải. Tôn giáo mặc khải đã vén màn huyền nhiệm này qua Đấng Cứu Chuộc, chịu treo trên thập giá.

Hình ảnh thứ ba mà nhà thơ Nguyễn Văn Thúc nói đến trong tập Đặt tên cho thơ là Lửa. Ông viết:

*Lửa đỏ
cũng cần thiết
nhưng nhiều khi
nóng tấp, dữ dội
như cánh rừng kia
xanh tươi là thế
khi cháy nào có chữa được đâu*

*Lửa
dữ tợn, nóng rấp
thôi
không cần nói nữa*

(Bài: *Một lúc nghĩ về lửa*,
trong tập: *Đặt tên cho thơ*, trang 43)

Bản chất của lửa là thiêu hủy, nhưng cuộc sống của con người không thể thiếu lửa. Giống như vậy, triết gia và thi sĩ cũng cần cho con người ở mọi thời đại, mọi xã

hội. Triết gia và thi sĩ có thể làm sụp đổ một chế độ, không bằng vũ khí như súng đạn hay gươm đao. Vì vậy, các chế độ độc tài mặc dù có mọi quyền lực và sức mạnh trong tay, họ vẫn cần đến một loại “triết gia” và “thi sĩ” quốc doanh, để kiểm chế triết gia và thi sĩ chân chính. Thời thượng cổ, triết gia Socrate phải ngồi trong tù và buộc tự cầm chén thuốc độc uống. Thời đại này cũng không thiếu những cái chết của triết gia hay thi sĩ chân chính, tương tự như vậy.

Hình ảnh thứ tư là nước, nhà thơ Nguyễn Văn Thúc viết:

*Dao chém vào nước
nước liền mất
nước chảy vô tư*

*buồn vui
hay thế nào
nước vẫn chảy vô tư*

*đừng vô nghĩa
dao ơi.*

(Bài: *Nghĩ về nước*,
trong tập *Chờ em*, trang 41)

Thalès, hiền triết xưa nhất nói: “Tất cả là nước, tất cả do nước mà ra”. Kế sau người ta mới nói thêm: “Tất cả là lửa, là không khí, là vật bất định; hay tất cả là vật chất, là

những nguyên tử”. Còn có triết gia cho rằng sinh khí là hữu thể đầu tiên, phần vô hồn chỉ là cặn bã. Có người lại nói: “Hữu thể đầu tiên là tinh thần; đối với nó các sự vật chỉ là ảo ảnh, những biểu tượng riêng của nó, được nó sản xuất như một giấc mộng”. (x. Triết học nhập môn, của Karl Jaspers, bản dịch của Tế Xuyên, NXB Khai Trí, Sài Gòn 1967, Chương III, trang 26)

Đấy là về phía triết học. Còn đối với tôn giáo, “Lửa là biểu tượng thường được dùng trong Kitô giáo.

Trong Thánh Kinh, lửa là dấu chỉ sự thánh thiện và vinh quang của Thiên Chúa trong các cuộc hiển linh của Ngài. Với sức nóng, lửa biểu trưng cho sự công chính của Thiên Chúa: phán xét và hủy diệt tội lỗi. Lửa thanh luyện và biến đổi tất cả những gì không phù hợp với sự thánh thiện của Ngài (x. Sáng thế 19, 24). Đồng thời, lửa cũng là biểu tượng của tình yêu và lòng nhiệt thành vượt thắng mọi trở ngại (x. Diễm ca 8,6). Chúa Giêsu đã đem lửa tình yêu Thiên Chúa đến trần gian và làm phép rửa trong Thánh Thần và trong lửa (x. Mt 3,11; Lc 12,49). Ngọn lửa cũng tượng trưng Chúa Thánh Thần được ban cho các Tông đồ trong ngày lễ Ngũ Tuần (x. Cv 2,3). Tất cả những ai lãnh nhận Phép Rửa ấy đều được sống bằng ngọn lửa tình yêu nhờ hy tế của Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần...” (x. Từ Điển Công Giáo - Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. NXB Tôn Giáo, 2016 trang 554)

Về nước, “trong Thánh Kinh, là biểu tượng cho sự sống, sự thanh sạch và thường được người Do Thái dùng trong các nghi thức thanh tẩy.

Ngoài ra, nước cũng là biểu tượng của sự nguy hiểm

và sự chết nhất là trong hình ảnh thác lũ và biển cả (x. G 12,15; Tv 69, 2-3.16; 124,4)

Chính Đức Kitô đã dùng hình ảnh nước hằng sống để nói về sự sống siêu nhiên do Người ban cho nhân loại (x. Ga 3,5; 4, 10-14; 7, 37-38).

Đối với Hội Thánh, nước là hình ảnh của Thần Khí và sự sống của Đức Kitô ban đặc biệt qua biến cố thập giá (x. Ga 19,34). Vì thế, nước được sử dụng nhiều trong các nghi thức bí tích và phụng vụ của Hội Thánh, biểu trưng cho việc tham dự vào sự chết và sống lại của Đức Kitô (x. Từ Điển Công Giáo - Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, NXB Tôn Giáo, 2016 trang 655).

Còn chính nhà thơ Nguyễn Văn Thúc, tác giả của bài viết về Lửa và Nước trên đây, ông nghĩ gì? Tôi đặt hai bài này trong toàn thể tác phẩm của ông, bối cảnh và những sự kiện, tâm trạng của một nhà thơ đã trải qua những cuộc chiến tang tóc và biến cố ngày 30 tháng 04 năm 1975, tác giả đã phải sống trong chia lìa, mất mát người thân, bạn hữu... Các tác phẩm của Nguyễn Văn Thúc, đều viết từ sau biến cố này. Thời thế thay đổi, lòng người thay đổi, một cách thô bạo, khác gì ngọn lửa đốt cháy cả khu rừng xanh kia, mà không thể dập tắt!

*như cánh rừng kia
xanh tươi là thế
khi cháy nào có chữa được đâu*

Hoặc như dòng nước kia,
*dao chém vào nước
nước vẫn chảy vô tư
đừng vô tình dao ơi*

Nhà thơ dùng ngôn từ thi ca để viết về tâm tình của mình, mà ngôn từ trong thơ Nguyễn Văn Thúc ngắn ngủi, đơn sơ như thế. Nhưng ẩn chứa trong đó những suy nghĩ của ông về những sự kiện đau thương xảy ra trước mắt, nên ông dùng lưỡi dao, biểu trưng cho sự thô bạo, tàn ác để xin “đừng vô tình dao ơi” giữa người với người, mà hãy học với nước để hòa giải, quên hận thù.

Lửa và Nước là hai đề tài rất hiếm thấy trong dòng thi ca ở Việt Nam, điều này cho thấy nhà thơ Nguyễn Văn Thúc không ngại lấy cả những đề tài hoàn toàn mâu thuẫn nhau, như lửa với nước để suy nghĩ về một thực trạng con người và xã hội, con người và văn hóa, lịch sử hiện nay tại Việt Nam, để gửi vào đó ước nguyện của mình.

Bốn hình ảnh trong thơ của Nguyễn Văn Thúc trên đây: triết gia, thi sĩ, lửa và nước, thì chỉ có hình ảnh thi sĩ là được tác giả đề cập đến nhiều lần, hầu như trong 5 tác phẩm đều có hình ảnh này, còn lửa và nước, tác giả chỉ nói đến một lần. Những khía cạnh khác trong đời sống nhân sinh, nhà thơ Nguyễn Văn Thúc đã không bỏ quên.

PHẬN NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HÔM NAY

Nhà thơ Nguyễn Văn Thúc rất lãng mạn, ông “như dòng thiên thạch nhỏ bay vào trái đất”, khác chi một huyền thoại! Nhưng ông không hiện hữu ở trần thế như một huyền thoại từ một thiên thạch, mà ông hiện hữu với con mắt rất đáng nể, rất đáng yêu mến. Bởi vì ông nhìn rất xa, rất rộng từ những cảnh sinh hoạt về đêm tại

một góc phố của một thành phố đông người và xe cộ, đến những con người vất vưởng, khốn khổ ông gặp trên đường. Đóng vai một ký giả hay nhận ra thiên mệnh của mình, ông như nhập vào những thân phận đang quần quai, khổ cực, âu lo bị loại trừ, và rất nhiều những khía cạnh khác trên đất nước này:

*Như dòng thiên thạch nhỏ
bay vào trái đất
tìm kiếm cuộc đời
mấy lần cháy rụi*

*Lúc đứng dậy
mặt trời soi tỏ
đường trần ham hố
giật mình
tôi ôm ghì mặt đất
mong đất lên hoa.*

(Bài ghi: 19.11.1998,
trong tập: *Những bài thơ không tên*, trang 70)

Nhưng, mảnh đất nhà thơ “ôm ghì” lấy nó, yêu thương nó, mong nó lên hoa, tức là mong con người sống trên đó hạnh phúc, lại là nơi quá đau thương, ông nhìn thấy những con người sống vất vưởng, bơ vơ, lạc lõng, khốn cùng:

*Ở một góc phố
người con gái ngồi gặm ổ bánh mì chiên
ngỡ ngàng*

mùa đông đến gõ cửa từng nhà
gió vi vu trên hàng cây
lá rơi
tú tán dọc đường

một phút giật mình
rướm máu
đêm chờ
sáng mai thức giấc

những ngổn ngang
quên đi
nhớ gì đêm

khốn nạn
một mình

23/11/2009

(Bài: Vấn nạn đêm,
trong tập: Phố phố Sài Gòn, trang 75)

Trong bài *Gió thị thành*, Nguyễn Văn Thúc ghi nhận
một hình ảnh khác:

I
anh về đâu
cho tôi về với

anh về đâu
cho tôi về với
đêm nay lạnh lắm

*gió thị thành
bay cùng
bay khắp
gái giang hồ
vơ vất về đâu*

*II
anh qua tôi
bước nhanh
không gì
vướng víu
gió thị thành
chao qua
tưởng như
chết mất bây giờ*

*rác mé đường
dựa vào nhau nhiều cọng
tôi dựa vào đâu
anh bước mau.*

4/2/2010

(Bài: *Gió thị thành*,
trong tập: *Phố phố Sài Gòn*, tr.79)

Có nhà thơ đã ví mình như cỏ dại hay hạt bụi dưới chân người đời, song chưa thấy ai như nhà thơ Nguyễn Văn Thức ví thân phận một người con gái “sống về đêm”, như “rác mé đường”, dẫu là những cọng rác (phế

thải) cũng dựa vào nhau, còn mình, “tôi dựa vào đâu” (!)

Ở một khía cạnh khác lớn hơn, bao quát hơn. Đó là thành phần công nhân trẻ của thời kinh tế thị trường, hầu hết họ xuất thân từ nông thôn, những vùng quê đã không còn nguồn sống, trong cả ba miền đất nước hôm nay.

Trong bài thơ Giờ tan ca, Nguyễn Văn Thức vẽ một bức tranh về những người công nhân ấy, sau giờ nghỉ, họ đã sửa soạn cho mình một bữa ăn như thế nào. Hôm nay như thế, ngày mai cũng thế!

GIỜ TAN CA

*Giờ tan ca
những công nhân
lảo đảo
trên phố nhỏ
đường chiều*

*Giờ tan ca
những công nhân
tản dần vào
những ngõ hẻm con đường*

*chợ chiều
cá mú
rau cỏ rẻ nhất
công nhân
ngồi chồm hồm
chọn mua
bữa cơm chiều*

dọn ra
họ nhìn nhau
vui buồn gì
chẳng biết
đêm đến
rồi cũng ngủ đi
thăm thăm bầu trời xa

có gì khác không

ngày mai
những công nhân
vẫn lảo đảo
trên phố nhỏ
đường chiều.

19/3/2010

(Bài: *Giờ tan ca*,
trong tập: *Phố phố Sài Gòn*, tr.96)

Ngôn từ ngắn, gọn có nhiều trong cả 5 tập, hơn 300 bài. Ở bài trên, tác giả nói 1,2 câu về cảm nghĩ của mình: Một ngày lao động vất vả, giờ nghỉ, họ bước đi “lảo đảo” trên đường chiều, ghé chợ mua mấy món ăn rẻ mạt! Rồi cũng có bữa ăn với nhau. Họ nhìn nhau, buồn vui gì không nói. Đêm về cũng có giấc ngủ. “Thăm thăm trời cao”. Người với nhau không nói gì, trời thì thăm thăm. Ngày mai nữa! Thật thấm thía.

Bước chân người thổi sáo cùng người hát rong, đã đi vào ngõ ngách trong thành phố này, nhưng cửa nhà mọi người vẫn đóng chặt, khép kín. Tiếng sáo vẫn văng vẳng bên tai, xa dần vào hẻm sâu,...

NGƯỜI THỐI SÁO CÙNG NGƯỜI HÁT RONG

*Người thối sáo
cùng người hát rong
lê chân bước
trên phố phường này*

*tiếng sáo
vẫn cất lên
xin cơm ăn
xin đồng tiền lẻ
đôi khi
là tiếng vọng
rơi
buồn*

*lê chân bước
người hát rong
trên phố phường này*

*thân gầy
như cành cây
mùa đông*

mùa đông.

07/08/07

(Trong tập: *Chờ em*, tr.76)

Từng câu, từng chữ tiêu biểu cho hai con người cô quạnh, cũng lưu lại trong lòng người những rung động, những xúc cảm hơn rất nhiều một bài văn mô tả về những con người khốn khổ trong thành phố này. Đây là lối viết đặc thù trong thơ Nguyễn Văn Thúc.

Những em bé lang thang, một bài thơ hiếm thấy trong dòng thơ Việt Nam hôm nay. Còn nhà thơ Nguyễn Văn Thúc (?) Ở đây, tác giả đóng vai nhà đạo đức, nhìn thấy em bé lang thang trên đường phố, ông nghĩ đến những người đã sinh ra nó, ông chạnh lòng xót xa, kêu gọi người sinh ra em, hãy “ôm lấy” nó, “mau lên”, vì nó “đang đói”, “lả người sắp ngã”.

NHỮNG EM BÉ LANG THANG

*Ngủ được
thì sẽ không đói
mà bụng đói
thì làm sao ngủ được
em bé ơi
đã cuối đường rồi
em về đâu bây giờ*

*Những bi kịch
vẫn có
hằng ngày
của bao nhiêu người
ngoảnh mặt chia tay
để buồn đau
nước mắt*

Làm cha, làm mẹ
giờ ở đâu
sống được mấy thời mấy thuở
vui chi thế đó
để nở quên
con của mình
bờ bụi lang thang
các anh, các chị
là cha, là mẹ
hãy đến bên nó
con mình
mau lên
xin đừng muộn quá

Và ôm lấy
tình người
nó,
hơn thế nữa

con mình ruột thịt
nó
đang đói
lả người sắp ngã

Nó
còn nhỏ lắm, yếu lắm
hãy mau lên
giơ tay ra các anh các chị

Hoa trên đời vẫn nở

*tươi màu tươi
chỉ có
mình vô tình
con mình khổ
đang khổ trên những nẻo đường vô định.*

(Trích trong tập: *Đặt tên cho thơ*, tr.61)

“CÁI TÔI” TRONG THƠ NGUYỄN VĂN THỨC

Về “cái tôi”, nhà thơ Nguyễn Văn Thức đã viết kỹ và trung thực với chính mình, không có ngôn từ rên rỉ, quằn quại, “sinh nhâm thế kỷ” hoặc “bị đời bỏ quên” như thường thấy ở một số nhà thơ thuộc thế hệ “thơ mới” thời kỳ “tiền chiến”, 1945-1954 và sau đó ít năm. Nguyễn Văn Thức hướng thiện, muốn rời xa mảnh đất gian tà, lừa lọc để về nơi bình yên...

THƠ TÔI

*Ghi ghi, chép chép
Những cảm xúc
Khi này, khi khác
Khi vừa bắt gặp
Rất mau, ghi lại*

*Rồi về nhà
Lại ghi ghi, chép chép
Máu mình đây
Hơi thở, thơ đây
Thương mình biết bao nhiêu*

*Em hiểu không
Thơ là khổ trí trăm bề
Quên ăn, quên ngủ
Quên cơm áo, gạo tiền
Nên đại khờ, vẫn thế*

*Đến khi nhìn lại mình
Đời đã rách bươm
Đến khi nhìn lại mình
Vẫn cầu thang dốc mãi
Mùa gió về, thốc tháo hoang sơ*

Em ơi, lạnh rồi biết sao đây...

(Tập: Là gì, còn gì...? trang 54)

CHIỀU A MEN

*Bao nhiêu tình cờ
Đã hóa thành thơ
Bao nhiêu hẹn hò
Cũng hóa thành tro*

*Về miền nào lông bông
Về miền nào hư không
Đầu bạc đã chất chồng
Thánh kinh chiều A men.*

10/4/2019

(Trích trong tập Là gì, còn gì...? trang 76)

THI SĨ XIN VIẾT TÊN ANH

Và khi nay
thi sĩ vẫn lặng lẽ qua đời
ồm o
gầy mòn
ai đâu biết

nhưng linh hồn anh
khôn nguôi, tha thiết
với thế gian bội bạc này

đành vậ
lá rơi hoài
rơi

(Trích trong tập: *Phố phố Sài Gòn*, tr.59)

BUỒN ƠI TÔI QUÊ HƯƠNG

Ngày xưa
Úp mặt vào hai bàn tay
Chà xóa
Nỗi buồn tôi chiến tranh

Khi nay
Tôi úp mặt vào hai bàn tay
Chà xóa
Buồn ơi tôi quê hương

*Hoan lạc
Khổ đau
Tôi nán lại
Chờ mãi
Buồn ơi tôi quê hương*

*Một số bạn bè
Đã chết trong chiến tranh
Một số già nua
Rải rác
Đã chết theo từng mùa*

*Còn chi
Buồn ơi tôi quê hương!*

(Trích trong tập: *Là gì, còn gì...?* tr.78)

“Cái tôi” của Nguyễn Văn Thúc trong bài trên đây, là “cái tôi” liên đới: với quê hương, đất nước. Một thời chiến tranh, một thời yên hàn. Với bạn bè, thân hữu, người đã chết, người rải rác nơi này nơi kia, cũng đã chết “theo mùa”!

“Cái tôi” của một nhà thơ như thế, là “cái tôi” day dứt, thấm thiết, khôn nguôi.

KHI BUỔI CHIỀU BÓNG XẾ

*Ngu ngơ
ú ớ
như trái chín*

*như cuộc đời
đã xong*

3.9.2004

(Trích trong tập: *Đặt tên cho thơ*, tr.21)

VỀ MỘT LOẠI NGƯỜI TRONG XÃ HỘI

Cái tâm của một nhà thơ như thế, thì ông cũng không thể ngó lơ những con người làm những chuyện tàn bạo trong xã hội, những con người vô cảm, đứng đưng trước những nỗi khốn cùng của đồng loại. Đó là một loại người có cái tim bằng gỗ, hay những con kên kên, sống trên xác chết.

TIM GỖ

*Đất chật
người đông
hậu sự không chỗ
thieu thòi
thieu cũng về với đất*

*những bụi bặm, vi khuẩn
cũng đốt đi, đốt hết*

*những dơ bẩn
đời này qua đời nọ
cũng vô ích*

*ta đâu mãi ở với thế gian này
với tim gỗ, tim đen*

*là tro bụi
bụi tro
sao các người còn vợ vẫn
đắm chìm
sao còn làm vi khuẩn bám vào
tội người ta*

12/5/08

(Trích trong tập:: *Phố phố Sài Gòn*, tr.30)

BẦY KÊN KÊN

*Đã đến lúc
xa lánh
những giả dối
không thuộc về mình
giả dối
trơ trụi
hèn hạ
như bầy kên kên ăn xác chết*

*Hãy rút xéo
mau lên*

(Trích trong tập: *Đặt tên cho thơ*, tr.73)

MẤY BÀI THƠ ĐẠO

1.4.1992

*Cái thích thú của mình
Là bao nhiêu năm tháng
Không làm ai thù hận
Nên bây giờ thư thả yên tâm*

*Nếu như
Còn những ngày những tháng
Tôi xin cuộc sống đời tự nguyện
Vác thánh giá
Theo chân Người
Trên con đường chuộc tội*

(Trích trong: *Ngàn Trùng*,
nxb Đồng Nai 1996)

XIN 2

*Khi con chết
Xin Chúa
Cho con chút me mé thiên đường
Bởi vì con lầm lỗi
Đã nhiều*

(Trích trong tập: *Là gì, còn gì...?* tr.80)

1.5.1994

*Sau ván lễ
Người ta đã ra về hết
Cả em nữa
Cũng đã ra về
Còn lại tôi
Vói hàng cây đứng ngẩn ngơ đau*

(Trích trong tập: *Ngàn trùng*,
nxb Đồng Nai 1996)

SAU PHIÊN NHÀ THỜ

*Ván lễ vừa kết thúc
Mọi người trở ra về
Khói nến còn vơ vất
Trên bàn thờ buồn ghê*

*Người cha già ở lại
Nghe tiếng súng xa xa
Nhìn bàn thờ nghi ngại
Rồi làm dấu đi ra*

*Và những người khi nãy
Đã tản mát vào đời
Họ quên tìm thân ái
Trong một phút giao tranh*

*Người cha già biết thế
Nên ván lễ vừa xong
Đã ở lại cầu nguyện
Cho những người đi xa.*

(Đã đăng trong *Tạp chí Văn Học*, 1963)

LỜI CỦA TRÚC

*Đêm trở về
Đã hết
Con ăn năn
Chúa ơi*

*Sáng ra
Mặt trời lên
Con biết ở nơi nao
Chúa ơi*

*Đêm trở về im ắng
Giáo đường
Không còn ai*

*Con xin Chúa
Một góc này
Quỳ gối
Kêu xin*

*Chỉ còn
Con đường giải thoát*

*Quên hết
Kệ người ta, vậy thôi*

*Và xin Chúa thứ tha
Giờ con nhẹ nhõm rồi
Kệ người ta, kệ người ta
Chúa ơi!*

(Trích trong tập: *Là gì, còn gì...?*, tr.40)

EM VẪN HÁT THÁNH CA

*Ngồi bên Thùy Dương
mà lòng man mác
đôi khi tan nát
mai này
em sẽ đi về nơi khác
một nơi chốn im im*

*Thùy Dương, Thùy Dương
giờ này
như khúc nhạc buồn
vẽ vời trên cát*

*Thùy Dương, Thùy Dương
giờ này
như cơn sóng vỗ
bờ xa*

*Tôi chợt hỏi
em về đâu
a, em về với Chúa
Chúa vô cùng
dang tay
đón rước em đi*

*Và em
đã nói với tôi một điều gì khác
để vớt vát
“gặp nhau nơi Chúa”
tôi cứ vừa đi vừa nghĩ
giọt sương đọng long lanh
rồi chốc nữa sẽ tan*

*Thùy Dương, Thùy Dương
tôi hiểu rồi
Chúa gọi, ơn kêu gọi
em bỏ tôi
đi về với Chúa*

bỏ tôi cô độc

em về với Chúa

*Ave Maria
quỳ gối bao nhiêu đời nơi tu viện
em hát gì
em vẫn hát thánh ca.*

(Trích tập: *Chờ em*, tr.32)

NÓI VỚI MẸ MARIA

mita, mita, mita
Têrêxa

J. Huỳnh Văn

Mẹ Maria ơi
con chỉ là mây trắng
chút bọt bèo
ở trần gian cõi tạm

suốt đời
làm thơ
yêu người
nhưng người chẳng yêu con

con lang thang
trên bến bờ mê hoặc

rời đi yêu
một nữ tu
con trót lỡ
yêu nàng

một lần gặp con
nàng cười hiền
nhìn lên ảnh Chúa

gai mào nhọn
máu chảy ròng ròng

*con chọt hiểu ra rồi
ôi, sao dại khờ
đi yêu một nữ tu
để lạc lối, lạc đường
khổ đau nhân thế*

*lạy Mẹ Maria
trái tim con thốn thứt
bên trái tim nàng đoan trang*

*những buổi sáng
chuông nhà thờ nhắc nhở
con thức dậy
đến nhà thờ
chỉ để lẩm nhẩm đọc thơ
nhìn sang dãy ghế nàng quỳ gối đoan trang*

*bao giờ cũng vậy
kinh chẳng thuộc
con như con chiên lạc
đứng cuối nhà thờ
vấp vấp
giữa đời đau*

*Mẹ Maria ơi
có thể
con lạc đường
nhưng làm sao được
trái tim vụng dại
đã lỡ yêu nàng*

*khi ván lễ xong
chậm từng bước
nàng đi về tu viện
còn con về đâu
ngờ ngờ
như mình phạm tội
phải vậy không
Mẹ Maria
Mẹ Maria.*

(Trích tập: *Phố phố Sài Gòn*, tr.70)

Bài thơ *Nói với Mẹ Maria*, như một lời kể của tác giả, với một người mẹ hiền từ. Ông kể hết nỗi khổ tâm của mình với mẹ, để mong vui bớt buồn phiền. Bài thơ này cũng như những bài khác về đạo cùng một tính cách ấy.

Thơ Nguyễn Văn Thúc là thế, phong phú về ý tưởng, đa dạng về đề tài, rất khác, rất lạ. Có lúc là tượng trưng, có lúc là tự sự, là hiện thực, có lúc ông nhìn vào cuộc sống đang diễn ra trước mắt, như trong bài “*Đêm ở ngã tư chợ Bà Chiểu*” trong tập *Phố phố Sài Gòn*. Ở bài này, ông đóng vai một ký giả, đi làm phóng sự về cảnh sinh hoạt ban đêm tại một ngã tư trong thành phố. Ở bài này, ông có cái nhìn tinh tế, ghi nhận cả cái “ngáp” ế hàng của một người bán hàng trên đường, lúc đèn vàng của tín hiệu lưu thông trên đường phố đã nhiều, và ở một vài bài khác, như bài “*Đến Huế tìm em*” trong tập *Là gì, còn gì...?* trang 48 v.v... “Cái tôi” trong thơ ông thì lẻ loi, thất vọng trong tình yêu, nhưng không rên rỉ, khóc lóc, không có thái độ tuyệt vọng như “cái tôi” trong dòng

“thơ mới” thời kỳ đầu thế kỷ 20. “Cái tôi” trong thơ tôn giáo của Nguyễn Văn Thúc cũng cho thấy đức tin của ông. Trong khoảng 10 bài, rải rác trong các tập: *Những bài thơ không tên* (4 bài); *Phố phố Sài Gòn* (2 bài); *Đặt tên cho thơ* (1 bài). Trong những bài này, tác giả chỉ dùng một vài câu trong toàn bài để hướng lòng về Chúa, ông cầu nguyện. Thí dụ: bài *Vĩnh hằng*, trong tập *Đặt tên cho thơ*, trang 94, 3 câu cuối tác giả viết:

*Đến khi chết
tôi van nài Chúa
cho em được một nơi chốn bình yên*

hoặc bài: *Cuối tháng mười hai*, trong tập *Phố phố Sài Gòn*, trang 108, là một bài thơ dài 3 trang, nhưng tác giả chỉ một lần kêu lên “Chúa ơi”, còn câu cuối bài, tác giả nói đến cánh đồng lúa

*trên cánh đồng kia
lạnh ngắt
hạt thóc vẫn lặng lẽ nảy mầm*
1999

gợi nhớ đến Tin mừng Mc 4, 26-29:

“Người nói: “Chuyện Nước Thiên Chúa thì cũng tựa như chuyện một người vãi hạt giống xuống đất. Đêm hay ngày, người ấy có ngủ hay thức, thì hạt giống vẫn nảy mầm và mọc lên, bằng cách nào, thì người ấy không biết. Đất tự động sinh ra hoa mầm: trước hết cây lúa mọc lên, rồi trở đồng đồng, và sau cùng thành bông lúa nặng trĩu hạt. Lúa vừa chín, người ấy đem liềm hái ra gặt, vì đã đến mùa”.

Tôi kết thúc những trang viết về Nguyễn Văn Thúc, qua bài “*Thiên đường, Bóng nhỏ*”, một bài thơ đạo khác, tiêu biểu cho “cái tôi” của tác giả và cách nhìn người khác của ông, đối diện với họ, tôn trọng họ. Trong các bài thơ đạo, nhà thơ biểu hiện một tấm lòng chân thật, dùng từ giản dị, ngắn và đầy ý nghĩa tượng trưng:

*Em đến nhà thờ
em cứ bình yên đến nhà thờ
anh nhìn theo
gót mềm bé nhỏ
gió chiều
vẳng tiếng chuông đưa*

*cao lên
cao lên
thiên đường, bóng nhỏ
anh lò xò quá đỗi
đâu dám quen em*

*mai vẫn thế
gió chiều vẫn thế
em cao lên
cao tới tận thiên đường
anh lò xò quá đỗi
đâu dám quen em*

1/5/10

(Trích trong tập: *Phố phố Sài Gòn*, tr.36)

PETRUS DƯƠNG KIM QUỚI

Tập thơ: *Hát Nói Trên Đỉnh Núi Cúi*
và một số bài khác

Petrus Dương Kim Quới, là tên thật và cũng là bút danh. Sinh ngày 20/5/1943, tại Sóc Trăng. Hiện cư ngụ tại Giáo xứ Chính tòa, Giáo phận Xuân Lộc.

1954-1958: Tiểu Chủng viện Nam Vang và Sóc Trăng, giáo phận Cần Thơ.

1958-1974: Học và Dạy trong hệ thống trường Dòng Lasan Việt Nam.

1984-2008: tham gia giảng dạy tại Đại Chủng viện Xuân Lộc và một số Dòng tu tại các giáo phận Xuân Lộc, Sài Gòn và Nha Trang.

1989-2006: Dạy học Trường THPT DL Văn Hiến, Long Khánh.

1968-2010: Dạy sáng tác Thơ tại các trường Lasan, một số nhà dòng và giáo xứ.

(Dẫn theo quyển *Có Một Vườn Thơ Đạo*,
Tập 5 *Bay Tới Cõi Thiên Đàng*, kỷ niệm 75 năm
Nhà thơ Hàn Mạc Tử qua đời, Trăng Thập Tự
chủ biên. NXB Hồng Đức 2015, trang 102)

QUAN NIỆM VỀ CÁI ĐẸP CỦA THƠ THEO PETRUS DƯƠNG KIM QUỐI

Khi dạy Việt văn cho các học sinh trường Lasan Việt Nam, trước năm 1975, tôi mơ ước dạy các em sáng tác thơ với 2 mục đích:

- Thêm lòng yêu mến quê hương
- Biết Cái Đẹp của Thơ là một trong bảy loại hình nghệ thuật, để trau dồi óc thẩm mỹ.

Nhưng đến khi được hân hạnh viết cảm nhận cho các sách truyện đạo của Song Nguyễn (bút hiệu của ĐGM Đa Minh Nguyễn Chu Trinh), tôi mới ngộ ra: Cái Đẹp trong Thơ Văn dẫn tới Cái Đẹp Vĩnh Hằng là Đấng Chân Thiên Mỹ.

Làm một bài thơ hay để được trầm trồ khen ngợi một tiếng thì chưa đủ, vì sau đó gió cuốn bay đi... Nhưng nếu làm bài thơ hay mà có khả năng nhắc lòng trí độc giả lên cao tới Chúa để suy nghĩ thêm về ý nghĩa cuộc đời, về cõi mai sau... thì mới thâm trầm, mới góp phần “rao giảng Tin Mừng” cho thế giới hôm nay.

Khi làm thơ, tôi ngẫm ra rằng: Tìm ý Chúa qua Lời Chúa, trong mọi biến cố lớn nhỏ của đời mình và quanh mình, lồng vào đâu đó trong bài thơ cho nhẹ nhàng ý nhị. Và như thế, mưa lâu thấm dần, sẽ dọn đất cho hạt giống đức tin đâm chồi.

(Petrus Dương Kim Quối, Sđd, tr.103)

“Hát nói” là một đặc trưng của nền văn hóa dân gian trong xã hội Việt Nam, thế kỷ trước. Tuy nhiên, nói là dân gian nhưng tầng lớp sĩ phu cũng có nhiều vị tham dự trực tiếp vào những buổi hát nói, hát cô đầu, hát xẩm,

hát ca trù, tiêu biểu là Cụ Nguyễn Công Trứ, một nhân vật không thể quên khi bàn đến “hát nói”. Vì nó bị chủ nghĩa Mác coi là văn hóa của phong kiến, là đối trụy của bọn tư sản, nên khi những người Việt Nam theo chủ nghĩa này có chính quyền trong tay thì họ đã có chủ trương xóa bỏ nó,.. Sau ngày “đổi mới” quan điểm chật hẹp này đã dần dần bị đào thải.

NHÀ THƠ PETRUS DƯƠNG KIM QUỚI VỚI HÁT NÓI

Những nhà thơ Việt Nam và cả những người Công giáo Việt Nam làm thơ, rất hiếm có người dùng thể loại văn học dân gian này sáng tác. Tuy nhiên, tại Giáo phận Xuân Lộc, trong dịp mừng 50 năm thành lập, (1965-2015), nhà thơ Petrus Dương Kim Quới đã phổ biến tập “*Hát Nói Trên Đỉnh Núi Cúi*”. Cho nên, đây là một sự kiện văn học Công giáo đặc biệt, chúng tôi xin giới thiệu với độc giả yêu thơ những dòng thơ “hát nói” của Petrus Dương Kim Quới và mấy bài thơ khác của ông , ngoài tập “hát nói” này.

Tập thơ có 14 bài, tác giả nói đến nhiều vấn đề liên quan đến địa điểm của Núi Cúi, đất trời hùng vĩ, đến Chúa Giêsu, Evà và Đức Maria, các khổ hình mà các thánh Tử Đạo Việt Nam đã chịu, các hài nhi, sự tụt hậu của văn hóa Tây Nguyên. Cuối cùng, tác giả từ trên núi cao, thấy gần trời mà xa đất!

Bài “*Bên bờ Trị An*”, tác giả cho ta thấy có một bức tranh, một thiên nhiên như nó vẫn là thế từ thuở nào, đồng thời cái thiên nhiên ấy rất thánh thiêng, rất huyền

diệu vì từ nơi này đã xuất hiện một Người Mẹ và những tiếng cầu kinh vọng lên:

*“Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về”...
Đồng Nai về tới La Ngà,
Ghé thăm Núi Cúi bên bờ Trị An!...*

*Bờ Trị An thênh thang Núi Mẹ,
Thấy người người cúi nhẹ trèo lên
Thấy người người như tới cõi vô biên
Thấy người người như nhập thiền nơi huyền bí...*

*Thanh sơn hoành bắc thủy,
Minh nhật ngự nam hà *
Thấy núi sông kỳ vĩ bao la
Thấy mặt trời chan hòa Núi Cúi...*

*Tiếng cầu kinh vượt non ngàn sông suối
Tiếng thánh ca vời vợi bờ Trị An
Từ Núi Mẹ sốt sáng cả xóm làng
Kẻ làm than nài van Mẹ
“phù hộ các giáo hữu”!...*

*Lạy Đức Bà, xin xót thương người lữ thứ
Kiếp gian trần, lành dữ xin Mẹ hãy chở che...
Ai ơi, Núi Cúi mau về!*

**Núi xanh chắn dòng sông phía Bắc
Mặt trời ngự trị sông phía Nam*

Trong bài “*Lên cao*”, tác giả nhớ đến chuyện trăm năm Fatima và La Vang:

*Gió đâu ai thổi ngang trời,
Sông hồ ai đổ, núi đồi ai vun,
Trị An nhớ, Núi Cúi mong,
Hữu tình ai ngắm Nữ Vương trên ngàn...*

*Thấy mây trời mênh mang sóng nước
Thấy non xanh, thấy xuôi ngược hồ Trị An
Thấy trên núi thăm thẳm đến thiên đàng
Thấy lấp lánh dịu dàng Mẹ thánh thiện!...*

*Cử đầu vọng Ngọc Diện,
Đê thủ tư Mẫu Tâm*
Thấy Tượng Đài mà nhớ chuyện trăm năm
Chuyện cây sồi, chuyện lời răn Thánh Mẫu.*

*Nhớ ba điều mà ngắm suy cho thấu,
Lệnh Fatima, lệnh yêu dấu cho loài người:*

*Tôn sùng, sám hối, Mân Côi,
Thời Mẹ Núi Cúi như thời La Vang
Xin Mẹ phù hộ bình an!...*

*Ngẩng đầu ngắm Ngọc Diện Mẹ
Cúi đầu nhớ Trái Tim Mẹ

Trong mắt nhà thơ Petrus Dương Kim Quới, Núi Cúi còn là một thiên đàng tại thế, nơi đất trời trở nên một:

*Trèo lên núi, thấy gió lồng lộng gió,
Thấy tầng mây lấp ló chín tầng mây
Thấy cửa trời, thấy xanh thẳm cõi thiên thai
Thấy sao sáng rạng ngời Mẹ Thiên Chúa.*

*Ngọc diện như tinh tú,
Băng tâm tử thiên quang*
Nhìn thấy Mẹ như nhìn thấy thiên đàng,
Mẹ Vô Nhiễm bình an trên Núi Cúi.*

....

(Trong bài *Núi thế kỷ*)

**Mặt ngọc như tinh tú
Tâm sáng như ánh sáng trời*

Còn trong bài “*Vua Vũ Trụ*”, trước thiên nhiên hùng vĩ, tác giả ca tụng Thiên Chúa:

*Duy giang thượng chi thanh phong,
Dĩ sơn gian chi minh nguyệt⁽¹⁾*

*Lên Núi Cúi, thấy bầu trời xanh biếc,
Mây tầng tầng, gió biển biệt xa xăm,
Thấy không trung vô tận thâm trầm
Bài ca vũ trụ các thiên thần cung chúc!*

*Cao sơn lưu thủy, nhạc vạn khúc ⁽²⁾
Nghe du dương thao thức chốn thiên đình,
Vượt sao ngàn lấp lánh cõi lung linh,
Dải thiên vân hữu tình ngàn năm tuổi...*

*Đất với trời mênh mông, ai hiểu nổi!
Ôi ngàn trùng, ôi vời vợi bao la,
Biển thăm thẳm, tinh tú hằng hà,
Ôi kỳ vĩ, núi đồi sông hồ muông thú...*

*Nhân sinh thiên địa nhất nghịch lý,
Vật hoá tinh di tự thiên thu ⁽³⁾
Kiếp gian trần, kiếp nhỏ bé phù du
Ngắm vũ trụ thấy mịt mù như bụi cát...*

*Huyền siêu thay, Đấng dựng nên trời đất,
Đấng muôn trùng làm ngậy ngất thế gian!...*

*Vinh danh Thiên Chúa cứu hoàn,
Chúc tụng Tạo Hóa thiên quang trên trời,
LAY VUA VŨ TRỤ đời đời!...*

(Lễ Đức Kytô Vua Vũ Trụ, 2014)

- (1) Chỉ ở trên sông có gió mát
Và trong khoảng núi, có trăng sáng
(2) Núi cao, nước chảy, nhạc vạn bài
(3) Kiếp người trời đất như một quán trọ,
Vật đổi sao dời, từ ngàn năm nay...

Chúa Giêsu, Mục tử nhân lành là một đề tài khác tác giả suy niệm về cuộc đời của Chúa khi còn ở dương thế, dẫn các môn đệ đi giảng đạo. Chúa hỏi Phêrô có yêu mến Chúa nhiều không? Ngày nay Chúa hỏi trong lòng các mục tử và cả người Kitô hữu nữa. Giêsu là đường để các mục tử và người Kitô hữu noi theo. Tác giả suy niệm về Mục tử Giêsu nhân lành và không viết gì khác hơn mang tính chất vấn về cách sống của các mục tử và người Kitô hữu hôm nay. Ở đoạn 1 câu thứ 4, dưới đây, tác giả không buông dấu hỏi mà là dấu than (!) Một cái dấu trong bài này là một dấu chỉ về tâm tư, những u uẩn của tác giả về vấn đề Chúa đã hỏi Phêrô xưa và các mục tử, các Kitô hữu ngày nay của Chúa.

Nhà thơ của Núi Cúi viết:

Ngày xưa Chúa hỏi một điều:

“Phêrô, yêu mến Ta nhiều hay không?”

Ngày nay Chúa hỏi trong lòng:

“Mục tử, yêu mến nhiều không, hỏi Người!”

Đàn chiên con, đồng cỏ tươi, dòng suối mát,

*Vọng thanh tuyền chi thủy lâm viễn lai **

Mà ngắm Người tìm chiên lạc trong bụi gai

Ôm về đàn mà xót xa hoài từng bước...

Độc đáo lâm sơn tĩnh túc,

*An hưởng nhật nguyệt trung hành ***

Ngày rong ruổi miền Ga-li-lê loanh quanh,

Giảng Nước Trời, Thầy chữa lành bao thứ bệnh...

*Đêm một mình cùng núi rừng yên tĩnh
Vườn cây dầu, Thầy cung thỉnh Thánh Ý Cha...
Mồ hôi máu rợn rùng chuộc tội con cháu Eva
Kìa Mực Tử vượt sông hồ sơn khô, lên Núi Sọ...*

*Cáo có hang, con chim có tổ
Còn Con Người không chỗ gối đầu!
Áo dép đơn cùng chiếc gậy dãi dầu,
Nhớ lời Thầy “Ôn Ta đủ nhiệm màu, đừng sợ!”*

*Không bao bị, không bạc vàng tôi tớ,
Mà trần không về Núi Sọ an bình!...
Đẹp thay Mực Tử Nhân Lành!*

*Ngắm nước suối trong xanh từ rừng xa đổ về
**Một mình đến núi rừng nghỉ ngơi yên tĩnh,
Bình an trung thành đi theo ánh nhật nguyệt.

HAI KHUÔN MẪU NGƯỜI MẸ VÀ SỐ PHẬN NGƯỜI TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Nhà thơ Petrus Dương Kim Quối còn mấy bài thơ dài về mẹ. Có hình ảnh Mẹ Maria “trang sức áo mặt trời”, “đầu đội triều thiên mười hai sao” “chân Mẹ đạp vầng trăng khôn ví”, ngày xưa Mẹ “xin vâng”, một mình đạp đầu rắn quỷ satan. Ngày nay lặn lội thân cò những người mẹ, đậm nét của những người mẹ Việt Nam, không sống cho riêng mình, tất tả, xuôi ngược, lúc bán dạo, lúc làm

thuê, nay làm công nhân, mai làm người nông dân... “đi tìm trân châu trong đồng ruộng thiên thần...” Hai khuôn mẫu người Mẹ này có lúc đứng riêng biệt thi hành sứ mạng riêng, làm mẫu mực cho tình yêu, cho hy sinh, có lúc lại như hòa quyện nên một. Có lẽ nhà thơ mượn ý tưởng người tín hữu Kitô theo Chúa Giêsu là sống cuộc đời của Chúa, nên một với Chúa! Đã vậy, thì họ cũng nên giống như Mẹ, sống cuộc đời của Mẹ.

Mở đầu bài *Mẹ là ai*, tác giả nêu lên hình ảnh người mẹ Việt Nam trong đời thường, qua nhiều thân phận lẻ loi, cô độc... Ý tưởng này không lạ, nhưng rất lạ ở cách diễn tả, nó như một dòng suối mát của tâm tư, mà trong lòng nó là những người mẹ Việt Nam trong cuộc sống gần gũi, thân thiết, cam phận như mẹ vẫn là thế từ bao đời. Bài thơ dài mà người viết không muốn ngắt làm nhiều đoạn để tỏ bày đôi điều cảm xúc, chỉ vì bài thơ đang như một dòng chảy xiết, rất mạnh, cần chiêm niệm dòng chảy ấy, hiện lên bao nhiêu điều huyền diệu, chân thực, xót xa, cay đắng, kính phục. Bên cạnh đó, là Mẹ Maria khiêm nhường và bao nhiêu giông tố, âm thầm cùng Con là Giêsu bước lên Núi Sọ.

Bài thơ *Mẹ là ai* là một chuỗi kinh Kính Mừng và tôn vinh hai khuôn mẫu Mẹ trong văn học Công giáo Việt Nam hiện đại.

MẸ LÀ AI

*Mẹ Việt Nam thân cò quăng vắng,
một nắng hai sương,
chân đất, tay không, đầu trần, áo vải thô,*

tất bật ngược xuôi, chạy cơm từng bữa
toát mồ hôi...
Niềm vui gia đình là hạnh phúc bản thân!...

“Mẹ sống cùng, Mẹ sống vì, Mẹ sống với...”

Mẹ là ai

Mà chẳng sống cho riêng mình một tuổi...
Chẳng thở than trong đêm dài tăm tối,
Chẳng u hoài sông nước mịt mờ trôi,
Khi tất tả suốt miền ngược miền xuôi,
Khi bùi ngùi bán rao từng tấm vé số,
Khi bại liệt lê lét tìm mọi chỗ
xin chén cơm từng bữa nuôi đàn con...

xấu hổ bỏ ngoài ngõ,

tự trọng để trong lòng

Dọc thời gian mới mòn nẻo chờ mong,

Mà phủ lấp đường dài quanh co lồi lõm...

Mẹ là ai

Chẳng trách móc phàn nàn thấp thỏm,

Khi bán dạo lo toan trăm nỗi trong ngoài

Lúc làm thuê,

thương chồng, bỏ cuộc vui...

Để nên đôi mắt cho con gái mù đui

Để nên đôi chân cho con trai què cụt...

Để mọi người cùng những bước đi trầy trật
mà không biết đi đâu, về đâu...

Mẹ là ai

Chẳng sợ chia lìa ngăn cách,

Chẳng màng tiền tài ngọc thạch,

Sẵn sàng đánh đổi trăng sao

Chỉ cầu mong bón chằm
những “cây vàng sống” ...

Mẹ là ai, là ai...

Mà mù lòa... vẫn sáng lên...

tựa vào con,

như cây sào đỡ chông...

Có khi làm thân phận cô giáo chèo đò

đưa trẻ ngang dọc bến bờ

dọc ngang tuổi thơ bơ vơ

không tên không tuổi!

Mẹ là ai, suốt đường đời dong duổi...

Nay công nhân, mai mốt làm nông dân

Đi tìm trân châu trong đồng ruộng thiên thần...

Mẹ là ai,

Mẹ sống nhờ ai... có gì...

để Mẹ chói lọi như trang sức áo mặt trời,

để Mẹ giàu sang như Mẹ trên cao

đầu đội triều thiên mười hai sao

rực rỡ tựa dải ngân hà lộng lẫy!

Hằng Nga ơi, long phụng tuyệt trần tuyệt mỹ,

Sao bằng chân Mẹ đạp vầng trăng khôn ví,

xiêm y ngợp ánh hào quang

rạng ngời trăm họ...

Mẹ là ai...

Hỡi Mẹ dân Việt hiền lành vạn thọ,

làm đủ nghề nuôi con cháu rồng tiên!

Hỡi Mẹ đất Việt bạt ngàn sông núi rừng thiêng,

trên bầu trời tổ tông sơn hà cấm tú!...

Hỡi Mẹ là Mẹ Eva thật mới...

Ngày xưa,

*Nay Mẹ được chúc phúc,
dù cuộc sống có muôn phần chìm nổi,
mà vẫn lắng nghe Lời ấy vang vọng bên bờ hồ...
vẫn ghi nhớ, vẫn hằng ngày ghi nhớ!
Những người mẹ “xin vâng” từ đạo đó,
Có ánh sao dẫn lối đêm đen về,
Có Abraham lòng dạ son sắt đê mê,
Có Maria tổ phụ dãi dòng tôn kính...
Những người mẹ đi tìm ơn lành thánh,
Trọn đạo gia đình, vẹn nghĩa bản thân,
Bằng trăm nghề, dù mòn mỏi loanh quanh...
Chỉ mình Thầy cho mẹ “Lời ban sự sống”!*

(Dẫn theo sách
Có Một Vườn Thơ Đạo, Tập 5, 2015)

Ngày xưa, Mẹ ở giữa các Tông đồ cầu nguyện trong ngày lễ Ngũ Tuần. Mẹ đến La Vang với những con cái Việt Nam lưu lạc khổ khổ. Nay Mẹ lại đến Núi Cúi, chiều chiều nghe tiếng Đài Vô Nhiễm kêu cầu, rồi tác giả buông một câu: “Mẹ ơi! Nghe thấu tiếng kêu!”

Ý tưởng về Mẹ Maria của nhà thơ rất phong phú, lời thơ chân thật, ý thơ dạt dào cảm xúc và tha thiết:

LÒNG MẸ

*Mẹ là chiếc nón vành tre,
Nghiêng nghiêng em đội, mẹ che trên đầu...**

*Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc,***

Mẹ một lòng “suy ngẫm đêm thâu”...
Thuở địa đàng được hứa chở che
con cháu về sau...

Mẹ Vô Nhiễm,
xin cầu bầu “phù hộ các giáo hữu”!...

Thuở thiên sứ truyền tin, nhớ ngàn năm cũ,
Mẹ Xin Vâng mà cứu cả loài người
Khởi tội tình nguyên tổ một lần thôi...
Từ Ngôi Con làm người nơi dương thế!

Chốn Can-vê nhận Gioan làm môn đệ,
Thuở Ngũ Tuần chia sẻ với tông đồ...
Trên Núi Cúi xin Mẹ vẫn hộ phù
Ôi Thánh Mẫu, thiên thu Mẹ Hằng Cứu Giúp!

Thời La Vang, dưới bóng Mẹ
người người ẩn nấp
Nay Núi Cúi, đàn con lớp lớp khẩn muôn điều...!

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Trên Đài Vô Nhiễm TIẾNG KÊU chiều chiều...
Mẹ ơi, Nghe Thấu Tiếng Kêu!

(Bài: Lòng Mẹ)

*Thơ của Kim Toan, 16 tuổi, giáo xứ Xuân
Đường (1990)

**Về ngoài không cần như ngọc đẹp (Nguyễn
Khuyến)

CHẾT VÌ ĐẠO

*“Phúc cho anh em, khi vì Con Người,
mà bị người ta oán ghét, khai trừ, sỉ vả,
và...bị xóa sổ như bọn xấu xa...”*

(Lc 6,22)

*Dục vì thiên quốc kỳ môn đệ,
Thậm ái Thập Tự như Thánh Sư.**

*Vác thánh giá từ ngục tù lẫm liệt
Tới pháp trường, chết hào kiệt oai phong,
Chết vì đạo, chết tra tấn, chết cùm gông,
Chết nhục hình, chết roi đòn rách nát,
Chết treo cổ, chết xích xiềng, chết ngạt,
Chết lẳng trì, chết xé toạc chân tay,
Chết hôm qua, hôm nay, chết ngay mai!
Chết vì đạo, chết voi giày, bỏ đời,
Chết ném sông, chết chuta kịp rửa trôi,
Chết chặt đầu, chết trong cũi,
phơi nắng đóng đinh...*

*Chết bá đao, chết mọi thứ cực hình,
Chết man rợ vô tình, chết từng xẻo...*

*Chết rũ tù, chết đốt dầu, chết xử giáo,
Chết thiêu sống, chết tra khảo kinh hoàng...
Thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức dã man,,
Từ Trịnh Doanh, Trịnh Sâm
lệnh ban muôn điều hung dữ!...*

*“Thiên hạ hà nhân dục tòng Ngã,
Kỳ thân đoan, thập giá thượng, hậu đáo tòng.”**
(Mc 8,34)*

*Dù đòn đau, dù thê thảm tan nát cõi lòng,
Dù tê tái bệnh bông như cát bụi...
Dù bầm dập, dù tả tơi rũ rượi,
Ôi Thánh Giá, xin cứu rỗi kẻ mọn hèn,
Chết vì đạo, tắm trong Máu Con Chiên,
Mối Phúc Thật, ôi linh thiêng,
Tám Mối Phúc Thật!...
Ba thế kỷ, bốn trăm ngàn “hồn xiêu phách lạc”,
Hơn trăm ngàn đẫm máu phiêu bạt,
Thánh Giá ơi,
“Áo Hoa Hồng” thấm đất trời!...****

(Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam)

**Muốn làm môn đệ phi thường trên thiên quốc,
Hãy yêu thánh giá như Thầy Chí Thánh*

***Ai muốn theo Ta,
hãy từ bỏ mình, vác thập giá, rồi đến theo Ta
(Mc 8, 34)*

****Khi chị Nụ thăm mẹ là thánh nữ Anê Lê Thị
Thành trong tù, thấy y phục loang lổ máu, khóc
thương, mẹ an ủi: “Con đừng khóc, mẹ mặc áo
hoa hồng đấy, mẹ vui lòng chịu khổ vì Chúa
Giêsu!”*

SỐ PHẬN NGƯỜI

Số phận người, số phận của mình, xin ngẫm nghĩ, xin ngẫm nghĩ... “Số phận người” từ thuở hồng hoang, từ thời xa xưa của tiên tổ, “Số phận người” trải dài xuyên suốt quá khứ hiện tại tương lai đều nằm trong đường lối Chúa: Đường Thánh Giá là đường về vĩnh cửu...

*Số phận người từ hồi, từ thuở...
Trong sớm úa chiều tàn như hoa nở,
Nụ cười tươi mà giọt lệ điêu hiu.
Khi long đong, lúc xuôi ngược trăm chiều,
Khi lận đận, lúc bôn ba vất vả,
Khi lênh đênh, lúc nổi chìm xiêu vẹo,
Khi lao đao, lúc âm thầm suốt suốt...
Từ thuở đất trời dưới trên còn xuyên suốt...
Cỏ cây xanh còn thưa lá thuở hồng hoang
Sao nghèo đói con rắn độc buổi hỗn mang
Bị đập đầu bởi lời nguyên người Trinh nữ...*

*Bởi lời chúc dữ, đôi tay trần hái thử
Thuở Adong nghe lời vợ Evà,
Đất thành gai, mà nguyên tội khắp gần xa,
Mà lam lũ, mà ngậm ngùi trong lam lũ...*

*Thuở anh em mặt mày còn chưa đủ,
Thì Abel đã bị giết bởi ghen tuông
Và Cain rong ruổi khắp vạn nẻo đường
Cho cái thuở phận đời không ánh sáng...
Hay từ thuở Babel nhìn loang loáng*

Cho tiếng nói như tiếng vọng buổi chiều tà,
Cho ngơ ngẩn như những kẻ lạ xa
Đâu ai hiểu mà cùng thương cùng cảm
Để muôn đời mãi muôn nơi ảm đạm,
Để...lưu đày khổ ải tận xứ lạ Babylon...

Thuở Nôe lên tàu với chim muông
Thoát chết chìm trong cao dâng
thủy triều tan tác,
Thoát chết oan như lũ người phúc bạc...

Thuở chập chùng Biển Đỏ tách làm đôi,
Thuở hoang mang,
Quanh quần vạn nẻo đường,
Lang thang khắp đồi núi Sinai,
Thuở bò vàng, rắn lửa, manna, chim cút,
Cột khói, binh đao, giặc thù, chết chóc,
Bốn mươi năm
với bụi gió lông bông,
Bốn mươi năm
cùng lớp lớp cha ông,

Mấy ngàn lần
Trách mắng
Oán hờn
Khóc lóc...
Mà về Đất Hứa Canaan
từ đất đá, từ thịt da rã rời trong gai góc!...

Hay từ hồi Đavit điên loạn giết ai kia,

Để khổ sầu sám hối lệ chia là
Trong nỉ non tiếng đàn ngân nga ai oán
Bài thánh thi cùng cháu con than vãn...

Hay từ hồi Nazaret thuở xưa ơi,
Bởi mutu sinh nên tất bật như mọi người,
Để thiên hạ mỉa đời con bác thợ mộc
Có gì hay ở cái làng quê cùng cốc!...

Số phận người từ hồi còn nhỏ,
Thuở nằm nôi, đôi môi còn đo đỏ!...
Thuở can trường đôi cánh gãy còn đâu,
Thuở trinh trong, thuở mộng mơ,
thương thương mấy thuở...

Hay rụng rơi,
Thuở sa ngã, thuở oan khiên ác nghiệt
thử thách đọa đầy,
lộc lừa suốt một kiếp...
Mà con bế con bông trong ảo ảnh
Hào nhoáng kia cuối cùng chỉ là đá tảng!...

Thuở chịu tù chịu tội chịu chết thay
Làm chứng nhân mà chói sáng cõi lưu đày!
Xin trung thu đêm trăng rằm rạng tỏ...
Ánh bình minh chờ đợi người thắng cuộc...
Lòng cây trông mong đổi đời giùm phận số,
Để số phận người,
Để kiếp đời, từ muôn kiếp đó,
Dù tú bề vầy bữa bởi thương đau,

*Xin Thần Khí thêm sức mạnh năm nào,
Ngày Ngũ tuần, Mẹ Con...
ngập chìm trong Ánh sáng,
Trong Ngọn Lửa diệu kỳ
nung lòng bao ngày tháng...*

*Rồi hoan ca,
Đôi chân trần rảo bước,
Không bao bị
Không hang,
Không tổ,
Không chỗ gối đầu...
Mà vượt đèo, vượt biển, vượt sơn khê,
Để phục sinh từ đâu đó tận đỉnh Canvê!...*

*Cho chua xót, đốn đau bầm dập,
Cho ngày về tất bật không biết còn hay mất,
Cho máu chảy ruột...không mềm,
Cho tàn tạ đêm đêm,
Từ ngàn xưa tới ngàn nay xa lạ...*

*Số phận người, để cho dù tan rã,
Có sầu đông, bên chân Chúa có hoa thơm:
Của hồi môn, chỉ còn một niềm tin
Là Thánh giá, là đường về vĩnh cửu!...*

(Dẫn theo quyển
Có một vườn thơ đạo,
tập 5, 2015)

Đọc thơ Petrus Dương Kim Quối là chấp nhận đồng hành đi với ông trên nhiều ngã đường mà con đường nào cũng sỏi đá, gồ ghề. Sỏi đá và gồ ghề của ngôn ngữ, của ý thơ. Ôi! Đường Thánh giá! Bài “*Số phận người*” là tiêu biểu. Tác giả phác họa thân phận người từ thuở ban đầu cho đến nay thật rõ nét. Nhưng cuối cùng ông dẫn chúng ta tới một điểm dừng chân: Đường về Vĩnh Cửu.

PHẠM THỊ THÁI QUÝ

Tập thơ: *Con Đường Chúa Dẫn Tôi Đi*

Tôi nhận được tập thơ của Phạm Thị Thái Quý từ Linh mục Rôcô Nguyễn Tự Do, Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn. Tập thơ do cha Vũ Khởi Phụng cũng DCCT viết *Lời Tựa*.

Đọc lời tựa và “*Thay lời bạt*” ở cuối sách, tôi nghĩ là nếu mình có thể viết về một số nhà thơ Công giáo Việt Nam nào đó thì trong sách của tôi sẽ có ít trang về tập thơ của tác giả Phạm Thị Thái Quý, người gặp được Chúa ở cái tuổi Sinh viên.

Không như ở nhiều thi phẩm của những nhà thơ khác, thường là các tác giả có ghi lại ít dòng về tiểu sử của mình, như năm sinh, quê quán v.v... Ở Phạm Thị Thái Quý thì không. Đây là một nét nói được là tiêu biểu cho cá tính khiêm nhu của tác giả tập thơ *Con đường Chúa dẫn tôi đi*. Chúng tôi thấy ở cuối tập thơ, có bài *Thay lời bạt*, của *Đặc san Năng Tĩnh* của đoàn Sinh viên Công giáo - Viện Đại học Đà Lạt, có ghi con số 1969, là năm tờ đặc san này ấn hành. Bài *Thay lời bạt*, được coi là cuộc đối thoại giữa nữ sinh viên Phạm Thị Thái Quý của

Viện Đại học Đà-lạt với những người biên tập tờ *Đặc san Năng Tĩnh*, về việc gia nhập Giáo hội Công giáo của chị Phạm Thị Thái Quý. Từ đó đến nay, 2021, đã nửa thế kỷ, mở lại cuộc nói chuyện ngày ấy, chúng ta sẽ nhận ra một cuộc hành trình tìm về Suối Nguồn Ôn Cứu Độ.

Biên tập *Đặc san Năng Tĩnh* hỏi:

- Nguyên nhân nào chị theo Chúa?

- Con đường đến với Chúa không phải là con đường êm ái, mà tôi chỉ là một con người, hơn thế nữa, một con người yếu đuối. Tôi chỉ mong muốn đi tìm hạnh phúc, nếu có thứ Hạnh phúc dễ dãi nào đó thì tôi chả mất công học hiểu về Chúa làm gì. Tiếc thay, qua một thời gian khá dài tìm hiểu, tôi đã bàng hoàng nhận thấy không có một con đường nào hứa hẹn cho ta thứ Hạnh phúc đích thực đủ thỏa mãn một đời người rong ruổi, ngoài thứ Hạnh phúc mà Chúa hứa hẹn. Tôi đã lý luận trong suốt một năm trời rằng Hạnh phúc Thiên Đường chỉ là ảo tưởng, và chúng ta có thể đạt được Hạnh phúc ngay ở chính cõi đời này, một thứ Hạnh phúc trong ấy không có sự can thiệp của Chúa. Tiếc thay những lý lẽ của tôi đưa ra đều bị bẻ gãy một cách thảm thương, vì anh biết đó, có thứ Hạnh phúc nào là bền bỉ ở đời này?...

Thuở ấy tôi chẳng có cảm tình với Thiên Chúa của các anh một chút nào. Tôi không thích sự “độc tài” của Chúa, sự đòi hỏi của Chúa, sự can thiệp của Chúa vào đời sống con người. Bởi một lẽ giản dị, tôi chưa yêu Chúa. Tôi đã “vật lộn với Chúa” suốt một năm trời. Tôi không chịu thần phục Chúa, bởi vì muốn trở thành Kitô hữu chính thức, tôi sẽ phải chịu hy sinh rất nhiều. Tuy nhiên, thật lạ lùng quá, vì tôi không nhớ đã đồng ý nhận

gia nhập Giáo hội từ lúc nào. Tôi không biết đã bắt đầu yêu Chúa từ lúc nào...Nghĩ thật buồn cười, tôi đã thay đổi vào lúc nào không biết nữa. Bây giờ nếu anh bắt tôi phải lý luận để giải thích nguyên nhân trở lại đạo, thì tôi xin chịu. Bởi vì tôi nhận thấy có một điểm lạ lùng, nếu tôi nhất quyết chống đối đạo Công giáo thì tôi có thừa lý lẽ để bài bác. Nhất là nếu ranh mãnh hơn thì tôi cứ việc công kích Giáo hội thay vì công kích Chúa, bởi vì khó tìm thấy khuyết điểm của Chúa lắm. Nhưng quả thật không ai có thể biết được việc Chúa làm, tôi bắt đầu tin là thực có Chúa kêu gọi tôi bước chân vào gia đình con cái Người. Cho nên từ thái độ phản kháng, tôi đã mặc nhiên trở thành người yêu mến Đạo một cách nhiệt thành...

Nhưng trở ngại lớn nhất trong việc gia nhập Giáo hội Công giáo, có lẽ anh không ngờ, lại chính là tôi. Hình như có một khuynh hướng sâu xa lôi kéo tôi lại, không cho tôi thần phục Chúa. Có một thời gian tôi bắt đầu tin rằng Chúa là cùng đích của đời tôi, nhưng tôi cố gắng chống cự, tôi ngại sự đổi thay. Tôi ở trong một gia đình sùng đạo Phật, gia đình tôi truyền từ đời nọ sang đời kia, tin tưởng vững chắc vào lý tưởng Khổng Mạnh, song song với một niềm tin không thể lay chuyển vào Phật Trời. Khi vừa mở mắt chào đời, tôi đã được nuôi dưỡng trong không khí đó và tôi cứ đinh ninh rằng mình là một Phật tử. Cho đến khi lớn lên, đụng đầu với những biến cố lớn lao, phi lý, tôi sững sốt thấy mình bất lực quá. Tôi quay về tìm nương tựa nơi tôn giáo thì đau đớn thay tôi chẳng còn tin gì nơi lý thuyết Phật giáo nữa. Tôi cần phải nhắc nhở nơi đây, tôi không có ý bàn cãi gì về uy

tín của đạo Phật, về địa vị của đạo Phật trong tâm hồn mọi người. Tôi chỉ nói rằng, đã từ lâu tôi hững hờ với tôn giáo ấy. Có lẽ tôn giáo ấy đặt cơ sở trên một triết thuyết không thích hợp với bản tính tôi. Tôi đành đi tìm một động lực khác. Chính trong giai đoạn này, Chúa đã đến với tôi. Nhiều khi tôi chần chừ không muốn “dấn thân”. Tôi muốn để mặc cho sự đòi hỏi của tâm linh dần chìm xuống để càng quên Chúa bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Theo Chúa thì khá phiền, phải đi nhà thờ, đọc kinh, cầu nguyện, xưng tội... Chẳng có gì là thích thú.

Nhưng thật may, Chúa lại là Đấng kiên nhẫn và bao dung...Chúa cứ chờ đợi tôi và từ từ biến cải tôi, cho đến nỗi dù bướng bỉnh như thế mà bây giờ tôi đã chịu đều đặn tham dự những buổi cầu lễ. Lần đầu tiên là vì tôi muốn giữ lời hứa với cha linh hướng, rồi dần dần thấy việc ấy có một ý nghĩa cảm động, cho đến độ tôi đã khóc vì không được rước lễ. Tôi thêm được rửa tội. Tôi thêm được đón rước Chúa đến ngự ở hồn tôi. Như vậy là những khó khăn lớn nhất tôi đã vượt qua rồi”....

Theo tờ *Công giáo và Dân tộc*, ở mục *Đường đến với Chúa*, đã giới thiệu chị Phạm Thị Thái Quý (hiện ở Tp.HCM) và một số người đã đến với Chúa qua những cách khác nhau. Với chị Quý, những lời kể xưng “tôi”. Xin dẫn lại:

“Trước khi tốt nghiệp đại học 1 năm, vào ngày 24.12.1969, tôi sung sướng được lãnh Bí tích Rửa tội (thánh bổn mạng: Maria-Têrêxa) tại nguyện đường Năng Tĩnh của Viện Đại học Đà Lạt vào lễ vọng Giáng Sinh. Cũng vào ngày này năm 1972, thánh lễ hôn phối của tôi cùng người bạn đời G.B Lê Văn Nghĩa đã được Đức cha

Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền chủ tế trong không khí ấm cúng. Mừng 51 năm được trở thành con Chúa và 48 năm hôn phối, tôi cảm nghiệm tình thương của Ngài đã trải trên đời mình qua từng tháng ngày. Từ đó, thúc giục tôi sống gắn bó với Chúa mỗi ngày qua chuỗi Mân Côi và trở thành khí cụ của Ngài trong đời sống thường nhật, với vai trò của người giáo viên dạy văn cho các tu sinh, dạy giáo lý hôn nhân và dự tòng, nhân viên tham vấn tâm lý, là người đọc sách thánh và cũng là thừa tác viên trao Mình Thánh Chúa trong các thánh lễ. (cgvdt-Đường đến với Chúa. Thứ Sáu ngày 07.08.2020)

Sau khi lãnh nhận nghi thức gia nhập Giáo hội Công giáo, nhà thơ Phạm Thị Thái Quý hồi tưởng về quãng đời đã qua của mình, qua bài “Lời thú tội của đứa con hoang”. Theo đó, có lúc nhà thơ tưởng như mình đã cạn lẽ sống:

*Con đã sống tối tăm và hư hỏng
Đã quay cuồng và mất hết tin yêu
Đã trôi dạt vào thung lũng hoang liêu
Của bóng tối tử thần đang chờ đón*

*Con đã muốn sống một lần cho trọn
Bao vốn đời đốt một chuyến mà thôi
Cho thật đảo điên cay đắng men đời
Cho tan nát hình hài và thân thể*

(Đoạn 3,4)

Ngay cả Thượng đế, linh hồn và đời sau, nhà thơ cũng không muốn tin là có thật:

*Con không muốn có tia nhìn Thượng đế
Đôi trông theo từng dấu vết con đi
Đừng nói với con bác ái từ bi
Vì đời sống, với con, là cõi chết*

*Con không muốn có đời sau bất diệt
Chết đi là phải tan nát hình hài
Linh hồn...chẳng qua tiếng gọi mả mai
Con khờ khạo đã tin và tưởng có*

*Con không muốn cuộc đời con trao phó
Trong tay ai, dù Thượng đế nhân từ
Thôi mặc con đi vào chốn ngục tù
Cho rách nát, cuộc đời từng rách nát*
(Đoạn 5,6,7)

Thiên Chúa có không? Nếu có sao nhân loại còn khổ đau? Còn sự dữ? Đây là vấn nạn của một vài triết gia vô thần. Và ngày nay, trước sự dữ lan tràn, trước cơn đại dịch Covid-19, thiên hạ vẫn tự hỏi: Sao Thiên Chúa vắng mặt? Rồi có triết gia vô thần bảo, Thiên Chúa nếu có thì Thiên Chúa ấy cũng “chết” rồi!

Còn nhà thơ Phạm Thị Thái Quý, chị không thuộc số những người không tin có Thiên Chúa, song chị hoài nghi về sự “hằng hữu” của Ngài.

*Bởi nếu Chúa thật là vua muôn thuở
Sao lại sinh con lạc lõng đau thương
Sao để đời con héo hắt chán chường
Sao không nói con nghe lời thú tội*
(Đoạn 9)

Và nhà thơ đã kêu lên như thể Chúa đã ở bên mình:

*Chúa ơi Chúa ơi dù trong vũng lợ
Của tử hờn nhầy nhựa đến kinh hoàng
Con vẫn thiết tha và vẫn trông mong
Ngày nào đó con tìm ra lẽ sống*
(Đoạn 10)

Chiến tranh là một điều đáng ghê sợ. Nhà thơ Phạm Thị Thái Quý đã trải qua những hãi hùng. Từ sự mỏng manh của kiếp người, nhà thơ suy nghĩ về lẽ tồn vong của linh hồn:

*Con thấy loài người say sưa chém giết
Máu chảy thành sông, xương chất nên đồi
Con thấy loài người điên cuồng máu miết
Trong vũng hận thù thối đổ thây rơi*

*Chỉ một đêm thôi hàng ngàn người chết
Không biết về đâu, địa ngục, thiên đàng?
Sáng ra khi con bàng hoàng mở mắt
Mới biết mình còn nơi cõi dương gian*

*Rồi ngày, từng ngày trôi qua...ngơ ngác
Rồi đêm từng đêm nhắm mắt quên đi
Sống, chết, đường nào là đường giải thoát
Nơi nào là không tử biệt sinh ly?*

*Chúa ơi mỗi lần đạn reo giận dữ
Con nằm im, hồn bay tận nơi nào*

*Cho vươn lên cao tia nhìn ủ rũ
Đổi vào hư không tìm bóng muôn sao*

(Trích bài: *Bài thơ cho thượng đế*,
đoạn 1,3, 4,5)

Nhưng rồi, trong tận cùng của hủy diệt, ta thấy nơi nhà thơ nữ này nảy sinh một ý tưởng ma quái. Một trạng thái điên loạn: hệ lụy của chiến tranh nơi những tâm hồn đa cảm và sâu khổ:

*Con ngựa mất buồng tiếng cười ngạo nghễ
Khi xác con dần mục rã tanh hôi
Linh hồn bơ vơ không lối trở về
Đành giữ trọn kiếp hồn ma tức tối*

*Con tàn phá như bao người tàn phá
Con sẽ điên như bao kẻ còn điên
Con dẫm nát cõi đời đầy dối trá
Đầy đạn bom và khói lửa liên miên
(Bđd, đoạn 10,11)*

Tuy nhiên, nhà thơ còn một niềm tin:

*Trong cô đọng của thời gian bất diệt
Con đi tìm một tiếng nói yêu thương
Trong tận đáy những linh hồn đã chết
Giờ đây vừa ngời tỏa một mùi hương*

(Bđd, đoạn 16)

Tình yêu! “*Tu là cõi phúc. Tình là dây oan!*” Có ai đã đạt được điều này: Tìm được hạnh phúc tình duyên trong cõi tu? Kinh thánh Kitô giáo cũng đã nói điều này, người ta không chọn lối sống cho chính mình. Đó là một điều ngoại lý, không tự nhiên. Lý giải đến tận cùng, không vịn vào lý luận ái quan của chủ nghĩa này hay chủ nghĩa kia mà dừng lại, phải vượt qua, điểm cuối cùng không thể vượt được nữa, người ta sẽ dừng lại vì nhận ra rằng: Tình yêu là một mẫu nhiệm. Con tim có tiếng nói của nó. Tiếng nói xả kỷ, bước vào cõi tu hay rẽ vào cõi tục. Nó tuyệt đối độc lập. Nó nhận được tiếng gọi từ một cõi vô biên. Nhưng không phải là ai cũng có ân huệ “nghe” được tiếng gọi này. Cho nên đa phần là người đời đã rơi vào tiếng gọi của bản năng, hay tiếng gọi của tình cảm, của ánh mắt, là một thứ “ngôn ngữ” cũng rất diệu cảm trong tình yêu.

Nhà thơ Phạm Thị Thái Quý đã ở trong loại tình yêu nào, nhà thơ không nói đến. Nhưng đã nói lên cảm xúc của mình:

*Ngày qua mất hút đi rồi
Còn tôi lạc lõng xa rời yêu thương
Vòng tay ngơ ngác u buồn
Vành môi khép kín sâu buông dáng gầy
Thôi đành số kiếp đọa đày
Linh hồn một mảnh đại ngàn khóc òa
Từng dòng nước mắt xót xa
Thấm khô sỏi đá vật vờ rong rêu
Mỏi mòn giấc ngủ cô liêu
Vắng im tiếng hát tình yêu độ nào*

*Không còn giây phút xông xao
Cúi đầu ủ rũ đi vào đơn côi
Còn tôi, còn một tôi thôi
Ngõ ngang uống cạn men đời đắng cay*

(Bài: *Tiếng sầu*- Đà Lạt ngày 18.11.1971)

*Còn tôi, còn một tôi thôi
Ngõ ngang uống cạn men đời đắng cay*

Hai câu cuối trong bài “*Tiếng sầu*” thật tuyệt, đã nói lên một tình yêu cũng vô thường của kiếp thi nhân. Dấu cho “ngõ ngang” song nhà thơ đã đón nhận cầm bằng như một chén đắng uống cho cạn.

Có lẽ nhà thơ Công giáo nào cũng có lời nguyện cầu với Thiên Chúa, bởi lẽ họ đã tin. Nhà thơ Phạm Thị Thái Quý cũng đã nguyện cầu. Ngôn ngữ và ý tưởng của chị rất lạ: nhà thơ nữ này xin Chúa hãy xuống khỏi thập giá và dấn thân vào bão loạn để tìm những con chiên dại khờ, đang bơ vơ giữa cuộc đời, để lau nước mắt cho người đang khóc và ban phúc lành cho người nghèo khó đang nuốt vội miếng khoai luộc. Nhà thơ Phạm Thị Thái Quý đã đi tới tận cùng kiếp người và chị xin Chúa hãy đến:

*Tận sâu thẳm của kiếp người hạn hẹp
Con tìm ra chân lý trọn cuộc đời
Con đã nhận, đã tin và phó thác
Xác hồn con dâng hiến Chúa con thôi!*

*Bao nước mắt, bao khổ đau ngày cũ
Con dâng lên như lễ vật tình tuyền*

*Không nhân đức, không hãm mình, kinh nguyện
Chỉ con thôi, chơi với giữa oan khiên*

*Chúa đã chết nhưng Chúa còn sống mãi
Con sống đây...mà chết tự bao giờ
Linh hồn run trong yếu hèn khiếp nhược
Chúa con ơi, con Chúa rất bơ vơ!*

*Đừng im lặng trầm ngâm trên thập giá
Máu chảy tràn nhưng nhân thế hững hờ
Chúa hãy xuống, dấn thân vào bão loạn
Kiếm tìm những con chiên Chúa, đại khờ.*

....

*Xin lau sạch đôi mi nào ứa lệ
Xin cứ hôn trên vầng trán xanh xao
Xin hiện diện giữa nhà tranh gió thốc
Xin ban phúc lành
trên miếng khoai nướng vội, nghẹn ngào
Chúa hãy đến, Chúa ơi đừng nín lặng
Nói lên đi, lời cứu rỗi muôn dân...*

(Trích bài: *Nguyện cầu*, ngày 11.9.75)

Ưu tư từ cõi đời chiến tranh, cô đơn, nghèo khó, trần trở vì lẽ phù sinh hay trường sinh. Đây là con đường cứu rỗi. Có lúc nhà thơ tự hỏi:

*Sao không dứt khoát một lần
Tự mình định lấy căn phần mình thôi?*

Sao không liều lĩnh hỡi trời!
Sao không dám tiến hoặc lùi nửa phân
Trơ trơ như đá chôn chân
Sững sờ cay đắng, tàn ngần thở than
Lắc đầu trước quỷ Satan,
Cũng không gật với thiên thần kẻ bên.
Mình tôi giữa chốn muện phiền
Mình tôi trần trở triền miên nổi lòng
Chẳng thà một tiến cho xong
Rơi vào xoáy nước lạnh lùng cuốn trôi
Cũng là sống một kiểu đời
Cũng là một sống cho rồi mình tôi
...

(Trích bài: *Tiếng thầm*, ngày 09.03.1989)

Trong bài thơ “Về nhà Cha”, tác giả suy niệm về đoạn Tin mừng theo thánh Luca (15, 11-31), một trình thuật về “Người cha nhân hậu”, ta sẽ thấy niềm tin của nhà thơ về một Thiên Chúa rất lung linh. Ta cũng thấy ở đây những dòng tâm tình rất thực của nhà thơ, đặc biệt ở đoạn 11 tức đoạn cuối:

Ta muốn sống nhọc nhằn hơn chết lặng
Ta muốn đau hơn bại liệt im lìm
Ta muốn là ta dẫu phải tiêu trầm
Hơn cuộc sống yên hàn, hèn đốn

Ôi những mộng bình sanh lớn rộng
Ôi những giấc ngây dửng cảm, là người

*Ôi những bướm hoa giây phút đầu đời
Vừa tỉnh thức sau giấc ngủ dài mê mết
(Bài: Về nhà Cha, đoạn 3,4)*

...

*Tình cực lớn mà tim con ao ước
Chính là tình không giới hạn, rào ngăn
Chúa có yêu con vì chính con không?
Con hư hỏng, con tầm thường, nông cạn
Con nhẹ dạ, con yếu hèn, chán ngán
Nhưng chân thành không tự dối lừa con
Muốn được thương yêu dù cát bụi hư huyền
Trong tình Chúa con mới thành trọng đại
(Bđd, đoạn 7)*

*Nhanh thật nhanh ta ngoắt quay lui
Ta rảo cẳng về nhà, Cha mong đợi
Con đây Cha, con hoang đàng lạc lối
Nhưng không bao giờ quên một lối đi về
Lao vào vòng tay ôm xiết đê mê
Bao cay đắng trào ra thành lệ tủi
Vùi trong lòng Cha, tim run bối rối
Đây ốc đảo bình yên trong biển khổ không bờ
Đừng giết bê non
Đừng xô nhĩn
Đừng vội khoác áo tơ
Và anh cả đừng hờn ghen tức giận
Em bé nhỏ không mong gì tranh chiếm
Chỗ ngồi anh bên hữu Cha già
Xin cho em, trong bóng tối khiêm nhu
Thủ thả cùng Cha những lời chí ái*

*Vì đã chết đi, em nay sống lại
Không chết, em không biết sống bao giờ
Xin đừng trách em cuồng dại điên rồ
Vì Hạnh phúc
Cuối cùng em chiếm được
Vì hạnh phúc một đời em mơ ước
Là Tình yêu không đời đổi, anh ơi...*

(Bđd, đoạn 11)

28.02.1980

Việc Abraham đem Isaac lên đồi để tiến dâng con mình cho Thiên Chúa, là một thử thách lớn lao mà cũng kinh dị nhất đối với con người, mà nhà thơ Phạm Thị Thái Quý đã mô phỏng Kinh thánh để viết bài “Bi kịch thánh”. Tác giả làm nổi bật một Isaac trên đường đi lên đồi hồn nhiên, đuổi bướm, hái hoa, bên cạnh một Abraham già nua, trầm tư. Có lẽ chủ yếu của tác giả là mở ra cái cánh cửa nội tâm của Abraham để thấy ở đó đang có cuộc xung đột ghê sợ giữa lời hứa của Thiên Chúa và đòi hỏi ông sát tế con mình. Chủ yếu thứ hai của tác giả là Abraham lặng lẽ thi hành thánh ý Chúa, nên ông làm Thiên Chúa cảm động, lập tức Chúa can thiệp. Tâm tư của nhà thơ Phạm Thị Thái Quý cũng ẩn hiện trong bài này.

*Con như đứa bé ngây thơ
Tung tăng đuổi bướm hái hoa bên đường
Vai mang bó củi tâm thường
Đi lên núi Thánh, chân đường reo vui
Miệng luôn leo leo: “Cha ơi,*

Đi mau dâng lễ, kéo rồi nấng lên
Cha mang dao bén một bên
Còn đâu con vật hy sinh, Chúa đòi?"
Lòng cha quặn thắt bồi hồi
"Con ơi, lễ vật Chúa đòi...biết sao?"
Mắt mờ lệ muốn ứa trào
Môi run, tiếng khóc nghẹn vào trong tim
Muốn thành đá tảng im lìm
Cho bình yên vẫn dãi tìm, phủ vây
Muốn như cây nín, ngàn cây
Không sâu, không khổ, không đầy ước ao
Còn đâu lời hứa hôm nào
Con cái cháu chắt như sao trên trời
Đời đời hưởng phúc lâu dài
Con tin-con nhận-chỉ lời Ngài thôi
Mà đây...ánh sáng con người,
Mà đây châu ngọc của đời già nua
Đứa con độc nhất, ngây thơ
Ngày nào Chúa đã ban cho, bất ngờ
Là bao hy vọng mong chờ
Là bao ân sủng, vỡ bờ niềm vui
Giờ đây...chua xót ngậm ngùi
Đành tay-cha phải dứt đời con yêu
Càng nghe con cất tiếng reo,
Càng nghe quặn thắt, chín chiều ruột đau
Nhưng thôi Ý Chúa nhiệm mầu
Cha không hiểu thấu-một cầu vồng theo
Lưỡi dao bé sáng, giờ cao
Bàn tay bỗng sưng, tiếng nào vang vang
"Khoan!

*Đừng đổ máu con ngoan,
Đó là ơn phúc Ta ban đời đời
Lòng tin sáng chói của người
Đã làm rung động Chúa trời cao quang
Con Một yêu dấu vô vàn,
Vì Ta, người đã sẵn sàng hy sinh
Này đây-giao ước kết tinh
Đời đời Ta sẽ trọn tình với người!”
Lời hồng ân quá tuyệt vời
Tuôn tràn con cái loài người thiên thu
Nhìn con, ngỡ một giấc mơ
Qua rồi thử thách cay chua, xé lòng
Trao con tha thiết nụ hôn,
Con nhìn cha, vẫn mắt tròn, ngây thơ...*

5.12.1983

Cuộc sống của con người ở trần thế, dưới cái nhìn của nhà thơ Phạm Thị Thái Quý nhuộm màu ảm đạm. Chị yếm thế chăng? Đứng trước một nghĩa trang với những hàng lau gió thổi, nhà thơ như nghe ra những tiếng thì thầm. Chị nhớ lại khi đó:

*Một màn tuyết nghiêng ngả,
Theo từng đợt gió về.
Tôi đứng im không nói,
Tôi đứng im lặng nghe.*

*Nghe tiếng xào xạc đó,
Và tiếng vào hồn đây.*

*Tiếng dường như rất nhẹ,
Mà dường như tràn đầy.*

*Của một lời kêu gọi,
Lướt dài trên ngàn lau.
Những hoa lau éo lá,
Vì lời kia, cúi đầu...*

(Trích bài: *Đôi lau gió chạy*, đoạn 1,2,3)

Cuối bài thơ, tác giả ghi năm 1968. Đây là năm Mậu Thân, nổ ra cuộc tổng tấn công trên khắp lãnh thổ miền Nam, gây nên những mất mát về người và tài sản lớn lao. Cái “nghĩa trang” mà tác giả nói đến trong bài, có thể là một nơi chôn cất tập thể, không có người viếng thăm khói hương. Nơi đây cũng có thể có người thân thuộc của tác giả đã nằm xuống, nên tác giả đến viếng thăm, để rồi, bất chợt, nhà thơ nghe được từ trong cõi sâu của lòng và biết rằng đấy là tiếng nói với riêng mình. Những tiếng nói như lời kể lể về cái kiếp sống của một cuộc đời... đang nằm trong cô quạnh. Một nghĩa trang hay những nắm mồ bỗng thoáng hiện, như không thực hữu. Và nhà thơ định tâm như để nhập với hồn: một sự tái hiện của liêu trai giữa hai cõi sống và chết? Hay đây là một lời tố cáo về chiến tranh? Một tuyên ngôn về đạo đức? Hoặc giả, tất cả chỉ là suy luận của nhà thơ về cõi nhân sinh trong giả tưởng? Cuối cùng là tuyên xưng về một niềm tin, gắn liền với Thập giá và Thánh đường. Nhà thơ đã chọn một kiếp sống tại thế cho mình.

*Trên màu trắng nguyên thủy,
Những dãy mờ thoáng xa.
Nhấp nhô từng nắm đất,
Màu trắng vôi nhạt nhòa*

*Tiếng nào trong gió hú,
Tiếng nào như khóc òa.
Khóc một lần tức tưởi,
Cho máu hờn tóa ra.*

*Trái đầy trên mặt đất,
Cho linh hồn nhẹ nhàng
Tan dần vào hư ảo,
Thoát kiếp hồn đi hoang.*

*Tiếng nào trong gió nhẹ
Như lời ai thăm thì:
-Em một lần chửa sống
Mà đời em bỏ đi.*

*Đường đời còn xa lắm,
Mà chân em đã dừng.
Xác em nằm im đó,
Hồn em buồn rưng rưng.*

*Lời ghen ngào chửa dứt
Bị ngắt ngang phũ phàng:
Ta một lần đã sống,
Ta, vạn lần ngỡ ngàng.*

Đời chửa là trái chín,
Ta đã hái vội vàng.
Hái, rồi ăn nghiêng ngấu
Tương lai ta không màng.

Hiện tại là hưởng thụ
Hoan lạc cùng đốn đau
Làm cuộc đời đầy đủ,
Cuộc đời ta vốn cầu.

Nhưng muốn, không là được
Được rồi càng bần khổ
Cho đến khi mòn mỏi,
Mới biết ta sai lầm.

Ý nghĩa đời là thế
Ta biết quá muộn màng
Bây giờ bốn phía đất,
Ta nằm đây rã tan.

Tôi còn đang bỡ ngỡ
Đã nghe tiếng cười gằn:
-Tôi đã từng phấn đấu,
Tôi, chửa từng bần khổ

Tôi sống và cầm súng,
Tôi bắn và tôi tin
Tin vào điều tôi biết,
Tin vào lòng trung kiên.

Tôi tin tôi xây dựng,
Cho đời và cho mình.
Để một mai xán lạn,
Đâu cũng là bình minh!

Bình minh nào rực sáng,
Mà tôi nằm im đây?
Bao mạng người ngã gục,
Đất nước còn đọa đày.

Ôi cuộc đời chém giết,
Tôi chán ngán lắm rồi
Chỉ vì mỗi chủ nghĩa,
Bao xác thân rụng rời.

Lý tưởng còn sừng sững,
Tôi nằm đây rã rời,
Cho mỗi trùng đục rũa.
Thân xác này tanh hôi,
Mà hồn tôi vất vưởng
Giữa khoảng đất và trời...

Chợt một giọng già cả
Nhẹ nhàng cất tiếng cười:
-Chúng toàn là hồn trẻ
Chưa hưởng hết mùi đời
Lão đây đã từng sống
Gần trăm năm kiếp người,
Vui buồn hận và muốn
Đều trải qua hết rồi.

Đã từng được rồi mất,
Có đấy rồi như không.
Kết cuộc là mộng ảo,
Một đời thế cũng xong.

Cháu bé đừng ngơ ngẩn,
Đừng nhìn đời hoang mang,
Cháu do đâu mà đến
Từ tiếng khóc lọt lòng.

Cũng đừng bao giờ hỏi
Rồi ra mình đi đâu.
Nơi nào đã rời bỏ,
Nơi nào rồi mong cầu.

Ngay phút giây đang sống,
Cũng đã là mất đi
Cháu đừng đó tiếc hận
Còn trong tay được gì?

Ý nghĩa đời là sống
Quá khứ và tương lai
Hay cho dù hiện tại
Cũng là đời đó thôi
.....

Tiếng từ lâu đã tắt,
Tôi còn mãi ngậm ngùi.
Gió lạnh từng cơn đến,
Lùa tận đáy hồn tôi

*Lau trắng ngả từng đợt,
Mỗi khi gió lướt qua
Những linh hồn ma quái
Nương theo đó rời xa.*

*Trên nền trời u ám,
Bóng Thập giá im lìm.
Tôi ngược nhìn đăm đui
Và âm thầm cầu xin*

*Trong giáo đường, nơi ấy
Là bình yên phủ vây
Xin được bình yên đó,
Bây giờ và mai này...*

(Bài: *Đôi lau gió chạy*)
1968

KỶ NGỘ

Những câu hỏi của một tâm hồn đau khổ, một tâm hồn yêu thương, một niềm tin và hy vọng. Bài thơ là tiếng lòng vỡ nát từng mảng: cuộc đời “vô định”, nước mắt trào dâng vô tận như suối nguồn mà sao vẫn không hết ưu tư, làm sao có thể lạnh lùng như sỏi đá... Nhưng Chúa vì ta mà hòn đá cũng không có gổ đầu! Tiếng nói thương đau ở đoạn trước là nỗi lòng của tác giả? Nhưng tác giả còn tiếng nói phía sau, tiếng nói của niềm tin, hy vọng và hạnh phúc.

*Quỳ nơi ấy, con cúi đầu thỉnh lắng
Để hồn nương theo tiếng nhạc thanh tao
Thôi dừng lại cơn bão lòng âm ỉ
Cho nghỉ yên hồn mệt mỏi lao đao*

*Bâng khuâng quá...cuộc đời sao vô định
Ích gì cho con? Hay ích cho người?
Có cần thiết góp phần trong cuộc sống
Hay tốt hơn chìm vào lãng quên thôi?*

*Dòng nước mắt như suối nguồn vô tận
Trào dâng hoài không cạn hết ưu tư
Nhìn Thánh giá con thấy mình khiếp nhụt
Có trốn được không vào cõi sa mù?*

*Có thể sống như một loài cây cỏ?
Có thể vô tư như cánh chim trời?
Có thể lạnh lùng như sỏi đá?
Có thể ung dung lãng phí một đời?*

*Đâu tiếng gọi nhiệm mầu con nghe được
Chỉ một lần mà vang vọng không thôi?
Đâu sức mạnh diệu kỳ đưa con tới
Bên bàn thờ nhận sức sống tinh khôi?*

*Hãy cháy sáng lửa tin yêu nồng nhiệt
Sưởi ấm cho con và ấm bao người
Hãy thổi lên cơn bão tình mãnh liệt
Tiếp sức cho con dẫn bước giữa đời*

Rời nhà Chúa con một mình lững thững
Chiều tàn dần gió lộng buốt đôi tay
Hồ Xuân Hương nước đục ngẫu đổ quạch
Giọng nói lạ nào bỗng ấm bên tai:

“Chị về đâu lên đây em nói chuyện
Mình cùng đi dù chỉ một đoạn đường
Em muốn nói, một lần, nhưng nói hết
Chị cho em vài phút cảm thông!”

Chúa bơ vơ? Chúa lạnh và đói khát?
Chúa nài xin? Con có thể chối từ?
Không náo nức, con gật đầu rất nhẹ
Tay trong tay, hai đứa chuyện trò.

Những chuyện khổ không phải là chuyện lạ
Những lỗ lăm đã có tự nghìn xưa
Những đòi hỏi của xác thân yếu đuối
Hành hạ con người biết mấy cho vừa!

Ôi làm sao có trái tim rộng mở
Chứa đựng giùm ai ngàn vạn nỗi sầu
Ôi làm sao có bàn tay mát dịu
Vuốt ve người cho nhẹ bớt thương đau.

Ôi làm sao có nụ cười ngọt lịm
Hòa tan đi bao tâm sự chua cay
Ôi làm sao có tia nhìn bằng hữu
Trao cho nhau hơi ấm của tình đầy!

*Dầu mai này có nhìn nhau xa lạ
Bạn bè ơi, xin hãy nhớ, một lần
Chúa đã đến qua vòng tay của Mẹ
Mà Yêu thương là dấu hiệu Cha ban*

*Ta sợ hãi, ta lạc lõng bối rối
Người trong ta, Người vẫn rất ân cần!
Ta ngã quỵ, ta kêu gào la lối?
Người sẽ nâng ta, êm ái dỗ dành!*

*Ta phản kháng? Người khoan dung chờ đợi
Ta van xin? Người ứng tiếng nhậm lời
Ta kiêu ngạo? Người trang nghiêm dạy dỗ
Ta yếu hèn? Người thương xót khôn nguôi*

*Ta cô đơn, ta lạc loài khốn đốn?
Người vì ta không một chỗ gối đầu
Ta muốn chết, cuộc đời ta lộn mửa?
Người vì ta, chọn cái chết thương đau.*

*Từ cõi chết, vì ta, Người sống lại
Đem vinh quang cho những kẻ tin Người
Lau nước mắt cho những ai phó thác
Với ai tìm, ban chân lý rạng ngời*

*Ta phải sống và cùng nhau sống lại
Quay lưng khước từ chốn cũ tối tăm
Như Chúa đã phục sinh từ cõi chết
Hứa hẹn cùng ta phúc lạc vô ngần.*

12.9.1978

Chúng ta đã thấy nhà thơ suy nghĩ về kiếp người qua những cảnh đời khác nhau trong bài “Đồi lau gió chạy” Những lời thơ trong bài giản dị, trung thực. Chúng ta cũng sẽ thấy, trong bài “Dòng đời” sau đây, tác giả nói đến 4 chặng đời của kiếp người với một ngôn ngữ rất lạ, nhưng luôn luôn mang hình ảnh kiếp người bất toàn. Bốn chặng đời theo Phạm Thị Thái Quý là: Hồi sinh - Sơ sinh - Tồn sinh - Tác sinh.

*Mười ngón tay ta nghìn đời héo hắt
Bỗng nảy xanh mầm hy vọng mong chờ...*

*Ta cúi xuống nhẹ tay đời, xin nhặt
Bông hoa tình yêu của một cơn mơ
(Hồi sinh)*

*Cho con đó, nụ cười hòa tiếng khóc
Làm nên đời con, bé bỏng đại khờ*

*Con hãy hé đôi môi mềm sữa ngọt,
Nhận tình yêu hồng thắm nở thành hoa
Trong trái tim Cha nghìn đời bảo bọc
Con ngủ say suta giấc ngủ hiền hòa...
(Sơ sinh)*

*Rồi đến lúc con tựa mình tỉnh thức
Cha cúi nhìn con, hy vọng, đợi chờ*

*Này dấu chỉ của tình yêu nhẫn nhục,
Khắc trong lòng con vết tích xót xa*

*Thánh giá muôn đời là câu chúc phúc
Thấm đượm tình âu yếm của Người Cha.*

*Sự Sống đã uơm từ mầm Sự Chết,
Đừng khóc than, đừng run sợ, con ơi.
Con sẽ bước vào Tin Yêu bất diệt,
Khi con hiến thân phụng sự Tình Người.
(Tồn sinh)*

*Cha thực hiện kỳ công nơi cõi thế
Trong cung lòng người Mẹ rất tinh anh
Cho sự sống nối dài muôn thế hệ
Tung hô Cha, Thiên Chúa tạo thành...
(Tác sinh)*

Đà Lạt, 15.11.1971

Ở những bài thơ khác, chúng ta thấy hình ảnh một Phạm Thị Thái Quý đậm đặc nước mắt, đau thương như xé ruột gan, trần trở về cõi đời của bản thân và của muôn người. Còn trong bài *Dòng đời* với 4 chặng đời, chúng ta thấy một Phạm Thị Thái Quý khác, từ ngôn ngữ đến cách diễn tả nhẹ nhàng đi sâu vào mầu nhiệm của một kiếp người. Cuối bài là một sứ điệp của tác giả gửi cho đời.

Nhà thơ có quá nhiều trần trở rất đời, gần gũi. Tác giả nói đến sự thương khó của bản thân, đến những khát khao thiêng liêng của mình, đến niềm tin. Điều sau cùng nhà thơ đã đạt tới.

THANH CHƯƠNG

Thi tuyển: *Tình Buồn Nhớ Mãi*

Sơ lược tiểu sử: Trần Thanh Chương, sinh tại Thanh Hóa, tuổi Kỷ Mão (1939). Sinh hoạt văn nghệ từ 1956-1975. Bút hiệu khác: Thạch Ngũ, Hoài Nhân, Châu Huy Quang, SMD. Hội viên Văn bút VNCH.

Nhà thơ Thanh Chương, tên thật là Trần Quang Tịnh, tên thánh là Bênadô, qua đời tại Hoa Kỳ năm 2021, hưởng thọ 81 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Tiếng buồn tình yêu*

- *Cỏ cháy* 1972

in chung với Hồ Phong (Kiều Văn Bảng)

- *Tình buồn nhớ mãi* 2009

Năm 1998, nhà thơ Thanh Chương đã trao cho tôi tập *Dòng sông cuộc đời*, còn là bản thảo đánh máy và ngờ ý nhờ tôi viết mấy lời về tập thơ này. Tôi nhận lời. Đến năm 2009, anh tặng tôi tập thi tuyển *Tình buồn nhớ mãi*, do nxb Little Saigon, CA. ấn hành. Trong thi tuyển này,

có tất cả 131 bài, trong số này có 79 bài là của tập *Dòng sông cuộc đời*, (có sửa từ ngữ trong một số bài, những bài này khi đưa vào đây, chúng tôi dựa theo bản trong *Tình buồn nhớ mãi*) cả bài chúng tôi viết giới thiệu tập thơ này trước kia, in ở trang 169-172.

Những từ ở đầu bài và đầu câu, tác giả không dùng từ hoa, tất cả đều là từ thường, ngoại trừ các tên riêng.

Sau khi đọc tập bản thảo *Dòng sông cuộc đời*, hình ảnh nổi bật lên trong toàn bộ thi phẩm này là dòng sông (sông, sóng nước, dòng nước, bến bờ) có 90 lần được nhắc tới; biển: 26 lần; thuyền, buồm: 37 lần. Có thể nói, nhà thơ Thanh Chương xây dựng tác phẩm thi ca của mình với những hình ảnh này, nó là biểu tượng của cuộc đời, chìm nổi, gắn bó tha thiết như thuyền với sông với biển, mà cũng lênh đênh, sóng gió..., thế mà cũng không thể tách rời, xa nhau! Đặc biệt, những bài thơ có nhiều từ ngữ sông, biển, thuyền..., là những bài chỉ có 4 câu.

Thí dụ:

*gió nào hiểu được tình mây
sông dài đâu biết thuyền đầy nỗi đau
qua sông ai nhớ đến cầu
đò xưa quên bến dòng sâu trầm tình*

(Bài: *Tình nuối*)

Thạch Hãn

Hoặc:

*đêm vội tàn nên trăng cũng khuất
bến không thuyền nứu nuối đợi mong*

*nhớ sông nước vẫn xuôi dòng
tình xưa gợi sóng nổi lòng riêng ai*
(Bài: bến không thuyền)
Ái Tử

Trong thi phẩm *Cỏ Cháy*, do Đại Nam Văn Hiến xuất bản năm 1972, in chung với Hồ Phong, bài thơ đầu tập này, Thanh Chương cũng đã đưa hình ảnh sông, biển vào thơ của mình:

*...với hôm nay
tôi vẫn yêu Việt Nam
như tình sông với biển...
em biết không
tôi chỉ có một tình duy nhất để gặp gỡ
nơi biển tình Á đông*

*...nếu em có về biển
cùng mẹ Âu cơ
thì nhớ ghi trên bãi cát
Việt Nam - Việt Nam
thay cho lời vĩnh biệt*

(Trích bài: *Chân trời mới*)

Trong tập *Dòng sông cuộc đời*, Thanh Chương tiếp tục khai thác chủ đề về dòng sông, biển cả, con thuyền và bến bờ. Những hình ảnh này là biểu tượng của một cõi thiên nhiên gắn chặt với cõi người, mang nhiều sức mạnh và khổ lụy của con người, đặc biệt, khi nhà thơ

dùng hình ảnh biển cả và con thuyền như tình yêu giữa người nam và người nữ, thuyền nhớ sông nhớ biển, sông biển nhớ thuyền. Hai hình ảnh này luôn ở cùng nhau, thuyền không thể lìa xa sông xa biển, biển và sông không thể vắng thuyền. Tuy nhiên, hình ảnh thuyền và biển là một biểu tượng tuyệt đẹp của tình yêu, nhưng cũng đầy bất trắc, mong manh và đau khổ khi thuyền và biển có chia lìa.

*tình buồn như sóng biển khơi
nuối thương bờ cát rã rời miên man
từng cơn sóng vỗ dâng tràn
triền miên năm tháng mê man cõi trần*

*bầu trời lãng đãng phù vân
biển dâu nhân thế bao lần đổi thay
vầng trăng tròn khuyết vơi đầy
quên sao mấy thuở lất lây kiếp người*

*sông dài vẫn mãi trôi xuôi
con thuyền trĩu nặng phận đời trầm luân*

(Bài: sông dài)
Mỹ Khê 63

Hoặc:

*cuộc đời như thể dòng sông
qua bao nhiêu bến mà lòng chẳng vơi
phận thuyền trôi lỡ kiếp rồi
lênh đênh theo sóng ngàn khơi đi về*

(Trích bài: dòng sông)

Riêng tập thơ *Dòng sông cuộc đời* có hơn 80 bài mà có đến 150 lần từ dòng sông, biển cả, thuyền và bến bờ, hơn 10 bài nói đến chia ly. Song thật ra, dòng sông không đơn giản chỉ là câu chuyện hay lời tâm sự của tác giả về một cuộc tình đã mất. Tác giả đã muốn nâng vấn đề lên tầm phổ quát. Đó là vấn đề tình yêu thương giữa con người với nhau. Người đọc còn nhận ra trong thơ Thanh Chương thân phận con người, những khổ đau, những tuyệt vọng... con người hầu như mất hướng hạnh phúc, để rồi trong một thế giới lọc lừa, chiến tranh, thù hận, con người trở nên vô cảm, cuộc đời phi lý.

Ngôn ngữ của Thanh Chương trong tập *Dòng sông cuộc đời* (1998), hay sau này trong thi tuyển *Tình buồn nhớ mãi* (2009), như nhắc người đọc trở về quá khứ, cái quá khứ của văn chương lãng mạn của thời đầu tiền chiến và thời kỳ đầu sau năm 1954 tại miền Nam, trước khi cuộc nội chiến xảy ra. Những bài thơ tình cảm tha thiết, khổ đau như một định luật của tình yêu. Thơ của Thanh Chương dễ cảm nhận, dễ gắn bó với anh. Đọc rồi, người ta như đang cùng tác giả đi vào thế giới của tình yêu, như chính mình là người trong cuộc. Có thiết tha, có thương nhớ mà cũng có thao thức bao đêm. Phải chăng vì thế mà thơ của Thanh Chương có nhiều bài được một số nhạc sĩ phổ nhạc.

*...đường khóc nữa em hồn vang tiếng rú
cho anh một giấc ngủ màu hồng tươi
đêm tha ma nghe u uất giọng cười
tình liêu trai thay tình em đã chết*

(Trích bài: *sầu mê điên*)

*tim em là nghĩa trang
anh buồn vào đẫm đuối
môi em là mồ hoang
hồn sâu hôn không nguôi*

(Trích bài: *hồn sâu*)

Những từ trong đoạn thơ trên, nhà thơ không ngần ngại ví con “tim” của người yêu là “nghĩa trang” hay “hồn” của nàng là “mồ hoang”, dẫu thế, cái “hồn sâu” của ông vẫn đẫm đuối không nguôi! Chỉ chứng tỏ tình yêu của ông đã thăng hoa, bằng một thứ ngôn từ đưa người ta đến kinh ngạc, nhưng lưu lại nhiều ý tưởng về một tình yêu, bao trùm, đất nước và con người, điều mà tác giả đã viết trong tập *Cỏ Cháy*, bài “*hãy cho tôi*”:

*hãy cho tôi yên ngủ
bằng tiếng ru của mẹ
ngày xưa giờ đâu mất
tuổi đời thêm tái tê*

*hãy cho tôi yên ngủ
theo giấc mộng bình yên
đừng hỏa châu rực sáng
sợ thấy lũ cuồng điên*

*hãy cho tôi yên ngủ
với đêm dài êm ái
không bom đạn lửa cháy
không hận thù sát hại*

...
*hãy cho tôi yên ngủ
như lịch sử Việt Nam
bốn ngàn năm dĩ vãng
đầy những vết dao đâm*

...
*hãy cho tôi yên ngủ
tay sẽ rời súng đạn
hồn không vướng hận thù
quê hương hết lửa than*

*hãy cho tôi yên ngủ
để mắt nhìn trong tối
mà vẫn thấy yêu thương
không nghi ngờ gian dối*

(Tập *Cỏ cháy*, trích bài: *hãy cho tôi*, 1968)

Nhà thơ Thanh Chương phổ biến tập *Cỏ Cháy*, in chung với Hồ Phong vào năm 1972, lúc mà cuộc nội chiến đang tới hồi khốc liệt nhất và cũng là thời điểm để hai bên đạt thỏa thuận trong cuộc thương thuyết ở Paris, Pháp. Còn với tập *Dòng sông cuộc đời*, 1998 sau *Cỏ Cháy* 26 năm. Lúc này, tình cảm con người thay đổi nhiều. Với thi phẩm này, tác giả như muốn gửi gắm tâm sự của mình qua hình tượng dòng sông, biển cả và con thuyền mong manh (như phận người!) Tình yêu thương của con người, được ví như tình biển cả với con thuyền, không bao giờ chia cắt, rời xa nhau. Thế nhưng, trong thực tế, con người đang đối xử với nhau

rất tàn bạo, phi lý và hãi hùng. Tình trạng này, phải chăng đã đưa tác giả viết bài *Chiều*, đặt ở cuối tập. Mỗi câu chỉ có hai hoặc ba chữ, như quan hệ giữa con người với con người sau khi cuộc nội chiến tàn: sống cũng như chết, nào khác chi!

*chiều buồn
nhớ tới em
tiếng mưa rơi
em xa rồi
...
chiều ơi
sao đơn côi
em về đâu
chim lạc trời
....
chiều ơi...chiều
thương nhớ nhiều
đời vẫn thế
còn gì đâu
chiều kỷ niệm
trong nghĩa trang
ngôi mộ ai
đầy xác lá
em ơi
thế là hết
trong hai ta
ai...đã chết*

(Trích bài: *Chiều*)

MẤY BÀI THƠ ĐẠO CỦA THANH CHƯƠNG

TRỌN TÌNH

*chốn địa đàn thuở ấy
trái cấm em trao anh
thấm vị đời cay đắng!*

*anh lỡ quên lời Chúa
và nghe theo tiếng em
để trọn tình mê đắm!*

*em ơi đường trần thế
đã mê hoặc tình anh
ngất chìm nơi biển sóng!*

*Chúa ơi xin thứ tha
bởi lỗi lầm nhân thế
con sám hối nguyện cầu!*

*kinh Nhã Ca trầm lắng
cho hồn con tỉnh thức
biết trọn đời yêu thương!*

La Vang

BIỂN SÂU

*em ơi đời sống này
còn gì vui đâu nữa*

*nhìn ngày khuất chân mây
vào đêm từng đốm lửa*

*anh đã yêu và sống
qua những năm trưởng thành
với u hoài biển rộng
một phận đời mong manh*

*khi mặt trời còn đỏ
cho anh tìm thấy em
cuối chân mây hùng đở
vũ trụ mờ trong đêm*

*sự phi lý cuộc đời
khiến anh thường tự hỏi
Thượng Đế! Người là ai?
sao tìm trong một mớ*

*Thượng Đế! Người ở đâu?
anh và em lạc lõng
trời cao và biển sâu
gặp nhau rồi vĩnh biệt!*

Lai Khê

VÌ EM

*nếu mà không có em
đời có nghĩa gì đâu*

*anh vẫn là cục đất
thuở sơ khai nhiệm màu
nếu đời thiếu vắng em
anh khác gì tảng đá
trơ buồn với thời gian
như cây sần trụi lá
nếu như lời cụt ước
em từ anh mà có
anh vì em lìa bỏ
chốn địa đàng thuở xưa
lầm mê nơi trần thế
em mới biết thương anh
trái ngọt đời hóa đắng
dành cho những cuộc tình
em ơi đừng hờn trách
nếu khổ đau vì yêu
anh chẳng hề hối tiếc
được có em trong đời*

Cát Sơn

Trong thơ Thanh Chương, thơ đạo chỉ có thế. Nhưng ý tưởng của ông về thơ đạo thì không nhỏ, từ khởi nguyên tác giả trầm tư về cuộc đời và phận người, nguyên tố đã phạm tội. Điểm chú ý trong dòng tư tưởng của Thanh Chương, là ông sám hối và nguyện cầu.

Niềm tin về Thượng Đế của tác giả tha thiết, thương yêu như thế nào thì thơ đời của ông cũng như thế. Tình yêu giữa con người với nhau, còn có cái gì tha thiết, gắn

bó vào nhau trong giông bão cũng như trong biển lặng
như thuyền và biển!

Thanh Chương là nhà thơ của phận người.

THIÊN DUY

Tập thơ:

- *Ai Về Thăm Quê*
- *Vài Lần Cảm Hứng*

Thiên Duy tên thật là Nguyễn Thanh Nghị, sinh năm 1949 tại Hưng Yên. Thánh Bổn mạng là Giuse Maria, bút hiệu là Thiên Duy, Giáo viên môn Toán. Nay đã nghỉ hưu.

Thơ không phải là lãnh vực sáng tác chính của ông, mà chỉ như một sự hiện diện nhẹ nhàng trong cuộc đời ông. Sáng tác chính của Thiên Duy là âm nhạc, là thánh ca. Ông đã xin duyệt (Imprimatur) được mấy tập, “để được sử dụng trong Phụng vụ” có tập 18 bài, năm 2012; tập 08 bài, năm 2014; tập 14 bài, năm 2015; tập 12 bài năm 2017.

Về thơ cũng thế, lâu lâu tác giả làm được ít bài lại in ra trao tặng thân hữu, tổng cộng những tập này cũng đã có một số bài khoảng hơn 60 bài.

Về bút hiệu, tác giả đã nói đến trong tập *Bài Ca Dâng Chúa*: Năm 1978 tôi bắt đầu học và tập sáng tác. Trước nhiều khó khăn và thử thách trong cuộc sống, tôi luôn xác tín chỉ mình Thiên Chúa là Đấng Thánh và là Đấng tối cao. Để sống niềm xác tín ấy, tôi đã lấy bút hiệu Thiên Duy cho những bài nhạc tôi đã viết.

Ngoài việc sáng tác những bài thánh ca để sử dụng trong Phụng vụ, tác giả còn phụ trách phần chia sẻ ngoại khóa tại một vài Hội Dòng nữ ở Sài Gòn trong nhiều năm nay. Ông còn là một thành viên của Hiệp hội Sống Tin Mừng Thánh Tâm Chúa Giêsu, là một trong bốn thành phần của “Gia Đình Đồng Tâm”, một hình thức tu trì mới: “Tu Hội Đời”. Trụ sở chính của hiệp hội đặt tại Paris (Pháp).

Với một chân thân như vậy, Thiên Duy trưởng thành ở thời hậu chiến, nhưng tác giả không chọn con đường mà thế nhân thường tình đi, ông trầm tư về cuộc sống với bao nhiêu là thách đố của một xã hội vô thần, độc hữu. Và ông đã chọn con đường khôn ngoan:

*Ai không muốn được tung hô mãi mãi
Được mọi người ca tụng những thành công
Ai chẳng muốn vinh dự giữa đám đông
Và đón nhận những vòng hoa chiến thắng
Nhưng có biết tận cùng thành công là cay đắng
Sau tung hô là chê trách đủ điều
Sau mật ngọt của một tình yêu
Đôi khi là đòn đau và tuyết vọng
Cuộc vui nào cũng tàn qua mau chóng
Để lại trong lòng một khoảng trống mênh mang
Ôi quyền uy, tước lộc và giàu sang*

*Đâu hạnh phúc mà con người tìm kiếm?
Tôi muốn bước vào không gian chiêm niệm
Để mong tìm câu giải đáp thăm sâu
Niềm thao thức và tha thiết khẩn cầu
Ôi Thượng Đế giúp con tìm chân lý.*

*(Bài: Đường vào chiêm niệm,
trong tập Ai về thăm quê)*

Con đường khôn ngoan mà Thiên Duy chọn, là Tín thác vào Thiên Chúa. Dù “qua thung lũng tối đen” hay cuộc đời “tươi sáng”, thì “vẫn luôn một dạ trước sau tin vào Chúa quan phòng...”

*Tôi đã hiểu qua bài ca tín thác
Đặt niềm tin vào tay Chúa quan phòng
Cuộc đời vẫn vỏi dẫu long đong
Bao cay đắng, theo Ngài xin uống cạn
Được mạnh khỏe hay khi bệnh hoạn
Vẫn một lòng yêu Chúa trọn niềm tin
Dù khát khao một điều muốn khẩn xin
Vẫn tuyệt đối vâng theo Thánh ý Chúa
Ngài ban cho khúc đời tươi sáng sửa
Hay buồn sầu qua thung lũng tối đen
Khi xã hội chỉ giành giật bon chen
Thang giá trị đảo điên và lừa lọc!
Tận cùng khổ đau không còn sức khóc!
Vang tiếng cười xé ruột trút niềm đau!
Thì vẫn luôn một dạ trước sau
Tin vào Chúa quan phòng đầy thương xót.*

*(Bài Tín thác,
trích trong tập: Ai về thăm quê)*

Đọc thơ Thiên Duy, tôi như thấy mình được đắm mình trong bầu khí và âm hưởng của Thánh kinh: khoảng cách giữa con người và Thượng Đế quá lớn, Ngài là Đấng vô hạn lại hạ mình xuống, trong khi con người lại cuồng vọng ôm cả vũ trụ do Thượng Đế tạo dựng. Nhưng chung cuộc, con người nhận biết mình chỉ là một tạo vật bất toàn trước một Thiên Chúa của vô hạn và của điều chân thật, nên con người cần quay về nẻo đường của thuở ban đầu để cầu xin lòng thương xót của Thiên Chúa:

*Lạy Thượng Đế Đấng tối cao vô hạn
Con phận người nhỏ bé quá mong manh
Nhưng lại muốn ôm cả bầu trời xanh
Làm của riêng trong vòng tay ích kỷ
Lạy Thiên Chúa quyền năng thượng trí
Xin giúp con hiểu được phận mình
Từ hư không con được tượng hình
Trong lòng mẹ, nhưng do Ngài tạo tác
Từ nguyên tổ đã rơi vào tội ác
Khi chối bỏ Đấng tạo dựng muôn loài
Lại hèn nhát không dám nhận điều sai
Và đổ lỗi cho người yêu thương nhất
Lạy Thiên Chúa Đấng của điều chân thật
Xin giúp con can đảm nhận lỗi mình
Và mạnh dạn không giả diếc lạng thính
Trước bao người đang làm than thống khổ
Lạy Thiên Chúa nguồn yêu thương cứu độ
Xin rửa lòng thương xót chúng con.*

(Bài: *Lạy Thượng Đế xin thứ tha*)

Tác giả sống trong một xã hội vô thần, kẻ cầm quyền không tin vào một thần linh nào. Nhưng có một điều, trong xã hội này có một thứ có thể gọi là thần linh, đó là Mommon, là tiền, là quyền lực! Những kẻ nắm trong tay những thứ này, là những kẻ không nhận Thiên Chúa là Thượng Đế, không tin vào một thế giới vĩnh hằng,

*Nên nhẫn tâm, làm mọi điều gian ác
Dùng quyền uy thỏa bàn tay tung tác
Xây vinh quang trên đau khổ muôn người
Gom tiếng khóc cho những trận cười
Và tô thắm da thịt bằng máu đỏ*

(Trích bài : *Xin giải cứu chúng con,*
từ câu 11-15)

Câu cuối trong mấy câu trên đây rùng rợn quá, là con người hãnh không ai có thể làm điều này, nhưng những kẻ coi Mommon là thần linh thì có thể. Vì vậy, tác giả Thiên Duy kêu cầu cùng Thượng Đế:

*Ôi Thượng Đế Ngài luôn thấu tỏ
Nỗi đắng cay quằn quại đến bao giờ
Dưới bàn tay kẻ ác quá nhờn nhờn
Tiếng rên xiết chìm sâu trong tâm tối
Lạy Thượng Đế Đấng tự do tuyệt đối
Xin ra tay giải cứu chúng con*

(Trích bài: *Xin giải cứu chúng con,*
từ câu 16-21))

Tố cáo một xã hội làm nhiều điều gian ác như thế, trong Thánh kinh gọi những ai trong dân riêng của Chúa được kêu gọi làm điều này là các ngôn sứ, các tiên tri. Còn tác giả Thiên Duy, trên quan điểm không phân biệt chính kiến, tôn giáo, ông cho rằng đó là sứ mạng của “thi sĩ”. Ông viết:

*Thi sĩ không chỉ thích mộng mơ
Không là những kẻ sống thờ ơ
Nhưng mà cảm nhận hơn người khác
Tha thiết với đời qua ý thơ
.....
Đúng sai điên đảo loạn cường quyền
Day dứt bản khoả dạ chẳng yên
Thi sĩ phải là trang sững sỡ
Xông pha bút trận tái bình yên*

(Trích bài: *Là thi sĩ*, đoạn 1 và 3)

Thiên Chúa Là Tình Yêu, có lẽ phần đông người tín hữu Kitô hôm nay đều biết đó là căn tính của Kitô giáo, người tín hữu biết đó là giới răn mà Chúa Giêsu đã để lại cho các tông đồ trong bữa tiệc ly. Cuộc biệt ly nào cũng đau thương, cũng để lại những cảm xúc về lời nói, hành vi, cử chỉ, mà người ở lại không thể nào quên được. Người ở lại luôn luôn lấy đó làm kim chỉ nam, làm đuốc soi đường cho cuộc đời của mình. Đây là cuộc biệt ly của Chúa Giêsu với các môn đệ trước khi Người chịu nạn.

Đó là Tình Yêu!

Luật của Chúa khởi nguồn từ tình yêu, không như người Phariseu, coi luật là tối thượng trên tất cả. Điều này Chúa Giêsu đã nhiều lần lên án, từ việc rửa tay trước khi ăn đến việc “nộp thuế thập phân về bạc hà, vân hương và đủ thứ rau cỏ, mà sao lãng lẽ công bình và lòng yêu mến Thiên Chúa...Khốn cho cả các người nữa, hỡi các nhà thông luật! Các người chất lên vai kẻ khác những gánh nặng không thể gánh nổi, còn chính các người, thì dù một ngón tay cũng không động vào”. (Lc 11, 42-46)

Luật của Chúa, là đề tài, Tác giả Thiên Duy đã chọn để suy ngẫm, vẫn với tâm tình cầu nguyện và ngôn từ bình dị, ông viết:

*Lạy Thiên Chúa Đấng toàn năng chí thiệ
Xin mở lòng con đón nhận lời Ngài
Theo con đường là chính Chúa sẽ chẳng sai
Cho con biết luật Ngài không gò bó
Nhưng chỉ là tình yêu được bày tỏ
Giữ cho con hạnh phúc và bình an
Nuôi dưỡng con bằng ơn Thánh tuôn tràn
Và che chở thoát bao lần cám dỗ
Cho con hiểu tội lỗi là đặt mình sai chỗ
Vị trí mà Thiên Chúa đã yêu thương
Ngài kề bên trong suốt quãng đường
Nên thành lữ cho con tìm nương náu.*

(Bài: *Luật của Chúa*)

Rõ ràng cuộc sống càng văn minh, con người càng xa lìa thiên lương, cái bản gốc của mình: “tính bản thiện”.

Tôn giáo vẫn tồn tại và phát triển, một số vị lãnh đạo tôn giáo là những bậc thông thái, trí tuệ hơn người. Đôi khi, đây là tiêu chuẩn trong việc chọn lựa, sắp đặt những vị này ở những vị trí quan trọng trong giáo hội, ở cấp cao thuộc trung ương cũng như cấp địa phương. Mặc nhiên đây là một điều hấp dẫn đối với những con người tu trì có sẵn bộ óc thông minh, song chưa cởi bỏ được lòng tham danh vọng và quyền lực. Người tín hữu sống giữa một xã hội quá đề cao mảnh bằng văn hóa; danh vọng, quyền lực là mục tiêu, là cái đích để vươn tới, bất chấp lương tâm, đạo lý...đều là đi ngược cái “tính thiện” của mình cũng như cái gốc của đạo. Bài thơ trên, gọi cho tôi nhớ Thánh Vịnh 57: “Chúa là thành lũy của tôi”...

Đấy là những vật cản, những trở ngại cho những ai muốn lên “Núi Thánh”.

*Đường lên núi Thánh quá cheo leo
Chẳng phải núi cao, chẳng phải đèo
Chẳng phải sông sâu hay biển rộng
Tham lam, ích kỷ níu chân trèo!*

*Đường lên núi Thánh quá chênh vênh
Đâu phải lên non, xuống thác ghềnh
Đâu phải rừng sâu, sa mạc vắng
Mà là kiêu ngạo, tính ngông nghênh!*

*Đường lên núi Thánh quá gian nan
Nếu cậy sức mình, dựa thế gian
Quên mất nguồn ơn từ Đức Chúa
Chẳng bao giờ thấy cửa Thiên đàng!*

*Đường lên núi Thánh chẳng xa xôi
Thắng được đăm mê, thắng cái tôi
Nhẹ bước theo Thầy lên núi Thánh
Vĩnh hằng viên mãn phúc đây rồi.*

(Bài: Đường lên núi Thánh,
trong tập *Vài lần cảm hứng*)

Những rào cản người tín hữu lên núi Thánh còn là “ý riêng” mình. Dưới ngòi bút của Thiên Duy thì đây là một điều trầm trọng, khó vượt qua, nên cần đến lòng thương sót của Chúa:

*Trong Kinh Thánh có lần nghe Chúa nói:
“Hãy theo Ta, từ bỏ ý riêng mình”
Con suy nghĩ và giữ lặng thinh
Bỏ ý riêng, có gì đâu là khó?
Nhưng khi đụng việc cần từ bỏ
Mới thấy ý riêng mình quá gớm ghê
Vừa nghe người khác có ý chê
Đã nổi đóa “cái tôi” kinh khủng quá
Sự hung hăng trở thành điều phản xạ
“Hơn gì tôi mà bầy đặt chê bai!
Xét hai mặt cả đức lẫn tài
Tôi chẳng kém chẳng qua chưa gặp vận”
Rồi trong lòng ghim sâu niềm tức giận
Lánh xa người có hảo ý nói điều ngay
Bình tĩnh lại trong cầu nguyện mới hay
Ý riêng ấy nấp sau tên kiêu ngạo
Lạy Thượng Đế Đấng toàn năng sáng tạo*

*Xin giúp con khiêm tốn nhận ra mình
Từ hư không Thiên Chúa đã tượng hình
Cho hiện diện và bao điều con đang có
Vì lợi chung Chúa muốn con từ bỏ
Để nhận ra giá trị của anh em
Xin cho con học biết và nhìn xem
Ôi Thiên Chúa bao dung đầy thương xót.*

(Bài: Ý riêng,
trong tập: Ai về thăm quê)

Bàn tay chữa lành, băng bó vết thương, bàn tay ủi an, thân thiện, trao ban quà tặng; bàn tay chúc phúc, bàn tay giờ cao nguyện cầu, bàn tay cấy trồng, gặt hái... Nhưng bàn tay cũng tàn phá, sát hại bằng gươm đao, bàn tay bấm hỏa tiễn, hạt nhân, nguyên tử... Những bàn tay này cần phải loại trừ ra khỏi cuộc sống nhân sinh.

Tác giả Thiên Duy ca tụng bàn tay phục vụ, bàn tay giờ lên chống điều ác, nâng đỡ tội nhân:

*Bàn tay đẹp đâu cần sơn móng đỏ
Cũng chẳng cần trau chuốt kỹ làn da
Bàn tay đẹp là bàn tay biết thiết tha
Với đau khổ của bao người cùng khổ
Bàn tay đẹp là bàn tay khiêm tốn
Không khoe khoang ngọc quý, nhẫn uy quyền
Không tham lam sâu thóm bạc tiền
Nhưng rộng rãi trao ban cho người khác
Một bàn tay dám giờ lên chống điều ác
Nhưng ủi an nâng đỡ những tội nhân*

*Bàn tay đẹp là bàn tay biết ân cần
Luôn phục vụ và yêu thương như Đức Chúa
Bàn tay đẹp không nhẹ nhàng trên nhưng lựa
Nhưng lao động vất vả vì người thân
Hay tận tụy săn sóc những bệnh nhân
Trong bệnh viện, hay những nơi thiện nguyện
Bàn tay đẹp là bàn tay cầu nguyện
Giơ lên cao trong tha thiết nguyện cầu:
Để con người đừng giành giết lẫn nhau
Nhưng luôn biết cảm thông và chia sẻ.*

(Bài: Bàn tay đẹp,
trong tập: Ai về thăm quê)

Nhưng ông cũng dùng thi ca để ca tụng bàn tay của vợ hiền, bàn tay phục vụ mọi người trong nhà, vá áo cho chồng con, khi mẹ chồng ốm đau, bàn tay ấy nâng đỡ, thuốc thang... Đây là một nét đặc biệt trong những người Công giáo VN làm thơ. Nó cũng là một dấu chỉ cho sự bền vững của hôn nhân Công giáo:

*Ngày xưa vá áo cho anh
Cũng bàn tay ấy chữa lành vết thương
Mẹ đau nằm liệt trên giường
Tay em săn sóc tình thương đáp đền
Mỗi lần nghe tiếng mẹ rên
Bàn tay nhỏ bé đặt lên trán người
Mẹ không còn biết để cười
Nhưng không rên nữa, nét tươi an bình
Sáng trưa chiều tối lặng thinh*

*Nhưng mẹ còn đó chúng mình vẫn vui
Cùng nhau chia sẻ ngọt bùi
Em sẵn sóc mẹ anh vui thật nhiều
Bàn tay dẫu ấn tình yêu
Bàn tay phục vụ sáng chiều không ngơi
Bàn tay nội trợ tuyệt vời
Bàn tay anh nợ một đời cảm ơn.*

(Bài: *Bàn tay*,
trong tập: *Vài lần cảm hứng*)

Ngôn ngữ trong thơ của Thiên Duy đơn sơ, như lời kể, và bình dị như cả một nền đạo đức bình dân trải dài suốt hơn 400 năm trong lịch sử Kitô giáo ở Việt Nam. Ở thời hiện đại, cách riêng trên đất Bắc từ năm 1945, 1954 và dưới thời bao cấp cũng như thời “đổi mới” từ 1986, nền đạo đức này đã vững vàng, kiên trung và vẫn còn đang “thử thách” với một đường lối “hòa dịu” để tồn tại và phát triển của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh rất đổi bi thảm của xã hội Việt Nam hiện nay, Thiên Duy không dừng lại ở một khía cạnh mà các mục tử của Giáo hội Việt Nam tránh né, lặng thinh và một phần lớn những cây bút trong giáo hội Công giáo Việt Nam cũng tránh né, kiêng dè, thì Thiên Duy vẫn xông vào. Lương tâm của ông mách bảo thế, Thánh Công đồng chung Vatican II hướng dẫn ông thế, còn Đức Phanxicô đương kim Giáo hoàng, ngài đã bày tỏ với hàng giáo sĩ của giáo hội nhiều lần, rằng, “hãy bước ra ngoài biên cương”, cái biên cương chật hẹp của giáo xứ, của giáo hội, cái biên cương của ích kỷ, của bộ

nã cai trị vốn là cố tật của kẻ quyền bính và thuộc về một “giai cấp” đặc thù. Với ngôn ngữ bình dị, chân thật, nhà thơ Thiên Duy đã đi tới tận cùng những gì tác giả muốn bày tỏ. Tác giả không trau chuốt, không khó khăn trong việc chọn từ. Phải chăng Thiên Duy đã thấm đẫm trong mình những dòng thi ca của Kytô giáo, nhất là Thánh Vịnh? Ông trung thực với mình, với giáo hội. Vì ông yêu mến giáo hội.

Trong bài *Ai về thăm quê*, tác giả mô tả thực trạng xã hội: đây là một báo động, một tiếng gọi khẩn thiết đối với những nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay. Xin quý vị đừng lãng tránh sứ mạng của mình.

*Nếu ai đã xa quê
Vài mươi năm trở về
Sẽ thấy bao thay đổi
Xin đừng vội khen chê*

*Nhà ở bớt liêu xiêu
Đường xá mở thêm nhiều
Công viên đẹp hơn trước
Trường học vẫn tiêu điều*

*Đường đông đúc hơn xưa
Xe đạp còn lưa thưa
Ô tô sang trọng lắm
Bên sông bớt bóng dừa*

*Thay cho những hàng cây
Quán nhậu khắp đó đây*

*Đua nhau mọc như nấm
Cái chết khởi từ đây*

*Báo chí rất tự do
Đăng mọi chuyện nhỏ to
Nhưng toàn tin chém giết
Ra đường nơm nớp lo*

*Cả trong đạo ngoài đời
Lo củng cố chỗ ngồi
Còn đâu là lý tưởng
Trên môi miệng mà thôi*

*Đạo đức quá suy đồi
Chỉ biết hưởng thụ thôi
Càng cao càng thối nát
Lẽ nghĩa mất cả rồi.*

(Bài: *Ai về thăm quê*,
trong tập cùng tên)

Thiên Duy không ngại ngừng dùng thi ca để bày tỏ nỗi lòng mình gửi cho các mục tử, đây là quan điểm của tác giả. Những gì tác giả bày tỏ, không phải thuộc về bên ngoài xã hội, trái lại, hoàn toàn là sứ mạng của mục tử. Tác giả nêu ra mấy việc trong Kinh thánh tiêu biểu cho lóng nhân hậu của Chúa Giêsu. Vấn đề là ở cung cách thi hành sứ vụ của các mục tử và các ngài đã thực hiện hay không!

CHÚNG CON MUỐN GÌ?

*Nếu các Ngài có hỏi:
“Giáo dân chúng con cần gì?”
Xin thưa: Chúng con chẳng cần chi
Ngoài tình yêu Người Mục tử
Công bằng trong đối xử
Không tây vị kẻ giàu sang
Danh, lợi, thú chẳng màng
Yêu thương và phục vụ
Chỉ thế thôi đã đủ
Việc xây cất cũng cần
Nhưng Đền thờ Chúa Thánh Thần
Phải ưu tiên số một
Giáo xứ gọi là tốt
Không thể bị chia hai
Đoàn này bị chê bai
Nhóm kia được trọng vọng
Gương chúng con trông ngóng
Đức Giêsu nhân hiền
Dám lên án cường quyền
Nhưng đầy lòng nhân hậu
Xã hội cho là xấu:
Người phụ nữ ngoại tình
Người trộm bị đóng đinh
Người tay sai thu thuế
Người bị coi là ô uế
Nhưng muốn lòng xót thương
Chúa âu yếm chỉ đường
Hãy đi, đừng phạm tội*

*Chúa cho người hối lỗi
Tha thứ và bình an
Hãy xem việc Chúa làm
Nói gương Thầy chí Thánh
Gian nguy không né tránh
Hết lòng vì đoàn chiên
Lạy Thiên Chúa nhân hiền
Xin thương xót chúng con.*

(Trích trong tập: *Ai về thăm quê*)

Thiên Duy làm thơ không nhiều, vì thi ca không phải là lãnh vực thiết thân của ông. Viết Thánh ca, sinh hoạt trong một Tu hội đời, hợp tác với một hai nhà dòng nữ trong việc chia sẻ ngoại khóa, tu đức... mới là điều ông gắn bó nhất. Nhưng có lẽ những gì Thiên Duy thấy cần có tiếng nói với giáo hội, với cộng đoàn, với xã hội v.v... thì phải qua thi ca, một hình thức truyền bá tư tưởng rộng nhất. Vì thế mà ông làm thơ. Những công việc “gắn bó nhất” của cuộc đời ông, chẳng thể nào mà không ảnh hưởng đến những ưu tư, những day dứt của ông về công cuộc truyền giáo và sống đạo của một vài thành phần trong giáo hội Việt Nam hôm nay, từ chủ chăn..., bài thơ “Chúng con muốn gì ?” trên đây đã nói lên tâm tư của tác giả. Bài thơ có phần đối chiếu giữa Tin Mừng với thực tế ở một vài lãnh vực mà nhà thơ thấy có vấn nạn. Những vấn nạn này xem ra như thể đó là những “căn bệnh trầm kha” chẳng riêng gì với giáo hội mà nó là điều ngay đến xã hội cũng cần cắt bỏ để gọi được là một xã hội nhân văn, một cuộc sống nhân bản. Giáo hội là “mẫu

nhệm Thân Thể Chúa Kitô”, nên những gì là “căn bệnh trầm kha” ấy không thể dừng dừng được. Nhà thơ Thiên Duy đã làm thơ!.

Trong bài thơ “*Xin suy nghĩ lại*” dưới đây, Thiên Duy còn xót xa, u uẩn hơn thế. Ngay ở 9/60 câu đầu bài, tác giả viết:

*Kính gửi Các Đấng Bề Trên
Đôi lời nhỏ mọn dâng lên các Ngài
Bị tai nhắm mắt thì thôi
Nếu vào trang mạng đừng ngồi không yên
Có bài kêu “Thắp sáng lên”
Cho tan bóng tối, cho đêm không dài
Cho bao thế hệ tương lai
Ấm no, hạnh phúc, không ai đói nghèo.
Những ai can đảm bước theo?
Con đường Thập giá Chúa leo đến cùng!*

Sau đó, tác giả đề cập đến một vài nhân vật trong giáo hội, vì “tiếng nói” của tự do, công bằng mà gặp nạn, nhưng không thấy có một hành vi an ủi nào của hàng giáo sĩ dành cho những “người anh em” này:

*Khi không lên án điều gian
Khi không bênh vực kẻ oan ngay lành*

Tác giả chuyển sang những vấn đề có thể dùng từ “nhức nhối” đối với những vị chân chính tu hành, những giáo dân ưu tú của giáo hội thuộc các lãnh vực khác nhau trong xã hội trần thế hiện nay, họ cũng là những

nhân chứng cho những điều tác giả nêu lên sau đó.

Chẳng hạn: những tù nhân lương tâm, không được ỉ an hay thăm viếng, những tệ nạn xã hội như phá thai, những ngôn sứ bị khóa miệng. Trong giáo hội thì, những cuộc tĩnh tâm hằng năm của Linh mục đoàn thường là các trung tâm du lịch nổi tiếng v.v..., đều được tác giả đề cập đến bằng ngôn ngữ bình thường, chân thật mà cũng xót xa:

*Xin tha thứ, ôi Giêsu
Xin an ủi những người tù lương tâm
Bao người đau khổ âm thầm
Những ngôn sứ thẳng phải câm miệng rồi
Tự do, hạnh phúc, xa xôi!
Phá thai, tệ nạn, suy đồi tận căn
Làm ngơ chẳng chút bận khoăn*

(Trích từ câu 41-47)

Ở cuối tập “*Ai về thăm quê*”, tác giả để bài “*Ôi Giêsu*”, như lời kết cho tập thơ của mình. Người viết cũng dùng để kết thúc bài viết này:

ÔI GIÊSU

*Con khắc khoải mong ngày được yên nghỉ
Trong Giêsu ôi êm ái dịu hiền!
Nguồn hạnh phúc và tuyệt đối bình yên
Nhưng không phải buông xuôi và chán nản
Dù niềm vui hay rơi vào hoạn nạn
Vẫn tin rằng có Chúa ở kề bên*

*Xin đi nốt đoạn đường và tiến lên
Theo chân Chúa trên ngọn đồi đau khổ
Nơi Giêsu dang cánh tay cứu độ
Ôi lạy Chúa! Xin thương xót chúng con
Những con người trong tăm tối mỗi mòn
Đang khao khát bàn tay Ngài giải thoát!*

Nói là kết thúc bài viết này, nhưng tác giả Thiên Duy lại mở ra bằng một ý tưởng “phó thác”, “không buông xuôi và chán nản”, “vẫn tin có Chúa ở kề bên” dù trong “niềm vui” hay “hoạn nạn”. Hướng mở tối nữa là sự giải thoát cho những con người trong “tăm tối”, trong “mỗi mòn” trông đợi. Tác giả muốn nói tới điều gì? Sự giải thoát của nghèo đói, của ngục tù hay của tình trạng “im-lặng-đáng-sợ”!

TRĂNG THẬP TỰ

Tập thơ: *Nẻo Quỳ Hoa* (2005- 2015)
Và một số bài thơ khác

Trăng Thập Tự là bút hiệu của Linh mục Võ Tá Khánh, sinh năm 1947, năm 13 tuổi vào Tiểu chủng viện Làng Sông. Thụ phong linh mục ngày 20.11.1975. Ngài là Trưởng ban Văn hóa, Hội đồng Mục vụ Giáo phận Qui Nhơn, Hội đồng Giám mục Việt Nam. Hiện ở Nhà hưu dưỡng giáo phận Qui Nhơn.

Trước khi mở ra những trang thơ kỳ diệu, tác giả trích dẫn 3 câu ở Cựt Ước và 1 câu ở Tân Ước. Xin dẫn ra đây 2 câu, 1 Cựt Ước và 1 Tân Ước:

⁷Lạy Đức Chúa, Ngài đã quyến rũ con
và con đã để cho Ngài quyến rũ
Ngài mạnh hơn con, và Ngài đã thắng. (Gr 20,7)

⁵Thầy là cây nho, anh em là cành.

Ai ở lại trong Thầy
và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều
hoa trái,
vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được.

(Ga 15,5)

Có lẽ hai câu này, tác giả xem như châm ngôn của mình. Vì cả hai đã rõ nghĩa lắm. “Tôi là ai mà có thể chống lại được sự quyến rũ của Chúa!” Cho nên, “tôi chỉ còn biết tháp nhập vào Chúa, như “cành nho” tháp vào “cây nho” là chính Chúa.

Điều này đã thành hiện thực nơi nhà thơ Trăng Thập Tự qua những hoa trái về nhiều mặt mà ngài đã thực hiện tại Giáo phận Qui Nhơn, cách riêng về văn hóa và văn học nghệ thuật.

Như những lời tự thuật, nhà thơ Trăng Thập Tự nhân sự kiện lớn đầu tiên ở Tổng Giáo Phận Hà Nội về việc truyền chức linh mục cho 57 Phó Tế, nhà thơ đã mở ra với độc giả xuất xứ của tập thơ Nẻo Quỳ Hoa. Tác giả viết:

“Ngày 29-11-2005, tại Hà Nội, Đức Hồng Y Crescenzo Sepe phong chức linh mục cho 57 anh em mới, nhân dịp ngài đến thăm Việt Nam. Một tin vui nức lòng người Việt Công Giáo trong và ngoài nước. Được thụ phong linh mục vào tháng Mười Một, theo cảm nghiệm bản thân của Trăng Thập Tự, quả là một may mắn tuyệt vời, không những vì bầu khí dọn mừng lễ Giáng Sinh mà còn vì đó là giữa mùa hoa quỳ rực rỡ. Hoa quỳ thuộc họ hướng dương, quay về mặt trời. Trong tiếng Anh, nó là sunflower hay heliotrope: hoa mặt trời. Viết hoa lên, ta sẽ có Mặt Trời. TTT thụ phong linh mục ngày 20-11-1975, rồi tiếp tục sống 20 năm tại Đà Lạt. Hằng năm, hoa quỳ luôn nhắc TTT sống chức linh mục trọn vẹn hơn. Thêm vào đó, một tiểu thuyết rất hay của Kim Dung, bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ, đã gợi cho TTT một ý nghĩa thật đẹp của hoa quỳ. Pho Quỳ

Hoa Bảo Điển được giấu ở cuối con hẻm trồng đầy cây hoa quỳ. Pho sách truyền lại một kiếm pháp thượng thừa nhưng với điều kiện, muốn tập thì phải “vung đao tự thiên”, dứt đường tình dục. Tưởng tượng của Kim Dung đã khiến TTT nhìn hoa quỳ như lời mời gọi sống triệt để các lời khuyên Tin Mừng, nhất là lời khuyên khiết tịnh. Xin gom ở đây những bài cảm hứng từ hoa quỳ để chúc mừng anh em tân linh mục. Một số bài rút từ tuyển tập “Có ai về Cát Minh” và một số bài mới sáng tác. Mến chúc hành trình linh mục của các anh em mới sẽ mãi mãi là hành trình vô tận của Tình Yêu Hằng Hữu. Hy vọng về sau, sẽ có những dịp anh em lên Đà Lạt tĩnh tâm kỷ niệm mùa hồng ân, khẳng định lại tình yêu của mình. Những lúc ấy, dù không gặp nhau, chúng ta vẫn gần gũi nhau bên những thảm hoa mặt trời, trong cõi lòng của chính Mặt Trời yêu dấu”.

Manila, ngày 27 tháng 11-2005

Trăng Thập Tự

Nhà thơ Trăng Thập Tự đã mở đầu tập thơ Nẻo Quỳ Hoa của mình bằng sự kiện truyền chức linh mục cho 57 Phó tế tại Hà Nội do Đức Hồng y Crescenzo Sepe, đại diện Tòa thánh chủ sự. Thời gian diễn ra buổi lễ, cuối tháng 11, theo tác giả cũng là mùa hoa quỳ nở rộ rõ và ngài liên tưởng đến sứ vụ mục tử của mình.

Đây là định hướng của ngài, tất cả hướng về Trời Cao, tất cả quy về Chúa và điều này cũng được ngài trình bày trong tập thơ của mình. Chúng tôi cũng thao thức với ngài qua một số bài mình thấu cảm được theo hướng dẫn của tâm tư. Chỉ có điều, sách này không phải viết riêng

về ngài, nên dù muốn, chúng tôi cũng không thể giới thiệu tất cả những gì tâm tư của mình đã tẩm gội trong những dòng chảy tinh tuyền mà một chú “vượn người” kia trong bài thơ “chào đời” đã mê mẩn cái đẹp quên đường về với bầy.

Còn chính tác giả, chính nhà thơ thì sao? Bài thơ “Leo núi” đã nói hết: phải bỏ tất cả những gì làm “nặng nề” đời sống trần tục của mình, chỉ riêng có thơ là tác giả giữ lại. Nhưng, nếu “thơ” và “ảnh”, là cái đẹp, nặng nề quá thì tác giả cũng “liều” ném đi. Tuy nhiên, tác giả chợt thấy Chúa ở kề bên, nên lòng “thanh thản”. Tác giả không nói gì thêm, nhưng hàm ý là mình không cần phải ném thơ và ảnh, tượng trưng cho cái đẹp.

LEO NÚI

*Ngài vỗ vai tôi ướm hỏi
Theo Ngài lên tận đỉnh kia chăng?
Ngài rõ lòng tôi, còn phải nói!
Vội vàng tôi xếp vội hành trang.*

*Ba lô xếp chặt nào quần áo,
Có sách, sổ, bút, có máy hình.
La bàn, dây, cọc, lều hương đạo,
Lương khô và đủ thứ linh tinh.*

*Thiên nhiên biêng biếc, lòng ngây ngất,
Mê mẩn dệt thơ, mãi lấy hình.
Trưa nắng dừng chân, ngồi nghỉ mệt,
Tôi tìm vớt bớt cái linh tinh.*

*Chiều xuống dưới chòm cây cột võng,
Giăng lều vùi ngủ dưới trăng khuya.
Sáng dậy càng leo càng thấy nóng,
Vất vả lều này với võng kia.*

*Mệt nhòai chiều ném cả ba lô,
Riêng giữ máy hình với tập thơ.
Lên dốc theo Ngài không kịp thở,
Mồ hôi nhễ nhại bước bơ thờ.*

*Những phút đứng làm thơ nhiếp ảnh,
Kéo ghì tôi tụt lại thật xa.
Thì ném liều cả ảnh lẫn thơ,
Chợt thấy sát bên Ngài, thanh thản.*

Qui Nhơn,
26-01-2014

Đi theo Chúa, là sống như Chúa, như Giêsu, một Chúa bị đóng đinh, một Giêsu đã hứa: “Thầy sẽ không để anh em mồ côi. Thầy đến cùng anh em” (Ga 14, 18). Tác giả dùng lối nói tượng trưng để bày tỏ về việc theo Chúa, là sự từ bỏ. Trong Tin mừng, điều kiện để theo Chúa còn quyết liệt hơn. Thế nhưng, Chúa đã an ủi những ai mang gánh nặng nề: “vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng” (Mt 11,30). Cái “hành trang” của người theo Chúa nó làm cho cuộc hành trình “tụt lại thật xa”, chính là cái “ngã”, “cái tôi” của người ấy!

HUYỀN NHIỆM MỘT ƠN GỌI

Trong bài “Chào đời”, tác giả dẫn chúng ta đi vào một huyền thoại của Vượn người:

*“Rồi đã có lần, một chú vượn người bắt đầu mơ mộng.
Cái đẹp đã đưa nó đi xa bầy, lạc vào thượng uyển.*

Mãi mê với cái đẹp,

vượn người rơi tõm xuống suối ngọc.

Nước thanh tẩy nó lạ lùng, nó hoàn toàn thoát xác”.

Chú vượn người thoát xác, hay là một sự chọn lựa quyết liệt của một người bỏ lại tất cả để theo Chúa. Tự hủy mình để theo Chúa thì có tất cả, trở thành một “thiên tạo vật mới” tinh tuyền. Việc này, con người không thể làm được. Thiên Chúa can thiệp vào:

Trời cao bỗng cánh tay đưa

Vớt lên một nắm, lạ chưa? ai ngờ!

Phải chăng đây là lúc con người được sinh ra, nên tác giả đặt tên cho bài thơ này là “Chào đời”. Hay đây là một mặc khải khi một con người cũ qua hình tượng con vượn, được Chúa của tạo vật “ngỏ lời” với một tạo vật của mình, như một tiền định, chỉ vì yêu thương nó. Từ giây phút “Trời cao ngó xuống...” con người cũ trở nên mới, một “thiên tạo vật mới”!

Con vượn hay tạo vật cũ không biết “mãi mê cái đẹp” đâu! Đây là một ẩn dụ của tác giả bài thơ. Ngài hàm ý về mầu nhiệm của Ơn Gọi Linh Mục!? Hai câu cuối bài, tác giả viết:

Nghiêm trang chín cõi thiên đường

Lặng thinh vũ trụ, mười phương đợi chờ.

Đợi chờ gì? Ai đợi chờ? Rõ ràng, cả thiên đường và mười phương đợi chờ “những tạo vật mới” này hoàn thành Thiên Ý, tức là lúc mọi tạo vật đều quy tụ trên Núi Thánh.

*Vườn người lững thững chân đi
Men theo ngây ngất mê ly nhạc vàng
Lá hoa trăm mối mơ màng
Thiu thiu nửa thức yên hàn cỏ cây.
Tơ tình vương vấn đầu dây
Vườn đêm ngây ngất trăng đầy bốn bên
Dạ hương nhòa với sương lên,
Vườn người say nhấp, xa quên bạn bầu
Cung trời dàu dặt trăng thâu,
Vườn người mê mẩn thềm đầu lối về
Lững lờ thấp thoáng tiểu khê
Vườn tay vốc uống tê mê suối tình
Con trăng đang tắm giặt mình
Vườn người thảng thốt, vô tình sẩy chân
.....*

*Hò reo trăm cõi yêu thương
Xôn xao sỏi đá cũng vương vấn tình
Trăng sao đăm đuối say nhìn
Vườn người đã trút một nghìn dấu xưa
Trời cao bổng cánh tay đưa
Vọt lên một nắm, lạ chưa? ai ngờ!
Lạ lòng trắng muốt như thơ
Một thiên tạo vật ơ hờ mới tinh
Đặt nằm trên bãi cỏ xinh
Chim muông ngơ ngác dang kinh ngại mừng*

*Lá hoa hồi hộp rung rung,
Ôi chao! Sự lạ chuta từng bay ơi!
Nghe kìa nè nhẹ thở hơi,
Trời cao cúi xuống mở lời yêu thương
Nghiêm trang chín cõi thiên đường,
Lặng thình vũ trụ, mời phương đợi chờ.*

1978

(Trích bài: *Chào đời*. Dẫn theo quyển *Góp nhặt thơ Công giáo Việt Nam*, nxb Thuận Hóa, Huế - 1999)

Bài “*Chào đời*” được ghi thời gian sáng tác là năm 1978, cách nay đã 47 năm, năm này (1947) cũng là năm cậu Võ Tá Khánh chào đời. Vậy bài thơ được viết năm tác giả 45 tuổi, tức ba năm sau ngày nhà thơ chịu chức linh mục, cho nên bài thơ hàm chứa một tính chất thơ mộng, huyền hoặc và trong sáng, như một dòng suối trong chảy, mang theo hương thơm của đồng nội cùng với vẻ đẹp làm mê mẩn tạo vật. Triều đình thiên quốc vui mừng, “đợi chờ”. Đợi chờ gì? Một tạo vật mới xuất hiện, hẳn phải có những hoa trái mới, những hoa quý tinh tuyền hướng về thiên cung, hay về ngày chung cuộc của trái đất đã chất chồng bom đạn, chất thải, khí độc..., toàn những thứ giết người hàng loạt ghê sợ.

Với sứ mệnh của linh mục, nhưng qua tâm tư của một nhà thơ giàu chất lãng mạn, nhà thơ Trăng Thập Tự đứng trước cánh đồng lúa chín vàng, lòng vị linh mục bồn chồn, khắc khoải như lúc nào cũng đứng ngồi không yên, vì trời đã về chiều mà “lúa thì chưa gặt xong”, sứ mệnh của ngài còn đấy. Tuy nhiên, ông vẫn quyết tâm

hướng về Cánh đồng truyền giáo:

CÁNH ĐỒNG

Viết mừng chức linh mục
của anh Yuse Tiến Lộc và các bạn

*Khi chiều về và những dự định chưa thành
Ta bỗng thấy mình giới hạn
Bỗng mơ một miền đời đời
Nơi không bị thời gian ràng buộc.*

*Khi chiều về rất đổi vội vàng
Cánh đồng còn bề bộn
Ta bỗng mơ tay được nối dài
Ta bỗng thêm mặt trời đứng lại
Để ta gặt cho đầy
Để ta gom cho hết
Đem lúa thơm về kịp trước đêm đen.*

*Nhưng ngày này qua ngày kia
Mỗi khi chiều về ta vẫn gặt chưa hết
Đêm buông rồi công việc vẫn chưa xong.
Ôi cánh đồng
Nếu như em biết
Những ước mơ ta giữ trong lòng.*

*Ta vẫn nuôi trong ta một hoài bão lớn
Và kiên trì thực hiện
Qua tháng nọ năm này
Dẫu mặt dày mày dạn*

*Dẫu tay ta chuta dài
Dẫu đời ta quá ngắn
Nhưng tim ta tức nước vỡ bờ
Lan tràn vô tận
Khấp mặt cuộc đời
Và bất gặp những nụ cười
Có chung hoài bão lớn
Cùng nhau ôm cả một cánh đồng
Sẽ gặt kịp trước khi chiều đến.*

Sông Cầu 11.7.72

(Nguồn: *Góp nhặt thơ Công giáo Việt Nam 1999*)

Nhìn vào cánh đồng, mênh mông là bao la, tác giả bồn chồn, băn khoăn, cảm thấy cánh tay mình quá ngắn, nên ông mơ nó sẽ dài ra để cùng nhau “ôm cả cánh đồng” và “sẽ gặt kịp trước khi chiều đến”.

Có lúc, người linh mục cảm nhận mình lẻ loi, đời vô tình, như lãng quên còn sỉ nhục. Có tuyệt vọng không? Có bỏ cuộc không? Nhà thơ Trăng Thập Tự đã giải bày trong bài:

GỬI NGƯỜI ANH EM LINH MỤC

Viết theo cảm nghiệm của Chị thánh Faustina, nhật ký, số 578 và 838, được trích lại trong quyển “*Chúa nói với linh mục của Ngài*”.

*

*Năm tháng lững lờ trôi
Lùi dần vào quá khứ*

*Chung cuộc đã gần rồi.
Niềm vui đang khởi sự.*

*Có hệ gì đau thương,
Với vô vàn sỉ nhục.
Tất cả là nẻo đường,
Dẫn về quê hạnh phúc.*

*Thiên Chúa ban can trường,
Bạn sẽ không bỏ cuộc
Những trở ngại phi thường
Kết hào quang thiên quốc.*

*Hãy quả cảm tiến lên,
Thuộc về phần Sốt Lại
Tân Dân Israel
Dấn thân thật quảng đại.*

*Thế gian thật vô tình,
Vong ân và thù hận
Giúp bạn đi một mình,
Lẻ loi, không bè bạn.*

*Này ánh sáng lung linh,
Cả một đời nặng gánh
Trong cô đơn thập hình
Chính Chúa là sức mạnh.*

*Chúa đang về đêm thanh,
Âu yếm lời nhã nhạc*

*Này tôi tớ trung thành
Hãy vào chung hoan lạc!*

Lễ Mẹ Sầu Bi, 15-9-2006

TẠI SAO “ME HÒA BÌNH” Ở GIỮA THÀNH PHỐ NÀY LẠI KHÓC?!

Ngày 30 tháng 10 năm 2005, tượng Đức Mẹ đứng trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn khóc. Ngay sau đó tin tức và hình ảnh Đức Mẹ khóc được loan truyền rộng rãi, nhất là trong tầng lớp giáo dân Sài Gòn và các vùng lân cận.

Nhà thơ Trăng Thập Tự đã viết hơn 20 bài thơ về Mẹ, đặt tên là *Nhật Ký Cho Mẹ* in trong tập thơ *Nẻo Quỳ Hoa*, trang 112. Trong số những bài thơ này, có mấy bài tác giả đề cập tới tượng Đức Mẹ, còn đều là những bài thơ ca khen Đức Mẹ, như thể là những Ca vịnh về Đức Mẹ. Chúng tôi xin dẫn hai bài: *Vì sao Mẹ khóc*, dài 13 đoạn, mỗi đoạn 4 câu; bài sau là *Nước mắt Mẹ*, có 4 đoạn, mỗi đoạn 4 câu.

Trước hết tác giả mở đầu *Nhật ký cho Mẹ* bằng mấy dòng dẫn:

“Sự kiện ngày 30-10-2005, dòng lệ đột nhiên hần rõ trên pho tượng Đức Mẹ tại nơi mà từ ban đầu được gọi là Công Trường Hòa Bình, có ý nghĩa và tầm vóc như thế nào?...tất cả những ai quan tâm đều có thể rút bài học cho mình. Phần mình, từ ngày xảy ra sự kiện, TTT xúc động không cầm được. Ít ra mọi chuyện cũng nhắc lại những lời mời gọi của Đức Mẹ đã được xác nhận tại La

Salette (năm 1846 ở Pháp), Syracuse (năm 1953 tại Ý), hay Akita (năm 1973 ở Nhật) v.v...TTT đã viết một số lời thơ (thơ bao giờ cũng có phần chủ quan). Nhân dịp mừng lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, xin được chia sẻ với quý Cha và Anh Chị Em để cùng hiệp thông suy tư và cầu nguyện...”

Mở đầu những trang Nhật ký cho Mẹ là bài thơ

NUỚC MẮT MẸ

Xin kính dâng Mẹ và hiệp thông
với mọi linh hồn yêu mến Mẹ

*Ngày xưa ấy, con còn tằm bé,
Nhìn Mẹ khóc lặng lẽ ngoài vườn.
Ngẫm lời thiếu muối cá ươn,
Con ngồi nhấp giọt lệ tuôn theo dòng.*

*Nay giữa phố, đau lòng, Mẹ khóc,
Mẹ lặng thầm cuối góc công viên,
Con nhìn lên Mẹ không yên,
Lấy chi lau sạch lệ phiền Mẹ đây.*

*Ai mặt dạn mày dày quá quắt,
Mắng Mẹ rằng nước mắt đàn bà!
Con là nút nhỏ trong nhà,
Nước mắt của Mẹ cũng là của con.*

*Lạy Đức Mẹ Sài Gòn kính mến,
Này chúng con cùng đến bên Người.*

*Thôi đừng khóc nữa Mẹ ơi,
Đoàn con nguyện sống theo lời Mẹ khuyên.*

31-10-2005

Nhà thơ Trăng Thập Tự đã gợi mở cho chúng ta bước vào những dòng tâm tư buồn phiền, ray rứt khôn nguôi trong bài “*Vì sao Mẹ khóc?*” Cũng có thể nói đây là những “Căn bệnh trầm kha”, như tên một cuốn sách của Nguyễn Trọng Viễn OP, Chân Lý 2004 phổ biến. Dưới nhan đề sách, tác giả còn ghi: “Trong đời sống đức tin Công Giáo tại Việt Nam”. Tục ngữ Việt Nam có câu: “Cá không ăn muối cá ươn...” Còn giáo dân thì cơ hồ như không mấy quan tâm đến việc thực hiện lời Chúa và Giáo huấn của Hội Thánh!

Nhà thơ Trăng Thập Tự, ngay đoạn 2 trong số 13 đoạn của bài thơ *Vì sao Mẹ khóc?*, đã viết:

*Hỏi vì sao Mẹ khóc?
Mẹ chỉ khẽ thở dài
Tôi suốt đêm trần trọc
Hỏi Mẹ khóc vì ai?*

*Mẹ khóc vì con cái
Chẳng khóc vì người ngoài
Phải chi còn nhỏ dại
Nay khôn lớn cả rồi!*

Có lẽ nào, càng khôn lớn càng “lãng quên nguồn cội”, là các bậc tiền nhân hơn 300 năm trước! Ngay thời sơ

khai Giáo Hội Chúa Kitô tại Việt Nam, tức là một thời kỳ còn “nhỏ dại” lắm, thế mà đã có hơn một trăm ngàn Đấng Tử Vì Đạo, chứng nhân Đức Tin. Năm 1988, Đức thánh Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đã tôn phong 117 Vị Chân Phước Tử Vì Đạo tại Việt Nam lên bậc hiển thánh. Riêng tại Tổng Giáo Phận Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2016, Tòa TGP đã chuyển hồ sơ sang Tòa Thánh một “Danh Sách Các Đấng Tử Vì Đạo thuộc TGP Hà Nội”. Danh sách này có tất cả 385 vị, do Đức Cha P.M Đông ký ngày 27 tháng 11 năm 1927.(Nguồn:Web. Tgphanoi, 18-6-2016).

Nhà thơ Trăng Thập Tự đã tìm đến những góc cạnh trong đời sống đạo của người giáo dân Việt Nam để có câu đáp cho câu hỏi: *Vì sao Mẹ khóc?* mà chính tác giả đã nêu ra. Rồi tác giả trả lời: *“Làm sao Mẹ không khóc”*. Câu này khiến cho bài thơ *“Vì sao Mẹ khóc”* nhuộm vẻ bi quan.

Rồi tác giả đưa ra những nguyên nhân: Mẹ khóc vì con cái “ham tiền”, làm cho “nghĩa tình đảo điên”, Mẹ khóc vì con cái “rượu chè”, “nghiện ngập”, vì con cái “quên yêu thương tha thứ” và “quên mình được thứ tha”.

Xin dẫn nguyên văn vài đoạn:

*Làm sao Mẹ không khóc,
Khi con cái ham danh.
Mẹ khiêm nhường nhịn nhục
Con cái Mẹ kiêu căng.*

...

*Làm sao Mẹ không khóc,
Khi con cái lãng loàn.*

*Đua đòi theo dục vọng,
Học thói đời vô luân.*

*Làm sao Mẹ không khóc,
Khi con chuộng dục tình.
Quên giữ gìn phẩm cách,
Lấm láp bùn hôi tanh.*

...

*Rất bất ngờ, khó nói,
Mẹ khóc chính vì tôi.
Bao năm rồi Mẹ gọi,
Lầm lỗi vẫn chưa thôi.*

*Ba mươi năm Mẹ yêu,
Mẹ dạy dỗ nuông chiều.
Tôi đã làm gì để
Ủi an Mẹ sớm chiều?*

*Mẹ khóc vì bạn chằng?
Tôi không dám lạm bàn!
Hãy vào trong thình lặng,
Lệ Mẹ sẽ bảo ban.*

18-11-2005

DỰ NGÔN MẸ

“Một chút đồng cảm với anh chị em Tam Tòa và Giáo Phận Vinh trước những thình lặng đáng sợ. Cùng chia sẻ với những dân oan khiếu kiện, những ngư dân bị tàn hại trên Biển Đông,

Và nhắn gửi Mẹ: Mẹ có đang nghe con không?”

ME Ở ĐÂU?

*Lời rằng một chú ngựa đau,
Cả tàu bỏ cỏ, cả tàu không ăn.
Bây giờ con ngã nằm lẩn,
Cả tàu như vại bình chân, nghĩa là?
Con nằm gọi mẹ, nhớ cha,
Mẹ ơi, mẹ đã thành ra thế nào?
Con đau, con khóc, con gào,
Mẹ ơi, mẹ ở nơi nao vậy kia?
Con nằm nước mắt đầm đìa,
Nỗi này đau một, niềm kia xót mười.*

AVE MARIA

*Mẹ còn, ăn những cá tươi,
Mẹ đi, con mẹ bị người coi khinh.
Mẹ trần gian cứ làm thánh,
Con về với Mẹ Đồng Trinh trên trời.
Con là con Mẹ, Mẹ ơi!
Xin dâng lên Mẹ những lời thiết tha!
Từ ngày biết Chúa là Cha,
Lòng con hạnh phúc: Mẹ là Mẹ con!*

NÀY LÀ MẸ CON

*Dù cho sông cạn núi mòn,
Con ơi, Mẹ chẳng quên con bao giờ!
Chỉ cần con chớ làm ngơ
Những lời Mẹ dặn từ xưa đến rày.*

*Con về Thứ Bảy ăn chay,
Đọc kinh lần hạt, sống ngay ở lành.
Thực thi bác ái công bình,
Rồi con sẽ thấy rõ tình Chúa thương.*

CON ƠI, HÃY THA THỨ CHO MẸ!

*Ông con là Môsê
Lẽ nào mẹ không biết!
Sử nhà mình oanh liệt
Một thời mẹ say mê.*

*Là con Trưng, cháu Triệu,
Cũng nòi Giuđitha,
Mẹ là, con có hiểu
Lòng dạ mẹ xót xa?*

*Nhìn con bị ức hiếp
Mẹ nhói từng nhịp tim.
Lòng nào không tan nát
Khi ngậm ngùi đứng im*

*Mẹ tơ vò nhấp nhỏm,
Con ơi có thấu tình.
Lỡ ăn nem hàng xóm,
Đành ngọng miệng làm thinh.*

*Con ơi, đừng khóc nữa,
Cho lòng mẹ tái tê.*

*Dù đau thương, nhục nhã,
Con ơi, mẹ sẽ về!*

*Cha con là Hô-sê
Lòng thên-thang biển rộng.
Mẹ sao đành thất vọng,
Con ơi, mẹ sẽ về!*

Thứ Bảy 08-08-09

Như tác giả đã nói trước trên đây, ông viết bài thơ này là để “đồng cảm” với những đồng bào mất đất, mất ruộng, mất nguồn sống của gia đình, được gọi là “dân oan”. Tác giả cũng “đồng cảm” với những giáo dân ở Tam Tòa, ở giáo phận Vinh và nhiều nơi khác trong toàn quốc cũng cùng cảnh ngộ cay đắng, thương đau v.v... mà tác giả không thể kể ra hết được. Cho nên, chúng tôi cũng không muốn giải trình thêm ở đây. Đọc bài thơ bao nhiêu lần là bấy nhiêu lần chúng tôi xót xa. Có lẽ nào, bề trên mình “*Lỡ ăn nem hàng xóm - Đành ngậm miệng làm thinh*”! Vì là linh mục, nên tác giả cũng đành giả đóng vai bề trên mà xin tha thứ! Tuy nhiên, tác giả viết 4 câu cuối khiến chúng tôi thất vọng: “Con ơi, mẹ sẽ về!” Ý của tác giả trong câu này là gì?

NHÀ THƠ TRĂNG THẬP TỰ VỚI THẦY GIÊSU

Có lẽ không có cái tựa đề nào đúng với nhà thơ của vùng Nước Mặn, Qui Nhơn (dù xa hay gần) là Trăng Thập Tự như tựa đề này. Cũng dễ hiểu và tất yếu, vì ngài

là một Linh mục, vốn đã được kể là một “Kitô khác”. Trong cuộc đời mục tử, còn có cái gì gần kề với mình hơn là Giêsu! Ban mai vừa thức dậy là tâm trí đã hầu như thuộc về Thầy Giêsu rồi, nếu không nói có nhiều đêm, ngài phải thức để soạn bài giảng về Giêsu cho một thánh lễ nào đó trong ngày. Cho nên, một linh mục nhiệt thành trong sứ mệnh rao truyền Phúc Âm, mà lại là thi nhân, thì phải nói là tuyệt với trong sự kết hợp để ca tụng cái “Đẹp”, sự “Thiện” và qua đó, phụng sự Tình Yêu Thiên Chúa, phục vụ tha nhân để chữa lành “vết thương” trong tâm hồn con người.

Riêng ở đây, người viết nhận thấy mình bất lực và thiếu sót nhiều với tất cả những nhà thơ có tên trong sách này, vì không thể truyền tải hết những tinh hoa trong những bài thơ mà các tác giả đã muốn trao cho đời. Chẳng hạn, nhà thơ Trăng Thập Tự, riêng đề tài về Chúa Giêsu, người viết cũng thấy thiếu sót. Bởi những bài suy niệm dành cho cộng đoàn hay chỉ riêng với tác giả những khi vắng vẻ hay thình lạng, cũng đã là một thế giới độc đáo của tác giả với Thầy Giêsu của ngài.

Thí dụ: Bài *Ghetsêmani*

Trong tập thơ *Nẻo Quỳ Hoa*, có tất cả 16 bài có tên *Ghetsêmani*. Bài dưới đây được ghi trong ngoặc đơn là số 12. Tác giả đặt mình vào cái đêm “Thiên ý” rất đỗi bi thiết ấy. Nhà thơ giả thiết là có mặt mình và cũng có thể mình sẽ ngủ thôi. Đến ý này thì tôi cũng thấy mình, nơi các môn đệ của Chúa. Nhưng cũng cần biết mình phải đồng hành với Chúa Giêsu từ vườn Cây Dầu lên tới Núi Sọ và “đóng đinh” với Chúa trong cuộc hành trình của mình nơi dương thế này.

GHETSÊMANI

*Xin thờ lạy nổi cô đơn chí thánh
Giữa vườn khuya ướt lạnh vai gầy.
Con đến đây mong chia sẻ với Thầy,
Một giọt máu, giọt trích từ chén đắng.
Con buồn ngủ ai xui mắt trĩu nặng,
Lời thở than con nghe vắng bên tai
Nỗi đớn đau con xót với đêm dài,
Giá có được chút sức hèn con sẽ
Lết tới bên, cầm tay Thầy lặng khẽ,
Cũng đủ cảm thông an ủi đôi phần.
Nhưng kìa sao con liệt nhược toàn thân,
Con rất muốn mà con không thể...
Nếu đúng ý Trời là phải thế
Cho Thầy nhấp trọn chén cô đơn
Thì xin dâng giấc ngủ chập chờn
Cho chén đắng thêm phần đắng đót...*

(Dòng MTG Nha Trang, 23-6-2008)

Giuda Iscariot, môn đệ của Chúa đã dẫn lính vào vườn Cây Dầu hôn Chúa làm hiệu đó là Giêsu, người mà nhóm Thượng tế ở đền thờ trả cho hắn 30 đồng bạc để hắn dẫn đi bắt Chúa. Những người này dẫn Chúa đến quan Tổng Trấn Philatô.

Nhà thơ Trăng Thập Tự đã dựng lên một vở kịch về phiên tòa Philatô xử Chúa Giêsu bằng một bài thơ có nhan đề: “*Phiên tòa lịch sử*”. Ở đây, hình ảnh một ông quan Tổng trấn Rôma xem ra bị đánh động tinh thần

bởi Giêsu Nagiaret, nạn nhân của nhóm người Do Thái đang gào thét ngoài kia, đòi đóng đinh Giêsu, còn chính “người áo trắng” là Giêsu thì phong độ uy linh khác thường mà có lẽ quan Tổng trấn chưa hề gặp một người nào như thế.

*Ngài tổng trấn quay sang quát bảo:
-Bay đâu, ra xem thử chuyện gì?
“Thưa đại quan, bọn hạ tiện ngu si
Bắt nộp cho ngài một tên phản loạn.
Tổng trấn cười lên sang sảng:
Kính chúc ngài muôn tuổi, Cesar!
Vớ tay không thống nhất cả sơn hà
Dân dân quỳ mọp tung hô Thánh Thượng.
Rồi tổng trấn vỗ vai người áo trắng:
-“Thưa Đức Vua, thưa Ngài Ngự, cảm phiền!
Không may cho ngài gặp thời buổi đảo điên
Thần dân lại nộp vua mình cho mẫu quốc
Ngài thấy đó, vì thái bình cho các dân tộc
Mà chúng tôi đem quân đến ổn định nơi này
Giờ ngài đòi làm vua cũng thật đến hay!”
Người áo trắng nhìn ông khẽ đáp:
-“Ông bảo thế hay là ai bảo thế?”
Tổng trấn thở dài: “Tôi nào phải dân ông
Chính dân ông và các thủ lãnh đồng lòng
Bắt nộp ông cho tôi đấy chứ!
Thế ông đã làm gì, nói thử?”
-“Đấy ngài xem, vương quốc tôi
không ở cõi này
Nếu nước tôi gần ở đâu đây*

Thuộc hạ nào bó tay nhìn tôi bị nộp?”
Ngài tổng trấn ngược nhìn trở mắt:
- “Vậy thì ra ông đúng là vua?”

Người áo trắng như thể phân bua:
- “Chính ông nói tôi là vua đấy,
Tôi sinh ra đời chính là vì vậy
Để làm chứng cho sự thật mà thôi
Ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng tôi.”
Viên tổng trấn càu nhàu cự nự:
- “Sự thật là gì cơ chứ?”
Nói thế rồi ông quay gót trở ra
Bảo đám người đang âm ỉ hét la:
- “Ta đã xét người này không có gì đặc tội!
Nhân dịp lễ, ta quyết định tha y
trước khi các người đòi hỏi.”

Dân điên cuồng hét la:
- “Thà ngài phóng thích tướng cướp Baraba,
Chứ nhất định đừng tha cho hắn!”
Ngài tổng trấn nhìn người áo trắng,
Rồi giao ông cho đám lính đánh đòn.
Đám lính nhao nhao: “Ngài cứ để bọn con
Ngài muốn ép cung chuyện gì xin cho biết
Bọn con đánh, nó sẽ khai bằng hết.”
- “Sao mà y im, không chịu nói, hử Kitô?
Mày thích làm vua, chúng ông sẽ phong vua!
Choàng áo đỏ vào đi,
cầm que làm vương trượng,
Tao kết vòng gai cho mày làm vương miện,
Ngoan nào, ông ghim chặt khỏi rơi!

Chúng mày ơi, hay quá, chúng mày ơi!
Hãy quỳ xuống tâu đức vua muôn tuổi!
Kìa đức vua, sao mày không chịu nói?"
Khá chạnh lòng, ngài tổng trấn bảo: "Thôi!
Đây ta đưa ra cho các người coi
Một đức vua có cả cầm bào và vương trượng!"
Nạn nhân bước đi không vững,
Tổng trấn hét to vào đoàn lũ dưới kia:
"Đây là người, các người đã thấy chưa?
Ta đã bảo rằng người là Đức Vua vô tội"
Đám đông reo hò như nhạc hội:
Đóng đinh đinh là đinh đinh đinh
Đóng đinh đinh là đinh đinh đinh, đinh đinh.
Đóng đinh kẻ dám xưng

mình là con Thiên Chúa!

Ngài tổng trấn tam tinh tá hỏa,
Liên quay vào hỏi người đến từ đâu.
Người im lìm không đáp lấy một câu
Khiến tổng trấn vô cùng kinh ngạc
Ông cho gọi một tên lính gác
Truyền mời đức vua đăng quang
Hắn dìu người đặt ngai lên tòa cao
Rồi kính cẩn cúi chào:
"Xin ngự tòa mà xét xử muôn dân!"
Tổng trấn lại truyền một tên cầm bảng, viết:
"Giêsu Nazaret"
Tên này hỏi: "rồi sao nữa thưa ngài?"
Tổng trấn đáp: "Vua của dân Do Thái"
Nó bảo: "Cả của Rôma nữa mới phải!
Ông bảo "Nhà người nói như kẻ có quyền

*Cũng chẳng phải vô lý
Nhưng cứ để nguyên
Điều ta đã cho viết thì cứ viết!”*

Quy Hòa, Linh Thao tháng 8-2017

Phiên tòa lịch sử này đã diễn ra cách nay hơn 2000 năm trong thời đế quốc Rôma thịnh trị nhất, Giuđê bị đặt dưới ách cai trị của đế quốc này. Chúa Giêsu thuộc về dân bị trị, nhưng dân lại đi theo Chúa. Các Thượng tế và nhóm Biệt phái lo sợ quân Rôma đến tiêu diệt xứ sở họ, nên tìm mọi cố để tố cáo và bắt Chúa nộp cho quan Tổng trấn.

Bài thơ trên đây của Trăng Thập Tự diễn tả phiên tòa lịch sử ấy, dựa theo Kinh thánh Tân Ước, nhưng tác giả cũng “Văn vẻ” thêm vào phiên tòa để thấy tính hài hước và phi lý của cả hai phía, quan Tổng trấn và nhóm Thượng tế, phục vụ đền thờ! Đây là một trong những bài thơ thành công của nhà thơ Trăng Thập Tự về ý tưởng và ngôn ngữ Kinh Thánh, được sử dụng một cách chuẩn mực.

Bài thơ “*Sau lễ hội*”, tác giả mô tả cảnh Chúa Giêsu “giáng sinh” ở thời đại hôm nay. Ông tự hỏi:

*Này em bé vừa sinh trong hang đá,
Lễ tan rồi, dứt tiếng nhạc lời ca.
Đám người đông hối hả trở về nhà
Bỏ lại sân giáo đường lộng gió.
Này em bé vừa sinh trong máng cỏ
Lễ xong rồi tắt phụt ánh đèn sao.*

*Như âm u Bêlem lạnh thuở nào
Sợ bóng tối, em giật mình khóc thét*

Sau đó nhà thơ lại tưởng tượng một cảnh hiện thực mẹ
bồng mẹ đỡ em, còn bố thì dọn chỗ ấm êm cho bé nằm:

*Này em bé vừa sinh trong giá rét
Nín đi em, hiu hắt ánh điện đường
Đủ soi mẹ bồng, mẹ đỡ, mẹ thương,
Soi bố dọn ấm êm cho em ngủ.*

Sau cùng là tâm tư của tác giả về trang sử hôm nay.
Xem ra nó còn lạnh giá hơn trang sử cũ nhiều,

*Này em bé xa rồi dòng sử cũ
Sang trang này em may mắn hơn chăng?
Hay lòng người vẫn giá lạnh như băng
Lạnh vì tị, vì tiền, vì sợ?
Này em bé, giọt long lanh sương võ
Ai bày em nuốt lệ đường kia
Khiến vì sao thổn thức canh khuya
Và lộn gió chột ngập ngừng nghĩ ngợi.*

Qui Nhơn, Giáng Sinh 2010

Tác giả dùng lối thơ vừa hiện thực vừa tượng trưng,
dùng cảnh vật trong trời đất, như vì sao, như lộn gió để
mô tả cõi lòng ông. Bài thơ “Sau lễ hội” ngắn, nhưng
nó là tiêu biểu cho dòng thơ Công giáo của ngài, có lẽ
tư tưởng này đã khiến tác giả “ném thơ đi” để chọn đời

sống tu trì. Tuy nhiên, nếu ngài làm thơ thì cũng vẫn là Thiên ý, bỏ thơ đi đâu có dễ. Có lẽ ngài nói đến một cái buông bỏ khác mà thi ca có thể níu ngài lại với thế gian ô trọc.

Xin độc giả phóng tầm nhìn vào thế giới Công giáo ở hai thập niên đầu thế kỷ 21, năm 2021, 2022, “Con đường Công nghị” ở Đức mở ra do một số Giám mục, Tổng giám mục và Hồng y cầm đầu, có một số giáo dân theo. Con đường này chủ trương truất quyền của Đức Giáo Hoàng trong việc chọn Giám mục, trao việc này cho giáo dân, hủy bỏ luật độc thân linh mục, truyền chức linh mục cho phụ nữ và giáo hội chúc lành cho các cặp hôn nhân đồng tính. Đây là con đường dẫn đến “bội giáo”, phản bội Phúc âm. Cuối cùng sẽ là “ly giáo”!? Lại là Đức!

Còn tại Việt Nam, ngày Chúa nhật 20.02.2022, trong lúc Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Hà Nội, Giuse Vũ Văn Thiên, đang cử hành Thánh lễ tại một nhà thờ thuộc thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình, thì có hai người đàn ông xưng là “đại diện chính quyền thị trấn Vụ Bản” xông lên Cung thánh đòi giải tán thánh lễ (Theo Website Tổng Giáo phận Hà Nội ngày 21.02.2022)

Vì thế, có lẽ nào, người Công giáo đích thực không thể khóc với Giáo hội!..

Hãy khóc lên đi! Khóc thật to và gào thét lên, để tiếng khóc và nước mắt của chúng ta có thể đánh động đến lòng xót thương của Thiên Chúa, nước mắt của chúng ta sẽ là những giọt lệ thống hối, rửa sạch mọi vết thương của những cõi lòng tội lỗi, bất trung.

EMMAU

Ý tưởng của bài *Emmau*, dẫn sau đây, thường thấy trong nhiều bài có những đề tài khác nhau, như *Canh thức* (trang 155); *Chúa đến* (tr.156); *Gọi khế* (tr 157); *Trong nhau* (tr.158); *Quyề đằng sau* (tr.159); *Xin dẫn con về* (tr.160) v.v... Tuy nhiên đây không phải là những ý tưởng lặp lại, nhạt nhẽo, nhàm chán, nhưng là những biểu hiện, tác giả rất phong phú về ngôn từ, giàu âm điệu, giàu phong cách, giàu tư tưởng thần học nhập thể. Chúng tôi dẫn bài *Emmau* ở đây vì là một đoạn Tin Mừng rất quen thuộc, được Giáo hội tuyên đọc vào sau Chúa nhật Chúa Giêsu Phục sinh, có hai môn đệ thất vọng về Thầy mình vì Ngài sống và giảng dạy có uy quyền, vậy mà đã chết trong tay đám người Biệt phái kia, đã ba ngày rồi!... Giữa lúc đó thì Chúa Giêsu đã đi bên cạnh họ mà hai môn đệ không nhận ra, *tưởng rằng* là người đồng hành thông thường. Người Công giáo có lẽ không ít người sống đạo như hai môn đệ đi về làng Emmau. Họ tôn kính Chúa, tuyên xưng đức tin chỉ ở trong nhà thờ, nhà nguyện, khi họ có tiền, nhà cửa khang trang, đầy đủ tiện nghi vất chất, nhưng khi phong ba bão táp ập đến, thử thách đến...thì họ chao đảo, mất bình tĩnh, mất đức tin...trong khi đó Chúa vẫn hiện diện, vẫn ở bên cạnh mà họ không biết! Đức tin như thế là rất hời hợt, không có chiều sâu, hạt giống đức tin như thế là rơi vào bụi gai hay rơi trên sỏi đá!

EMMAU

*Chiều buông trên dặm đường dài
Lê thân những tưởng chẳng ai nhớ mình
Từ xa chợt cả tâm tình
Nắng xuân chung bước hành trình Emmau
Lời xưa rọi chiếu nghìn sau
Bên Ngài lửa cháy cho nhau ấm lòng
Ngài nhen lên một bếp nồng
Để ta sưởi cả bờ trong cõi ngoài.*

Qui Nhơn, 11.11.2013

(Để cảm tạ chân tình của cụ Mai Xuân Trinh
và gia đình)

Chúng tôi tâm đắc hai câu thơ trong bài:

*Lời xưa rọi chiếu nghìn sau
Để ta sưởi cả bờ trong cõi ngoài*

Thâm trầm và tình cảm đượm chất thi ca.

Bài *Vĩnh biệt Cha Anrê Dũng Lạc Trần Cao Tường* là một ý tưởng gắn bó, gắn gũi giữa người sống và người đã khuất, theo tinh thần Kitô giáo và văn hóa truyền thống Việt Nam, khi tác giả nói đến nguồn cội của con người: Con người có tổ có tông:

*Giờ này anh đã lên
Tận đỉnh cao cuộc trần
Mách cho đời cùng biết
Chính nguồn mạch Thánh Thần.*

và khi tác giả nói đến:

*Một đời lặng lẽ gieo -
Miệt mài công vun xới*

VĨNH BIỆT CHA ANRÊ DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG

*Thêm một người hẹn ta
Bên kia đồi thập giá
Thêm một người vụt xa
Chợt trở thành gần quá.
Từ nửa vòng trái đất
Mời thì thầm gọi tên
Vừa hay tin xa khuất
Bỗng thấy gần ngay bên.
Giờ này anh đã lên
Tận đỉnh cao cuộc trần
Mách cho đời cùng biết
Chính nguồn mạch Thánh Thần.
Một đời lặng lẽ gieo
Miệt mài công vun xới
Từ cao xin dõi theo
Lúa vàng mùa gặt mới.
Xin cùng vươn theo nhau
Càng lên càng tụ hội
Theo nước cuộn về sâu
Hiệp nhất nơi nguồn cội.
Vẫy tay vờn cánh hạc
Hẹn bên hồ Phục Sinh*

*Nghe câu hò Dũng Lạc
Hát khúc ca biến hình.*

Qui Nhơn, 22-11-2010

Bài *Biển khơi* dưới đây là một cõi tâm tư khác của nhà thơ Trăng Thập Tự, ông rất lãng mạn, giàu chất thi ca, giàu tưởng tượng và thường dùng ngôn ngữ ẩn dụ để nói về cõi sâu của lòng mình. Nhưng cuối cùng bao giờ tác giả cũng hướng về một ý tưởng thần học chung cuộc:

BIỂN KHƠI

*Em tắm mát giữa dòng sông chảy
Sông miệt mài về với biển khơi
Em cuốn quýt náu dòng sông lại
Sông vô tình chi mấy, sông ơi*

*Sông đến hỏi vị Thầy giác ngộ
Thầy đưa tay lên chỉ vàng trắng
Con cứ bảo hãy nhìn trăng tỏ
Đừng nhìn tay, có hiểu ra chăng?*

*Em về lại vầng trăng cổ độ
Trăng nhớ thuyền, thuyền nhớ biển khơi
Em thối mắc nhờ đâu trăng tỏ
Trăng nhìn em, khế bảo Mặt trời!*

*Thuyền ai đó, thuyền ai cuối bãi
Chở đầy trăng nhắm hướng mặt trời*

*Này thuyền có xuôi dòng sông chảy
Thì cho em về với biển khơi.*

(Qui Nhơn, lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu,
11.6.2010)

Tôi đã tính kết thúc bài viết này sau bài *Dụ Ngôn Mẹ*, nhưng thấy buồn và u uẩn quá. Mặt khác, nó cũng chỉ là một góc tâm tư của nhà thơ Trăng Thập Tự, chứ không tiêu biểu cho dòng thơ rất phong phú, gồm nhiều đề tài, nhiều ý tưởng thần học, suy niệm, sống với Thầy Giêsu của mình trong khổ nạn thập giá. Xét về toàn thể tập thơ Nẻo Quỳ Hoa của ngài, thì có lẽ bài *Biển khơi* và *Chiều buông* sau đây là phù hợp với tâm tình của ngài: Bài thơ không để lộ một chủ đề nào, nếu không phải là những giây phút lãng mạn về cuối cuộc đời! Nó bàng bạc như bức tranh thủy mặc trong mấy bài thơ *Thu Điếu*, *Thu Vịnh* của Nguyễn Khuyến hay cái hồn Lão Trang được tái hiện một phần nào trong tiếng “buông”. Tuy nhiên, nó vẫn không thể “vắng mặt” tác giả là một linh mục. Đây là cái giới hạn của nhà thơ Trăng Thập Tự, đã là một “Kitô khác”.

CHIỀU BUÔNG

*Chiều buông theo nắng nhớ
Chiều buông với mây xa
Lá rơi vàng trên phố
Lá rơi đầy sân ga.*

Chiều buông trên lịch sử
Chiều buông trên đời ta
Men cung đàn lũ thú
Mà hát khúc tân ca.

Chiều buông cho hoa nở
Hoa nở cho ngày mai
Chiều buông theo nhịp thở
Nhịp thở vào tương lai.

Chiều buông trao màu hồng
Nhấn lời về rạng đông
Chiều buông theo thu không
Chiều buông, buông mênh mông.

Chiều buông khi mục tử
In bóng trên bờ đê
Rúc hồi còi giục già
Cát tiếng hát gọi về.

Chiều buông theo dấu hỏi
Đời bao la đại dương
Ngày trôi qua vẫn vỏi
Đong đượ mấy yêu thương?

Chiều buông theo dấu lặng
Đời một rừng hoa hương
Thiếu đôi bàn tay trắng
Hái đượ mấy thiên đường?

*Chiều buồn nhớ quê nhà
Mong một chuyến đò xa
Trên sông dài vắng ngắt
Khói sóng chạnh lòng ta.*

*Chiều buồn cho lòng ta
Bay theo cánh chim xa
Tắm tấp đồng đất mẹ
Thăng cánh về quê cha.*

*Chiều buồn chiều nở hoa
Hoa nở theo lòng ta
Nghe vắng trong chiều tà
Ai hát khúc tân ca.*

Và nếu bài này thiếu mấy dòng thơ trong “*Chùm thơ tháng tám*” dưới đây, thì tôi cũng sẽ coi là vô tình giảm trừ dòng thơ u uẩn về chiều của Trăng Thập Tự.

CHÙM THƠ THÁNG TÁM

TRĂNG

*Ai về ngổ ý trong tâm
Và ai vẫy gọi âm thầm dưới kia.
Ai cầm tấm bánh trăng khuya
Mời ai bẻ nát mà chia cho đời.*

KHOI

*Biển một đêm thuyền về rợp bến
Sáng ra còn mấy chiếc lơ thơ.*

*Có ai sót lại trên bờ,
Có ai ngủ muộn hụi giờ ra khơi.*

ĐƯỜNG VỀ

*Ta tìm theo một làn rất hẹp
Giữa con đường đã rộng thênh thang.
Hãy thu hình một màn rất đẹp
Lách ngược chiều càng thấy bình an.*

ME

*Qui Nhơn dừng bước hành hương,
Mẹ chờ giữa cuộc đời thường chân quê.
Lặng nghe giữa cõi đi về
Chuông vàng hát khúc Salve cuối ngày.*

Qui Nhơn 8-2008

Nhà thơ Trăng Thập Tự có lối thơ liên tưởng rất ấn tượng, tác giả nối hai nhân vật trong Cựu Ước là Giuse bị bán sang Ai Cập và Môsê đã đưa dân Do Thái ra khỏi xứ sở của “1001 Đêm” này, với một nhân vật trong hàng Tư tế tại Việt Nam, cách nhau hơn 2000 năm, đó là Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt. Mặc dù tác giả không nói đến cách trực tiếp sự kiện Tòa Khâm sứ cũ tại Hà Nội, nhưng người đọc cũng sẽ nhận ra bóng dáng của Đức Tổng Ngô Quang Kiệt trong bài thơ *Kính chào Môsê*.

Bài thơ *Đêm Giuse*, tác giả kể chuyện Kinh thánh, Giuse bị các anh bán sang Ai Cập.

Hai người anh là Ruben và Giuđa đã cứu em mình, nhưng cũng không hề biết đó là ý Trời, Thiên Chúa của

Israel. Qua nhân vật Giuse này, tác giả có liên tưởng gì đến Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt hay không, ở bài *Đêm Giuse* này, ngài không nhắc đến, chỉ gọi Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt là Đavít, là Môsê.

ĐÊM GIUSE

*Kính tặng
Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt,
Là Đavít, là Môsê và sáng nay là Giuse.
St 37,3-28*

*Đêm mù mịt băng qua sa mạc
Nào biết đang đi về đâu.
Mở mắt ra chợt thấy là Ai Cập
Chợt thấy là Giuse
Ngay trên trang sử thánh
Trang phụng vụ của Ngày.*

*Xin cảm ơn Ruben
Xin cảm ơn Giuđa
Những người anh có lòng tốt
Đập tắt lửa ghen tương bùng bột
Đã cứu em
Rồi phó thác vào đêm.*

*Một ngày kia hai anh sẽ biết
Những giấc em mơ là có thật
Và Thiên Chúa ta thờ
Là Đấng thể hiện những giấc mơ.*

*Em thoáng thấy đêm trải dài Ai Cập
Đêm trải thật dài
Để khi đêm tàn mới thấy quý bình minh.*

*Xin ngợi ca
Đêm thăm thăm mịt mù
Đêm dẫn vào cõi sáng thiên thu
Như có Lời đã viết
Đấng đã viết cũng chính Ngài đã biết.*

*Ngước trông hương hồn Mẹ
Em khẽ gọi tên Cha
Xin vẫy tay từ xa
Xin vẫy chào trong cõi người ta.*

Qui Nhơn, sáng Thứ Sáu
Tuần II Mùa Chay, 2010

Còn trong bài *Kính chào Môsê*, tác giả ghi bên dưới tựa đề bài thơ này là:

*Kính dâng Đức TGM Giuse Ngô Quang Kiệt
và đoàn chiên của Ngài.*

Nhà thơ mô tả Môsê và Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt có vài nét tương tự giống nhau. Đức cha Kiệt về Cao Bắc Lạng, “*núi rừng tận cõi biên cương - Ai ngờ tiếng gọi quê hương - Dẫn dắt người về Horép*”, ám chỉ đến Hà Nội.

Còn Horép là nói đến Môsê, với những câu thơ tả thực theo Kinh thánh, hàm chứa cả ẩn dụ, như:

Sai người về Ai Cập - Biển môi miệng lấp bắp của người thành sấm sét - Với chiếc gậy chặn chiê - Người biển Pharaô thành trò cười cho thiên hạ - Éch nhái chết ngập cung đình - Để toàn dân biết cung đình thối tha bản thủ...

BẢN HÒA ÂM BA NGÔI

Chân phước Élisabeth Chúa Ba Ngôi (Elisabeth Catez) sinh gần Bourges, nước Pháp, ngày 18-7-1880. Chị đạt giải nhất dương cầm thành phố năm 13 tuổi. Chị vào Dòng Cát Minh Dijon năm 1901. Ở đó chị đã sống đắm chìm trong chiêm ngắm và thờ phượng Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh đang ngự trong tâm hồn chị. Chị theo đuổi mục tiêu trở thành “lời ca ngợi cho vinh quang Thiên Chúa”. “Tôi đã tìm được thiên đàng của mình trên thế gian, vì thiên đàng là chính Thiên Chúa, mà Thiên Chúa đang ở trong tâm hồn tôi”. Những thử thách bên trong và bệnh tật đã biến chị thành Tân nương của Đấng Chịu Đóng Đinh. Chị qua đời lúc rạng đông ngày 9.11.1906. Năm nay kỷ niệm 100 năm.

*Đưa tay chạm phím tơ lòng,
Mà nghe réo rắt suối trong đầu nguồn.
Lần tay theo mạch trào tuôn,
Sông dào dạt nhạc, sóng cuộn cuộn thơ.
Bỗng ai chạm phím tình cờ,
Mà chia biệt đôi bờ nghĩa ân.
Ai về chèo vượt cam tân,
Và ai chở lại một vầng chói chang.*

Lòng con một cõi thiên đàng,
Muôn muôn thần thánh còn đang hát mừng.
Có toà vũ trụ sáng trưng,
Có lời Mẹ hát không ngừng âu ca.
Vọng lời khen chúc muôn nhà,
Và khen quả phúc lòng Bà: Giêsu!
Thánh Thần thả Gió êm ru,
Nói thời gian với nghìn thu đá vàng.
Nói nhân tính với Thần Nhan,
Nói tình Con với ngút ngàn lòng Cha.
Thái hoà vừa một vừa ba,
Vang cung hợp xướng thiết tha dặt dìu.
Trời du dương nhạc mền yêu,
Cùng chung nguồn cội, trăm chiều hiệp thông.
Con nương theo phím tơ đồng,
Mà rung theo nhịp tiếng lòng Ngôi Con,
Thánh Thần hoà khúc véo von,
Hội chung trời đất vương tròn trong Cha.

19-9-2006

Cuộc hành trình đến với nhà thơ Trăng Thập Tự qua Nẻo Quỳ Hoa đến đây xin dừng lại, người viết thú thật chưa biểu lộ được hết sắc thái, kỹ thuật diễn tả trong 150 bài của tập thơ. Những bài trích dẫn trong bài này người viết dựa theo cảm hứng về ý tưởng và ngôn ngữ, người viết không chọn ở hình thức, cho dù đây là một yếu tố cần để xét giá trị của bài thơ. Người viết không nghĩ rằng điều kiện để xét một bài thơ tôn giáo và một bài thơ không phải là tôn giáo giống nhau về hình thức. Câu tục

ngữ “tốt gỗ hơn tốt nước sơn”, đã được tranh luận trong văn học, tức là vấn đề hình thức và nội dung. Tất nhiên đã là thơ thì cần có vần điệu và ngôn ngữ phù hợp với tính chất của thơ.

Tập thơ *Nẻo Quỳ Hoa* của nhà thơ Trăng Thập Tự, đa dạng về đề tài, phong phú về tư tưởng và cách diễn tả. Một bài thơ, có khi là tả thực, tượng trưng và ẩn dụ. Tập thơ bao quát nhiều khía cạnh trong cuộc đời linh mục và những chuyến đi mục vụ của ngài. Tác giả cũng đưa vào thơ nhiều hình ảnh trong đời sống của người dân trong xã hội, cụ thể như công việc các thuyền cá của ngư dân ở Lý Sơn. Nhà thơ như thể đồng hành với họ, cảm thông nỗi thống khổ của họ trong lúc “cá chết”:

*Lý Sơn, sao em chưa ra khơi
Em đánh bắt thâu đêm
Chỉ quanh quẩn ven bờ
Không nhiều cá đâu em
Lý Sơn, quê hương là biển trời
Tổ tiên mình để lại
Ai ngăn mình không được ra khơi?*

Rồi tác giả đề cập tới chuyện “cá chết” hàng nghìn tấn năm nào dọc dải bờ biển suốt mấy tỉnh miền Trung, do chất thải công nghiệp từ một nhà máy. Nhưng tác giả cũng có cái nhìn thực tế. Ông rất yêu biển. Hình ảnh “biển” xuất hiện nhiều ở một số bài khác trong *Nẻo Quỳ Hoa*.

*Lý Sơn, ai vét sạch mơ gai
Con cá khóc lạc loài*

*Con cá khóc đêm dài
Nước mắt hòa biển mặn...*

*Lý Sơn, đang khi ta không ngờ
Em vượt khơi từ bao giờ
Để sáng ngày rộn rã
Em giọng thuyền về
Cho ta đón cá vào bờ
Lý Sơn đoàn thuyền thơ
Hòa lẫn với mặt trời
Đang chói chang trở lại
Ta đưa tay che mắt
Cho đỡ chói em ơi...*

(Trích từ bài: *Ra khơi*, 01-4-2010)

TRẦN MỘNG TÚ

Trần Mộng Tú sinh tại Hà Đông năm 1943, di cư vào Nam năm 1954. Bà là thư ký cho hãng thông tấn Associated Press ở Sài Gòn giai đoạn 1968-1975. Bà thường xuyên cộng tác với các tạp chí văn học ở Mỹ và các nước khác. Sau năm 1975, bà sang Mỹ định cư. Bà viết truyện nhi đồng cho báo *Los Angeles Times* từ năm 2000 và làm thơ Anh ngữ trong sách giáo khoa Mỹ cho chương trình trung học. Hiện bà sống tại bang Washington.

Trần Mộng Tú vừa là tên và bút hiệu của bà. Bà có nhiều tác phẩm thơ đã được phổ nhạc.

Tác phẩm:

- *Thơ Trần Mộng Tú*, 1990
- *Câu chuyện của lá phong* (tập truyện ngắn) 1994
- *Để em làm gió* (thơ) 1996
- *Cô Rơm và những truyện ngắn khác* (tập truyện ngắn) 1999
- *Ngọn nến muộn màng* (thơ) 2005)
- *Mưa Sài Gòn mưa Seattle* (tạp văn) 2006
- *Thơ tuyển Trần Mộng Tú*, 2009

(Nguồn: Thi Viện.net)

Nhà thơ Trần Mộng Tú, có tên thánh là Maria, bà có nhiều tác phẩm thơ. Tuyển tập thơ in ở dòng cuối trên đây, chính là một công trình gồm những bài thơ tác giả viết trong vòng 40 năm, từ 1969 đến 2009. Tuy nhiên, số bài thơ đạo thì không có nhiều. Trong số ít này, Trần Mộng Tú có mấy bài đặc sắc. Đó là bài thơ *Chúa và tôi*, viết năm 2006, bài *Chặt đầu Chúa*, viết ngày 20/07/2020. Theo nhà nghiên cứu văn học Công giáo Việt Nam là ông Bùi Công Thuấn chú thích thì, đó là bức tượng Chúa Giêsu Chấn Chiên ở một nhà thờ tại bang Miami Florida. Họ đập gãy đầu tượng vút xuống đất vào ban đêm ngày 7/15/2020.

*Ô, hôm nay con đã chặt đầu Cha xuống
Chiếc đầu lăn lóc trên mặt đất
Có ai đó vừa nhặt lên
Gắn lại cho Cha*

*Nhưng con ơi nếu thấy cần phải đập đi
Khối vữa vôi đó sẽ sẵn sàng tan vỡ
Cha còn cả hai cánh tay
Cha còn cả hai ống chân
Cha còn cả thân mình
Nếu thấy thích con cứ tự nhiên đập bỏ
Vì từ hơn hai ngàn năm trước
Loài người đã đập vỡ thịt xương Cha*

*Này đây cánh tay với bàn tay
Con cứ đem về
Cánh tay Cha cho con ngả đầu vào*

*Những khi con nhọc nhằn sau hoan hô đả đảo
Sau gào thét đập phá
Hãy đặt cuộc đời trên vai Cha*

*Bàn tay Cha đây con hãy nắm lấy
Vứt đi chiếc gậy chiếc búa con đang cầm
Hãy đan những ngón tay con vào ngón tay Cha
Con sẽ ngời ngoai cơn tức giận
Rồi con sẽ hiểu thế nào là truyền cho nhau
cảm xúc*

*Bàn chân Cha bước thấp bước cao
Cha sẽ cùng con đi tới bất cứ nơi nào
Thân mình Cha có thể cõng được con
Trèo qua những cao ốc nhảy qua tường*

*Nhưng nếu con muốn ta sẽ đi thong dong
qua suối qua rừng
cùng nhau ra biển
Cha và con sẽ ngồi xuống
Cha sẽ giao cho con việc lấy đất lấy cát
trộn vào nhau*

*Làm thành một con người
Con có thể muốn sơn bất cứ màu gì
vào con người đó
Trắng Đen Vàng và ngay cả một kẻ không màu
Con sẽ đặt tên, mặc áo quần cho pho tượng
theo ý của con
Rồi Cha sẽ phà cho pho tượng một linh hồn*

*Vì việc linh hồn của tượng con
không bao giờ làm được*

*Cũng như con chỉ có thể cất đầu
hay đập nát một pho tượng*

*Vì đó chỉ là vôi cát vô tri
Linh hồn của pho tượng con không bao giờ
đập nát được*

*Vì nơi đó là nơi con tìm đến
để được Thương Yêu.*

(Tháng 7/20/2020)

Ông Bùi Công Thuấn có nhận xét về bài thơ này và những bài thơ đạo khác nói chung của nhà thơ Trần Mộng Tú, chúng tôi mượn ông mấy dòng sau đây:

“Bài thơ là lời của tượng Chúa (cũng là tác giả nhập thân vào Chúa) để nói lời thứ tha, lời yêu thương; đồng thời chỉ ra chân lý về quyền năng vô biên của Chúa với một lòng xác tín thật hân hoan. Hiếm lắm tôi mới gặp được một bài thơ tôn giáo mà tư tưởng, tình cảm và đức tin mạnh mẽ đến vậy. Tin Mừng được diễn giải thật tinh tế, đẹp đẽ: “hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em.” (Mt. 5,38-48) bằng một nghệ thuật ngôn ngữ đầy sức thuyết phục.

“Thực ra, nhiều bài thơ của Trần Mộng Tú đã thấm rất sâu tinh thần của Tin Mừng. Đó là lòng yêu thương con người, sự sẻ chia mọi niềm vui nỗi buồn với mọi thân phận bất hạnh, ở cái tâm bình an, và sự vượt

qua những bế tắc tư tưởng và những vấn đề của hiện sinh.” (x. Bùi Công Thuận: *Chút tình tri âm*, ngày 11/01/2022)

Tác giả “*nhập thân vào Chúa để nói lời thú tha, lời yêu thương...*” hay đó là lẽ đạo: Chúa không là bức tượng để người ta có thể đập vỡ, hủy hoại; Chúa không ở trên cây Thánh giá, để thế tục kéo xuống và chà đạp dưới chân. Người tín hữu thấy vậy thì than khóc, kêu gào “*sao các người làm khổ Chúa tôi, Người đã làm gì!?*” Chúa là đường, là đạo. Mà đã là đường, là đạo thì chẳng có hủy, chẳng có hoại.

Tôi có đọc ở đâu đó câu chuyện về đức Phật, đã lâu quá nên không nhớ chuyện ghi ở sách nào, ai viết, ai kể. Vị nào biết xin chỉ giáo cho. Đại khái chuyện như thế này: Tại một ngôi chùa nọ ở trên núi cao, lạnh lẽo quanh năm. Vào một mùa nọ, tuyết phủ dày đặc, lạnh buốt quá đỗi, chùa không còn củi nấu nướng và sưởi ấm thầy trò, Rừng cũng tuyết phủ trắng xóa, không thể ra ngoài kiếm củi. Đệ tử bẩm thầy:

- Bẩm thầy, chùa hết củi để nấu nướng và sưởi ấm. Bẩm...

Đệ tử muốn xin sư phụ dậy thế nào, nhưng chưa kịp thưa gì thì thầy đã nói, trong lúc thân ông vẫn bất động, mắt nhắm. Thầy nói:

- Ở trong chánh điện ấy!
- Thưa,...trong chánh điện làm gì có...
- Củi ở trong chánh điện ấy...

Bất giác, đệ tử “ngộ”.

CHÚA VÀ TÔI

*Tôi bước vào khuôn viên nhà thờ
Máng chiếc áo đời người trên nóc chuông
treo chiếc túi vào một cành tùng
đặt cuốn sách tôi viết
cuốn sách tôi đọc
dưới một phiến đá.*

*Gọi tên tôi ra
cài vào chiếc lá phong
phủ hạt bụi trên vai
Tất cả sau cánh cửa
Tôi bước vào nhà Chúa
rất lạ lùng và rất tinh khôi
Tôi bên này cánh cửa và tôi bên kia cánh cửa
là hai tôi hay chỉ một tôi.*

*Hoa lặng thinh
nến lặng thinh
đàn nằm im
ghế nằm im.*

*Chúa trên cao cúi xuống nhìn
Hồn tôi bỗng đỡ trăm nghìn hồi chuông.*

(Tháng 5-2006)

(Ghi theo bản trong quyển “*Những bài thơ Việt Nam
hay lạ xưa nay*”, Tập II -2009 của Long Biên Trương
Quang Nguyên, nxb Văn Nghệ, trang 63)

Bài thơ *Chúa và tôi*, lạ lùng và tuyệt vời từ ngôn từ đơn sơ, bình dị đến ý tưởng trong sáng, đạt được điều kiện của Chúa khi sai các tông đồ đi truyền bá Tin Mừng: “Anh em đừng mang gì đi đường, đừng mang gậy, bao bị, lương thực, tiền bạc, cũng đừng có hai áo.” (Lc 9,3)

Nhà thơ Trần Mộng Tú khi đến với Chúa, bà đã bỏ đi tất cả (để ở bên ngoài hay bên kia cánh cửa) những gì bà mang theo qua những biểu tượng, như chiếc áo, cái túi, quyển sách, đến cả cái tên gọi của bà nữa, cũng bỏ đi hết v.v...rồi bà bước vào nhà Chúa trong thanh thoát. Bà tự hỏi: “tôi là một hay là hai?”- Một mà là hai. Hai nhưng là một! Mà không một cũng không hai! Bởi vì, cái tôi bấy giờ đã không còn là tôi. Cho nên, Chúa nhìn xuống thấy vậy, chắc là Chúa mỉm cười (chỉ có nhà thơ mới cảm nghiệm được điều này) và ngay lúc ấy, hồn nhà thơ mới đổ trăm nghìn hồi chuông reo vui, hoan lạc trong Chúa! Thật tuyệt vời những cảm nghiệm tâm linh!

Nhà thơ Trần Mộng Tú nhìn vào một thực tại của giống dân da vàng nói chung hay của một trường hợp cá biệt tại một xứ sở tạp chủng mà người da trắng “làm chủ” bằng một ý tưởng lạ lùng và bi thảm cho gã “da vàng”. Gã bị khước từ và “bỏ cuộc”. Gã trở về dòng sông xưa, gặp con nước cạn (hay bị xua đuổi). Cuối cùng gã “chết đuối” trên bờ! Bi thảm đến thế của một con người ở cái thời hậu chiến tranh và phát triển văn minh mạng toàn cầu.

Có lẽ đây là một trường hợp có thực nhưng bị che đậy. Con người ngày nay ích kỷ, đố kị và loại trừ nhau rất khủng khiếp. Còn bao nhiêu cái “chết đuối trên bờ” cạnh con sông mùa nước cạn?

“Mùa nước cạn” là một ẩn dụ, diễn tả cái hiện thực phi lý của con người, của một loại người hay của một thể chế “không có con người”!

BỎ CUỘC

*Gã da vàng xuống phố
Đi tìm nhật mặt trời
Mặt trời trốn cao ốc
Không có mảnh nào rơi*

*Gã da vàng xuống phố
Đi tìm nhật tiếng cười
Gã moi gan rao bán
Không ai nhập cuộc chơi*

*Gã da vàng xuống phố
Đi tìm nhật tình yêu
Gã moi tim rao tặng
Người quay mặt, lắc đầu*

*Gã da vàng xuống phố
Đi tìm một mái nhà
Gã gõ từng cánh cửa
Người mở khác màu da*

*Gã da vàng bỏ cuộc
Trở về giòng sông xưa
Giòng sông con nước cạn
Gã chết đuối trên bờ*

(TMT, Người Việt 1990)

Nhưng đời của một con người dẫu có bi thảm đến thế, cũng đâu bằng “Tháng Tư quê hương tôi”! Cả một tập thể đông đúc, cả một dòng giống. Người viết đã ứa lệ trong từng hàng, từng chữ của bài thơ ẩn tượng này, dẫu cho đã hơn nửa thế kỷ trôi qua. Cảm ơn tác giả.

THÁNG TƯ QUÊ HƯƠNG TÔI

*Tháng tư quê hương tôi
Con chim chết cháy trên ngọn cây
Con bướm chết cháy giữa bông hoa
Mẹ già chết cháy trong góc chợ
Em thơ chết cháy cùng căn nhà*

*Tháng tư quê hương tôi
Máu chảy ngoài quốc lộ
Máu kéo vào thành phố
Chiếc nón sắt vùi dưới mũm
Đôi giày saut vứt trên bãi cỏ*

*Tháng tư quê hương tôi
Có người lính quay súng bắn vào đầu
Có ông vua chạy trốn ngai vàng
Có ông tướng quên mình là tướng
Chưa kịp đánh đã hô to “tan hàng”*

*Tháng tư quê hương tôi
Những nụ hôn mặn chát
Những giọt lệ khô
Những chiếc thuyền ra cửa biển*

Những cánh tay gãy trong hàng rào tòa đại sứ

*Tháng tư quê hương tôi
Một vết đen lịch sử*

(TMT, Người Việt 1990)

Cũng tháng tư ấy, Tháng tư quê người, tác giả “hóa đá”! Nỗi sầu thương đến thế là cùng thôi:

*Tháng tư ta dấu mặt
Tháng ngày như chiêm bao
Hai năm trời kim chỉ
Không vá kín mảnh sầu*

*Tháng tư ta cố khóc
Tháng tư ta cố cười
Ô hay ta hóa đá
Không biết khóc biết cười*

(Trích bài: *Tháng Tư quê người*)

Nỗi đau như thế là tận cùng! Thế nhưng, thời gian vẫn trôi và nhà thơ đi qua những nơi chốn, những cảnh vật. Có những vườn cỏ vàng như hoa cải vàng ở quê nhà; bà ra bờ sông, thấy những con cá vàng có những cái vẩy lấp lánh, ngỡ rằng đó là những đôi hoa tai của mẹ ngày xưa; rồi nhà thơ đi trên những con đường, thấy có nhiều người đàn ông gốc Á Đông, như cha của mình, “tóc cũng trắng- và hồn như áo vá”...

Đây là hiện thực, gọi nhớ dĩ vãng đã xa nhưng như vẫn gần kề bên mình. Bởi đó là mẹ, là cha, là quê hương, nhà thơ Trần Mộng Tú có lẽ đã thấy ở trong những hình ảnh đó, những hiện thực đó là những điều linh thiêng, kỳ diệu để đi đến việc “hòa giải với mình”, nghĩa là gì? Là sống với thực tại, với cái hiện hữu, vì cái hiện hữu tại đây cũng là hình ảnh của mẹ, của cha, của quê nhà. Cho nên, đã tìm thấy mình!

THÁNG TƯ TÔI HÒA GIẢI VỚI MÌNH

Tháng Tư đen

*Vâng, tôi ở đây
nơi xa lạ này được 47 năm
tôi đã đi qua những rừng thông
xanh ngọc tới chân trời
tôi đi qua những mảnh đất
có thật nhiều hoa dại
những vườn cỏ vàng như hoa cải ở quê tôi*

*47 năm những mái nhà lạ thành thân thiện
như những ngón tay trên bàn tay
bàn tay có bao nhiêu đường chỉ
ngang dọc thế nào
rồi cũng nối vào nhau*

*Ở dòng sông cũng có những con cá
những con cá mang những chiếc vẩy lấp lánh
như những đôi hoa tai*

*của Mẹ tôi ngày đó
bây giờ đang thì thầm bên tai tôi*

*Ở trên những con đường tôi đi
có nhiều người đàn ông Á Đông giống Cha tôi
giống Cha tôi hồi mới qua
tóc cũng trắng
và hồn như áo vá*

*Tôi đi qua những trường học
những ngôi nhà
tôi gặp những đứa trẻ
những đứa trẻ như những đứa con tôi
chúng vươn vai
giơ tay với mặt trời
mặt trời rơi tung tóe trên vai chúng
chúng nhặt đầy túi rồi quay đi
không trở lại
mỗi đứa trẻ
và mỗi đứa con tôi
đã có một mặt trời riêng*

*Tôi đứng nhìn theo
bóng chúng xa dần
ở ngã rẽ*

*47 năm đất trời mưa nắng
nhưng mưa nắng nào cũng tạnh trên vai
những người hàng xóm
tiếng nói và tiếng cười*

*lạ và thân như rơi ra từ trang sách
tôi nghiêng tai nghe tiếng giấy sột soạt hằng đêm
khi gấp sách lại
tôi thường ngủ
với giấc mơ
của người viết truyện*

*47 năm tôi cúi xuống tìm mình
như tìm được bức hình bỏ quên trên kệ
tôi lấy bàn tay chùi lớp bụi thời gian
người trong ảnh nhìn tôi
cái nhìn vừa giận hờn vừa ái ngại*

*Tôi nhìn lại tấm hình
mỉm cười hòa giải*

*47 năm rồi
những viên gạch trên thềm ký ức
khẽ cựa mình
như ai chạm tay vào vết thương đã như cổ tích*

*Tôi cúi đầu vỗ nhẹ phía trái tim
tháng Tư... tháng Tư*

Tôi hòa giải với mình.

(Tháng Tư, 2022)

Trên đây, người viết đã giới thiệu với độc giả những bài thơ đạo đặc sắc của Nhà thơ Trần Mộng Tú. Tác giả

này cũng có những cảm xúc mãnh liệt về chiến tranh, đồng thời bà cũng cay đắng, xót xa cho bản thân hay cho toàn thể những thành phần khác nhau trong xã hội, đã bị những kẻ buôn bán chiến tranh lừa dối và phản bội. Trần Mộng Tú đã trút hết nỗi lòng mình khi những Giấc mơ hòa bình đã không đến mà chỉ thấy đau thương và chém giết. Bài thơ là những cảm xúc chảy xiết:

GIẤC MƠ HÒA BÌNH

*Em nghe nói hòa bình
Trên những tờ nhật báo
Em nghe nói hòa bình
Trên miệng người lãnh đạo*

*Em để lòng khờ khạo
Ôm giấc mơ hòa bình
Mong chiến tranh chấm dứt
Anh già từ đao binh
Tin về từ trận tuyến
Anh chết giữa chiến trường
Ôi giấc mơ khờ khạo
Chỉ còn là đau thương
Từ khi em ra đời
Từ khi có trí khôn
Em thấy toàn chém giết
Em thấy toàn máu xương
Từ khi em biết nghe
Từ khi em biết nói
Toàn những lời giả dối*

Toàn những lời hứa sông
Từ khi em biết yêu
Từ khi em biết nhớ
Anh đã dặn đợi chờ
Rồi anh không về nữa
Ôi giấc mơ khờ khạo
Ôi giấc mơ hòa bình
Xây giữa lòng tham bạo
Chết trước khi thành hình
Ôi lòng non bé nhỏ
Như giấy trắng thơm tho
Vết mực đen loang lổ
Làm hoen ố hồn thơ
Em đã biết giận thù
Biết cuộc đời đối trá
Trang nhất nói hòa bình
Trang tư toàn cáo-phó
Em không còn bông bột
Tin những lời đầu môi
Em bắt đầu tỉnh ngộ
Thì đã mất anh rồi
Ôi giấc mơ hòa bình
Anh trả bằng sự sống
Em trả bằng tui hồn
Bằng một đời đơn độc

Tháng 7/1969

Đến bài: “*Quà tặng chiến tranh*”, cũng là dòng chảy của cảm xúc khác của chính bản thân tác giả, qua cách

xung “tôi” trong bài. Bài thơ này là một trong những bài thơ hay nhất trong số những bài thơ viết về những nỗi đau của tình yêu, một tình yêu vừa đến, trong chiến tranh. Tôi tự hỏi: đã có bao nhiêu trường hợp như thế này, bên thắng trận cũng như bên thua, trong suốt 30 năm chiến tranh!?

QUÀ TẶNG TRONG CHIẾN TRANH

*Em tặng anh hoa hồng
Chôn trong lòng huyết mới
Em tặng anh áo cưới
Phủ trên nấm mồ xanh*

*Anh tặng em bội tinh
Kèm với ngôi sao bạc
Chiếc hoa mai màu vàng
Chưa đeo còn sáng bóng*

*Em tặng anh tuổi ngọc
Của những ngày yêu nhau
Đã chết ngay từ lúc
Em nhận được tin sầu*

*Anh tặng em mùi máu
Trên áo trận sa trường
Máu anh và máu địch
Xin em cùng xót thương*

*Em tặng anh mây vương
Mắt em ngày tháng hạ*

*Em tặng anh đông giá
Giữa tuổi xuân cuộc đời*

*Anh tặng môi không cười
Anh tặng tay không nắm
Anh tặng mắt không nhìn
Một hình hài bất động*

*Anh muôn vàn tạ lỗi
Xin hẹn em kiếp sau
Mảnh đạn này em giữ
Làm di vật tìm nhau.*

(Tháng 7/ 1969)

Gia tài thi ca của Trần Mộng Tú dồi dào, phong phú về nội dung và đa dạng về đề tài, giá trị tinh thần mà dòng thơ của bà để lại trong lòng những người mộ mến, chính là con người chân thật của bà. Từ đây, những giá trị nhân bản và niềm tin của bà được thể hiện trong dòng thơ sáng giá ấy.

TRẦN VẠN GIÃ

Thi tập: *Thơ Trên Chặng Đường Thập Giá*

Tên thật: Giuse Trần Ngọc Ẩn, sinh năm 1945 tại Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, thuộc giáo xứ Vạn Giã.

Linh mục Võ Tá Khánh, giáo phận Qui Nhơn tức nhà thơ Trăng Thập Tự, viết lời giới thiệu tập thơ của Trần Vạn Giã, in ở trang 5:

“Trong chiến tranh, Trần Vạn Giã làm rẫy ở mé rừng, nhà tranh vách đất. Sau chiến tranh, anh đi kinh tế mới ở một mé rừng khác. Rồi quay về, chọn công việc của một nhịp cầu giữa đời với đạo, miệt mài mấy mươi năm. Và, là một Kitô hữu như thế, anh làm thơ”...

Những nét riêng của nhà thơ Trần Vạn Giã mà chúng tôi nhận ra trước hết khi đọc tập thơ *Thơ Trên Chặng Đường Thập Giá*, là vấn đề hôn nhân theo Kitô giáo, thứ đến là tác giả dùng từ gọi buông “ơi” dân gian rất tình, đậm đà, tha thiết, có chỗ thì da diết. Tập thơ có 28 bài thì có đến 25 lần tác giả dùng từ gọi buông “ơi”. Ngoài những khi gọi “Chúa ơi” và “Mẹ ơi”, còn thì nhà thơ gọi

tên những thứ gì thân thiết trong đời thường của mình. Như “thơ ơi”, “chiều ơi”, “bông cải ơi”, “đất ơi” v.v...

Như vậy, đọc thơ anh thấy lạ và thú vị nhưng nhiều cảm xúc.

Tiếng gọi buông “khói ơi” trong tình cảnh khốn cùng của cuộc sống, đã gói trọn tâm tư của tác giả về nỗi chông chênh của đời sống hôn nhân nhưng cùng lúc nhà thơ đã bày tỏ niềm tin khi người bạn đời của mình lần chuỗi Mân côi, cầu xin cho được thủy chung với nhau.

Ở một số nhà thơ, cái thương đau và khổ lụy hình như là một yếu tố làm nên một nhà thơ. Một Hàn Mặc Tử, một Nguyễn Văn Thành trên đây và bây giờ là một Trần Vạn Giã, chắc chắn không phải là những nhà thơ tiêu biểu. Nhưng, người ta đọc và cảm nhận được những thương đau, những u uẩn trong một số bài thơ của họ. Vì điều này nó làm cho họ khác với những nhà thơ khác, đồng thời họ cũng có những khác biệt nhau. Đây là cái ngoại lý, vượt ra ngoài những suy nghĩ thông thường. Một Khuất Nguyên bình thường sao có được *Ly Tao* còn lại với hậu thế. Ông đã trải qua bao đắng cay của cuộc đời lưu đày khốn khổ. Một Thi hào Nguyễn Du, nếu không là người thấy mình “lạc lõng” nơi triều đình nhà Nguyễn, thì có lẽ chúng ta không có một tác phẩm kiệt xuất là *Truyện Kiều*, còn gọi là *Đoạn Trường Tân Thanh*. Tập thơ mang tên “*Thơ trên chặng đường thập giá*”, gọi cho chúng ta mầu nhiệm thương khó. Tác giả có cái tình đậm đà với thơ, đi tới đâu ông cũng có thơ. Ông gọi “thơ ơi” rất trù mến.

Với Trần Vạn Giã, khổ đau và thi ca gắn chặt với nhau. Ông yêu mến thật nhiều những gì thiết thân với

mình, như quê hương, thơ..., đến cả làn khói bếp tỏa lên khi ông ở vùng kinh tế mới. Chắc hẳn làn khói bếp này khác với làn khói bếp thông thường có đầy đủ tiện nghi ở thôn quê bất cứ đâu. Nhưng với vùng kinh tế mới của một thời cực kỳ khó khăn, nghiệt ngã, nó đã ảnh hưởng nhiều đến Trần Văn Giã. Và vì thế, chúng tôi nhận thấy tiếng gọi buông “khói ơi” mà Trần Văn Giã đã dùng nó trong bài “Lời nguyện” là rất tha thiết, rất yêu dấu.

*Biết rằng nước chảy đá mòn
Dù qua trăm ngã vẫn còn nguồn xa
Thơ ơi còn những thiết tha
Hương cau thoảng bóng tre già...năm xưa
Gọi chuông mùa Vọng đong đưa
Tuổi thơ đậm những hạt mưa thuở nào
Lớn lên tôi hiểu vì sao
Quê hương điệp khúc ngọt ngào quê hương.*

(Trích bài: *Thơ ơi*)

Trong văn chương, chúng ta thấy nhiều tác giả nói về mẹ mình, với Trần Văn Giã, ông gọi mẹ mình theo cách của ông:

*Biết rằng đi giữa đêm thâu,
Vẫn nghe sóng vỗ chân cầu mênh mông
Chưa về ai đã sang sông
Mẹ ơi cô ấy lấy chồng rồi sao?
Thì thôi như hạt mưa rào
Rơi ngoài khung cửa thuở nào. Thế thôi.*

(Trích bài: *Tin nhà*)

“Mẹ ơi cô ấy lấy chồng rồi sao?”

Tiếng gọi mẹ ơi và ngôn từ trong câu với dấu hỏi rất bình dân, rất đặc thù, rất Trần Văn Giã.

Ở bài thơ xếp cuối tập, chúng ta thấy nhà thơ ba lần sử dụng đến cách gọi buông này. Có lẽ, với nhan đề “Chuông chiều” là nơi hội tụ của tình yêu gia đình, tôn giáo mà tác giả sau bao năm tháng lưu lạc nơi đất mới, ông không thấy nơi đâu gọi được là “mái ấm”:

CHUÔNG CHIỀU

*Ai ơi còn nhớ xóm làng
Nơi chuông chiều vọng lại ngàn năm xưa.
Con đường đất cỏ lưa thưa
Đã qua trăm nắng ngàn mưa vẫn còn
Dây chuông đã mấy lần mòn
Nghe chuông lòng cứ nỉ non một thời
Tiếng chuông còn đó suốt đời
Nhưng mà ai đã quên lời phải không?
Hình như cây sù trở bông
Chuông chiều còn vọng em không thấy về!*

*Đời tôi nhiều chặng nhiều Khê,
Tiếng chuông thôi thúc ngày về làng ơi!
Vinh danh Thiên Chúa trên trời
Miếng cơm manh áo suốt đời long đong.*

*Nhiều khi cái khổ cháy lòng,
Nhiều khi lẫn quẩn trong vòng mượn vay*

*Nhiều khi không rượu mà say,
Câu thơ tôi vịn bàn tay trắng đời.*

*Giáo đường ơi - Tiếng chuông ơi,
Đời tôi là hướng mặt trời chiều nay.*

Hai câu thơ cuối bài *Chuông chiều* trên đây, đã làm Trần Vạn Giã trở nên nhà thơ của đạo giáo, rất tha thiết với nhà thờ và tiếng chuông, khi tác giả dùng từ buông “ơi” để sau. Bởi, với người tín hữu Kitô, nhà thờ và tiếng chuông gợi mở một niềm tin, một nguồn suối mà ông đã được múc từ đó, để rồi dù trải qua những đắng cay nhiều hơn là dịu ngọt, nay mé rừng này, một mé rừng kia, ông vẫn trụ được cho tới lúc về chiều, lúc ông bảo “*Đời tôi là hướng mặt trời chiều nay*”.

Tôi cũng gặp ông, quý mến ông ở hai câu thơ này. Chỉ khác là ông còn được trở về làng cũ, còn thấy được “*Dây chuông đã mấy lần mòn*”. Còn tôi thì không bao giờ nữa! Bài thơ còn 4 câu để gợi nhớ đến một bóng người:

*Tiếng chuông còn đó suốt đời
Nhưng mà ai đã quên lời phải không?
Hình như cây sù trở bông
Chuông chiều còn vọng em không thấy về!*

Trong bài *Lời Nguyện* tác giả đặt ở đầu “*Chùm thơ viết ở kinh tế mới*”, nhà thơ trở thành một cây cọ phác họa hình ảnh của người vợ trẻ trong một không gian tịch mịch, với ý nguyện:

*Nhà tranh , bếp lửa nhen lên
Khói ơi, khói tỏa mênh mông đêm này
Gió rừng động tiếng dơi bay,
Em lần chuỗi hạt trên tay nguyện cầu:
“Một lần trao nhẫn cho nhau
Khổ nghèo thề bạc mái đầu thủy chung”*

(Bài: Lời Nguyễn)

Tiếng gọi buông “khói ơi” trong tình cảnh khốn cùng này, đã gói trọn tâm tư của tác giả về nỗi chông chênh của đời sống hôn nhân nhưng cùng lúc nhà thơ đã bày tỏ niềm tin khi người bạn đời của mình lần chuỗi Mân côi, cầu xin cho được thủy chung với nhau.

Cho dầu thế, nhà thơ Trần Vạn Giã vẫn như không dứt bỏ hết những u hoài trong cuộc đời bấy giờ của mình. Tác giả chỉ nói đến mình một câu, nhưng sống nơi đất mới lạ lắm, ông liên tưởng đến cảnh khổ của trần thế, đến cả nỗi cô quạnh của “ánh trăng non”, đến cả tiếng con chim cuốc mỗi mồn hắt hiu và đến niềm tin vào tình Chúa vĩnh hằng. Tâm tư ông dạt dào, êm ả mà cũng rất xót xa:

*Con tin Chúa ở mọi nơi
Con tin Chúa vẫn suốt đời bên con
Ở rừng thương ánh trăng non
Và thương tiếng cuốc mỗi mồn, hắt hiu
Chúa ơi, triệu bến cô liêu
Đã làm trái đất quá nhiều khổ đau*

*Sống đời là để thương nhau
Bởi tình yêu Chúa ngàn sau vĩnh hằng*

(Bài: *Giao khúc tình yêu*)

Với bài Hôn Phối, chúng ta thấy tác giả nói đến việc nhiều lúc ông có ý định bán chiếc nhẫn cưới, để cảm nhận đến cái nghèo và cả nỗi sợ hãi mà ông không muốn xảy ra. Thời buổi hôm nay, đã có nhiều vợ chồng trẻ tan vỡ, đều từ cái nghèo. Nhà thơ Trần Vạn Giã đã trụ được trong cảnh nghèo vì ông không mất niềm tin. Ông tin Chúa vẫn ở bên mình.

*Trên hai mươi năm mình đã sống nghèo
Những đứa con lớn lên ở làng quê xa lắc
Hạt gạo củ khoai dành phần chiu chắt
Lòng vẫn nuôi mộng lớn tuyệt vời
Nhưng trúng số không bao giờ nghĩ tới
Gian truân hơn ngậm ngải tìm trầm
Ta sống nghèo và hãy thương đời
Chiếc nhẫn trao nhau thời làm hôn phối
Bán mà chi nhiều lần anh tự nói:
-Đừng bao giờ báo động cuộc phân ly.*

(Bài: *Hôn Phối*)

Đêm Giáng Sinh và cuộc hôn nhân của nhà thơ Trần Vạn Giã đã được ông kể lại, cũng là một điều rất mới, nó khác với những nhà thơ viết về người vợ mình, ca ngợi bà khi bà đã vắng bóng. Còn với Trần Vạn Giã,

ông bộc lộ lời tình yêu và lời cảm ơn của ông với “người nữ...sinh từ chiếc xương sườn”, lịch sử và thiết tha, đạt tới chân thiện mỹ Thiên Chúa Giáo. Ngôn ngữ trong thơ cũng biểu hiện nét đặc thù của Trần Vạn Giã, chân thật, lãng mạn và tha thiết, gây xúc động nơi người đọc. Một điều khác nữa là qua cuộc sông hôn nhân “tuy hai mà một” theo tinh thần Kitô giáo, tác giả đã có thể nói đến một vấn đề hệ trọng trong đời sống hôm nay. Đó là ông nhìn vào lẽ phải, biết phân định “làn ranh giữa ác và thiện”, giữa “người và thú” mong manh như sợi chỉ, “thiên đàng-địa ngục hai bên” trong trò chơi của nhi đồng nơi thôn dã xưa.

*Những cơn mưa mùa đông
đang chảy vào tâm hồn hai ta
Đang chảy về đêm Giáng Sinh cuối cùng
của thiên niên kỷ
Lạy Chúa điệp khúc viết trong đêm Giáng Sinh
rơi vào cho con:
Lần thứ nhất người nữ đã thấp lại cho con
ngọn nến soi vào câu thơ tình
Năm con hai mươi hai tuổi
Lần thứ hai người nữ đã thấp lại cho con
ngọn nến hôn phối
Tự nguyện trao cho con chiếc nhẫn giao ước
Và tự nguyện sống cho nhau lời Kinh Thánh
“Điều gì Thiên Chúa kết hợp
loại người không được phân ly”.
Lần thứ ba người nữ đã thấp cho con
ngọn nến phục sinh*

*Nuôi nấng con trong những năm
đất nước còn chiến tranh
Bây giờ người nữ tiếp tục thấp ngọn nến
bằng ánh sáng vĩnh hằng
Bằng câu kinh tình yêu
Để phúc cho con biết đứng thẳng
nhìn vào lẽ phải
Để phúc cho con biết phân ranh giữa ác và thiện
(Làn ranh giữa ác và thiện
Giữa người và thú mong manh như sợi chỉ)
Phải không người nữ đã sinh
từ chiếc xương sườn*

*Để ta tuy hai mà một
Cảm ơn người nữ chân trần
đi qua những mùa bão lửa
Để cùng ta hạnh ngộ bến đời
Và gặp lại đêm nay
Đêm Thánh vô cùng.*

(Bài: Điệp khúc đêm Giáng Sinh)

Trần Văn Giã đã phác họa chân dung một Giêsu: giai cấp cùng đinh, rày đây mai đó, gặp gỡ người khốn cùng. Ông mô tả một Giêsu trên dòng đời, thích tạm vắng nhà thờ để đến với những người nghèo khó. Và rồi ông bảo “đạo là đường”, “đạo là thế đó”, “đạo là sự thật”.

*Dù em không tin nhưng tôi nói một điều
Đạo là đường có gì mà lạ*

*Con đường lớn dù có qua trăm ngã
Có ngã đường em đứng lại mà xem.*

*Kìa Chúa Giêsu đi với đứa trẻ tèm nhem,
Chân đất đầu trần mời mua vé số
Kìa Chúa Giêsu không nhà sinh trong máng cỏ
Hơi Lửa thay cho máy điều hòa.*

*Cha Chúa Giêsu làm nghề thợ mộc
Lý lịch thành phần giai cấp: Cùng đinh
Em có khổ đau mới biết rõ mình
Có đói khát mới thấm tình đồng loại
Chân lý là gì? Chúa Giêsu đã nói:
Hãy thương người như mình ta vậy
Nên Chúa Giêsu thích tạm vắng nhà thờ
Thích lang thang không phải để làm thơ
Mà đến với những người nghèo trên trái đất.*

*Đạo là đường
Con đường là sự thật
Chỉ thế thôi và chỉ thế thôi.*

(Bài: Đạo)

“CÁI TÔI” TRONG THƠ TRẦN VẠN GIÃ

Và bây giờ chúng ta nghe nhà thơ Trần Vạn Giã “Tự thuật”. Tác giả nói về mình có lẽ sau khi ông nhận ra “thế sự đủ trò”, còn ông thì đau thương đủ điều:

*Nhiều lúc buồn đời một mình ta ngồi khóc
Nhưng có nghĩa gì đâu cát bụi đời này
Nhiều lúc buồn ta muốn phây phây
Bỏ bút làm thơ rong chơi bậy bạ*

*Bởi thời gian; một ngàn lẻ một chuyện lạ
Cứ qua năm qua tháng lại qua ngày
Có lúc nâng ly ta cứ muốn say
Chạm mặt đáng hiền nhân và tên gian ác.*

*Nhiều lúc buồn đời một mình ta ngồi hát
Hát vu vơ điệu ba lý tang tình
Sống với vợ con và bạn bè hết mình
Dù có lúc nhà không còn hạt gạo.*

*Nhiều lúc buồn đời ra đường gặp tay ba xạo
Cảm thương mình sinh lực bị tiêu hao
Thế sự đủ trò nhưng ta muốn sống
Bởi thấy phù du phơi trên chiếu bông bông*

Ta như hạt cải giữa đồng ()...*

(Bài: Tự thuật)

(*) Dụ ngôn trong Kinh Thánh

Trên đây là mấy ý thơ của Trần Văn Giã về những vất vả, gian nan trong cuộc đời, những bấp bênh trong đời sống hôn nhân gia đình. Đây là những nét chấm phá như trong một bức họa. Thơ Trần Văn Giã vốn như thế.

Không quần quai như xé da thịt, vì tác giả không mất niềm tin ở Chúa. Chỉ có trong bài “*Bài hòa âm một thời ở vùng kinh tế mới*”, là ông đã nói đến nỗi khổ đau của mình, nhưng vẫn sáng suốt và vững niềm tin.

Bài thơ tạm chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thời thế và gia cảnh. Tác giả viết:

Lạy Cha chúng con ở trên trời

Con đã đi qua những năm tháng không bình yên

Mặt đất lạ đã nổi lên mùa bão lửa

Còn những vết thương trên đồi khô tháng tư những mùa đốt rẫy

Ngọn khói rẫy bay vào nỗi buồn thời quá khứ

Kéo dài thêm nỗi khổ năm 1979

Năm: Sáu đứa trẻ nằm co giống con số 4 dưới mái tranh lợp vôi

Trên vách lỗ ô những con bồ cạp núi đang đùa giỡn vô tư

Năm thời tiết khắc nghiệt đập vào cái ăn, và triển miên cơn sốt rét rừng, có lúc da xanh như tàu lá chuối sau vườn bất động

Nơi con để đất kêu sương tội nghiệp

Gáy lên để đất ơi

Gáy lên chuyện của muôn đời:

-Những tấu khúc bậc thang về chiến tranh trên mặt đất, về chất thải ám hại sự sống

-Những tấu khúc bậc thang của kẻ ác tâm lừa thầy phản bạn.

Giai đoạn 2: Tác giả tìm thấy sự bình yên của tâm hồn, ông gọi đây là “men trong bánh”

*Lạy Cha chúng con ở trên trời
Con đã tái tạo sự bình yên trong góc tâm linh
Bằng cách thấp sáng lời tình yêu và hy vọng
Con đã chạm mặt với làn sương mỏng của ban mai
Và bóng u hoài của hoàng hôn bên triền núi
Trăn trở tìm cái đích của sự thật về sự thương yêu con
người*

*Đây không phải là sự khám phá mới
Nhưng dù sao những Pha-ri-sêu mù quáng vẫn còn
cám dỗ*

*Con tôn vinh sự hoàn thiện
Bởi đó là cái đẹp trong đời
Nếu không biết chiêm nghiệm cái đẹp thì cuộc đời
này sẽ buồn biết mấy
Và sẽ không bao giờ thấy
Có men trong bánh.*

*Giai đoạn 3: Sau những ngày lao lung, gian khổ,
người nữ “đã vắt khô vú sữa từ sinh lực của nước cháo
củ mì”, nàng đã nhìn ra biển và muốn ra đi tìm cái sống
trong cái chết.*

*Lạy Cha chúng con ở trên trời
Nhờ những bí tích làm nên chân thiện mỹ
Nhờ bánh và rượu là mình Thầy, là máu Thầy, máu
giao ước mới mở ra cho người người.*

*Lạy Cha chúng con ở trên trời, Cha đến đây bên dòng
sông con đang ở*

Cơn cuồng lũ xô dạt cuộc di dân bên bờ tây Sông Chò

*Đêm và đêm
Con chim bắt muỗi kêu tiếng đỏi mỗi dần vất
Đêm hiện dần trong chiều sâu đôi mắt
Vàng thâm
Của người vợ hiền vắt khô vú sữa từ sinh lực của nước
cháo củ mì*

*Và con đã an ủi người nữ:
- “Chúa đã kết hợp đừng bao giờ phân ly”.
Người nữ buồn mắt dăm chiêu về hướng biển, đó là
lúc người nữ muốn bỏ xứ ra đi - Ra đi để tìm cái sống
trong cái chết*

*Những cảm xúc như vậy bùng lên rồi chợt tắt
và ngủ quên trong bản tình ca vùng kinh tế mới
Lạy Cha chúng con ở trên trời, xin đến đây với con
ngồi trên chiếc giường lồ ô hương ấm củi lửa
Nhìn hơi nóng bốc lên trong nồi canh sắn lá giang
Bằng cái lưỡi của con đang chuyển động thèm khát
mùa màng
Bấp bênh - ba chìm bảy nổi
Hạt lúa trôi sông vô định*

*Mắt khuya của con mù mịt trong giậu mồng tơ lữ
kiến vàng đang làm tổ
Làm trên thân phận làm người
Nhiều khi con buồn muốn khóc.*

*Kết: Tác giả còn niềm tin và hy vọng về ngày phục
sinh “quê mới”
Lạy Cha chúng con ở trên trời
Chúng con nguyện danh Cha cả sáng*

*Sáng trong bản lĩnh của con để vượt qua bờ vực
Chuyển lên sự sống trong tiềm lực của đất dưới ánh
sáng mặt trời rực rỡ*

*Vì ngày phục sinh quê mới đã tới
Sẽ mở ra
Trời mới, đất mới.*

MẤY BÀI THƠ NGẮN CỦA TRẦN VẠN GIÃ:

Chân thân của tác giả. Đọc để yêu quý ông hơn:

Lời ước nguyện trung kiên:

Thánh ái

*Rừng khuya cô tịch Chúa ơi
Trăng khuya vẫn đợi xuống đời của con
Thời gian dù có hao mòn
Nhưng bờ Thánh ái vẫn còn trong con.*

Với cha già:

Hòn chồng

*Những lá vàng rơi đầy trên lối cũ
Con trở về đây gặp lại cha già
Gặp sóng vỗ ngàn năm bên bờ cát
Với tiếng kinh cầu lặng lẽ đêm xa.*

Thơ tặng 1

*Vì tha nhân suốt một đời tận hiến
Bây giờ đây Cha đã già rồi*

*Bóng thời gian già từ thời niên thiếu
Thương cha già sợi tóc bạc hieu hiu.*

Với vợ hiền:

Thơ tặng 2

Ta hát lên bài Thánh ca

“Đêm đông lạnh lẽo...”

Cám ơn em

Đêm Thánh vô cùng

Ta tặng nhau một cành huệ trắng

Để hiểu thế nào linh nghiệm tình yêu.

Sống Lời Chúa:

Lòng con muốn thế

Chúa ơi, lòng con muốn thế

Chỉ mong hàng ngày dùng đủ mà thôi

Con đã đêm đêm âm thầm tự nói:

- Cơm áo gạo tiền mồn mõi nợ thế gian.

Về mái nhà xưa, có bến đò cũ và mẹ già, có hình ảnh trắng khuya dọi trên lá chuối non, có tiếng dơi chao cánh mõi mồn, có hoa cau rụng bên thềm và tiếng vông đưa. Nhà thơ gọi mẹ, một tiếng gọi buông nhẹ nhàng, tha thiết và trù mển biết bao “Mẹ ơi”. Ai xa quê mà không thấy những hình ảnh này đậm đà, da diết vô cùng thương nhớ:

BẾN SÔNG

*Về quê đứng lại bến sông
Nhìn mưa rơi xuống trên dòng thời gian
Chao nghiêng tiếng sóng bàng hoàng
Gặp con đò cũ đã sang bến này.*

ĐÊM Ở QUÊ VỚI MẸ

*Trăng khuya dạo lá chuối non
Tiếng dơi chao cánh mỗi mồn đêm nay
Ngoài trời sương đục bay bay
Lòng tôi ấm lại trong tay mẹ già.*

BÊN THỀM

*Hoa cau rơi trắng bên thềm
Giữa trưa cau đứng êm đềm giữa trưa
Chỉ nghe tiếng võng đong đưa
Mẹ ơi tiếng võng ngàn xưa vẫn còn.*

Xung tội, là cách trở về cội nguồn chân lý, là phút giây của sự thật. Ở điều này, Trần Vạn Giã xứng đáng đứng vào hàng những nhà thơ Công giáo Việt Nam tiêu biểu. Ông rạch ròi trước một vấn đề hầu như chưa thấy có nhà thơ Công giáo Việt Nam nào nói tới.

XUNG TỘI

*Đó là lúc dám nói lên sự thật,
Sống trên đời giả dối để mà chi?*

*Đó là lúc về cội nguồn chân lý
Ai làm người chẳng bám đất mà đi.*

Nhớ đến người yêu cũ, thay vì dùng chữ “em”, thông thường thì Trần Vạn Giã sử dụng chữ “ai” trong ngữ cảnh của bài thơ thì rất là ca dao đồng quê thuở nào:

NHỚ

*Bóng nhà thờ và dòng sông thuở đó
Người ở xa thăm thẳm nhớ trong lòng
Hoa sứ rụng trắng trên đường đi lễ
Giáng sinh này - ai còn đợi ta không?*

NHÀ THƠ TRẦN VẠN GIÃ VỚI “NGƯỜI KHÁC”

Nhà thơ Trần Vạn Giã đã có một lúc nào đó đến với người ăn xin ở bến xe, chạnh nhớ một bệnh nhân phong và hát với người mù. Ông đã thể hiện tính cách một Kitô hữu chân thực, nét đẹp nhân văn và nhất là tình thương của đạo thánh Chúa:

NÓI CHUYỆN VỚI NGƯỜI ĂN XIN Ở BẾN XE

*Ông nghèo tôi cũng khổ thôi
Khổ nghèo là chuyện đã rồi ông ơi!
Mới hay sống ở trên đời
Miếng cơm manh áo rồi bời ruột gan!*

TẶNG MỘT NGƯỜI BỆNH PHONG

*Tình cờ một chiếc lá rơi
Lá rơi chậm chậm vào đời chúng ta
Vết thương dù xé thịt da
Em còn ngôn ngữ mặn mà bên tôi.*

HÁT VỚI NGƯỜI MÙ

*Mai đây tôi lỡ mù đi
Lòng tôi tiếp cận những gì khổ đau
Thơ tôi vẫn như ban đầu
Đấu tranh để thấy sắc màu tình yêu.*

Trần Văn Giã với ba nhân vật qua ngôn ngữ: Đavít, Nguyễn Trường Tộ, Hàn Mặc Tử. Ông đã học hỏi được gì qua những nhân vật này?

ĐỌC THÁNH VỊNH SUY NGHĨ CHUYÊN ĐỀ

*Ông Đavít nhà thơ tôi không gặp
Đã viết con người như bóng mây bay
Bóng mây bay qua nhưng thơ hay ông còn lại
Tặng mọi người đâu phải riêng ai
Nên thơ đời tôi vẫn còn xanh mãi
Và thể tránh xa cái lưới ác tranh giành.*

TÂM SỰ VỚI ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

*Thời gian dù đã đi qua
Đọc trang sách cũ xót xa bất ngờ.*

*Thưa ông tôi sống có thơ
Dù thơ nếu sẽ tình cờ gió bay
Tài năng có gặp đắng cay
Mới cao phẩm giá càng dày khổ đau.*

*Nước non non nước xanh màu
Tiếng thơ ông mãi đời sau rạng ngời
Cám ơn ông đã thức thời
Lương tâm kẻ sĩ suốt đời trong tôi.*

*Đêm nay và những đêm rồi
Ngồi bên gió cát bồi hồi sóng xa
Dòng thơ đổi mới trong ta
Cũng đang cuộn cuộn chảy qua tình người.*

BÊN MỘ HÀN MẶC TỬ

*Sóng vỗ bên bờ Gành Ráng
Mênh mông mây trắng xuống khắp trời
Tôi đi tìm nhà thơ trong ký ức
Không gặp người
Chỉ trần trụi mộ bia xưa
Qui Hòa ơi
Trời bỗng chợt mưa.*

Độc thơ của Trần Vạn Giã, tôi thấy rất gần gũi và gắn bó thân yêu với những hình ảnh trong đời và trong thơ của ông. Cảm động nhất vẫn là cuộc sống của tác giả bên người bạn đời nơi kinh tế mới. Làm sao cầm lòng được khi người bạn đời tay cầm chuỗi Mân Côi. Biết nàng cầu nguyện gì. Chỉ biết: Người nữ buồn mắt đắm chiêu về hướng biển, đó là lúc người nữ muốn bỏ xứ ra đi - Ra đi để tìm cái sống trong cái chết

Những cảm xúc như vậy bùng lên rồi chợt tắt và ngủ quên trong bản tình ca vùng kinh tế mới

Cho dầu nghèo, lao lung, điều cần ghi nhận ở Trần Vạn Giã là ông còn niềm tin nơi Chúa:

*Lạy Cha chúng con ở trên trời
Con đã tái tạo sự bình yên trong góc tâm linh
Bằng cách thấp sáng lời tình yêu và hy vọng*

Và ông còn thiết tha với người cùng khổ, tìm thấy ở Davit, Nguyễn Trường Tộ, Hàn Mặc Tử những điều cao quý còn để lại cho đời.

Nhà thơ Trần Vạn Giã cũng để lại cho chúng ta mấy điều ấy cũng như những lời tự thuật của ông trong lúc gian lao, khổ hạnh, song ông còn tìm thấy những gì thân yêu nhất ở quê nhà qua lời buông: “giáo đường ơi! tiếng chuông ơi!”.

Và sau cùng là điệp khúc về “người nữ” trong cuộc đời của Trần Vạn Giã, một ý tưởng đạo giáo hiếm có: qua “người nữ” này mà nhà thơ,

*Bằng câu kinh tình yêu
Để phúc cho con biết đứng thẳng
nhìn vào lẽ phải
Để phúc cho con biết phân ranh giữa ác và thiện
(Làn ranh giữa ác và thiện
Giữa người và thú mong manh như sợi chỉ)*

(Bài: Điệp khúc đêm Giáng Sinh)

VĨNH AN

Tập thơ: *Lời Dâng*, 1997

Tên thật là Nguyễn Vĩnh An, sinh tại Sài Gòn. Ông có tham gia Câu lạc bộ Đồng Xanh Thơ Sài Gòn. Ngày thứ Bảy 4-6-2016, Câu Lạc Bộ Đồng Xanh Thơ Sài-Gòn đã tổ chức một chuyến hành hương về Nữ Đan Viện Xi-tô Thánh Mẫu Vĩnh Phước, thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Đoàn hành hương gồm những nhà thơ trẻ Công giáo. Tôi không phải là thành viên của Câu Lạc Bộ thơ này, nhưng do ông Chủ nhiệm trong chỗ thân quen với tôi đã có nhã ý mời tôi “đồng hành”.

Đây là một cuộc giao lưu với chủ đề Thi Ca và Thiên Chúa, giữa cộng đoàn Nữ đan viện và một số thành viên trong Câu Lạc Bộ Đồng Xanh Thơ Sài-Gòn. Vì chưng, suốt buổi sáng, những phát biểu về thi ca và tôn giáo nói chung, thi ca và Thiên Chúa là chính xác, của cả hai bên, Nhà thơ và Đan sĩ, đều hướng đến chủ đề này.

Một thành viên trong đoàn hành hương là nhà thơ Vĩnh An cho biết, ông thấy rất phân vân khi nhận được yêu cầu trao đổi với Cộng đoàn Đan sĩ về những kinh

nghiệm trong sáng tác thơ đạo. Có hai lý do làm ông phân vân: Ông nói, trước hết tôi vốn không phải là người từ một gia đình đạo gốc, tôi theo đạo khi vừa ngoài hai mươi tuổi, nói cách khác, tôi không sùng đạo lắm; thứ hai tôi chỉ làm thơ từ sau ngày 30 tháng tư, trong những tháng năm khốn đốn về mọi mặt và bắt đầu từ thơ đời như một cách trốn chạy những nỗi vất vả, thậm chí bế tắc của đời sống.

Nhà thơ Vĩnh An cho biết, ông đã đi từ thơ đời đến thơ đạo. Và khi sử dụng ngôn ngữ thi ca để viết về cuộc đời với ánh sáng và bóng tối của nó, thì theo ông, một yêu sách về thẩm mỹ luôn đặt ra, nghĩa là “để bài thơ hay và diễn tả được cái chiều kích mà nó được gắn với Đấng là Chân, Thiện, Mỹ thì người viết phải đạt đến ý nghĩa sâu xa của nó, cái ý nghĩa mà Đấng Tạo Hóa đã đặt vào các tạo vật của Ngài : vào ngày nắng ấm vào lúc mưa buồn. Chiều kích này vốn mong manh, khó thấy nên con mắt tâm hồn phải được khai quang, điểm nhãn mới thấy được”.

Và lại một tín hữu sẽ mau chóng nhận diện Đấng là Chân, Thiện, Mỹ ấy - cứu cánh của hầu hết các tôn giáo - chính là Thiên Chúa, vì thế chính việc làm thơ đời thường nếu đi đến tận cùng yêu sách thẩm mỹ của nó, một tín hữu như ông phải đến với tôn giáo. Và ông đã lên tiếng gọi Ngài: *Ngài hãy đến Chúa ơi / Trước khi màn đêm rơi / Và gió đêm lạnh thổi.*

Vâng, một lúc nào đó, ông đã đến với việc làm thơ đạo. Rồi nhà thơ nói đến những điều kiện để làm thơ đạo. Theo ông Vĩnh An, ông coi việc làm thơ là một ơn gọi để tìm cái đẹp trong cội nguồn của nó là chính

Thiên Chúa và không chỉ dừng lại ở những biểu hiện đời thường mà bất kỳ nhà thơ nào cũng nắm bắt được. Và lại ơn gọi nào cũng là một sự cộng tác từ hai phía: Thiên Chúa yêu tôi, mời tôi đi vào ơn gọi làm thơ đạo. Về phần tôi, tôi phải đáp trả bằng hai tiếng “xin vâng” và tôi phải có những bước chuẩn bị nào đó, những điều kiện nào đó vì có một điều chắc chắn là tôi không được ơn “vô nhiễm” như Đức Maria.

Người công giáo làm thơ đạo là người bước vào thánh địa siêu nhiên của thi ca. Thánh địa này nằm giữa đất và trời, giữa cõi những sự thuộc thế gian - và hơn mọi nghệ thuật khác kể cả nghệ thuật thờ phụng - cõi ấy tiếp giáp và nhiều nơi hòa nhập vào cõi của Lời hằng hữu. Vậy những điều kiện để làm thơ đạo là gì?

Và nhà thơ đã đến với Thomas Merton, một đan sĩ dòng Trappe, một nhà văn, một nhà thần bí công giáo, một trong bốn người Mỹ được Giáo Hoàng Phanxicô ca ngợi tại lưỡng viện Hoa Kỳ trong chuyến công du năm 2016. Đó là khát vọng nên thánh và đời sống chiêm niệm của người làm thơ đạo.

Và ông trích dẫn Thomas Merton :

a) Khát khao sự thánh thiện:

Trong nhật ký ngày 1 tháng mười 1941, Thomas Merton viết: “Có một điều gì mà mọi thi sĩ [công giáo] cần biết? Họ cần được nhắc lại rằng họ gần gũi các thánh, mọi người cũng cần được nhắc lại điều này. Để làm một điều gì tốt trong thế giới này, bạn phải từ bỏ mọi sự trần tục để làm điều đó: bạn phải yêu thích nó và cho nó cả đời sống bạn... Lý do có quá ít các thi sĩ công giáo giỏi cũng giống với lý do tại sao có quá ít người công giáo

tỏ ra khao khát sự thánh thiện (...) Tất cả chúng ta đều tầm thường, thờ ơ, bám víu vào những cái vô giá trị hay những vấn đề nhỏ mọn của lòng tự mãn...”.

Cũng trong đoạn nhật ký này, Thomas Merton cũng gợi ý rằng để nuôi dưỡng lòng khát khao sự thánh thiện, họ không thể thiếu tinh thần nghèo khó và khiêm nhu nếu không nói phải sống trọn đủ tám mối Phúc thật của Bài giảng trên núi của Đức Giê-su Chúa chúng ta.

b) Tinh thần chiêm niệm:

Trong tiểu luận “Thi ca và Chiêm niệm: một nhận định mới”, ngày 24 tháng 10, 1958 nghĩa là hai năm trước khi ông mất, Thomas Merton viết: “Không có một thi ca Ki-tô giáo xứng đáng với tên gọi mà không được viết ra bởi một người có một trình độ chiêm niệm nào đó. Tôi nói “một trình độ nào đó”, vì rõ ràng không phải một nhà thơ Ki-tô hữu nào cũng là một nhà thần bí. Nhưng một nhà thơ chân chính luôn luôn giống với nhà thần bí vì trực giác tiên tri của người ấy khi nhìn các thực tại tinh thần, các ý nghĩa bên trong của đối tượng mà người ấy chiêm ngưỡng, làm cho thực tại cụ thể không chỉ đáng được ngưỡng mộ nhưng trên hết nó làm nên một dấu chỉ về Thiên Chúa. Mọi nhà thơ Ki-tô hữu đều là những nhà chiêm niệm theo nghĩa họ thấy Thiên Chúa mọi nơi trong tạo vật của Người và trong các mẫu nhiệm của Người. Họ nhìn thấy thế giới tạo vật chứa đầy dấu chỉ và biểu tượng của Thiên Chúa. Đối với nhà thơ Ki-tô hữu chân chính, toàn thể thế giới và mọi sự cố của đời sống đều trở thành các bí tích - các dấu chỉ về Thiên Chúa, dấu chỉ về tình yêu của Người đang hoạt động trong thế giới”.

Cũng trong tiểu luận đó, Thomas Merton đã xác định ý nghĩa của tinh thần chiêm niệm mà nhà thơ phải có, ông viết,

“Rõ ràng nhà thơ không cần phải đi vào một đan viện để trở thành một nhà thơ tốt hơn, cái chúng ta cần là những “người chiêm niệm” bên ngoài nội cảm và bên ngoài kiểu mẫu cố định nghiêm ngặt của đời tu, ... Điều này có nghĩa là sự thống nhất của công việc, tư tưởng, tôn giáo, đời sống gia đình và những sự tiêu khiển của một người phải ở trong sự hài hòa sinh động với Đức Ki-tô tại trung tâm của đời sống ấy. Đời sống phụng vụ là một ví dụ rõ ràng nhất của “sự chiêm niệm tích cực”. Trong việc đọc sách, riêng tiểu thuyết và thơ, tôi không có nhiều vốn liếng lắm, dù tủ sách trong nhà cũng có một ít truyện và thơ. Đó là những cuốn nằm trong ý định tôi sẽ làm việc một khi những “hồn thơ” trong những tập thơ này “lên tiếng” nhắc nhở, thúc giục tôi hãy làm việc đi. Tuy nhiên, khi tôi mở rộng những trang thơ này ra, tôi lại rụt rè, có chút ngần ngại. Bởi lúc này tôi mới biết lãnh vực thơ đạo rộng lớn quá, cả về số lượng người làm thơ, và nhất là tinh thần, là nội dung mà những nhà thơ này chuyên chở.

Nhà thơ Vĩnh An là một người trong số những nhà thơ trên đây. Trong vài đề tài, Vĩnh An đã để cảm xúc của mình đột biến rất kỳ lạ, đến nỗi ông đã phải dùng văn xuôi để diễn tả những cảm xúc này, vì với một đề tài chỉ có trong Kinh thánh Tân Ước, thể loại văn vần có lẽ không đáp ứng những tình tiết, sự kiện diễn biến phức tạp giữa những thành phần có liên quan đến sự việc, chẳng hạn trong vụ người phụ nữ

ngoại tình mà người Pharisiêu dẫn đến Chúa Giêsu, xin Người xử, tha hay theo luật Môisê là phải ném đá. Vĩnh An viết bài:

THA THỨ

“Họ đang dẫn người đàn bà ngoại tình đến, rầm rập như toán lính hành quân mang những con tim đá nóng.

“Còn người đàn ông tông phạm của chị ta đâu? Hẳn họ nghĩ rằng đàn bà vẫn dễ dàng mang tội trọng

“Người đàn bà mà sắc đẹp nhàu nát không do bị hành hạ thân xác bằng những lời sỉ vả, nguyên rửa giờ đang hối hận

“Họ nói rằng sự hối hận ấy lúc nào cũng muộn màng. Mọi cánh cửa đều phải đóng lại trừ cánh cửa của Thần Chết.

“Nhân danh lề luật họ khép kín lòng mình và sẽ dùng những viên đá còn sót lại khi xây dựng đền thờ để ném chết người đàn bà ngoại tình.

“Những hòn đá chờ đợi trăm năm để thực thi bản án. Mặt đất ngoại thành sẽ nuốt lấy dòng máu đỏ tươi đã có lần sục sôi dục tình bất chính, và chừa lại cho ác điều đóng thịt bùng bùng.

“Nhưng Chúa muốn họ phải tha thứ 70 lần 7, để tha thứ phải trở thành sức mạnh hoán cải lớn hơn nhiều lần sức trì kéo của tội lỗi.

“Sức mạnh hoán cải chỉ được thể hiện nơi những ai đi trong đường lối Chúa, bước theo ánh sáng và thấm nhuần ân sủng Người mà vẫn không ngừng đấm ngực mình: MEA CULPA! MEA CULPA!

Còn Chúa Giêsu trong vụ án:

*“Ai trong các người vô tội hãy ném viên đá đầu tiên”.
Lời thách thức làm bàng hoàng, sửng sốt. Họ chợt thấy
mình đã từng đốt đuốc chơi đêm, có khi còn lượn lơ
trong bóng tối không đèn như loài cú vọ.*

*“Sức mạnh hoán cải không phải là góc nhọn của
hàng ngàn viên đá tái xanh lạnh lùng và cứng như thép.
Cũng không phải là sự lãnh đạm khước từ. Nhưng là sức
mạnh của lời: “Chị về đi, đừng phạm tội nữa”.*

Về phần tác giả bài thơ văn xuôi này, sự diễn tả của ông là từ cảm xúc mãnh liệt, đầy tính bi kịch và phóng nhiệm. Rồi nhà thơ Vĩnh An viết tiếp:

*“Ngôi Lời được sinh ra để đón nhận mọi đau thương,
sỉ nhục, để gánh tội và nêu gương chứ không phải để
chất thêm gánh nặng vào lề luật. Người đến để kiện toàn
nó bằng trái tim bị đâm thủng của Người:*

*Đó là sức mạnh của khổ hạnh không vì khổ hạnh; hy
sinh không vì hy sinh; quên mình không vì quên mình
mà tất cả chỉ vì yêu thương con người cho đến chết và
vâng phục Chúa Cha trong mọi sự.*

*“Đó là sức mạnh của thỉnh lặng, của Lời vô ngôn làm
thức tỉnh, của văn tự vô văn tự mà Chúa dùng ngón tay
quyền năng viết trên mặt đất khiêm cung.*

*“Chúa ơi! Con không muốn tin rằng Chúa viết những
tội lỗi của những kẻ đòi làm quan tòa và đao phủ, ngay
trong sân Đền thánh. Tội lỗi của họ giờ đây hiện ra
trước mắt họ như một màn hình.*

*“Hơn một lần có những thầy tư tế vạch tội người ta
ở đó nhưng lại dung túng cho bọn con buôn và đổi bạc
biến nhà Chúa thành ra hang trộm cắp.*

“Nhưng con vẫn muốn nghĩ rằng Chúa đang viết ra lời phúc thật này đây: “Phúc cho ai có lòng hay tha thứ, vì sẽ được gọi là con cái Thiên Chúa vậy”. Như có lần Chúa đã dạy trong kinh Lạy Cha

“Dù sự tha thứ ấy đòi ta phải hy sinh một số giá trị mà ta từng trân trọng với đôi chút giả hình vì chưa cảm thấy nơi lòng mình nổi đau thâm kín và đắng cay do tội lỗi đè nặng trên con người.

“Chúng ta chỉ có thể chịu đựng và vượt qua gánh nặng ấy bằng ân sủng.

“Tha thứ nhân danh tình yêu trong Chúa Ba Ngôi, vì Thiên Chúa luôn là tình yêu, chịu đựng tất cả, cứu mang tất cả thánh hóa tất cả.

“Và chỉ nhân danh tình yêu ấy mà thôi”.

(Ngày 04.04.1992)

Cũng vẫn những suy luận từ cảm xúc trải rộng, nhà thơ Vĩnh An được thúc đẩy từ đoạn Tin Mừng Luca 15, 11-32, về “Đứa con hoang đàng trở về” hay “Người cha nhân từ”. Tác giả dùng nhan đề trước là có chủ ý nhấn mạnh đến khía cạnh người con hư hỏng để nhận ra một người cha nhân từ biết bao nhiêu, con người không hiểu thấu, nếu không được tình yêu của Thiên Chúa mở trí khôn ra để nhận biết điều này.

1.

Nơi mà tôi không còn hy vọng nữa

Xin Chúa là cơ may

Tôi sẽ về nhà hôm nay

Thú tội cùng Cha, nguồn ơn tha thứ

Tôi đã chán mùa vòng quay
Giữa bầy heo nhóp nhúa
Bao tháng ngày trôi tuột khỏi đôi tay
Ánh mắt sâu trũng xuống với đêm dài
Cái đói ăn và vất vả mệt nhoài
Mảnh áo thô đẽ nặng đôi vai
Không che kín phận người trần trụi
Của cải như niềm vui góa bụa
Dính vào tay chốc lát lại buông
Ném gia tài qua cửa sổ hoàng hôn
Tôi mua tiếng cười tình sau mặt nạ.

2.

3.

Nơi mà tôi không còn hy vọng nữa
Trơ vơ giữa nẻo đường thất lạc
Nơi mà tôi đang đói khát
Xin Chúa đến cùng tôi
Hồng thủy biển đời trôi giạt
Tôi về mặt đất mưa tuôn;
Tôi bồn chồn sẵn đuổi hươu không
Xao xuyên vòng quay kín cửa
Tôi về từ vùng đêm nhầy nhụa
Tôi về nôn mửa chính tôi
Sáng mắt nhận lẽ đời giả dối.

4.

Bữa tiệc Nước Trời đang mời gọi
Bữa tiệc nhà Cha áo mới sẵn sàng

*Chiếc nhẫn vàng và giày dép tinh tươm
Tôi có kịp dọn mình lời sám hối?
Tôi có kịp hân hoan ngày mở hội?
Tôi sẽ quay về không lần nữa
Xin Chúa phán một lời, để tôi nói một lời:
TÔI TIN.*

13.03.1992

(Trích bài: *Đứa con hoang đàng trở về*)

Một huấn dụ không mới mà người có đạo ít nhiều có đọc trong sách đạo hay nghe các linh mục nói trên bục giảng về cách giao tiếp giữa con người với nhau. Đó là mình trao cho tha nhân, những người đang mất niềm tin vào cuộc sống hay đang có những day dứt, phiền muộn trong cuộc đời, một ánh mắt hiền từ, một nụ cười cởi mở, và một lời ủi an thân ái, một lời khuyên khôn ngoan. Những cử chỉ này sẽ mang lại cho người nhận nhiều hoa trái mà chỉ có họ mới biết, những hoa thơm trái ngọt đó đã xuất phát từ đâu.

Nhưng nó sẽ là rất mới và lạ, khi nhà thơ Vĩnh An mô tả một cánh hoa nở ra từ một kẽ nứt của bức tường mà có lẽ ông đã một lần chứng kiến. Cuộc sống của bông hoa này phát sinh từ một hạt mầm rất nhỏ bé, nên ông đã dùng nó để làm huấn dụ khi viết bài thơ:

CÁNH HOA TỪ KHE NỨT

*Một bức tường được xây rất kỹ
Còn dính theo chút đất trong hồ*

*Một đốm đen giữa lớp gạch khô
Năm giấu mặt tháng ngày yên nghỉ.*

*Đất ấy giữ hạt mầm rơi rớt
Như đầu kim dường quá nhỏ nhoi
Hứa cùng ta một đóa hoa tươi
Hạt giam hãm giữa miền tăm tối.*

....

*Mùa tiếp mùa nắng mưa bão táp
Mở nhẹ nhàng vết nứt thời gian
Qua kẽ nứt mặt trời lay gọi
Hạt mầm xanh tỉnh giấc mơ màng.*

*Sức sống lại bừng lên rạng rỡ
Nhận vuốt ve của khí dương hòa
Chào ánh sáng cành hoa hơn hở
Pha thêm màu cho nắng xuân tươi.*

Một cành hoa xinh tươi trở sinh từ một hạt mầm nhỏ như đầu kim khâu nơi một bức tường được xây rất kỹ, nhưng còn để lại đâu đó một chút đất và một hạt mầm từ đâu đã rơi xuống. Rồi qua năm tháng, hạt mầm đã hé mở...

Nhà thơ Vĩnh An đã mô tả khá tỉ mỉ về môi trường để hạt mầm sinh ra, không phải là ông không có điều sâu xa hơn để trình bày. Điều này, nhà thơ đã vạch ra rất chân tình, mặc dù nó giảm trừ tính chất thi ca trong ông. Có lẽ ông nghĩ đến sự ích dụng của huấn dụ, đến cách đối xử của người Kitô hữu với tha nhân hơn là nghĩ đến một chất thơ mất đi ít nhiều trong ông, đúng hơn trong một bài thơ.

*Gặp u buồn cay đắng một người
Ta có sẵn nụ cười an ủi?
Ánh mắt có khơi nguồn hy vọng
Sự sống phục hồi, bóng tối rút lui?*

*Một nụ cười bạn ơi đừng dè sẻn!
Vì biết đâu hơi ấm chân tình
Gọi mưa xuống hạt mầm khô cứng:
Hy vọng chôn vùi vươn nở lung linh.*

15.3.1993

(Bài: Cánh hoa từ khe nứt)

Nhà thơ Vĩnh An tiếp tục suy niệm về một cõi sâu huyền nhiệm, tại đó có tất cả, ông ví nó như một dòng sông, chỉ có điều người ta có nhận ra nó không? Tác giả sử dụng một kiểu nói quen thuộc trong văn chương, là dùng một hình ảnh trong thiên nhiên để nói đến một hình ảnh siêu nhiên, dùng chiếc xe để chỉ thân xác ta, một ẩn dụ.

*Quê hương tôi là những thiên hà
Đời ngắn ngủi bạn ơi!
Chỉ ngoài cõi trắng sao
Ngôi nhà ta chân thật
Thân xác ta chiếc xe mòn cũ
Rồi sẽ thành sắt vụn chẳng bao lâu
Chỉ tinh thần ta sống mãi
Chẳng phai màu.*

*Bạn chăm chút xác thân chờ chết
Như chiếc xe chuẩn bị đi xa
Tút tấp xa cuối giải ngân hà
Giữa vô minh bạn không thể biết
Phương tiện ở ngoài ta vô ích.*

*Và đáng tiếc nếu không thể biết
Tự thăm sâu của nội tâm thanh khiết
Một dòng sông chảy đến mọi tình cầu.*

15.3.1993

(Bài: Dòng sông)

“CÁI TÔI” TRONG THƠ VĨNH AN VÀ CUỘC HÀNH TRÌNH ĐI TÌM CHÚA

Đấng Hằng Hữu và “ngọn lửa” của “người đi tìm”. Đây là nội dung của bài thơ: “Ngọn lửa”. Đấng Hằng Hữu Vô Biên mà “người đi tìm” “chẳng tìm ra được” (câu thứ 9 đoạn 3), chẳng phải là Đấng ấy đang ở “trong tim” (câu thứ 4 đoạn 1) tác giả sao?! Sao lại nói là Đấng ấy “giấu mặt”? (câu thứ 4 đoạn 1). Có lẽ “người đi tìm” còn thiếu một yếu tố nào đó để “nhận” ra Đấng Hằng Hữu Vô Biên. Cũng may là “người đi tìm” đã có “lửa” vẫn cháy lên trong cõi sâu lòng mình!

NGỌN LỬA

*Giữa cái Đẹp với hình hài muôn vẻ
Của đại dương Tình Ái vô biên*

*Tôi chợt thấy trong tia chớp lóe
Đáng vẫn thường giấu mặt trong tim.*

*Tim cháy bỏng như vàng bốc khói
Lòng sục sôi khát vọng nhiệm mầu
Đồn sức mạnh đôi chân chạy tới
Tìm gặp Ngài xuất hiện linh thiêng.*

*Tôi buồn bã chẳng tìm ra được
Vô ích thôi, lục lợi khắp miền
Mọi cánh rừng hoa cỏ lặng yên
Lang thang mãi như người điên dại.*

*Ngài ở đâu? Lòng tôi thiêu đốt
Ngọn lửa này âm ỉ không nguôi
Ngài ở đâu? Từ cõi lòng sâu
Ngọn lửa ấy không hề chịu tắt.*

13.3.1993

(Bài: *Ngọn lửa*)

Những bài thơ trích dẫn trên đây đã cho thấy một hình ảnh rất đẹp và trân trọng của nhà thơ Vĩnh An. Tuy nhiên, để có được điều này, trong thi phẩm Lời Dâng của mình, tác giả đã nói về mình: bước vào đời như đi trên con thuyền buông lái những biến cố, những lẻ loi, những bần khoản và những tìm kiếm. Ông tìm kiếm gì? Ông đã tìm thấy gì? Một Giêsu đang mỉm cười giữa đám trẻ chơi đùa sao? Một Giêsu đơn sơ nơi máng cỏ Bêlem sao?! Thật tuyệt vời, khác

hắn với những hình ảnh của các tôn sư, những thần tượng trong đời:

*Chiều Đà Lạt nắng tơ
Quanh hồ thơm sóng biếc
Sao lòng tôi rên xiết
Con đàu đến không ngờ*

...

*Bỗng mắt tôi dưng lệ
Nhìn lên những đám mây
Thèm nắm một bàn tay
Ngọt ngào từ Thượng Đế*

...

*Tôi đã phí đời tôi
Ngài hãy đến Chúa ơi!
Trước khi màn đêm rơi
Và gió đêm lạnh thổi.*

14.01.1991

(Trích bài: *Hãy đến, Chúa ơi!*

Câu 1,3,7)

Khi nhà thơ vào đời, ông ví mình như đã đi trên “con thuyền buông lái”. Nay, con thuyền ấy đã cập bến bờ hiền hậu, vì ông đã có Chúa:

*Tôi từ già một thời thơ dại
Cỏ đã xanh trên mộ mẹ tinh thần
Chân trẻ thơ chưa vững, bước phân vân
Đi vào đời trên con thuyền buông lái*

*Dưới ánh mắt các tôn sư vĩ đại
Giọng khô khan: “Nghe rõ ta không?”
Tôi run rẩy trước các thần tượng mới
Những búp-bê dưới ánh sáng hồng*

*Đã quá nửa cuộc đời tôi mệt mỏi
Lặng nghe lời tiên báo hư không
Khoảng trống rỗng của tinh thần tăm tối
Thú nhận mình đã lạc lối nhân sinh.*

*Nay tôi quyết trở về thời thơ ấu
Thả bước chân theo lối cỏ hoang sơ
Buổi chiều êm thánh nhạc nhẹ như mơ
Con thuyền nhỏ cập bến bờ hiền hậu.*

*Xin làm lặng đời tôi bao bão tố
Và Chúa ơi, đây ách quá nặng nề
Xin tháo gỡ rồi tay Ngài băng bó
Vết thương đời bằng lòng mến vô biên.*

25.9.1996

(Bài: *Lạc lối nhân sinh*)

Đã biết con người không thể tránh được những biến cố xảy đến trong đời, có điều quan trọng là người Kitô hữu có nhận ra Chúa trong biến cố không. Nhà thơ Vĩnh An viết:

*Biến cố giữa mài tôi nhẵn bóng
Tháng năm qua tâm trạng mỗi mòn*

*Xác nhẵn nhúm vì vết thương cháy bỏng
Da sần sùi vết tích của gai đâm*

.....

*Biến cố đến bất ngờ cơn giông tố
Giội vào tôi bao tủi nhục đắng cay
Tôi oằn người bưng mặt úp đôi tay
Ngồi bất động làm thân tượng gỗ.*

*Biến cố mỗi ngày đâu phải chuyện chơi
Tôi hồi hộp khi đêm tàn thức dậy
Thiên Chúa nói cùng tôi: “Nào vững chãi,
“Ta yêu con! Đứng lên! Đừng sợ hãi!
“Trong biến cố mỗi ngày
con chẳng thấy Ta sao?”*

20.8.1991

(Trích bài: *Biến cố*,
câu 2,4,5)

Cái đêm đáng ghi nhớ cho cuộc hành trình đi tìm Chúa của nhân vật xưng “tôi” hay của bất cứ ai khi “đi tìm Chúa” trong cái lạnh buốt, cô đơn mà tác giả Vĩnh An đã mô tả đến trong bài thơ dưới đây, chính là Đêm Nôn:

*Nôn! Nôn! Nôn!
Tôi lạc loài giữa lễ hội phô trương
Bầu trời đen vắt vẻo trắng liềm
Không biết mấy lần đi lên xuống
Tôi kiếm sao mình giữa khoảng không*

*Chuông đổ nhà thờ lẽ nửa đêm
Âm thanh trong suốt gợn vai mềm
Tôi chợt lắng lòng trong biển nhớ
Vào giáo đường thấp nển cô đơn.*

*Chúa Hai Nhi mở mắt mỉm cười
Lung linh ánh sáng ngập trong tôi
Người người sóng đôi đi dự lễ
Còn tôi bên Chúa mới chào đời.*

*Nôen! Nôen! Nôen!
Bài thánh ca đêm thánh bắt đầu
Tôi gặp Ngài đến giữa đêm đông
Chúa hãy ngủ yên
Lòng tôi cũng vậy
Cuộc hành trình sắp đến:
Hết cô đơn.*

20.12.1991

(Trích bài: *Đêm Nôen*, câu 2,3,4,5)

Bài thơ là lời tự thuật dung dị từ ngôn ngữ đến ý tưởng. Bối cảnh là một thành phố trên cao, đồi núi: “*Bầu trời đen vắt vẻo trắng liềm- Không biết mấy lần đi lên xuống - Tôi kiếm sao mình giữa khoảng không*”. Tác giả có tìm thấy ngôi sao thiên mệnh của mình không, ông không nói. Nhưng ông đã “gặp” Chúa khi ông ở bên Chúa giữa “đêm thánh” với những bài thánh ca tuyệt vời.

Hãy ca tụng Chúa và chúc mừng nhà thơ Vĩnh An vì ông đã “gặp Chúa!”

Theo Chúa! Có lẽ đây là một vấn đề muôn thuở, gai góc. Nhưng, thật là một an ủi lớn lao cho mọi thành phần trong dân Chúa, vì Giáo Hội đã có những bậc thánh tử bỏ mọi sự ở đời để theo Chúa, một Phanxicô Khó khăn, một Phanxicô Xaviê v.v..., và sự tử bỏ chính bản thân, tử bỏ mạng sống của mình chấp nhận gươm đao, ngục tù, đói khát v.v... của các thánh Tử vì đạo.

Nhà thơ Vĩnh An đã suy niệm về đoạn Tin Mừng trình thuật về một người giàu có hỏi Chúa Giêsu, rằng mình phải làm gì để được sống đời đời (Lc 18, 18-23). Chúa bảo người này: hãy về bán hết của cải rồi trở lại theo Chúa. Và nhà thơ Vĩnh An đã trào dâng tâm tư mình:

*Anh có về phân phát hết gia tài
Bán của cải chia người nghèo bất hạnh
Rồi quay lại theo chân Thầy chí thánh:
Cuộc hành hương qua thế giới đêm dài!*

*Cuộc hành hương để gặp gỡ chính Ngài
Dùng bữa chiều trong ánh nắng tà huy
Vì danh Ngài nhận thách đố hiểm nguy
Thượng Đế muốn ta can trường hiện hữu.*

.....

*Không thể chọn theo Ngài một nửa
Hiến dâng mình thánh giá vác trên vai
Và khi ta gặp nát hình hài
Mới nhận thấy lưng Ngài mang roi vọt.*

*Anh có dám chia gia tài kẻ khó
Để nhẹ nhàng theo chân Chúa tình yêu?
Anh có dám toàn thiêu cho Chúa,
Từ bỏ mọi điều, lãnh nhận mọi điều?*

9.3.1992

(Trích bài: *Theo Ngài*)

Một Thiên Chúa giàu lòng thương xót, đã ban Con Một mình xuống trần thế để cứu con người về tội bất trung. Giêsu, Người Con ấy đã không chọn cung điện hay nơi quyền quý khác để hạ sinh, nhưng là chọn hang lừa vào đêm đông buốt giá để giáng trần. Cách chọn lựa ấy của Giêsu cũng như cách sống âm thầm, lao động suốt 30 năm tại làng quê Nazareth, một làng quê nghèo nàn thì *“làm sao có cái gì hay được?”* (Gn 1, 45-46) như cách nghĩ của người Do Thái thời ấy. Họ đã vấp ngã. Nhân loại từ đó đến nay cũng vấp ngã. Gioan Tiền hô tuy đã nhảy mừng khi còn trong lòng mẹ là bà Elizabeth, lúc Giêsu vừa nhập thể trong cung lòng Maria, mẹ Chúa đến thăm, và khi Giêsu đến sông Gio-đan để Gioan làm phép rửa cho, thì từ trời có tiếng vọng xuống: *“Đây là con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người”*. (Mt 3, 13-17). Vậy mà, lúc Gioan ngồi trong tù, đã sai môn đệ đến hỏi Chúa Giêsu: *“Thưa Thầy, Thầy có thật là Đấng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?”* (Mt 11, 2-6). Cũng như những chất vấn khác của người Do Thái thời ấy, đặt ra với Chúa Giêsu, về “quyền”, về “Ông là ai?”, Chúa không bao giờ đáp ứng trực tiếp và cụ thể về những điều ấy. Ngài chỉ nói, hãy nhìn xem những gì

Ta làm: người ốm đau, tật nguyên... được khỏi, kẻ chết sống lại.

Ngày hôm nay, đã hơn 2000 năm, Thiên Chúa vẫn là Thiên Chúa Tình Yêu và giàu lòng thương xót. Ngài còn bị trách cứ là “Im lặng” trước chiến tranh, dịch bệnh, khốn cùng của nhân loại, một nhân loại vẫn trầm luân trong bóng tối, mặc cho quyền lực Satan hoành hành!

Đây là điều mà những tâm hồn ưu tư vẫn bận lòng: Ai có thể cứu được thế giới này?

Nhà thơ Vĩnh An trào dâng cảm xúc. Ông nhìn ngắm thế giới, chiêm niệm cảnh vật và ông nhận ra Đấng Tạo Hóa vũ trụ cần khôn vẫn hiện hữu. Lời thơ của ông tha thiết, chân thật, mang âm hưởng của Thánh Vịnh nhưng cũng có nét tâm tư riêng của mình:

*Thiên Chúa có nói không
Mà xoay chuyển bốn mùa?
Bốn mùa là khôn ngoan trời đất
Nảy trăm nghìn lộc nỡ
Sự khôn ngoan cho đời
Trên miêng Đấng tiên tri.*

*Thiên Chúa có nói không?
Người giấu mặt và đi trong gió
Hỡi nhân trần ai hiểu được đường mây
Gió trong lá đếm từng hoa nhỏ
Cho con người xem lá biết cây.*

*Thiên Chúa có nói không?
Người giấu mặt hiền hòa trong nắng;*

*Quyển sách thiên nhiên từng trang bày tỏ
Lời ngọt ngào ẩn trong cây cỏ
Dưới mặt trời hay giữa trăng mơ.*

*Thiên Chúa nói qua từng biến cố
Để buồn vui có Chúa ở cùng
Lòng tưởng chết giữa bao trần trở
Phép lạ mỗi ngày ta sống ung dung.*

*Thiên Chúa nói qua người đau khổ
Kẻ tật nguyện đón nhận Phúc Âm
Tiếng Ngôi Lời đồng vọng âm thầm
Kẻ khiêm nhường đôi tai rộng mở.*

*Thiên Chúa có nói không?
Người hiện diện qua thăng trầm lịch sử
Ai khôn ranh kiêu căng thành lú lẫn
Ai đơn sơ sáng mắt sáng lòng.*

*Chúa vẫn nói từ cõi không thanh tịnh
Lời tuôn trào sức sống uy linh,
Lời khôn ngoan vang vọng diễm tình
Tự thăm sâu tâm hồn
Bạn có nghe không?
Có lần gặp gỡ?*

15.03.1992
(Bài: *Tiếng Chúa*)

MẤY BÀI THƠ KHÁC CỦA VĨNH AN

Trong niềm tin tinh tuyền, Kitô giáo là một dòng chảy mang nguồn ơn cứu độ cho nhân loại. Những người đi vào tôn giáo mặc khải này, để sáng tác thi ca thì họ đều là những nghệ sĩ giàu cảm xúc. Không thể chối từ khi nói rằng đây là Ôn Gọi, là đặc sủng của họ. Lúc họ thình lảng, suy gẫm một màu nhiệm nào đó trong đạo, hay những vị thánh mà họ mộ mến, thì họ như không còn hiện hữu. Những lúc ấy, ngôn ngữ họ dùng để diễn tả cảm xúc, chỉ là cách miễn cưỡng, là phương tiện thô sơ. Cho nên, ít nhiều nó cũng làm bay đi tính chất tinh khôi của đạo hay làm giảm đi những đức tính như hy sinh, nhiệt thành, chấp nhận mọi gian truân, đau khổ và cả cái chết chỉ vì lòng yêu Chúa của những vị thánh, nơi những điều họ thể hiện trong những bài thơ.

Chúng ta đã có thể nhận thấy điều này nơi những bài thơ đã dẫn cũng như mấy bài thơ sau đây của Vĩnh An. Chúng ta đành chấp nhận điều mà chính nhà thơ không muốn. Tuy nhiên, có một điều rất thú vị, rất con người, là có nhà thơ có tinh thần lãng mạn, nói được là phóng nhiệm (hay phóng nhậm), vô vi, thanh tịnh, Lão Tử, đôi khi dùng ngôn từ mà Kinh thánh không dùng, lại rất văn vẻ theo cảm xúc của mình. Chẳng hạn bài *Truyền tin* dưới đây của Vĩnh An, khi tác giả thuật lại biến cố truyền tin với Maria, giờ đó, khoảnh khắc đó, tác giả đã nương theo đó mà gieo vần:

*Chim giạt mình, chim bay cao:
Lẽ nào Chúa phải lao đao khách đày*

*Mây ngàn giờ chẳng chịu bay:
Lẽ nào Chúa phải nặng vai tội người*

TRUYỀN TIN

*Thiên thần một sớm truyền tin
Vườn xuân trinh nữ một mình nguyện kinh
Chuông truyền tin! Chuông truyền tin!
Reo mừng nhã nhạc đạo binh Thiên Đàng
Nắng vàng trải lụa tin sang
Thiên Thần Tổng Lãnh đến làng thôn xưa
Gặp ngay trinh nữ chào thưa:
“Kính mừng cô, trái đầu mùa thiên ân,
Hôm nay giữa buổi xuân phân
Chúa Tình yêu tỏ lòng nhân cho đời
Phúc hơn phụ nữ nơi nơi
Giêsu sẽ đến làm người trong cô...”
Thoạt nghe xao xuyến bất ngờ
“Xin vâng!” cô đáp trên bờ môi xinh.
Chuông truyền tin! Chuông truyền tin!
Âm vang trời đất ân tình chuyển giao
Chim giật mình, chim bay cao:
Lẽ nào Chúa phải lao đao khách đày
Mây ngàn giờ chẳng chịu bay:
Lẽ nào Chúa phải nặng vai tội người
Gió thiêng đến kéo mây trời,
Đậu nhà trinh nữ mặt trời giữa trưa.*

9.9.1992

Còn bài *Những ngày sau Nô-en*, tác giả cũng đã phóng bút, mô tả cảnh sinh hoạt thường ngày trong Thánh Gia, một điều chưa thấy nơi những nhà thơ Công giáo khác:

NHỮNG NGÀY SAU NÔ-EN

*Những ngày sau Noel
Ta trở lại đời thường
Cuộc đời thành chốn hẹn
Vì có Chúa đồng hương.*

*Quê hương ta trái đất
Bạn bè ta mọi người
Chúa bé thơ chân thật
Chọn nơi này làm nơi.*

*Mỗi ngày trong Thánh Gia
Đức Mẹ lo việc nhà
Sẵn bao điều nguyện gẫm
Ngắm Chúa lúc vào ra.*

*Cười, khóc thành thơ, nhạc
Vui, khổ tỏa thiên hương
Là tiền vị thiên đường
Cả khi cầm chén đắng.*

*Những ngày sau Nô-en
Giu-se cuộc mưu sinh
Sống khó nghèo lương thiện
Lao động một phận hèn.*

*Đồng bàn ăn có Chúa,
Tối bỗng ấm Ngôi Con
Ngọn đèn đêm đối diện
Ánh-sáng-tự-ngọn-nguồn.*

29.12.1990

Với lòng mộ mến đặc biệt thánh Têrêxa Hài Đồng Giêsu, nhà thơ Vĩnh An không trực tiếp nêu đích danh vị thánh đi con đường nhỏ này trong cuộc đời tận hiến, nhưng qua bài *Con tim*, người đọc nhận ra đó là những đặc tính của Têrêxa Hài Đồng Giêsu, vả lại tác giả đã ghi dưới bài thơ lễ kính vị thánh này, theo phụng vụ. Hoặc giả, đây cũng là một ẩn ý của tác giả dành để nói về những ai có một con tim nhân hậu, sốt mến, dâng hiến. Khi đó, con tim họ “no tròn thần khí Chúa, nguồn trí huệ cao vời”.

CON TIM

*Khi con tim tươi nở
Điều nhỏ nhoi cũng đầy ắp nụ cười
Khi con tim sốt mến
Điều nhỏ nhoi chứa cả đất trời.*

*Khi con tim hướng thượng
Làm của lễ dâng đời;
Con người không còn giả dối
Nhưng hiện hữu tinh khôi
No tràn thần khí Chúa*

*Nguồn trí huệ cao vời
Nguồn lạc phúc không thôi.*

01.10.1996

(Lễ Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu)

Chúng ta được biết đến tinh thần Việt Nam của tác giả với những câu thơ ông để lòng hoài tưởng đến cảnh gông cùm, gươm đao, máu chảy, thân xác bầm giập, nát tan...của các thánh Tử Đạo Việt Nam:

CÁC THÁNH TỬ ĐẠO

*Bằng gươm giáo và cực hình ghê rợn,
Bằng gông cùm, xiềng xích dã man
Các vương quyền áp bức bạo tàn
Dùng cái chết để xóa nhòa chân lý.*

*Các vị thánh luôn sẵn sàng chịu chết,
Hiến tế mình, cuộc sống nặng ngàn cân
Làm chứng nhân ơn cứu độ Tin Mừng
Cho ánh sáng và đức tin bất diệt.*

*Máu đổ xuống trên đất quê thân thiết,
Đầu lìa thân, thể xác giập bầm
Mắt hướng nhìn trời cao xanh biếc
Thấy thiên thần mang đến mào triều thiên.*

*Theo chân Chúa lên đồi cao thập giá
Không oán than đao phủ giết hình hài*

*Mặc bao lời sỉ nhục gieo vào tai
Miệng ca ngợi Đấng ban nguồn vĩnh phúc.*

*Ngợi khen Chúa, Đấng bốn mùa gieo vãi,
Triệu vì sao nhấp nháy dải Ngân Hà,
Hạt nhỏ nhồi trong mảnh đất lòng ta
Thành cây lớn cho chim trời ghé lại.*

*Cảm tạ Chúa yêu quê hương Nước Việt,
Mùa bội thu Thánh Tử Đạo ba miền
Hạt chết đi cho trăm hạt nảy mầm
Hương thánh đức ngàn đời thơm khắp cõi.*

27.9.1996

Chúng tôi thấy bất ngờ và lòng như có lửa, khi biết Vĩnh An gọi vị mục tử nhân lành là “chàng trai nhân lành”, và bài thơ nói đến việc “chàng trai” này đi tìm một con chiên lạc, như đây là một bài bút ký rất sống động. Bài thơ có những tình tiết lạ đối với những bài thơ có cùng đề tài:

MỤC TỬ NHÂN LÀNH

*Con chiên nằm gọn trên vai,
Lắng nghe tiếng hát chàng trai nhân lành
Chàng đi, chàng nhảy hân hoan
Dem chiên đi lạc về đàn trăm con.
Đã tìm qua núi qua non
Lần theo dòng suối, đường mòn cheo leo*

*Thác reo, âm ỹ thác reo
Lững sâu khơi tỏa nắng chiều tái tê
Chiên đi chẳng biết lối về
Chiên theo cánh bướm mãi mê xa đàn
Vẳng nghe có tiếng sói lang,
Trên không ác điệu vụt ngang đỉnh đầu
Chiên về đâu? Chiên về đâu?
Bơ vơ đứng cạnh vực sâu đen ngòm
Nghiêng mình khe núi chiều hôm
Kéo chiên ra vực chàng ôm vào người
Áo chàng đỏ ráng chiều soi
Và trên vầng trán chói ngời vết gai
Tóc thơm nồng tỏa đôi vai,
Dem khoe chiên lạc xóm đoài, xóm đông.*

22.9.1992

Với bài “*Ai sẽ xây cầu?*” dưới đây, chúng tôi giới thiệu với độc giả một nhà thơ Vĩnh An khác, Vĩnh An của một tâm hồn mở rộng, muốn xây một nhịp cầu nối bờ nhân ái, giữa người với người, giữa tù nhân với cai ngục và giữa nhiều tôn giáo v.v...Tuy nhiên, nhịp cầu khẩn thiết nhất và sau cùng, đó là nhịp cầu giữa Thiên Chúa với loài người. Đức tin và niềm hy vọng của tác giả rất trân trọng.

AI SẼ XÂY CẦU?

*Ai sẽ tạo nhịp cầu
Giữa bà con làng xóm*

*Họ hàng xa lại gần
Người già và trẻ nhỏ.*

*Nhịp cầu nối bờ xanh
Giữa thầy trò bè bạn
Giữa y tá bệnh nhân
Giữa giàu nghèo giai cấp?*

*Ai sẽ tạo nhịp cầu
Qua dòng sông chia cắt
Nham hiểm sóng hận thù
Giữa giáo gươm đối mặt
Giữa màu cờ giao tranh.*

*Nhịp cầu nên gập gờ
Tù nhân và cai ngục
Giữa kẻ Bắc người Nam
Người Hồi và Do Thái
Da vàng và da trắng
Ấn Độ và Trung Hoa
Những văn hóa khác xa
Và giữa nhiều tôn giáo?*

*Ai sẽ tạo nhịp cầu
Thiên Chúa với loài người?
Chính Ngài, Đức Kitô
Được Chúa Cha sai đến
Liên kết mọi chúng ta.*

Ngài đã nói khi xưa:

*“Ta là Đường, Sự Thật!”
Ngài đang nói hôm nay:
“Ta là câu sự sống!
“Nói đời không ranh giới,
“Đôi bờ xanh hoa cười,
“Mọi người thành anh em”*

15.3.1993

Độc thơ Vĩnh An, chúng tôi khá bất ngờ ở một số bài, cụ thể là bài mở đầu cho bài viết này, bài người phụ nữ ngoại tình, bài truyền tin cho Đức Maria và cuối cùng là bài ai sẽ xây cầu trên đây. Trong ba bài này, độc giả đã thấy một Vĩnh An đặc biệt, lạ trong cách suy tưởng, trong cách dùng ngôn ngữ. Tác giả như chìm sâu tận cùng vô thức để chắt lọc những tiềm thức đã hiện hữu tại đó từ rất lâu rồi. Và tác giả đã thực hiện điều này trong các bài trên, tác giả như vô tình đã ít nhiều “nhân loại hóa” các mẫu nhiệm này, đưa tự nhiên vào kề bên mẫu nhiệm. Tuy nhiên, chúng tôi chợt nhận ra một điều: “cái quyền” của Thi sĩ lớn lao lắm, Thiên Chúa đã trao cho họ và Thiên Chúa không bao giờ rút lại, không bao giờ hối tiếc.

Người viết chợt nhớ đến một đoạn sách Khôn Ngoan, theo lịch Phụng vụ đọc trong Chúa nhật XXXI Thường niên Năm C :

“Lạy Chúa, trước mặt Chúa, cả vũ trụ ví như hạt gạo trên đĩa cân, và như hạt sương sa trên mặt đất trước lúc rạng đông. Nhưng Chúa thương xót mọi loài, vì Chúa có thể tác tạo mọi sự, và nhắm mắt làm ngơ trước tội lỗi loài

người để họ ăn năn sám hối. Chúa yêu thương mọi tạo vật, và không ghét bỏ bất cứ vật gì Chúa đã tác thành: vì nếu Chúa ghét bỏ một vật gì, thì Người đâu có tác tạo nó"... (Kn 11,23 - 12,2).

Riêng bài "*Ai sẽ xây cầu*", tác giả có cái tâm rất lớn, cái tâm của một Kitô hữu đích thực, bắt nguồn từ Tân Ước và cũng có thể nói từ một thi sĩ của Giêsu. Nhà thơ Vĩnh An đã thực hiện sứ mệnh của Kitô giáo và của văn học sau 30 năm chiến tranh:

"Mọi người thành anh em".

VŨ THẠCH NHIÊN

Tập thơ: *Sám Hối*

Ngoài tập thơ *Sám Hối*, do Gia Đình P.Gagné ấn hành Mùa Giáng Sinh 1994, ông Vũ Thạch Nhiên còn là tác giả của những tác phẩm:

- *Những nẻo đường đất nước*, ký sự, *Người mới* xuất bản - 1965.

- *Quê nội*, truyện, Hồng Hà xuất bản - 1968.

- *Kiếp lưu đày* (Tập truyện, viết chung với vợ là Mộng Huyền), Sao Mai xuất bản - 1970.

Trong tập *Sám Hối*, nhà thơ Vũ Thạch Nhiên đã có một bài ngắn có nhan đề “*Lời Tự Thú*” để ở trang 7, như thể đây là mấy lý do thúc đẩy ông viết tập thơ này. Dưới đây là nguyên văn *Lời Tự Thú*:

Tôi luôn muốn giới thiệu với giới trẻ hôm nay.

Một Đức Kitô dễ thương, hiền dịu... Một thanh niên đẹp trai, nghệ sĩ, thông minh sáng láng.

Đức Giêsu phải là một thần tượng tuyệt vời của mọi thời đại.

Bởi vì, thiếu thời tôi được giới thiệu một Thiên Chúa nghiêm khắc dễ sợ, đùng đầu phạt đó và những hình phạt thời “Cựu Ước”... khi về quê nội hình ảnh một Linh mục “Y-Pha-Nho” cầm ba toong rượt đuổi những thanh niên loạng quạng quanh nhà thờ... vẫn còn in đậm trong tâm thức của tôi. Tội nghiệp Thầy Mẹ tôi chỉ biết truyền đạo cho con theo kiểu... như vậy.

Hôm nay tất nhiên đã khác. Linh mục dễ thương hơn hòa dịu hơn và cũng dần thân hơn. Hình ảnh cha Thọ (CCT), cha Thi, cha Cừ (Bắc Hà) hăng say phổ biến tình yêu “Thánh Tâm Chúa Giêsu”. Rồi cha Thủ, cha Tuyên, cha Minh Đăng cổ động phong trào lần hạt Mân Côi, cải thiện đời sống theo tinh thần Fatima.

Từ những suy nghĩ trên, những bài thơ này được hình thành, nếu có lạc điệu cũng xin độc giả cảm thông cho một con người tội lỗi đang sám hối ăn năn.

Noel 1994

VŨ THẠCH NHIÊN

Chúng tôi nhận được tập thơ *Sám Hối* của nhà thơ Vũ Thạch Nhiên từ một người bạn thân năm 1994. Tập thơ gồm có 28 bài, tác gia tập trung vào suy niệm Lời Chúa trong sách Tin Mừng với những ý tưởng của bản thân, nhưng cũng có thể hiểu là ý tưởng của con người trần thế đối với những Lời dạy của Chúa Giêsu, xem ra “khó nghe”. Mặc dù, những ý tưởng ấy đôi chỗ lại rất giá trị, rất nhân bản.

Ngước mắt trông trời Chúa ở thật xa?

Nơi dương thế con người lại quên lãng

*Trái cấm ngọt ngon. Trái cấm “hoang đàng”
-Đua nhau hái ôm vào lòng hí hửng.*

*Chúa ở thật xa! Chúa ở thật xa!
Nhưng kẻ mù lại dắt nhau xuống hố
Ôi lũ con hư sao vẫn hồ đồ
Đúc tượng vàng
Giờ. Thú vui xác thịt*

*Chết chóc tang thương chiến tranh mù mịt
Cả địa cầu đầy tiếng khóc tiếng than
Hãy mở lòng ra mong đường cứu rỗi
Tiếng Chúa thì thầm mời gọi chúng ta*

*Thảm kịch xa xưa Ca-in còn đó
Máu đổ rồi. Máu của sự hờn ghen
Cho tới hôm nay trăm người trăm họ
Vết xe mòn đường cũ dấu chân quen*

...

(Trích bài: *Về cùng Cha*, câu 5,6,7,8)

Ngày xưa, dân Do Thái chỉ đúc con bò bằng vàng để tôn thờ, Vị lãnh tụ của họ là Môsê nổi giận, đập nát bò vàng. Ngày nay, có rất nhiều “bò vàng”, rất nhiều “thần tượng”, “Môsê” cũng không thiếu, nhưng thiếu “Tinh-thần-Môsê”. Có những “Mô- sê” còn là điểm tựa của đám dân đen kia, còn dùng tiền thuế của dân đóng góp để “khuyến khích” phụ nữ phá thai, giết hài nhi

từ trong bụng. Những tiếng nói tâm linh, tiếng nói của những vị lãnh đạo tinh thần xem ra đã vang dội, nhưng hình như những “Ca-in”, tiêu biểu cho một thế giới “văn minh tội ác” còn hùng mạnh rất nhiều. Trong khi đó, những con cái của sự sáng, vẫn còn “ngủ mê”. Phải chăng, vì quá ích kỷ, chỉ lo lắng cho bản thân, vì không biết lắng nghe?

*Thầy nói rằng đừng bao giờ lo đói
Đừng bận tâm manh áo khoác thân mình
Kìa loài chim...vui đùa bay bổng
Bao bông hoa... tươi nở dưới ánh hồng*

*Thầy để lại một Điều-Răn-Mới
Yêu thương người quên cả tấm thân
Đem chia sẻ những gì mình có
Hạnh phúc nào bằng kẻ nhận người cho*

*Chúa vẫn nhắc làm ơn không lấy nghĩa
Tay phải làm tay trái chẳng hề hay
Chúa còn muốn bớt đấm ngực ăn chay
Thay vào đó bằng việc làm giúp đỡ*

.....

*Mê mãi tình tiền không ăn năn sám hối
Chỉ biết mình mà chẳng nghĩ đến ai
Cố gắng bon chen cố gắng miệt mài
Vơ vét mãi. Ôi lòng tham vô đáy*

*Xin cho con biết nghe lời Chúa dạy
Quên bạc tiền danh vọng thế gian*

*Dù gặp gian nan không hề bối rối
Có Chúa bên mình hạnh phúc bình an.*

(Trích bài: *Cho con biết lắng nghe,*
câu 3,4,5,8,9)

Một thanh niên giàu có gặp Chúa Giêsu hỏi Ngài: “Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời?” (Mt 19, 16). Sau khi Chúa nói là:... “*hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo...*” (Mt 19, 21), nhà thơ Vũ Thạch Nhiên đã suy niệm về điều này:

*Ôi! Thất vọng sau khi gặp Chúa
Chàng tuổi trẻ giàu có hoang mang
Sao những gì Chúa vừa mới nói
Thực hành ngay đâu phải dễ dàng*

*Chả nhẽ mình ăn chay lánh tội
Giúp kẻ nghèo giúp người gian nan
Chưa đủ để vào nước Thiên Đàng
Lại còn phải bán gia tài. Cho hết*

*Đi theo Chúa nghĩ mà phát mệt
Của cải hết rồi. Tay trắng tay
Con cáo có hang. Con chim có tổ
Đi theo Ngài không hòn đá gối đầu*

*Chúa nói thế ai nghe mà chẳng sợ
Không túi tiền không bận bịu tương lai*

*Đi đi mãi rồi cũng phải mệt nhoài
Dừng bên suối hay con kênh uống nước*

*Chúa bụi hơn kẻ bụi đời
Nghèo hơn người cùng khổ
Này gái ăn sương. Này phường ăn trộm
Đến với Ngài chẳng bị đuổi xua*

*Tham lam ước muốn biết mấy cho vừa
Lòng khao khát lại tìm về Chân Lý
Nhưng lời Chúa chẳng mấy khi vừa ý
Nên loài người ngày càng lánh xa*

Nhà thơ Vũ Thạch Nhiên đã không ngại nói lên cái ý nghĩ rất thực của con người, mà chàng thanh niên giàu có trong Tin Mừng Matthêu, đến gặp Chúa là tiêu biểu. Cái rất thực của con người mà tác giả nói đến, xem ra không có ai phản đối. Cái này cũng là một sự thật khác. Theo Chúa thì phải “bụi đời”, phải trắng tay vì nước trời, theo Chúa thì hòn đá góit đầu cũng không có! Nhà thơ Vũ Thạch Nhiên viết bài thơ này có lẽ sau thời kỳ ông sinh hoạt với Gia đình P.Gagné trong phong cách một Hướng Đạo sinh, một nghệ sĩ, một nhà thơ tài tử. Tập thơ Sám Hối có lẽ là tác phẩm cuối cùng của ông. Tuy nhiên, tác giả không rời xa chân lý. Ông viết tiếp:

*Trước mắt chúng ta biết bao điều lạ
Của ăn hằng ngày. Hơi thở từng đêm
Mặt trời chiếu sáng giấc ngủ êm đềm
Và mưa xuống cho ngàn cây xanh tốt*

*Sự tình quái lẫm khi thành đại đột
Phá đổ vựa này xây vựa khác to hơn
Thử hỏi đêm nay phải trút linh hồn
Bao của cải đành trả về dương thế.*

(Bài: *Tìm về Nước Trời*)

Trong sách Tin Mừng Nhất lãm, có kể chuyện một ông quan thu thuế ở Jarikhô, tên là Jakhê, vốn nghe danh Chúa Giêsu mà ông chưa được nhìn thấy mặt. Một ngày nọ, Chúa Giêsu đi đến đó. Dân chúng theo Chúa rất đông, ông Jakhê là người thấp bé, nên không thể chen lấn với họ được, bèn trèo lên cây sung để được nhìn rõ Chúa hơn. Chúa Giêsu đi ngang qua, đã gọi Jakhê. Ông hớn hử xuống khỏi cây đi theo Chúa và Chúa đã vào nhà ông nghỉ chân và dùng cơm tại nhà ông.

Sau đây là những suy niệm của Vũ Thạch Nhiên về đoạn Tin Mừng (Lc 19, 1-10) này:

...

*Trùm thu thuế vội vàng tụt xuống
Bỏ ngõ bàng hoàng
Sung sướng đến phát điên
Hơn thế nữa Chúa lại về nhà dùng bữa
Còn hạnh phúc nào to lớn hơn*

*Mặc cho tiếng xì xào to nhỏ
Ông Jakhê đến gần Chúa thua
Con xin hiến gia tài một nửa
Bồi thường gấp bốn lần
Cho những người bị thiệt thua.*

*Người ta bảo Chúa thật là dễ dãi
Bất cứ người nào kêu khổ cũng thương
Anh mù thành Jêrikhô van vái
Chúa liền cho sáng mắt bình thường*

*Ơn CỨU ĐỘ để dành cho tất cả
Dù tội lỗi cũng là con Abraham
Đừng vội trách Chúa thật là dễ dãi
Con MỘT NHÀ bỏ mặc hay sao!*

...

*Đối với Chúa
Mọi điều đều đơn giản
Hãy sống thực thà đừng quá gian tham
Lòng NHÂN ÁI đứng đầu tất cả
Phải tỏ cho mọi người
Biết Chúa vẫn ở trần gian.*

(Trích bài: Ông Jakhê và ơn cứu độ,
câu 3,4,5,6,8)

Việc cầu nguyện cho những người đã qua đời, khi tháng Các linh hồn trở về, cũng là một đề tài để nhà thơ Vũ Thạch Nhiên suy niệm về sự chết:

*Hết thu rồi sao mây tím còn trôi
Mùa đông về lạnh giá buốt tâm hồn
Tôi ngồi cầu kính nhớ người đã khuất
Cha mẹ ông bà chú bác... anh em
Tiếng ai đó cứ như lời hò hẹn
Có phải linh hồn nào ở nơi xa*

*Trong hơi gió như muốn nói cùng ta
Mau thức tỉnh và ăn năn sám hối*

Ngay ở câu đầu bài thơ, tác giả đã mô tả một không gian mây tím và lạnh buốt tâm hồn, rồi sau đó ông như nghe tiếng nói từ vực sâu, vực sâu của chính tâm hồn ông, giục ông sám hối. Ông tỏ ra bối rối vì tiếng nói kia là thực hay:

*Tôi Thấy rõ lòng mình đang bối rối
Người chết rồi người sống vẫn còn đây
Cõi phù vân hay là kiếp lưu đày
Không!
Chúa thử để đo lòng trung tín
Hương nhang khói khiến cho người bịn rịn
Lòng nhủ lòng nhưng vẫn cứ hoang mang
Thân phận yếu hèn nên thường bất an
Dò dẫm bước để sao đừng lạc hướng
...
Đừng nhắc nhé! Câu “nay tao mai bay”
Nghe ớn lạnh vì thân tôi tội lỗi
Cứ thủng thủng dần dà tôi sửa đổi
Chúa nhân lành đâu nỡ thẳng tay*

*Hỡi linh hồn các Thánh. Người đã hay
Biết bao cám dỗ trên thế gian này
Có rất nhiều người đã từng phạm tội
Chỉ còn trông nhờ vào lòng Chúa khoan thay.*

(Trích bài: *Thao thức*, câu, 1,2,3,4,6,7)

MẤY BÀI THƠ KHÁC CỦA VŨ THẠCH NHIÊN

Mở đầu cho tập thơ Sám Hối là bài Chúa là gia nghiệp đời con, ông công bố tình thương bao la của Chúa, như thể đây là một cách bày tỏ đức tin của tác giả ở Chúa, cho dầu cuộc đời có nhiều cám dỗ, khổ ải, con thuyền cuộc đời có nhiều bến đỗ, nên thuyền cũng lên đênh...

CHÚA LÀ GIA NGHIỆP ĐỜI CON

*Gia nghiệp đời con là Thiên Chúa
Ôi hân hoan vui sướng vô vàn
Con ngất lịm trong tình thương mến
Cha nhân lành ở cùng chúng con*

*Kìa núi! Kìa non! Kìa sông ! Kìa biển
Cuộc đời trải rộng đất thênh thang
Cha yêu con tình yêu nồng nàn
Trong tay Chúa lòng con đầy thỏa mãn*

*Tình yêu Cha thật là vô hạn
Con yêu Ngài chẳng được bao nhiêu
Con muốn yêu Cha, con muốn yêu nhiều
Nhưng thế gian lại lắm điều cám dỗ*

*Cuộc đời mệnh mang thuyền tìm bến đỗ
Bến thì nhiều nên thuyền lại lên đênh
Bao nhiêu chông gai bao nhiêu thác ghềnh
Không có Chúa đời con thuyền không lái*

*Đã yêu Chúa mà sao còn ngần ngại
Ách của Ngài mới nhẹ đặt trên vai
Ách của Ngài thật là êm ái
Sao con lại sợ hãi rụt rè*

*Giữa cuộc đời biết bao điều khổ ải
Chúa muốn thử lòng nên bắt con gian nan
Chúa muốn thử con xem có phàn nàn
Tuy biết vậy đôi khi còn oán thán*

*Nhận đau khổ để góp phần “khổ nạn”
Chúa ngày xưa chịu chết không kêu ca
Còn ngày nay con khốn khó cơ hàn
Thấm tháp gì với cuộc đời Chúa-Cứu-Thế*

*Tình yêu Chúa cho con nhiều vô kể
Biết lấy gì đền đáp nghĩa tri ân
Bao yêu thương bao tha thiết ân cần
Chúa dành hết cho những người tội lỗi.*

Hình ảnh tuyệt vời

Tác giả phác họa hình ảnh Chúa Giêsu cúi xuống rửa chân cho các tông đồ trong bữa Tiệc ly, hình ảnh Chúa Giêsu ngồi lấy ngón tay viết trên đất giữa đám đông đứng chung quanh, có người phụ nữ ngoại tình và đám Biệt phái đang xem Chúa xử như thế nào, thi hành luật hay không, để có cơ bắt Chúa. Nhà thơ Vũ Thạch Nhiên viết một câu rất thâm thúy về cách rút lui của đám đông này sau khi nghe Chúa hỏi: “*Lặng lẽ ra về không dám nặng bước chân*”.

*Con yêu quý khi nhớ hình ảnh Chúa
Cúi rạp mình bên đây tớ rửa chân
Bài học nào sống động hơn thế nữa
Phục vụ tha nhân một cách ân cần*

*Con yêu Chúa khi cúi nhìn xuống đất
Ngón tay Ngài khi vẽ nét băng quơ
Ngón tay Ngài như xóa sạch vết nhơ
Cho tất cả những tâm hồn tội lỗi*

*Kìa Ký lục và phường Biệt phái
Đẫn một người phụ nữ tội gian dâm
Muốn hỏi Ngài nên ném đá hay không
Chúa chẳng nói chỉ cúi nhìn xuống đất*

*Họ đâu chịu nên đặt lời chất vấn
Luật Mô-sê trừng phạt quyết không tha
Chúa ngược mắt nhìn đám người sai lạc
Mà trong lòng không khỏi xót xa*

*Bất đắc dĩ Ngài đành phải hỏi
Trong các người ai không muốn được tha
Trong các người ai là kẻ thật thà
Hãy tự vấn xem mình không lầm lỗi*

*Thật xấu hổ cho đám người giả dối
Tội lỗi cùng mình mồm miệng hét la
Muốn xách động mọi người ném đá
Con mù đàn bà tội lỗi xấu xa*

*Nghe Chúa hỏi người người kinh hãi
Phỏng vấn lương tâm mắc cỡ âm thầm
Từ vị cao niên đến bầy trẻ nhỏ
Lặng lẽ ra về không dám nặng bước chân*

*Chúa ái ngại quay nhìn người phụ nữ
Về mặt u buồn sợ hãi đáng thương
-Hãy đứng dậy! Ra về! Ăn năn sám hối
Ta chẳng nở nào kết tội nàng đâu.*

Một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng giàu nghèo trong thế giới hiện nay là tính ích kỷ của con người, là lòng tham vô tận của tầng lớp nắm trong tay quyền sinh tử của đám dân nghèo trong hầu khắp các xã hội, Đông cũng như Tây. Giáo hội hoàn vũ vẫn luôn đề cập đến vấn đề này. Giáo hội đã giới thiệu với thế giới một Giáo Huấn Xã Hội, “là toàn bộ những lời dạy chính thức của Hội Thánh liên quan đến các vấn đề xã hội, dưới ánh sáng mặc khải của Lời Chúa, nhằm hướng dẫn cách cư xử trong các hoạt động xã hội của con người.

“Giáo huấn xã hội của Hội Thánh trình bày những nguyên tắc luân lý có hệ thống, những tiêu chuẩn để phán đoán, những đường hướng để hành động. Giá trị đạo đức này được đặt nền tảng trên luật tự nhiên, được xác định và củng cố trong niềm tin của Hội Thánh và dưới ánh sáng Phúc Âm Đức Kitô. Giáo huấn này cũng mang tính thực tiễn hướng tới việc đẩy mạnh công lý, hòa bình, tình huynh đệ và sự phát triển của con người sao cho phù hợp với ý định khôn ngoan của Thiên

Chúa. Hội Thánh cố gắng phổ biến những lập trường đúng đắn đối với những của cải trần thế và với các quan hệ kinh tế xã hội”.

(Trích từ: *Từ điển Công Giáo*,
Hội đồng Giám mục Việt Nam, nxb Tôn Giáo,
2016, trang 418) (Xin đọc: Thông điệp Tân Sự
(*Rerum Novarum*), Tứ Thập Niên (*Quadragesimo*
Anno) và Chúa Cứu Thế (*Devini Redemptorist*))

Nhà thơ Vũ Thạch Nhiên đã ghé vào vấn đề xã hội, giữa con người với nhau trong bài: Xin mở lòng con. Tác giả như muốn đẩy vấn đề lên mức thậm xưng. Tuy nhiên, đây là nghệ thuật của tác giả? Dù sao, Vũ Thạch Nhiên đã tỏ ra nhẹ nhàng trong ngôn từ, và rất tuyệt khi hạ chữ “Amen” đúng vị trí. Tác giả muốn đặt bài thơ của mình trong tâm thức cầu nguyện, sám hối, vì có biết bao người ích kỷ đến độ chỉ biết một mình mình, còn bao người khốn khổ chung quanh cũng bất cần.

XIN MỞ LÒNG CON

*Con thường cầu xin với lòng ích kỷ
Xin cho mình. Không xin cho ai
Chỉ mong sao có thật nhiều của cải
Không phải ngày nay mà cả ngày mai.*

*Chúa cho một con lại đòi hai
Làm sao chỉ mình con sung sướng
Làm sao chỉ mình con thụ hưởng
Còn bất cần đến những kẻ xung quanh*

*Này cụ già đêm ngày cô quạnh
Tuổi xế chiều đói khát ốm đau
Còn bao người bất hạnh cùng nhau
Xin manh áo miếng cơm đầu phố*

*Trước mắt con còn bao người đau khổ
Họ than van năn nỉ kêu xin
Hãy giúp đỡ! Giúp người cùng khổ!
Con vẫn bước đi như kẻ vô tình*

*Còn gì nữa kìa tiếng khóc hài nhi
Bên bà mẹ gầy gò thiếu sữa
Con phải làm chi con biết làm gì
Lòng ích kỷ thôi đừng khép nữa*

*Xin hoán cải để con đừng lần lửa
Mở lòng con ra với tất cả anh em
Xin hãy nhóm trong lòng con chút lửa
Lửa ân tình - Lạy Chúa! Amen!*

Bài *Ơn Thánh Vô Cùng*, là một bài vừa suy niệm vừa mô tả không gian đêm Chúa Giáng Sinh, cho tới mầu nhiệm Thánh Thể, Vũ Thạch Nhiên, vừa dùng những ngôn từ quen thuộc vừa lời ước ao và van nài với Chúa của ông. Ông tỏ bày với Chúa là trên đường “Em-Mau” ở trần gian này, ông xin Chúa cho ông được “gặp lại” một bộ hành thân thiện vĩ đại, Chúa luôn là một “bộ hành” của ông.

ỜN THÁNH VÔ CÙNG

*Ngọc Như Ý vô tri còn biết cả
Hương chi tôì là Thánh Thể kết tinh
Hàn Mặc Tử*

*- Đêm nao
Ngàn sao lấp lánh
Dưới trần gian
Vang tiếng cầu kinh
Chúa sinh ra
Ban phúc an bình
Bên Mẹ Người: - Đức-Nữ-Đông-Trinh*

*Ave Maria! Ave Maria! Tiếng hát
Tiếng hát từ trời vang vọng không trung
Vinh Danh Chúa
Ôi Bà đầy ơn phúc
Phúc Thiên Đàng tràn ngập cả dương gian
Vạn tuế! Vạn tuế!
- Đấng-Ngôi-Lời nhập thể
Cứu giúp loài người ngập bể u mê
Ôi Giêsu ngày này trong Thánh Thể
Thầy tỏ bày bằng cả Trái Tim
- Đây là Máu và Thịt Ta ban phát
Uống Máu này là “Giao ước” cùng Cha
Đây là Bánh. Thịt Ta con nhận lãnh...*

*Con lạy Chúa-Ba-Ngôi cực Thánh
Sáng danh Ngài trên chín tầng cao*

*Con hằng ước ao
Con muốn van nài
Trên đường Em-Mau cho con gặp lại
Một “Bộ hành” thân thiện vỗ vai con
- Này bạn hơi dù cho từng hơi thở
Hay nỗi niềm trần trở bấy lâu nay
Chúa đã biết và Chúa hằng theo dõi
Sự mỗi mòn và cả tiếng than van
Hãy đứng dậy vững vàng dẫn bước
Chúa ở cùng cho tới lúc...Amen.*

Đọc thơ Vũ Thạch Nhiên, người đọc có lẽ cũng nhận ra nét đặc thù của tác giả khi ông suy niệm Kinh thánh. Hầu hết trong các bài này, tác giả không trích dẫn nguyên văn lời Chúa, ông chỉ mô phỏng bằng ngôn từ của mình, nhưng vẫn giữ được nội dung tinh tuyền. Ngoài ra, Vũ Thạch Nhiên còn xen vào đó bằng lời cầu nguyện của mình hoặc tương tự như lời huấn từ mà người tín hữu cũng thường được nghe trong những cộng đoàn họp nhau học hỏi và cầu nguyện, như Legio Mariae v.v...

Bài *Cô Đơn* dưới đây là một trường hợp khác: Tác giả mô tả Chúa Giêsu trên đường khổ nạn, đệ tử trốn hết, chỉ con Gioan!

CÔ ĐƠN

*Chúa chia sẻ với loài người tội lỗi
Xuống thế làm người chuộc tội thế gian
Ngài bị bắt khổ hình nhục nhã
Không kêu ca oán trách phàn nàn*

*Kiếp con người gặp lúc gian nan
Hay thất thế đôi khi còn có bạn
Đường này Chúa trên con đường tử nạn
Đệ tử trốn rồi...còn một Gio-an*

*Thầy lên núi một mình cầu nguyện
Niềm cô đơn bao bọc châu thân
Ngài run sợ đổ mồ hôi máu
Ngước mắt về Cha đau đớn kêu thầm*

*Nếu có thể xin Cha ngừng chén đắng
Nhưng giât mình Ngài tỉnh ngộ van xin
Dù chén đắng dù muôn vàn đau khổ
Xin vui lòng chấp nhận theo ý Cha*

(Trích bài *Cô Đơn*, 4/6 câu đầu) .

Một ngày trước khi nhân loại bước sang năm thứ nhất thế kỷ 21, chúng tôi nhận được một bức thư chúc mừng Năm Mới này của Vũ Thạch Nhiên. Trong thư có kèm theo một bài thơ ngắn, nhan đề: “*Uống Rượu Một Mình*”. Mấy câu cuối tác giả buông dấu than rất tuyệt. Bài thơ gây cảm xúc cho chúng tôi:

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

*Một mình uống rượu cho say
Thời gian thâm lặng, tháng ngày chênh vênh
Cuộc đời lên thác, xuống ghềnh
Bao phen lận đận, bao lần đắng cay!*

*Đắng cay nhấp rượu cho say
Mà sao giọt rượu...
Ô hay! Ngậm ngùi!*

Tháng 12.2000

Trong số bạn hữu, Vũ Thạch Nhiên là một trường hợp duy nhất có thơ viết tay gửi cho tôi vào tháng 12 năm 2000, trước khi bước vào Năm Thứ Nhất Thiên Niên Kỷ Thứ 3 Kitô giáo. Bốn câu đầu là tâm sự về cuộc đời của anh, có lặn độn, đắng cay, đau thương. Đến 3 câu cuối thì tôi chưa gặp câu thơ nào của bạn mình “ngậm ngùi” đến như thế.

Nhà thơ Vũ Thạch Nhiên viết bài thơ “Uống rượu một mình” vào tháng 12.2000, tức 6 năm sau ông viết Tập thơ *Sám Hối*. Tập thơ này có 28 bài, đều là những suy niệm của tác giả về Tin Mừng, không có bài nào về xã hội, ngoại trừ mấy câu trong bài Xin mở lòng con, tác giả đã nói đến người khốn cùng nhưng là trong tâm thức sám hối, cầu nguyện khi tác giả tố cáo một loại người chỉ biết cái tôi của mình.

Như thế, bài thơ này nên xếp vào thơ đạo hay, tác giả làm nổi bật những đau khổ của người thiếu thốn, bần cùng và lẻ loi chung quanh mình, bằng cách lên án lối sống ích kỷ, tham lam của những người khác.

*Này cụ già đêm ngày cô quạnh
Tuổi xế chiều đói khát ốm đau
Còn bao người bất hạnh cùng nhau
Xin manh áo miếng cơm đầu phố*

*Trước mắt con còn bao người đau khổ
Họ than van năn nỉ kêu xin
Hãy giúp đỡ! Giúp người cùng khổ!
Con vẫn bước đi như kẻ vô tình*

(Trong bài: *Xin mở lòng con*,
đoạn 3,4)

VŨ THỦY

Theo trang báo điện tử của Giáo xứ Thánh Đa Minh - Ba Chuông, ngày 10.02.2009, thì nhà thơ khiếm thị Vũ Thủy, là một thành viên trong gia đình khuyết tật Kitô Vua do cha Giuse Nguyễn Trọng Viễn OP phụ trách. Chị đã thực hiện hai đĩa CD các bài thơ của mình và vẫn sáng tác đều đặn.

Dưới đây là “*Lời tự bạch*” của nhà thơ Vũ Thủy về quá trình sáng tác thơ của mình mà chị muốn chia sẻ cùng những nhà thơ Công giáo Việt Nam, qua tựa đề:

Theo Ngài Vào Lối Thơ

(Viết ngày 06-04-2008)

“Lúc còn đang học lớp năm, tôi đã vẽ vẽ viết viết những bài thơ lục bát. Dần dần lớn lên tôi thích viết những bài thơ tự do hơn, và đã viết về đủ thứ trên đời. Khoảng thời gian đó, tôi chẳng CÓ DỊP nghiên cứu học làm thơ và cũng chẳng được đọc nhiều thơ cho lắm, tôi làm thơ CHỈ LÀ để trút những tâm sự và nỗi niềm riêng tư của

mình. Thường là tôi viết vào một mẫu giấy vớ vẩn nào đấy rồi tự mình đọc CHO MÌNH NGHE. Thỉnh thoảng, trong giờ học tôi đã bỏ ngoài tai tiếng giảng bài của thầy cô, lén viết những khổ thơ chọt xuất hiện trong đầu vào một mảnh giấy nhỏ rồi quăng mẫu giấy đó cho một người bạn cũng thích làm thơ như tôi. Rồi thì những mảnh giấy ấy cũng rơi vào lãng quên và chẳng còn lại chút vết tích gì. Lần sinh nhật thứ 23 của tôi, một người bạn trai tặng cho tôi một cuốn sổ tay nhỏ, trong đó anh vẽ những bức tranh với chủ đề xuân, hạ, thu, đông bằng màu nước để trang trí cho cuốn sổ. Tôi rất thích món quà sinh nhật này và thay vì viết những bài thơ tình của mình vào những mẫu giấy, tôi đã ghi chép cẩn thận vào cuốn sổ ấy. Đó là lần đầu tiên tôi có một tập thơ hẳn hoi, mấy người bạn tôi thường cho là thơ tình của tôi quá lãng mạn, bốc lửa và thậm chí còn hơi sex nữa.

...

Đôi mắt tôi mờ dần rồi mù hẳn, những bài thơ của tôi cũng lưu lạc đâu mất. Tôi đã ngưng việc làm thơ cho đến khi tôi biết sử dụng computer vào giữa năm 2002; khoảng thời gian này, tôi thường viết về những đề tài như hồi tưởng, hòa bình, thiên nhiên và những bức xúc về thời cuộc. Đó là những suy tư vụn vặt của tôi, đôi khi là những bức bối về cuộc sống đầy rẫy những bất trắc. Bài thơ đầu tiên tôi viết có sự hiện diện của Thượng đế là bài “Cô gái mù với ly cafe trắng”. Và phải đến hơn 3 năm sau tôi mới lại viết được một bài có nét tâm linh nhiều hơn đó là bài “Món quà của Thượng đế”. Tôi muốn viết về Chúa nhiều hơn nhưng sao mà khó quá... Tuy nhiên, cũng như bao nhiêu khó khăn khác, Chúa

đã dẫn tôi đi một cách âm thầm mà chỉ khi đến đích tôi mới hay Người đang ở bên tôi. Lần này cũng vậy, khi tôi viết bài thơ “*Dù bước đi trong thung lũng tối...*” tôi mới nhận ra một cách rõ ràng rằng Chúa đã dẫn tôi đi vào lối thơ của Ngài và bây giờ Người đang cầm tay tôi viết. Đó là một quá trình tôi muốn chia sẻ cùng những người có tâm huyết với thơ ca Công giáo Việt Nam...”.

(Website nhà thờ thánh Đa Minh -
Ba Chuông, ngày 10.02.2009)

Trên đây là sự chia sẻ của nhà thơ Vũ Thủy về việc chị làm thơ từ lúc còn ngồi ở trường tiểu học... Rồi khi lớn lên, chị đã nghĩ gì, đã sống đạo theo truyền thống gia đình, hay chị đã như một con người phản kháng, vì không tin những gì người khác nói!... Thiết nghĩ đây là điều không phải chỉ có ở nơi chị, mà chắc chắn đó là một hiện tượng hầu như có trong mỗi nhà văn, nhà thơ gọi được là chân chính. Nếu không thế thì những chế độ độc tài trong lịch sử chính trị nhân loại, đã không phải làm nhiều cách để kiểm chế lớp người này, và khi không được thì đã đối xử nghiệt ngã với họ, kể cả sát hại, “đốt sách, chôn Nho” như Tần Thủy Hoàng đã làm và như sau ngày 30 tháng 4, 1975 tại Sài Gòn, sách thì bị đốt còn văn nghệ sĩ thì vào tù.

Tuy nhiên, nhà thơ Vũ Thủy đã không ở trong trường hợp “nổi loạn” chung thân, mà chị đã nhận được ơn linh hứng, như lời kể của chị sau đây:

“Mỗi khi mở cuốn Kinh Thánh ra, tôi luôn luôn rờ thấy dòng chữ nổi “LỜI CHÚA LÀ ÁNH SÁNG ĐỜI

CON” ở ngay trang đầu tiên. Tôi đã từng chấp nhận điều đó như một lẽ tự nhiên, và cho rằng đó là sự đúc kết của biết bao nhiêu người nghiên cứu về Kinh thánh. Thế nhưng Chúa đã làm cho tôi những điều kỳ diệu khiến ngày hôm nay chính tôi là người khẳng định: “LỜI CHÚA LÀ ÁNH SÁNG ĐỜI CON” chứ không phải ai khác! Người đã làm gì cho tôi, một đứa con gái cứng lòng? Phải, từ khi mới 9 tuổi tôi đã là một đứa con gái rất bướng bỉnh và cứng lòng tin. Tôi lớn lên và sống đạo theo kiểu truyền thống gia đình, chứ không dễ tin vào bất cứ điều gì. Như bao nhiêu cô gái khác, tôi cũng biết sợ ma sợ quỷ, nhưng đó chỉ là một vấn đề thuộc tâm lý thường tình của con người; về lý trí, tôi thường dựa trên cơ sở lý luận khoa học chứ chẳng dễ tin vào ma quỷ thánh thần.

Một tương lai đen tối đã được đoán trước của đời tôi: Khi vừa mới 17 tuổi. Lúc đó, theo thói quen chứ không phải vì lòng tin, tôi đã cầu xin với Chúa rằng: “Xin cho con đủ sức chịu đựng”. Rồi, như một câu thần chú, tôi đã vượt qua được nhiều thứ trong bệnh tật, học tập và lao động bằng cách lặp lại lời cầu nguyện ấy. Tuy nhiên, mọi thứ dường như lại đầu vào đấy, tôi vẫn cứ lao vào tìm kiếm vật chất, tiền tài. Tôi thường bị bố tôi trách móc vì lười biếng đọc kinh thánh, song cũng không thể ép lòng vì Kinh thánh không hấp dẫn tôi bằng những cuốn sách khoa học, triết học. Đặc biệt là truyện trinh thám và những vụ án mạng, là món khoái khẩu của tôi... Cho đến khi tôi mù hẵn vào cuối năm 1993, khi sức khỏe càng ngày càng xuống cấp, khi chẳng có chút tiền tài danh vọng trong tay. Tôi đã bám

vúi vào Chúa như một người đang bơi giữa dòng sông
bão tố vó được chiếc phao...”

(x. Đồng Xanh Thơ Sài Gòn,
CN ngày 04.07.2021)

Một phần nào những ý tưởng trên đây còn thấy nhà
thơ Vũ Thủy thể hiện trong bài “*Món quà của Thượng
Đế*”. Đây là cách chỉ gọi tên “gánh nặng” hay cái “ách”
của Chúa. Nó “nặng” khi chúng ta ích kỷ, nhưng sẽ là
“êm ái”, là “nhẹ nhàng” khi chúng ta có niềm tin và yêu
mến “món quà” Chúa trao tặng.

Khi tôi ngã

Cây Thập Tự vừng vàng như giá đỡ

...

Khi bật khóc

Thập Tự âm thầm lau nước mắt cho tôi

Nhưng,

Khi thành công, rứt rỡ giữa phần hoa

Tôi quên khuấy món đồ chơi Chúa tặng

Cây Thập Tự trên vai tôi đè nặng

Nhắc nhở tôi gỡ cửa giếng tâm hồn

Sau đây là bài:

MÓN QUÀ CỦA THƯỢNG ĐẾ^(*)

Vừa chập chững bước vào đời

Thượng Đế thương tặng tôi

Món đồ chơi Thập Tự
Theo năm tháng Thập Tự lớn cùng tôi
Có những lúc trở gai làm trái tim rớm máu
Lúc trơn bóng đắm mồ hôi tôi tảo tảo
Khi tôi ngã,
Cây Thập Tự vừng vàng như giá đỡ
Tôi bám lấy cùng niềm tin trời dậy
Khi mỉm cười,
Thập Tự cũng nở hoa
Chia từng cánh cho đời thêm phơi phơi
Khi bật khóc
Thập Tự âm thầm lau nước mắt cho tôi
Và tôi thấy trái tim thơ trẻ lại
Khi tìm đến những người trong đơn lẻ
Với Thập Tự bẻ đôi tôi chia sẻ
Hạnh phúc có, buồn đau cũng có
Và nỗi cô đơn sẽ chẳng còn
Khi thành công, rứt rở giữa phồn hoa
Tôi quên khuấy món đồ chơi Chúa tặng
Cây Thập Tự trên vai tôi đè nặng
Nhắc nhở tôi gỡ cửa viếng tâm hồn
Tôi lẩm bẩm xốc Thập Tự cho ngay
Thập Tự trên vai tôi vỗ nhịp
Và, chúng tôi hát khúc song hành...

(18.08.2005)

(* Con lấy nguồn thi hứng từ lời của Chúa: “Hãy mang lấy ách của Ta vì ách của Ta thì êm ái và gánh của Ta thì nhẹ nhàng...”.

*Gieo hy vọng cho người mù tăm tối
Ly cà phê cho con ngọt ngào hơi sữa
Bởi nó như cuộc sống đầy bao dung
Đã cho con ngọt bùi trong cay đắng*

*Cuộc đời trắng hay đen?
Riêng cô gái mù thấy ly cà phê trắng
Bởi dòng sữa yêu người, đời đã ban cho
Cô gơ tay hướng về Thượng Đế
“Xin cảm ơn Người, Người mãi ở bên con!”*

(29.05.2002)

Bài thơ “*Giải sầu*” dưới đây đã vượt ra ngoài phong cách nữ tính của tác giả, với những ngôn từ như báo động một cuộc nổi loạn, phá phách...

Hai câu đầu bài đã báo trước điều này:

*Ly rượu chát trên tay
Chẳng làm say CƠN GIẬN*

Rồi sau đó, nào là:

*Cạn chén này, ta đập tan cơn cuồng nộ
Giận đời sao lắm nỗi đa đoan*

Nhưng,

Chén đã cạn cơn sầu chẳng cạn

Cái mà tác giả làm cho ta bất ngờ, ấy là sự nhận ra rằng thi ca là máu thịt mình, quảng rượu đi và hãy cầm bút làm thơ. Bài thơ cho biết tính cách của tác giả: có

cuồng nộ vì đời đa đoan mà cũng biết tìm cách thể hiện tính cách mình bằng trang sách và thi ca. Cái mới lạ và niềm vui cho những nhà thơ Công giáo Việt Nam mà nhà thơ Vũ Thủy mang lại, là ở chỗ này. Trang sách Kinh Thánh là một nguồn suối mát, tinh tuyền của muôn thế hệ.

GIẢI SẦU

*Ly rượu chat trên tay
Chẳng làm say CƠN GIẬN
Ánh đèn vàng ngả nghiêng trong góc tối
Thở dài với bóng mình chông chênh
Say đi, say đi, cho càn khôn túy lúy
Trời đất cứ mênh mang
Cho lòng ta trống vắng
Cạn chén này, ta đập tan cơn cuồng nộ
Giận đời sao lắm nỗi đa đoan
Chén đã cạn cơn sầu chẳng cạn
Quay về với những gì ta yêu quý
Là trang sách,
Là vần thơ ta viết tặng cho ta
Có nhạc và có hoa
Đã cùng ta thặng hoa niềm thú vị
Đã là máu thịt của ta rồi
Còn tìm rượu mà chi
Rượu đổ tràn ly chẳng làm nguôi cơn giận
Chỉ làm tăm tối rộng thêm ra
Mấy gã trượng phu khờ khạo
Tìm quên với ả lưu linh*

*Hà! Nữ nhi ta rót rượu tưới cơn sầu...
Quảng ly, cầm bút viết bài thơ
Khuyên ai đó rượu mà chi, chẳng khoái!
Hãy tìm cách khác mà chơi!*

(1990)

“*Bài thơ tình không tên*” dưới đây, là một bài thơ diễn tả tâm trạng của một người đang yêu đợi chờ người tình đến. Cái phân cuối cùng gọi cho người đang chờ người tình đến là dấu hiệu của niềm vui vì sự chờ đợi đã biến thành bông hồng, dấu hiệu của tình yêu được đặt lên khung cửa kính, dấu rằng các tác giả không nói cụ thể. Cho dù thế nào, thì bài thơ mang đến cho người viết và người dịch một hạnh phúc mà chỉ mình họ nhận được.

BÀI THƠ TÌNH KHÔNG TÊN

*Một buổi sáng mùa đông
Tôi thăm đợi phân nàng
Bên cửa sổ mơ màng nhìn ngoài kia thực tại
Hơi thở tôi tồn đọng lại một bóng hồng
trên lớp kính
Ngón tay tôi nguệch ngoạc viết tên chàng
Rồi xóa đi trong vô thức ưu tư
Cả căn phòng lắng nghe như thầm hẹn
Tiếng xe chàng len vào con ngõ nhỏ
Tôi ngắm những cành thông
long lanh tuyết trắng*

*Chẳng có chút gió nào lay động nó
Trời cứ lạnh ru mọi vật lim dim ngủ
Chẳng có gì khuấy động sự êm ả quanh tôi
Chắc hôm nay chàng không đến
Tôi áp má mình vào ô cửa
Chuông điện thoại chợt vang lên
Hơi thở tôi đọng lại một bông hồng trên lớp kính*

(Vũ Thủy dịch).

Vũ Thủy dịch từ bài thơ của Dan Gerber, người Mỹ, nguyên văn theo bản in trong quyển “*Những bài thơ Việt Nam hay lạ xưa nay*”, tập 2, của soạn giả Long Biên Trương Quang Nguyên, NXB Văn Nghệ 2009, trang 73-74.

Sau đây là bản tiếng Anh của Dan Gerber:

*Another winter morning
I'm expecting your call
I stand close to the window and watch
My breath form a rose on the glass
I scratch your name on it
Then wipe it away with my sleeve
Listening for your tires
To crunch through the ice on the drive
I notice how snow glistens on the pine boughs
That there's no wind at all*

*It's too cold for my walk
Nothing dares disturb this stillness
I know you aren't coming
I press my cheek to the window
The telephone rings
My breath forms a rose on the glass.*

DAN GEBER

Những bài thơ của Vũ Thủy trên đây và những lời tự kể của chị, đã là những chứng từ quý giá của một nhà thơ khiếm thị, chúng tôi tưởng đã đủ để không cần một lời bình phẩm nào khác. Một Vũ Thủy như vậy là sáng giá, là còn mãi một gương sáng trong đời sống đạo. Riêng tôi, người vụng về viết về chị vào trang sách này, chúng tôi cảm ơn chị.

Và để khép lại bài viết về chị Vũ Thủy, chúng tôi xin dùng một bài thơ của chị trong tập *“Ba hạt dẻ và những điều ước của tôi”*, đó là bài: *“Cái nhìn của Chúa”*. Tác giả suy niệm đoạn Tin Mừng theo Mc 10, 50-52:

“Anh mù liền vất áo choàng lại, đứng phất dậy mà đến gần Đức Giêsu. Người hỏi: “Anh muốn tôi làm gì cho anh?” Anh mù đáp: “Thưa Thầy, xin cho tôi nhìn thấy được.” Người nói: “Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu anh!” Tức khắc, anh ta nhìn thấy được và đi theo Người trên con đường Người đi.”

Sau đây là nguyên văn bài thơ:

CÁI NHÌN TRONG CHÚA

(Mc: 10, 50-52)

Áo choàng, tôi đã vất chừa
Những ngày tháng cũ bão muta qua rồi
Hôm nay tôi thấy bồi hồi
Bao nhiêu bận đấng đã thôi không còn
Bây giờ chim hót véo von
Bây giờ đôi mắt tâm hồn mở ra
Tôi nghe tình Chúa bao la
Đã cho tôi khỏi mù lòa con tim!
Chúa ơi! Đời vẫn nổi chìm
Vẫn còn gió thét, sóng dìm ngoài khơi
Thân con yếu đuối, Chúa ơi!
Con đi theo Chúa nửa vời bước chân
Vẫn còn thích chuyện phù vân
Con còn nấn ná lần khăn giữa đàng
Hôm nay Lời Chúa rõ ràng
Giục con vất chiếc áo choàng ngày xưa...
Con xin một tiếng thân thưa
Xin đi theo Chúa, xin chừa đam mê
Xin cho con trọn lời thề
Chẳng mê danh vọng, chẳng mê bạc tiền
Đời con dấu có truân chuyên
Con luôn thanh thản bình yên trong Ngài
Mắt con thấy rõ tương lai
Những ngày có Chúa nắng mai ngập hồn!

“TÔI YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI”

(Thay Lời Nói Cuối)

Lẽ ra thì người viết cần có bài trình bày sơ lược (ít ra là vậy) về văn thơ Công giáo Việt Nam từ sau năm 1975, nói rộng hơn là Văn học Công giáo Việt Nam sau nửa thế kỷ chấm dứt chiến tranh và dưới chế độ chính trị do Đảng CSVN cai trị. Nhưng, người viết đã không có cái duyên với vấn đề này. Sở dĩ quyển *“Những nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay”* có mặt ở đời, là một ý định rất bất ngờ của chúng tôi. Lý do, trong lúc “dọn dẹp” hành trang cho nhẹ nhàng trước chuyến “đi xa”, chúng tôi chạm mặt một số tập thơ của bạn hữu tặng, cũng có vài tập do người viết mua được tại nhà sách Công giáo, cách riêng là các linh mục thi sĩ. Trong số nhà thơ có sách tặng, có người đã rất lâu, có người mới. Một vài người đã khuất, đã “đi xa”. Rồi những hoài niệm xa xưa trở về với lòng. Tôi nhớ tất cả và tôi chợt có ý tưởng “giới thiệu anh em bạn hữu đi” sẽ

là một quyển sách cuối cùng. Dù hay hoặc dở, thì đây chỉ là một tâm tình kỷ niệm của nhau, những Kitô hữu cùng sống trong nguồn mạch Tình Yêu Huyền Diệu.

Để thay cho bài viết về thơ văn Công giáo Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, người viết cũng thấy bận lòng về một vài ý tưởng của tập thể và cá nhân, muốn thay đổi hay cải tiến chữ viết hiện nay. Người viết nêu ra đây hai trường hợp. Một, xảy ra từ năm 1961 ở miền Bắc. Trường hợp này đã thất bại sau nhiều năm cho học trò viết thử, vì chữ viết cải cách xấu như “con nòng nọc”. Còn trường hợp thứ hai là từ ý kiến cải tiến của ông Bùi Hiến. Dư luận trên báo mạng đã cho thấy ý kiến của một số người là không chấp nhận. Một vị trong ngành Ngôn ngữ học là ông Trần Ngọc Thêm cũng không chấp nhận ý kiến của ông Bùi Hiến.

Người viết xin nêu ra đây hai trường hợp trên. Nên coi đây là những vấn đề lịch sử của văn hóa, liên quan đến “Chữ Quốc Ngữ”. Riêng trong lãnh vực thi ca, tiếng Việt hiện nay của mình đã cho thấy tính chất ưu việt của nó, không thể thay đổi được.

Bản nhạc *Tình Ca* của Phạm Duy đã nhắc đến 4000 năm Tiếng Nước Tôi. Rồi hơn 300 năm trước đây, Tiếng Nước Tôi mặc một hình dáng mới là Chữ Quốc Ngữ, hình dáng mới này tồn tại tới bây giờ, có một thử thách rất lớn là Thời Đại Mới của “@”. Toàn thể người Việt Nam suốt thế kỷ 20 vừa qua và hai thập niên thế kỷ 21, đều yêu quý bộ chữ Quốc ngữ này. Đặc biệt từ sau biến cố lịch sử đau thương của dân tộc, ngày 30.4.1975, người Việt Nam đã có mặt ở rất nhiều quốc gia cùng với tiếng nói và chữ “Mẹ đẻ” của mình. Ngoài ra, có nhiều

người ngoại quốc cũng rất yêu quý Chữ Quốc Ngữ của Việt Nam. Đây là một hồng phúc của dân tộc Việt Nam. Thế nhưng, người viết được biết, từ hơn 60 năm nay, đã có những toan tính thay đổi Chữ Quốc Ngữ. Còn theo ông Trần Ngọc Thêm, thì việc này đã nói trong hơn một thế kỷ nay rồi. Sự thế ra sao?

TOAN TÍNH XÓA BỎ CHỮ QUỐC NGỮ

Chúng tôi chỉ được biết đến việc này hai lần qua báo chí, lần thứ nhất qua báo *Tuổi Trẻ* tại Tp.Hồ Chí Minh. Theo đó, đây là một công trình lớn do một Ủy ban điều phối gồm những nhà trí thức có tiếng tầm thời kỳ 1961. Một ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo đã lên tiếng về việc này. Cuộc cải cách chữ viết lần này đã thất bại. Còn lần thứ hai là trên Internet. Lần này chỉ do một người đề xuất việc cải tiến chữ viết, là ông Bùi Hiến. Trên các báo mạng, người ta la ó, phản đối người đề xuất. Trường hợp này, chúng tôi đọc những ý kiến của ông Trần Ngọc Thêm, là giáo sư ngành Ngôn ngữ học, thấy ông cũng không đồng tình với ông Bùi Hiến. Ông còn nói rằng, “sẽ không có một sự thay đổi”.

Chúng tôi xin trình bày một vài chứng từ liên quan đến việc này, trong cả hai lần nói trên đây.

Trước hết, nhìn sang hai nước Trung Hoa và Nhật Bản, có lẽ đã nhận ra cái tính chất ưu việt của Tiếng Việt hiện nay, tức là Chữ Quốc Ngữ, từ việc Latinh hóa, cho nên họ cũng đã có lúc làm như vậy, song không được. Tuy nhiên, lý do để hai nước này muốn thay đổi chữ viết của họ chắc chắn không phát xuất từ quan điểm

giai cấp, như trường hợp Việt Nam, đã có lúc toan tính xóa bỏ Chữ Quốc Ngữ, nhưng cũng bất thành một cách thảm hại.

Việc toan tính này được tiến hành từ năm 1961 ở miền Bắc cùng lúc với việc cải cách chương trình giáo dục - đào tạo. Hơn hai mươi năm sau, việc này mới được đề cập đến khi có chủ trương “đổi mới” và “cởi trói” cho giới văn nghệ sĩ, do ông Nguyễn Văn Linh, TBT Đảng CSVN công bố.

Riêng về việc xóa bỏ Chữ Quốc Ngữ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo là ông Phạm Minh Hạc cho biết:

“Cần nói rõ là đến nay vẫn chưa tìm ra văn bản nói rõ là Bộ chủ trương thay chữ viết. Trong quá trình làm thì lãnh đạo Bộ cũng chưa xem xét kỹ lưỡng và cũng không dám ra quyết định thay chữ viết, không trình Quốc Hội, không bàn tập thể... Và rồi như các đồng chí đã biết, sau đó Bộ Giáo dục có văn bản sửa đổi lại những chỗ sai, chỗ không hợp lý trong chữ viết cải cách, bảo rằng quay lại chữ viết cũ cũng được. Văn bản này do Thứ trưởng Lương Ngọc Toàn ký...”. (Theo báo *Tuổi Trẻ Chủ nhật* số 41-88 ngày 16.10.1988)

Kể thì cũng lạ, thay đổi chữ viết của cả một dân tộc mà một vị Bộ trưởng Bộ Giáo dục lại không nắm được văn bản liên quan đến việc hệ trọng này. Đây là một việc làm mờ ám hay “phủ tay” trách nhiệm của người có quyền ban hành văn bản thay đổi chữ viết! Đồng thời cũng tố cáo thái độ vô trách nhiệm trong việc điều hành một công cuộc hệ trọng như thế này, như khi làm “thì lãnh đạo Bộ cũng chưa xem xét kỹ lưỡng và cũng không dám ra quyết định thay chữ viết...”. Thật là mâu thuẫn

khi ông Bộ trưởng này nói tiếp: “Bộ Giáo dục có văn bản sửa đổi lại những chỗ sai, chỗ không hợp lý trong chữ viết cải cách”. “Không dám ra quyết định thay chữ viết”, nhưng lại có văn bản “sửa đổi lại những chỗ sai, chỗ không hợp lý trong chữ viết cải cách” (!).

Còn một điều chúng tôi thấy cũng không thể không nói đến, đó là cái mẫu mã, cái bộ dạng của “chữ viết cải cách” nó như thế nào? Ai tạo ra chúng? Sao không thấy nói gì? Toàn bộ “công trình sáng tạo và vĩ đại” ấy bây giờ đang nằm ở đâu, sao không thấy có ai đủ can đảm đem ra cho toàn xã hội thẩm định, đánh giá? Sợ búa rìu của quần chúng nhân dân chăng? Nếu điều này đúng thì ít ra cũng cho nó một điểm an ủi, vì còn biết xấu hổ một khi đứa con tinh thần ấy có tật quái dị từ bẩm sinh, nghĩa là nó kết cấu từ những bộ não đầy trí tuệ, đầy sáng tạo trong hàng ngũ “trí thức” của nhà nước Việt Nam thời bấy giờ.

Nhưng những vị trong hàng ngũ này im tiếng thì đã có tiếng nói của một nhà giáo và hai nhà thơ trào phúng. Họ mô tả hình dáng “chữ viết cải cách” ấy.

“Cách đây đã lâu đến hai chục năm, ngành (giáo dục) chúng tôi có đề ra công cuộc cải cách giáo dục. Một chương trình có tầm cỡ quy mô rất to lớn, có hẳn một ủy ban do những người có cương vị rất cao đứng đầu và những vị giáo sư có tiếng tăm tham gia. Bàn đi tính lại, nghiên đi cứu lại mãi cũng hình thành một chương trình cải cách khá mới mẻ và độc đáo. Nó độc đáo bắt đầu từ chữ viết được cải cách, học sinh phải học lối viết toàn những que thẳng và móc nối. Hồi ấy người ta đọc rất nhiều tham luận đề ca ngợi về lối viết này, về lợi ích

của nó trước mắt cũng như lâu dài. Và hồi ấy, không ít phụ huynh học sinh phản đối và các nhà giáo chúng tôi cũng không tán thành. Nhưng đây là công trình nghiên cứu sáng tạo kéo dài bao năm nay của toàn những bậc trí giả cả nên dù có phản đối, các cháu vẫn cứ phải viết theo lối ấy. Càng ngày, lối viết mới này càng bộc lộ những thiếu sót nghiêm trọng của nó, chữ viết của học sinh chỉ có xấu đi, xấu đến phát sợ và không ổn định và người ta đành lại quay về với lối viết như xưa, lối viết đã được khẳng định hàng thế kỷ nay và cả thế giới chữ Latinh chấp nhận nó... Còn nội dung cải cách thì sao? Hình như các nhà cải cách của chúng tôi đang bối rối khi soạn đến những sách giáo khoa của cấp 2! Thật là một việc làm đại tùy tiện. Tại sao một cái Ủy ban gồm toàn những bậc trí lự cả lại thông qua lối viết chữ ấy để đến nỗi bây giờ dở dở dang dang. Và điều này còn lạ hơn, tại sao thay đổi hẳn lối viết chữ của cả dân tộc mà Quốc Hội, cơ quan quyền lực cao nhất, không hề được bàn cãi và thông qua”...(Theo Mai Ngũ, *Tuổi Trẻ Chủ nhật* ngày 24.4.1988)

Dưới con mắt các nhà thơ trào phúng, “chữ viết cải cách” được mô tả như sau:

...“Vì ai khiến chữ trò ghi như nòng nọc, như mì tôm,
như lưỡi móc, đợc thấy phát rầu

Bởi ai xui tập trò chép như cua bò, như bún ốc, như
cần câu, thấy mà thêm rách”

(Đình Ba, Câu lạc bộ Vui Cười,
phụ trang báo *Long An*, tháng 8.1988)

Còn Đồ Bì trên tờ *Tuổi Trẻ Cười* số 56 tháng 9-1988,
viết:

*“Tám năm cải cách chữ học sinh
Càng viết càng xem thấy bực mình
Cong như nòng nọc, ngang như móc
Số giống con lươn, đá giống chình
Ấy thế nhiều bà khen tiến bộ
Vậy mà lăm bác bảo văn minh
Đến nay mới nhận rằng sai bét
Trách nhiệm về ai, hướ các huynh?”*

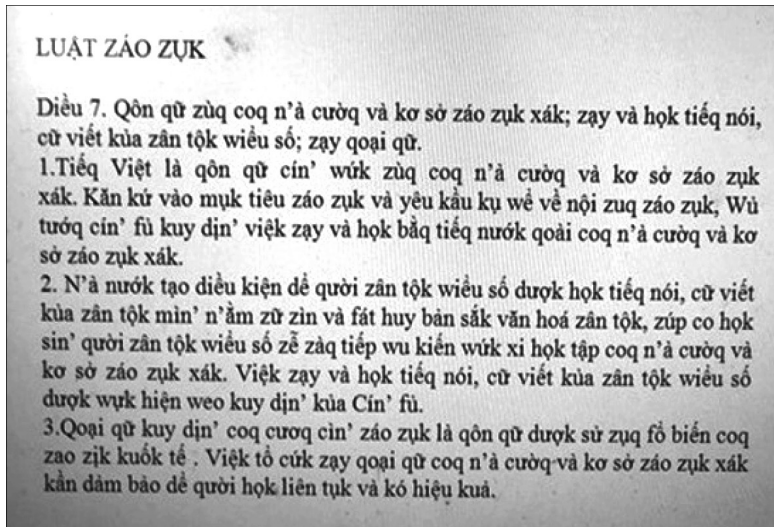
Còn trường hợp liên quan đến ông Bùi Hiến, Phó Giáo sư Tiến sĩ, đề nghị cải tiến chữ viết, dư luận trên báo mạng đã có ý kiến nhiều, phần đông là không chấp nhận đề nghị thay đổi chữ viết của ông Bùi Hiến.

Người trong ngành ngôn ngữ học có tiếng nói uy tín trong lãnh vực này là ông Trần Ngọc Thêm, GS.TSKH, Chủ tịch Hội đồng chức danh GS ngành Ngôn ngữ học, nhiệm kỳ 2014-2019, kiêm Giám đốc Trung tâm Văn hóa học Lý luận và Ứng dụng (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Tp.HCM). Ông Trần Ngọc Thêm đã trao đổi vấn đề này với báo *Phụ Nữ Việt Nam*, chúng tôi xin mượn một vài đoạn trong bài báo này. Ông Thêm đã khẳng định, một nhà quản lý dày dạn kinh nghiệm sẽ không bao giờ chấp nhận một đề xuất cải tiến chữ viết mang tính đảo lộn. (Báo *Phụ Nữ Việt Nam*, truy cập ngày 17.10.2022)

GS.TSKH Trần Ngọc Thêm tỏ ra không mấy bất ngờ trước đề xuất cải cách tiếng Việt của tác giả Bùi Hiến. Ông cho rằng, việc cải tiến chữ Quốc ngữ đã nói trong

hơn một thế kỷ nay rồi.

Với riêng đề xuất của ông Bùi Hiến, GS Trần Ngọc Thêm cho rằng, đây là một giải pháp rối rắm, không khả thi. Đây chỉ là ý kiến của cá nhân ông Hiến để giới khoa học xem xét và phần đông các nhà ngôn ngữ học cũng như các nhà quản lý giáo dục sẽ không đồng tình, chắc chắn nó sẽ không đi đến đâu.



Một minh họa về cải cách ngôn ngữ của tác giả Bùi Hiến

Sự bất hợp lý của đề xuất này chính là liên quan đến mâu thuẫn giữa một bên là tính biến động của ngôn ngữ với bên kia là tính ổn định của chữ viết. Ngôn ngữ vốn luôn luôn biến động, luôn luôn thay đổi, trong khi chữ viết thì đứng yên. Do vậy ngôn ngữ nào cũng có tình trạng bất hợp lý về chữ viết và cách phát âm, không riêng gì tiếng Việt. (Nguồn: Báo Phụ Nữ Việt Nam, ngày 17.10.2022)

Hơn nữa, chữ viết không chỉ thay đổi hàng ngày hàng giờ theo trục thời gian mà còn có sự khác biệt giữa các vùng miền theo trục không gian. Nếu người miền Bắc không phân biệt được “tr/ch/gi” thì người miền Nam lại phân biệt rất rõ. Do đó, nếu đề xuất này phù hợp với miền Bắc thì sẽ không phù hợp với miền Nam. Đặt vấn đề cải tiến chữ Quốc ngữ “dựa trên tiếng nói văn hóa của thủ đô Hà Nội cả về âm vị cơ bản lẫn 6 thanh điệu chuẩn” là thiếu tôn trọng các vùng miền khác.

“Sự phân biệt chính tả “tr/ch/gi” tưởng như rắc rối vô nghĩa nhưng sẽ giúp các cô giáo dạy học trò cách phân biệt được nghĩa của các từ ngữ, nguồn gốc của từ ngữ dễ dàng hơn. Ngay cả trong tiếng Bắc thì âm [za] trong “đa thịt” có ý nghĩa và nguồn gốc khác hẳn với [za] trong “gia đình”, và việc phân biệt bằng chữ viết sẽ giúp hiểu và nhớ điều này dễ hơn rất nhiều”-

Một điều được GS Trần Ngọc Thêm nhấn mạnh là tiếng Việt đã trở thành tài sản văn hóa của dân tộc. Hình hài chữ viết đi sâu vào tiềm thức của con người. Vì thế, về mặt văn hóa, bất kỳ một cách viết nào khác nếu được áp dụng sẽ gây khó chịu, gây phản cảm.

Trong tương lai không cần thiết phải có những cải tiến lớn, mang tính đảo lộn tiếng Việt. Quan điểm của GS Trần Ngọc Thêm rất rõ ràng là trong một số lĩnh vực thì sự đổi mới là cần thiết nhưng đối với một số lĩnh vực như chữ viết, tiền tệ, giáo dục... thì sự ổn định cần thiết hơn, bởi việc thay đổi một cách thiếu thận trọng thường dẫn đến những hậu quả rất tồi tệ.

Trong lĩnh vực tiền tệ, khi kinh tế lạm phát, việc đổi tiền (bỏ bớt đi các số không phía sau) là dễ dàng và

giúp giao dịch gọn gàng, nhưng sẽ gây nên tổn thất và rối loạn về nhiều mặt. Trong lĩnh vực giáo dục, việc cải cách liên miên cũng gây rối loạn cả về tinh thần, tổ chức, và tổn thất về kinh tế.

“Trong lĩnh vực chữ viết cũng hết như vậy. Hơn thế nữa, chữ viết đã trở thành một phần của văn hóa. Đó chính là lý do vì sao trong suốt hơn một thế kỷ không có một đề xuất cải tiến chữ Quốc ngữ nào được thực hiện. Đó cũng là lý do vì sao chữ Anh bất hợp lý hơn chữ Việt rất nhiều lần mà đến nay vẫn được tất cả các nước nói tiếng Anh tiếp tục duy trì”. (Nguồn: Báo *Phụ Nữ Việt Nam*, ngày 17.10.2022).

Hai sự việc liên quan đến Chữ Quốc Ngữ trên đây, theo chúng tôi là không bình thường. Bởi các chế độ do đảng Cộng sản cai trị, như ở Đông Âu, Liên Xô cũ, Trung Quốc và Việt Nam từ hơn 70 năm qua, tất cả đều muốn triệt tiêu tôn giáo cùng lúc với chế độ phong kiến. Chữ Quốc Ngữ vẫn được coi là “sản phẩm” của một vài “Cố đạo”, nên phải bị loại bỏ, như người ta đã liệt bỏ tượng Trương Vĩnh Ký ở nơi nào có tượng ông. Về sách cũng thế, cho đến bây giờ, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã viết cuốn *Petrus Ký, nổi oan thế kỷ* (1-2017), nhưng đã bị thu hồi khỏi các hiệu sách và bị cấm phát hành ở Việt Nam. Sách vốn được Cục Xuất bản cấp giấy phép với đầy đủ các thủ tục giấy tờ và được dự trữ ra mắt tại Đường Sách Sài Gòn vào sáng Chủ nhật 8/1/2017. “Thế nhưng buổi ra mắt sách này đã bị hủy theo “một chỉ thị miệng” và báo chí được tin nhận cảnh báo không đưa tin về cuốn sách này. (Wikipedia).

Nguyễn Đình Đầu là một nhà trí thức Công giáo,

nhập cuộc hoạt động chính trị theo khuynh hướng Cộng sản từ ngày đầu cho đến nay ước chừng cũng đã hơn 70 năm trường. Thế nhưng, chỉ vì ông nói lên “nỗi oan” của Petrus Ký, một hành vi hoàn toàn văn hóa của ông, mà cuốn sách này bị chối từ ra mắt công chúng Bến Nghé!

Chúng tôi viết cuốn *Những Nhà Thơ Công Giáo Việt Nam Hiện Nay*, cũng chỉ muốn nói lên một điều: trong lãnh vực thi ca, các nhà thơ đã biểu lộ tính cách ưu việt của Chữ Quốc Ngữ, với nhiều đề tài, nhiều khía cạnh về mặt đời cũng như về mặt đạo. Chúng tôi không khép kín là chỉ giới thiệu thơ đạo, bởi chung các nhà thơ Công giáo không thể quên mình sống “ở đời”, cần mang cả những vấn đề của con người thương đau và hạnh phúc về vĩnh cửu. Vì thế, trong số 23 tác giả có tên trong sách, đã có 2 người là bệnh nhân phong và người thứ ba thì “khiếm thị”. Còn những tác giả khác, gồm nhiều thành phần khác nhau, như: nhà báo, giáo viên, nhạc sĩ, họa sĩ, cựu quân nhân QLVNCH, một số sinh hoạt trong môi trường tôn giáo hay trong đời sống bình thường. Sách còn có mặt ba linh mục, một vị ở ngoài nước, một vị đã khuất và một vị hiện vẫn đang hoạt động tích cực trong đào tạo, sáng tác và xuất bản, ngoài công tác mục vụ chuyên biệt.

KHÁI TRIỆU

TIỂU SỬ KHẢI TRIỀU



Tên thật: Nguyễn Văn Tùy (cha mẹ đặt) sinh năm 1936, tại An Mỹ, Phú Xuyên, Hà Đông.

Còn có bút hiệu khác: Từ Đan Thanh, Antôn Triều, Nguyễn An Tôn.

Hồi ở nhà, học Trường Hoàng Nguyên, Trường Minh Tân, Hà Đông, Trường Dũng Lạc, Hà Nội. Năm 1954, di cư vào Sài Gòn, học Trường Trần Lục.

Năm 1960 công tác tại Tòa soạn Nhật Báo *Dân Việt, Dân Báo, Việt Báo* (1960-1964). Năm 1964-1965 dạy học tại Trung học Văn Hiến, TTK Tòa soạn *Việt Nam Nhật báo* (1964). Một trong bốn người điều hành Tạp chí *Quần Chúng* (Bộ mới, 1969-1970): Cao Thế Dung, Đỗ Đức Thịnh, Bùi Đức Uyên, Khải Triều. TTK Tuần báo *Diễn Đàn Chính Đảng* (1971), Phụ trách Tòa soạn *Nguyệt san Giáo Dục* (1969-1975). Viết cho *Nguyệt san Tinh Thần* thuộc Nha Tuyên Úy Công Giáo (1970-1975). Giám đốc Sinh hoạt Hội Văn Hóa Duy Linh (1971-1975).

Sau năm 1975, viết cho www.honnhoh.org thuộc Phong trào Hồn Nhỏ Việt Nam hải ngoại, Gia đình Nazareth, Việt Văn Mới-NewVietArt.com, T.Vấn & Bạnhữu.net

Đã theo học Chương trình hai năm Thần học Giáo dân, 6 Cường Để Sài Gòn, Lớp Gaudium-Spes - Khóa Đại Chung Viện (1970-1971).

Trước năm 1975, học Đại học Văn Khoa, Sài Gòn. Ban Triết Đông.

Tác phẩm:

1. *Người ôm mặt khóc*, thơ. Đại Nam Văn Hiến, 1963
2. *Tiếng hát khuyển trùng*, thơ. Đại Nam Văn Hiến, 1964
3. *Công Giáo Miền Nam Việt Nam* (Sau 30-4-1975, Cơ sở Dân Chúa xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1988, có Phép lành của ĐTC Gioan - Phaolô II)
4. *Thơ Trần Nguyên Anh: Tiếng kêu đau thương trong nền thi ca Việt Nam hậu bán thế kỷ XX*.

5. *Thơ Khải Triều*, Tuyển tập 1963 -2016. Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện (Hoa Kỳ)
6. *Mệnh nước nổi trôi* (Tâm bút, Tùy bút, Bút ký - Hồi ký). Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện, 2016. (Hoa Kỳ)
7. *Những người đồng hương*, Truyện. Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện, 2018.(Hoa Kỳ)
8. *Việt Nam Công Giáo trong những bối cảnh lịch sử của dân tộc* (1945-2020). Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện ấn bản điện tử 2021.
9. *Những nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện nay*- 2022
10. *Bước chân trở về*, 2022 (Tâm Bút - Viết về một làng quê Công giáo, Hà Nội sau 100 năm xây dựng nhà thờ và 60 năm thiết lập giáo xứ). In chung với Gia phả 5 chi tộc họ Nguyễn An Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội (Tập 2. Tập 1 in năm 2014)
11. *Bản thánh ca Requiem của tôi*, 2022 (Tùy bút)
12. *Năm cùng tháng tận* (Nhật ký cuối đời), từ 2014 -

MỤC LỤC

Những Nhà Thơ Công Giáo Việt Nam Hiện Nay KHẢI TRIỀU *giới thiệu* - 2022

LỜI MỞ	5
1. XUÂN LY BĂNG	11
2. BÙI ĐỨC DUNG	41
3. DZUY SƠN TUYỀN	55
4. HÀN LỆ THU	81
5. HUAN DUNG	91
6. HƯƠNG QUÊ	109
7. MẠC TƯỜNG	129
8. NGỌC TỰ	149
9. NGUYỄN QUỐC THÁI	169
10. NGUYỄN TÂM THƯỜNG	201
11. NGUYỄN THANH SANG	247
12. NGUYỄN VĂN THÀNH	263

13. NGUYỄN VĂN THỨC	287
14. PÊTRUS DƯƠNG KIM QUỶ	321
15. PHẠM THỊ THÁI QUÝ	343
16. THANH CHUÔNG	371
17. THIÊN DUY	383
18. TRĂNG THẬP TỰ	403
19. TRẦN MỘNG TÚ	445
20. TRẦN VẠN GIÃ	463
21. VĨNH AN	485
22. VŨ THẠCH NHIÊN	517
23. VŨ THỦY	537
“TÔI YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI”	551
Tiểu sử KHẢI TRIỀU	563
MỤC LỤC	566-567

The book cover features a decorative border of intricate, symmetrical floral and scrollwork patterns in a light gray color, framing the central text. The background is a light, textured gray.

KHÁI TRIỆU

NHỮNG
NHÀ THƠ
CÔNG GIÁO
VIỆT NAM
HIỆN NAY

Bìa và Trình bày:
NGÔ THANH TÙNG